

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 11 - THÁNG 4 NĂM 2007

Nội dung số này:

THÔNG điệp TỪ BIẾN LỚN (THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG SỐ 11) | 2 – *Vĩnh Hảo* • CHÚC BIỆT | 4 – thơ *Viên Linh* • QUAN NIỆM GIẢI THOÁT TRONG PHẬT GIÁO VÀ BÀ LA MÔN GIÁO | 5 – *Tâm Diệu* • PHẬT SỐNG TÂY TẠNG | 10 – *Pico Iyer* – *Thích Nguyên Tạng* dịch • LÒNG TRẦN, MÀU ĐỜI, NGỒ THIÊN | 13 – thơ *Letruc* • NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐIỀU TÂM (HAY PHẬT TÁNH) | 14 – *Tâm Minh* • TỪ THỀM HOANG VU, HỌA, NHỊP TRỐNG | 17 – thơ *Lê Trùng Dương* • HÒA THUỞNG TẮNG THỐNG CAMPUCHIA: MAHA GHOSANANDA VỚI NHỮNG HOẠT ĐỘNG VÌ HÒA BÌNH | 18 – *Thích Nguyên Tạng* dịch • BÊN DÒNG ĐỜI CŨ | 19 – thơ *Đặng Tâm* • CHÁNH NIỆM VÀ NIẾT BÀN | 20 – *Maha Thera Ghosananda, Bình Anson* dịch • CHỨA MỘT NỬA CHO EM VỀ GÓI MỘNG | 21 – *Tuệ Tâm* • THIỀN ĐỊNH: PHƯƠNG THUỐC TÂN TIẾN GIÚP CƠ THỂ THÍCH ỨNG VỚI TRẠNG THÁI TOÀN CẦU HÓA | 22 – *Bs Thierry Janssen, Hoàng Phong* dịch • HOÀI NIỆM VỀ MỘT GÓC SÂN CHÙA LINH QUANG, HƯƠNG NGỌC LAN | 27 – thơ *Trần Huy Sao* • NGUYỄN DU VÀ ĐẠO PHẬT | 28 – *Doãn Quốc Sỹ* • THƠ BUỒN XIN GỬI BỤI TRO BAY | 34 – thơ *Trần Văn Lệ* • GÓP Ý VỚI ÔNG VVK VỀ HÒA GIẢI DÂN TỘC VÀ KHÉP LẠI QUÁ KHỨ | 35 – *Trần Trung Đạo* • ĐÀN TRÀNG GIẢI OAN – NHÌN DƯỚI KHÓA CẠNH TÂM LÝ DÂN TỘC VÀ TÂM LÝ TRỊ LIỆU | 40 – *Trần Kiêm Đoàn* • TUYÊN NGÔN CỦA NHỮNG SIÊU SAO, BÓNG, VÔ THANH... | 45 – thơ *Nguyễn Thị Thanh Bình* • THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH | 48 – truyện ngắn *Phan Tấn Hải* • NHÌN THẤY LAI MÌNH | 52 – thơ *Đức Hạnh* • MỘT TƯỢNG | 53 – truyện ngắn *Ngô Nguyên Dũng* • SÀI GÒN KHI TRỞ LẠI | 56 – thơ *Phan Thị Ngôn Ngừ* • ĐỌC THƠ CAO TẦN | 57 – *Vĩnh Hảo* • LẠC LOÀI, TRI TỨC, TRI NHÂN... | 60 – thơ *Đặng thị Quế Phụng* • BANG CHỦ TÍ HON | 61 – truyện ngắn *Quảng Diệu Trần Bảo Toàn* • BÀI TÂM CA VÔ NIỆM | 63 – thơ *Phan Bá Thụy Dương* • ƯỚC NGUYỆN | 64 – truyện ngắn *Chiêu Hoàng* • TÔI, MÙA HÈ VÀ RUỒI | 66 – thơ *Phan Nhiên Hạo* • TU BỤI | 76 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 77 • CÁC THÔNG BÁO... | 89



Chủ nhiệm / Chủ bút: **VĨNH HẢO** • Thư ký: **QUẢNG PHÁP** • Trị sự: **NGUYỄN THANH HUY**

Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA

Telephone: **(714) 623-4285**

E-mail: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ” yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.



THÔNGIỆP TỪ BIỂN LỚN

(THƯ SỐ 11 CỦA NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

Vĩnh Hảo

Từ bãi đậu xe bước lên thêm dành cho người đi bộ, người ta vẫn chưa thấy được biển. Phải leo một con dốc thoai thoải với những bụi hoa vàng vươn cao khỏi đầu, dẫn đến một vọng hải đài lộ thiên; từ nơi đây, nhãn quan mới bất chợt mở bừng trước một đại dương xanh thẳm, mênh mông, tráng lệ.

Từng đàn hải âu tung cánh bay lượn trong vũ khúc miên trường của sóng nước và gió lồng thênh thang. Triền núi lởm chởm đá, đổ dài xuống tận bãi cát lao xao bọt nước trắng. Rải rác đâu đó vẫn còn dấu vết của những dòng dung nham đen kịt đóng thành nhiều tầng lớp, tưởng chừng như những trang giấy dày của cuốn huyền sử đất trời bị thiêu hủy bởi tạo hóa từ hàng triệu triệu năm trước.

Đây là biển. Đây là nước. Biển phương tây nổi biển phương đông. Bên này bên kia nhìn nhau không thấy bến bờ, nhưng nước thẳm mênh mông chỉ là một.

Xa hút bên kia, xuyên qua trùng trùng sóng xanh và mây trắng, là quê mẹ. Nơi đó, sau hơn ba mươi năm, đã nhiều đổi thay. Người ta nói vậy. Tất nhiên là phải vậy. Vạn vật và lòng người thay đổi trong từng giây phút, từng sát-na, không lẽ hơn ba mươi năm mà chẳng gì đổi thay? Không gì đổi thay mới là chuyện lạ, và chuyện lạ

như thế là điều không thể chấp nhận được. Nhưng mà đổi thay theo chiều hướng nào? Xu hướng văn minh tiến bộ của nhân loại dù nhanh hay chậm thế nào, dù vận dụng chủ thuyết, chủ trương, ý thức hệ nào, tất cũng phải nhắm đến mục đích tối hậu là mang lại hạnh phúc thực sự cho con người, cho xứ sở, cho toàn hành tinh. Hạnh phúc ấy, qua kinh nghiệm dài lâu của lịch sử loài người, đã cho thấy rằng không nhất thiết phải là sự sung túc, tiện nghi của vật chất hay kỹ thuật. Trái lại là đằng khác. Có nghĩa rằng đời sống con người, càng đơn giản chừng nào, càng dễ có hạnh phúc chừng nấy. Nhận thức này xem ra có vẻ đi ngược với “xu thế thời đại”, khi mà hầu hết con người đều hăm hở chạy đua với thời gian, tiền bạc và kỹ thuật tân tiến. Nhưng kỹ thuật tân tiến chẳng qua cũng chỉ là cách để có nhiều thời gian hơn bằng cách rút ngắn nó lại: trong một khoảng thời gian nhỏ, có thể làm được nhiều việc hơn; nhiều việc hơn có nghĩa là tăng thêm cơ hội cho sự hưởng thụ tiện nghi, cũng có nghĩa là tạo thêm nhiều tiền bạc và tài sản. Bằng phương cách ấy, con người lần quần trong nỗ lực vừa tạo tác vật chất vừa nô lệ vật chất, vừa tạo tác thời gian vừa nô lệ thời gian. Xét cho cùng, con người chỉ tự trói mình trong trùng vây của ràng buộc, phiền não, để làm những kẻ nô

dịch suốt kiếp cho vật chất và thời gian.

Hạnh phúc không phải là làm được thật nhiều việc trong một thời gian rất ngắn. Hạnh phúc chính là không cần phải làm gì cả, vô tư vô lự, trong một thời gian rất dài.

Hạnh phúc không phải là có thể sở hữu được rất nhiều thứ, thu gom vơ vét tài sản, vật dụng và tiền bạc đầy đầy chung quanh mình. Hạnh phúc chính là buông xả tất cả, không còn vướng bận vào bất cứ thứ gì.

Hạnh phúc ấy, nhìn ở mặt chính trị, xã hội, thì đó là tự do; nhìn ở phương diện tâm linh, tôn giáo, thì đó là giải thoát.

Trời cao, biển rộng, sở dĩ đẹp là do ở chỗ bao la bát ngát, không bờ không bến. Không ai trong cuộc đời mà không bị mê hoặc bởi vẻ vô cùng vô tận của trời và biển. Nhưng trời thì xa quá, không chạm đến được, còn biển thì nơi đây, gần gũi, sinh động, chân có thể dẫm lên, tay có thể sờ đến, và thân có thể hụp lặn trong đó. Người ta có nhiều kinh nghiệm, kỷ niệm từ biển, và học từ biển rộng nhiều hơn là trời cao. Hình ảnh của biển được dùng rất nhiều để làm ẩn dụ trong văn chương, trong kinh điển: *Đại dương thống khổ. Biển lớn sinh-tử...*

Và có một số người được sinh ra từ biển không thể không nói tới. Những người này, già trẻ lớn bé, có kẻ già trên tám mươi, có kẻ chỉ là hài nhi còn trong bụng mẹ. Đã một lúc nào đó, họ lần lượt xuống thuyền, ra biển, bỏ lại tất cả sau lưng. Gia đình, bạn bè thân thuộc, tài sản, đất đai, làng xóm, chùa chiền, nhà thờ, đình miếu, ngôi trường cũ, kỷ niệm, kỷ vật, và trên tất cả những thứ ấy: quê hương. Lênh đênh trên biển lớn nhiều ngày để tìm một bến bờ tự do. Tay không tác sắt, đã không thể tìm được tự do và hạnh phúc nơi chính quê hương của mình dưới một chính thể hà khắc, họ phải gom tài sản tiền bạc để mua một chuyến đi. Lại gom cả sinh mệnh của mình để đánh đổi tự do. Trong đại dương thống khổ ấy, trong biển lớn sinh-tử ấy, nhiều người, rất nhiều người trong số họ, đã bị cướp bóc, hãm hiếp, giết hại, bởi chính nhân viên công lực của đất nước mình cũng như của hải tặc các nước láng giềng, hoặc bị ép bức làm nô lệ tình dục suốt kiếp ở một nơi chốn xa lạ nào đó; nhiều người chết đói chết khát; nhiều người bị bão lớn, sóng to nhận chìm. Lượng máu và nước mắt của họ không sánh được như nước đại dương, nhưng mặn và đau xót hơn rất nhiều.

Những kẻ may mắn sống còn, trôi giạt đến bờ biển của những nước láng giềng, lam lũ, tiểu tụy, vật vờ như những hồn ma bóng quế lạc về từ địa ngục. Đặt chân trên vùng đất mới, họ lập tức được người nước ngoài tiếp cứu bằng lòng nhân đạo, mở vòng tay để chào đón như là thành viên mới của xứ sở tự do, mà đồng lúc cũng bị chính quyền trong nước kết án như những kẻ phản bội tổ quốc và quê hương. Bắt đầu từ đây, với hai bàn tay

trắng, họ làm lại cuộc đời. Cuộc đời cũ, cuộc đời mới, được chấm dứt và khởi đầu từ biển lớn. Thế nên, lòng không thể không lớn, tình không thể không bao la. Hơn ba mươi năm vật lộn với cuộc sống, từ việc học hành cho đến nghề nghiệp, họ đã trải qua cú sốc văn hóa, tâm lý chao đảo, vượt bao gian khó, khổ nhọc, đắng cay, để từ hai bàn tay không, dựng nên sự nghiệp hiển hách của cá nhân, gia đình, và một cộng đồng lớn mạnh.

Người ta nói họ phản quốc, phản dân tộc nhưng kỳ thực chính họ lại là những người yêu nước, yêu dân nồng nàn nhất. Ngày đêm canh cánh nhớ nước thương nòi. Tháng năm học hành và làm việc để ổn định đời sống mà lòng nào nguôi trước khổ nạn của quê hương. Từ kẻ thành danh giàu có cho đến người già nua yếu kém nhận trợ cấp hàng tháng của chính phủ, lúc nào cũng sẵn dành một phần tiền, một phần quà gửi về quê hương. Từ thiên tai cho đến tai họa gây nên bởi những kẻ bạo ngược vô tình, những người sinh ra từ biển lúc nào cũng tiên phong, mau mắn nhất để dang tay cứu giúp cho nạn nhân quê nhà.

Người ta nói họ là những người đầy căm thù, cực đoan, nhưng kỳ thực họ là những người rất mực từ bi hy xả. Họ không vì một thiểu số cầm quyền mà bỏ quên hàng triệu người dân thống khổ. Họ không vì một tập đoàn tham nhũng, hối lộ, thối nát, mà bỏ mặc đồng bào trước những nỗi nguy nan. Ở nơi chốn tự do sung túc hà tất phải bận lòng thù ghét những ai! Chẳng qua là vì thương dân thương nước mà bất bình với những sai trái của tập đoàn tham ô. Biển có khi im lặng như tờ, nhưng cũng có lúc thịnh nộ dương oai. Không phải im là nhu nhược hèn yếu; không phải thịnh nộ là căm thù, bạo động. Chỉ là im lặng để lắng nghe, thấu suốt, và lên tiếng là để nói cái khát vọng tự do hạnh phúc của sinh dân.

Sinh từ biển lớn, họ có tấm lòng bao dung như biển: đã từng tha thứ những kẻ đầy ải, giam cầm, hành hạ, bóc lột mình, luôn nghĩ đến nỗi đói khổ của đồng bào và luôn sẵn sàng đem tài sức mình để xây dựng quê hương. Họ đã tìm thấy tự do, nhưng ước vọng tự do cho kẻ khác vẫn chưa nguôi. Họ tiếp tục nhẫn nại, chờ đợi sự hồi đầu hướng thiện của những kẻ xấu-ác. Đó là lòng nhân, là trí tuệ, mà cũng là sức mạnh của họ.

Họ, những bé sơ sinh năm ấy bây giờ đã trở thành những bậc cha mẹ của những bé sơ sinh thế hệ mới; những thanh niên nhiệt huyết can trường năm ấy, bây giờ đã đứng trước thêm lão niên. Nhiều người trong số họ đã ra người thiên cổ. Nhưng biển lớn hãy còn đó. Mênh mông, không cùng, không tận.

Từ biển lớn, gửi thông điệp nhân từ, trí tuệ và nhẫn nại về đất mẹ quê cha.

Laguna Beach, California, ngày 01 tháng 4, 2007.

Thơ

VIÊN LINH

Chúc Biệt

Trăm năm thôi nhé em về
Từ đây tản hải chia lìa nhớ thương.
Lên cao, con nước làm nguồn
Xuống sâu làm bể, trăm đường làm mưa.

Khóc em mù ngọn suối mơ
Lầm than kinh rạch, sững sờ đò ngang
Thương em đồ dọc muôn màng
Xôn xao bờ bãi, bể bàng hồ ao.

Tiếc em, ngầu đục sông đào
Ngát kêu đầu thác, ào ào thủy ba
Thở than xanh ngọn ngân hà
Nỉ non giọt nước mái nhà cuối hiên.

Rằng xưa em vốn mẹ hiền
Nuôi con giòng sữa triền miên tháng ngày
Yêu chồng son sắt không phai
Quần quanh tổ ấm, miệt mài đáng thu.

Yêu sông núi, hận quân thù
Đưa con ra trận, phục mô vô danh
Yêu ai gây mộng tan tành
Yêu quê đói kém, yêu thành lầm than.

Giận người nham hiểm gian ngoan
Thương người chất phác lỗ làng tấm thân
Khóc em, trời nhỏ mưa dầm
Sương sa liễu rủ, ảm ảm bão giông.

Đưa em, nước cuốn lấy rồng
Bình minh trời mọc cầu vồng tiễn em
Trăm năm thôi nhé đôi miền
Hải triều đi mãi, đất liền lùi xa.

Đèn soi có ngọn Đồng Đăng
Cùng nàng Tô thị trăm năm đợi chồng.
Thủy Tinh sâu hận trong lòng
Khối tình đã mất biển Đông còn thù.
Sợ ma, em lánh Thần Phù
Hận xưa Mã Viện cuốn cờ, lật ghe.
Ngủ đi em, dưới Thủy Tề
Yên vui em ngủ tiếc gì nhân gian.

Trăm năm thôi nhé lìa tan
Hơi thu thổi lạnh sông vàng đầu hùi
Nhớ em đỏ rực ráng chiều
Âm u lòng bạn, tiêu điều người xa.

Từ đây đáy biển là nhà
Chúc em một giấc yên hà bình an.

(Thủy Mộ Quan)



QUAN NIỆM GIẢI THOÁT TRONG PHẬT GIÁO VÀ BÀ LA MÔN GIÁO

Tâm Diệu

Có một số Phật tử cho rằng khi con người đạt tới giải thoát là lúc họ trở về với bản thể chân tâm tuyệt đối, hoà đồng vào bản thể của vũ trụ vô biên trong một trạng thái hằng hữu vĩnh cửu.

Nhận định trên đã được dẫn xuất từ nguồn tư tưởng Bà La Môn và từ những nhận xét sai lầm về Phật giáo. Cho nên, để có một cái nhìn rõ ràng hơn về đạo giải thoát của đức Phật, chúng tôi viết bài tiểu luận này nhằm nêu lên sự khác biệt giữa quan niệm giải thoát của Phật giáo và của Bà La Môn giáo. Bài viết được dựa phần lớn vào những tư liệu hiện có, vào kinh điển của Phật giáo và Bà La Môn giáo đang lưu truyền.

Chúng tôi cũng xin minh xác là bài tiểu luận này không nhằm mục tiêu so sánh giáo lý nhà Phật và tư tưởng Bà La Môn để phân định đúng, sai, hay, dở. Chúng ta không thể nào so sánh, hay nói khác đi, lấy một nền giáo lý làm chuẩn để phê bình một giáo lý khác, vì từ nội dung giáo lý cho tới đường lối tu tập, tức các phương pháp thực hành, mỗi tôn giáo đều có những điểm cá biệt. Chúng tôi chỉ nêu ra sự khác nhau căn bản về mục tiêu của hai nền đạo học, Phật giáo và Bà La Môn giáo mà thôi.

Nhìn chung, cả hai nguồn tư tưởng đều cho rằng cuộc đời này là giả tạm và chúng sinh cứ phải sống trong đau khổ vì lòng tham dục vô bờ bến. Dục có nghĩa là thèm khát, ham muốn và đam mê, bắt nguồn từ vô minh, khiến con người tự mình trói buộc với những xung đột và khổ đau do không bao giờ thoả mãn, nên phải luân hồi triền miên trong vòng sinh tử. Nếu muốn, con người có thể tu tập để đi đến chỗ giải thoát khỏi vòng luân hồi nghiệp báo, mà vào một nơi nào đó không sinh không diệt, đời đời không có đau khổ mà chỉ có an lạc. Nơi đó, Bà La Môn giáo gọi là Brahman tức là Đại Ngã; Phật giáo tạm gọi là Niết Bàn, là Chân Như.

Trước khi bàn về quan niệm giải thoát của Bà La Môn giáo và của Phật Giáo, thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về Bà La Môn giáo.

Tư tưởng Bà La Môn bắt nguồn từ kinh Vedas (Vê

Đà) và Upanishad (Áo Nghĩa Thư), mà chủ yếu là sự đồng nhất giữa linh hồn cá nhân Atman với linh hồn tối cao vũ trụ Brahman, tức quan niệm “*vạn vật đồng nhất thể*” hay còn gọi là Bất Nhị, tức là không có hai, có nghĩa là Tiểu Ngã (Atman) hay linh hồn của mỗi chúng sinh đều cùng chung một bản thể đồng nhất với linh hồn Đại Ngã (Brahman) hay linh hồn vũ trụ.

Brahman là linh hồn vũ trụ, là Bản Ngã tối cao, là thực thể tuyệt đối, duy nhất, đầu tiên và bất diệt, sáng tạo và chi phối vạn vật, tức là “*cái bản chất sâu xa của mọi sự tồn tại, là nguồn gốc sinh ra mọi cái và mọi cái nhập vào, hoà vào khi chấm dứt sự tồn tại ở thế giới này.*” [1]

Còn Atman (Tiểu Ngã hay Tự Ngã) là một thực thể nội tại, là linh hồn trong mỗi cá nhân. Hơi thở con người là nguồn sống vật chất thì Atman là linh hồn, là nguồn sống tâm linh. Atman là thực thể làm cho con người vượt lên trên vạn vật. Có thể nói Atman là thành phần của Brahman trong con người. Brahman là cái ngã vũ trụ đại đồng, còn Atman là cái ngã cá nhân.

Để giải thoát cho linh hồn, khiến nó khỏi phải chịu sự đau khổ kiếp này đến kiếp khác ở thế giới này, con người, theo tư tưởng Bà La Môn, cần phải dốc lòng tu luyện, suy tư, thiền định Yoga và thực hành tế lễ để đưa linh hồn trở về với bản thể vũ trụ tuyệt đối, hoà nhập với “*Linh hồn vũ trụ tối cao*” Brahman.

Đối với Phật Giáo, con người có thể giải thoát khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi bằng các nỗ lực tu tập tự thân: làm lành, tránh ác và tự thanh tịnh hóa tâm ý. Bốn chân lý nền tảng của Phật giáo cho rằng mọi khổ đau (Khổ đế) của chúng sinh đều có một hay nhiều nguyên nhân (Tập đế) gây nên, chúng có thể bị giải trừ (Diệt đế) và có con đường để giải trừ khổ đau đó (Đạo đế). Con đường đó chính là con đường giải thoát, là Bát Chánh Đạo trong giáo lý căn bản của nhà Phật. Giáo lý này được qui thành ba bộ môn: Giới, Định và Tuệ. Thực hành Giới và Định là đưa tới trí Tuệ, là giải thoát khỏi sự mê muội, lòng ích kỷ và khổ đau, là đạt tới cảnh giới Niết Bàn.

Vậy Niết Bàn là gì?

Trong giáo pháp được cho là nguyên thủy, thì ý nghĩa của giải thoát là diệt trừ tham, sân, si; đoạn tận phiền não, để chấm dứt khổ đau như trong kinh Tập A Hàm 38 nói rằng: “*Sự tận diệt tánh tham, sự tận diệt tánh sân và sự tận diệt tánh si là Niết Bàn.*”

Tận diệt Tham, tận diệt Sân, tận diệt Si là hoàn tất chu kỳ tu hành để thực chứng Vô Ngã. Như thế, theo quan điểm của Phật giáo Nguyên Thủy, “*Vô ngã là Niết Bàn*”.

Bước qua Đại Thừa, giáo pháp ấy không hoàn toàn bị phủ nhận. Nhưng theo lập trường của hệ tư tưởng Bát Nhã, thì khi hành giả thức tỉnh khỏi cơn mê vọng, sẽ thực chứng *Tánh Không*, là cảnh giới hoàn toàn giải thoát, linh động, cảnh giới của Chân Không Diệu Hữu. Cảnh giới này không thể dùng ngôn từ để xác định, chỉ có thể dùng lời phủ định, không nằm trong bốn phạm trù “*Có, Không, Cũng Có Cũng Không, Chẳng Có Chẳng Không*”, vượt ra ngoài mọi giới hạn của tư tưởng, ngôn ngữ trong thế giới hiện tượng tương đối này, không lệ thuộc vào bất cứ một hình thức, quan điểm nào, bất kể là Đại Ngã hay Tiểu Ngã.

Đây là điểm hệ trọng hoàn toàn khác biệt giữa Phật giáo và giáo lý Bà La Môn, đó là Phật giáo phủ nhận cả Tiểu Ngã (cái tôi của mỗi người) và Đại Ngã. Sự phủ nhận đó được thể hiện trong chính câu nói của đức Thích Ca nói với các đệ tử của Ngài nhằm phản bác niềm tin về Ngã và Đại Ngã trong tư tưởng Bà La Môn:

- “*Hỡi các Tỳ Kheo, khi mà Ngã hay bất cứ cái gì thuộc về Ngã không có, thì quan điểm tư duy này: Vũ trụ là linh hồn, ta sẽ là linh hồn sau khi chết, sẽ trường cửu, tồn tại, vĩnh viễn bất biến, và ta sẽ hiện hữu như thế cho đến vô tận thời gian - quan điểm ấy có phải là hoàn toàn điên rồ chẳng?*” [02].

Ngoài ra, trong kinh *Pháp Cú (Dhammapada)* có ba câu vô cùng quan trọng và cốt yếu trong giáo lý Đức Phật, đây là những câu kệ số 277, 278, 279. Hai câu kệ đầu nói:

“*Hết thấy các hành là vô thường và khổ đau.*”

Câu thứ ba là:

“*Hết thấy các Pháp là vô ngã.*” [03]

Tất cả các Pháp là vô ngã, nghĩa là không có pháp nào là có bản thể độc lập, không đứng riêng lẻ một mình, mà là do nhân và duyên hợp lại. Chúng không có tự thể, mà cũng không do một đấng sáng tạo nào muốn tạo là có, muốn hủy là diệt. Cuộc đối thoại giữa Tỳ kheo Na Tiên và vua Milinda trong Kinh Na Tiên Tỳ Kheo [04] đã minh chứng điều này. Cái ta (ngã) là gì? Chỉ ra không được. Cái ta không phải năm căn, sáu thức, không phải đầu tóc, không phải bộ óc, không phải tim, gan, phổi, phèo, không phải tư tưởng, không phải tâm ý, mà cũng không phải là những thứ gì ngoài năm căn, sáu thức,

cũng không phải cái tên do cha mẹ đặt cho. Tất cả chỉ là những yếu tố vật chất và tinh thần hợp lại tạo thành một cái tạm gọi là cái “Ta”. Cái Ta này không thật, nó chỉ là giả hợp, vô thường, không thường hằng bất biến, vì khi thiếu những điều kiện để tạo thành thì cái Ta tan rã, không còn gì cả.

Cuộc sống là một dòng chảy vô tận. Tất cả mọi sự mọi vật đều biến chuyển như dòng thác đổ, không phút nào ngừng nghỉ. Không có một cái gì độc lập, cố định, đứng yên và vĩnh hằng, ngay cả trong ý niệm tự ngã. Mọi hiện tượng trong đời sống đều tương sinh, tương duyên với nhau.

Kinh A-hàm và Tăng Chi Bộ kinh nói các pháp do duyên hợp:

- “*cái này có nên cái kia có,*
- *cái này sanh nên cái kia sanh,*
- *cái này diệt nên cái kia diệt, v. v...*” [05]

đều là lý nhân duyên tương quan giữa cái này với cái kia.

Theo đó, đạo Phật cho rằng không có bất cứ một vật nào được tự tạo ra, hình thành độc lập và duy nhất, mà chúng phải nhờ vào cái khác để được tồn tại, không có cái gì mà từ một nguyên nhân ban đầu sinh ra cả, nó tồn tại với sự tồn tại của các cái khác (các pháp). Dù đức Phật có xuất hiện nơi đời hay không thì sự thực ấy vẫn luôn tồn tại. Nghĩa là đức Phật không tạo nên nó, làm ra nó, sinh ra nó v.v... Ngài chỉ là người nhận ra nó: “*Pháp Duyên khởi ấy, dù Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tính ấy, pháp quyết định tánh ấy.*” Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng đạt định lý ấy.”

Nói một cách khác. Tất cả vạn sự, vạn vật chỉ là sự kết hợp của sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Năm uẩn này luôn luôn biến chuyển theo nhân duyên, nhân quả. Cái Ta (ngã) của con người cũng chỉ là một sự tổ hợp của ngũ âm tứ đại, được hình thành từ các giác quan, do các duyên hòa hợp mà có, đủ điều kiện thì sinh, hết duyên thì diệt, có rồi không, không rồi có, luôn luôn thay đổi biến chuyển, vô thường, và vì thế, nó vô ngã. Cũng như cái mà người ta thường gọi là linh hồn cũng không có tính chất trường cửu bất diệt.

Như thế Phật Giáo đã mặc nhiên phủ nhận thuyết nhất nguyên thần quyền, phủ nhận cái Ngã bất biến trường tồn, phủ nhận cái “duy nhất” và cái “có trước tiên” Brahman, mà chủ trương hết thấy đều do nhân duyên hòa hợp mà biến hiện. Đây là điểm khác biệt độc đáo giữa giáo lý Vô Ngã của Phật, với giáo lý Ngã của kinh Vệ Đà và Áo Nghĩa Thư. Một đấng chủ trương Ngã, một đấng chủ trương hết thấy các pháp là Vô Ngã, và cho rằng phải phá Chấp Ngã, vì chấp ngã là nguồn gốc sinh ra vô minh, mà vô minh là đầu mối của luân hồi

sinh tử và khổ đau của con người.

Con người, theo Phật giáo, muốn được giải thoát cần phải phá Chấp Ngã bằng cách thực hành. Đạo Phật là con đường trí tuệ của nhận thức Vô Ngã và thực hành Vô Ngã. Thực hành bằng cách thiền định để chân không hoá ý thức. Trong kinh *Trung Bộ* (*Majjhima Nikaya III*) đức Phật dạy các đệ tử của Ngài cách thực hành phá Ngã bằng phương pháp chân không hoá ý thức một cách từ từ. Phải, đạo Phật là đạo thực hành, nếu con người muốn giải thoát ra khỏi luân hồi khổ đau, thì phải triệt để phá chấp, phá chấp Tiểu Ngã cũng như phá luân cả thành trì cuối cùng mà Bà La Môn Giáo gọi là Đại Ngã, hay gọi là cái gì đi nữa và cuối cùng phải “*phá luôn cả cái ý niệm phước*” đó nữa. Hòa Thượng Thích Minh Châu, trong một bài diễn giảng tại Viện Đại Học Vạn Hạnh cho rằng “*Khi đức Phật mở ra con đường giải thoát bằng việc phá chấp, phá bỏ tất cả mọi cố chấp và phá bỏ ngay việc cố chấp vào chính đạo Phật, đức Phật chỉ muốn cho con người ý thức tới hậu rằng chính Thực Tại hay Thực Thể cũng là biểu tượng cuối cùng mà con người phải phá huỷ, để được giải phóng toàn triệt.*” [06]

Trong môi trường biện biệt phân tranh của xã hội Ấn ở những thế kỷ đầu Công nguyên, kẻ nói có, người nói không, kẻ nói vừa có lẫn vừa không, kẻ nói chẳng có lại chẳng không; riêng Bà La Môn giáo đưa ra sáu mươi hai luận chấp về Ngã và Ngã Sở nhằm bảo hộ Ngã Tính của mình. Bồ Tát Long Thọ đã tuyên bố: “**Nhất thiết pháp Không**” tức “**Hết thấy các pháp là Không**” bằng tám cái Không [07], nhằm phá huỷ tất cả kiến chấp sai lầm hay mọi định kiến về có, không, sinh, diệt, v.v... “Không” ở đây không có nghĩa là “không có” theo sự hiểu biết thông thường bởi tâm thức và giác quan con người hay là “hư vô” theo cái gọi là hư vô chủ nghĩa, mà là “không có thật như ta đã nhận thức”. Không ở đây tượng trưng cho một cái gì không phải là có, cũng không phải là không. “*Long Thọ và môn phái của ông đã xây dựng hệ thống Trung Quán Luận trên chân không (sunyata). Chân Không đây là Trung Đạo, nó không đưa tới có hay không, không đưa tới chấp nhận hay phủ nhận. Trung đạo ở đây không phải loại trung đạo theo nghĩa là ở ngoài hai cực đoan. Trung Đạo trong Trung Quán Luận là con đường không về đâu cả, một con đường không phải con đường, một con đường huỷ diệt mọi con đường, “via negativa”, con đường tự huỷ diệt...*” [08]

Theo quan điểm Bát Nhã, Tánh Không là thể tánh của tất cả các pháp. Thể tánh của tất cả các pháp là không, do duyên hợp nên sanh ra muôn pháp. Vì vậy nói Tánh Không duyên khởi. Do đó, Vô Ngã cũng là duyên khởi (vô ngã là duyên khởi biểu thị ở mặt hiện tượng và duyên khởi là vô ngã biểu thị ở mặt thể tánh ví như sóng

biển là hiện thân của nước và nước là thể tánh của sóng).

Điểm thiết yếu trong nền triết học Tánh Không của Bồ Tát Long Thọ là muốn minh giải về Bản Thể tuyệt đối, điều mà xưa kia Phật ít muốn giải bày. “*Việc triển khai giáo lý của phái Đại Thừa có lẽ cũng không trái với ý muốn của đức Thích Ca, vì ở thời đức Thích Ca, dân trí còn thấp kém, nên có lẽ đức Thích Ca đã không muốn lý giải những vấn đề siêu hình. Tới thế kỷ thứ nhất sau tây lịch, dân trí đã mở mang hơn, lại thêm các tông phái Bà La Môn đều nảy nở, nên giáo lý Phật cần phải triển khai mới có thể tồn tại được...*” [09]

Ngoài ra, việc minh giải của Bồ Tát Long Thọ cũng không ngoài quan điểm chính thống của đức Phật Thích Ca từng nhấn mạnh về con đường trung đạo và nguyên lý Duyên Khởi. Ngài Long Thọ cho rằng tất cả các pháp trên thế gian này đều nương tựa lẫn vào nhau để mà sinh khởi. Ngài nói rằng:

- “*Chính vì bản chất của các pháp là đều do duyên khởi, nên tôi nói là Không, là Giả Danh và cũng là Trung Đạo*” [10].

Về Bản thể tuyệt đối, Bồ Tát Long Thọ nói rằng không thể lý giải theo những quan niệm của thế gian được vì nó là bất khả thuyết bởi ngôn ngữ. Nó ở ngoài phạm trù tứ cú [11] của thế gian, nên chỉ tạm gọi là Chân Không. Chân Không cũng còn được gọi là Niết Bàn, là Chân Như Phật Tánh, là Như Lai Tạng...

Trong khi Tiểu Ngã của Bà La Môn Giáo tìm cách giải thoát bằng cách hoà đồng vào vũ trụ vô biên của Đại Ngã, thì người Phật giáo giải thoát bằng cách thực hành thiền định vô niệm qua nhiều pháp phương tiện khác nhau, nhằm chân không hoá tất cả mọi ý niệm, mọi tư tưởng, bao gồm cả tư tưởng Chấp Ngã và đam mê, để đạt Chân Không, để tâm vô niệm, trong đó không còn có phân biệt chủ thể với khách thể, không còn có ý thức với vô thức, không còn có hữu hay vô, mà chỉ còn là tuyệt đối Chân Không.

Đối với Phật Giáo, tất cả những ý niệm chủ-khách, sắc-không, niết bàn-sinh tử, hữu-vô, nhị nguyên-nhất nguyên, thường-đoạn, đều chỉ là những vọng chấp đối đãi. Trong sự giải thoát này ý niệm “*hoà đồng*” hay “*hoà nhập*” hoàn toàn vắng mặt vì muốn hoà đồng hay hoà nhập cần phải có sự hiện diện của hai hay nhiều hơn hai “cái gì đó”, ví dụ như là hai tư tưởng hay hai ngã thể. Nhưng trạng thái Chân Không hay Niết Bàn của Phật giáo lại chính là trạng thái trong đó mọi tư tưởng, mọi ý niệm bao gồm ý niệm về Chấp Ngã và ngã sở đều tịch diệt.

Thật ra, Bà La Môn Giáo gồm có nhiều tông phái và quan niệm giải thoát của họ cũng có nhiều dị biệt với nhau. Gần thời đại chúng ta, họ có sáu tông phái chính:

nguyên tử luận, luân lý luận, số luận, nhị nguyên luận, nhất nguyên luận và phi nhị môn luận. Trong số đó có phái *phi nhị môn luận* Vedanta, một hệ phái được cho là chính thống hơn hết của Bà La Môn Giáo. Phái này chủ trương không có hai (Adwaita), cũng hàm nghĩa vạn vật đồng nhất thể.

Đối với Phật Giáo, giáo lý đạo Phật là một pháp môn phi nhất, phi dị, phi hữu, phi vô, phi sắc, phi không, phi nhị nguyên, phi nhất nguyên, phi đa nguyên, phi thiểu nguyên... Nói như thế không có nghĩa là phủ định tất cả, mà theo Trung Quán Luận, “*nói phủ định là nhằm khẳng định, khẳng định một “chân trời” không bao giờ hiện hữu trong tương quan đối đãi, mà con người hằng tưởng là nó ở ngay trong tương quan đối đãi. Cũng như một kẻ khùng điên đứng trước mặt biển xanh của đại dương bao la mênh mông, y cứ tưởng rằng ở đằng xa xăm vô tận bên kia có một đường chân trời thật sự, và y hão huyền mơ mộng sẽ đạt đến bên cạnh chân trời. Mơ mộng tưởng của y quả là điên dại, vì vĩnh viễn sẽ không bao giờ có cái đường chân trời ấy. Nó vốn vượt lên trên mọi cương tỏa trong tương quan nối kết của trần gian, như mặt trời trên đỉnh phù vân.*” [12]

Đây là chỗ mà chữ Tô thường gọi là “*ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt*”. Do đó, những ý niệm về Niết Bàn, về Bản Thể tuyệt đối, về Chân Như đều không phải là thật, chỉ là tên gọi, là giả danh và nó được gọi là “Không”.

Một số kinh sách Phật giáo thường hay dùng từ chứng đắc Niết Bàn để chỉ đến một kết quả tối hậu hay là chỗ đến cuối cùng của người tu hành. Vậy nghĩa đó như thế nào? Thật ra đối với Phật Giáo, không có vấn đề chứng đắc Niết Bàn, hay thể nhập Niết Bàn. Bởi vì có chứng đắc hay thể nhập, là còn có đối đãi, còn trong vòng nhị nguyên tương đối, có nhập, có xuất. Niết Bàn hay Chân Như chỉ là tên tạm gọi nhằm ám chỉ một trạng thái tâm vắng bật mọi tư tưởng kể cả ý niệm về Ngã, Tiểu Ngã lẫn Đại Ngã, ngay cả đến tư tưởng của Phật và giáo lý của Ngài giảng dạy cũng chỉ được xem như là phương tiện, như là ngón tay để chỉ mặt trăng, như con đò đưa người qua sông. Khi đã đến được bến bờ thì phải bỏ đò và người đưa đò, cả đến khái niệm về đức Phật cũng phải buông bỏ và không những thế, còn phải lìa bỏ luôn cả cái vọng chấp gọi là bến bờ nữa mới có thể với tới cái mà sách vở tạm gọi là Niết Bàn, Chơn Như.

Niết Bàn hay Chân Như siêu việt tất cả nên người ta nói Như Lai tịch diệt hay Như Lai Niết Bàn thể thôi. Niết Bàn chính là Chân Không và Chân Không chính là Niết Bàn.

Vậy thử hỏi “*Niết Bàn và thế gian hay Phật và chúng sinh là hai hay một?*” Hay theo như Bà La Môn giáo thì “*Tiểu Ngã và Đại Ngã là một hay là hai*” .

Theo chủ thuyết Bất Nhị của Vệ Đà Vedanta thì không có hai: Tiểu Ngã hoà nhập với Đại Ngã thành một.

Nhưng đối với Phật giáo, Long Thọ Bồ Tát nói rằng: “*Niết Bàn và thế gian không có gì sai biệt. Niết Bàn và thế gian chúng không hai, không khác*” [13].

Đây là một điểm khó hiểu và dễ gây ngộ nhận, nhưng Thiền Sư Bạch Ẩn đã cho một ví dụ rất dễ hiểu về sự nhất tính giữa Phật và chúng sanh hay giữa Niết Bàn và thế gian. Ông viện dẫn “*băng (ice), mà bản chất là nước. Ngoài nước không thể có băng, ngay một mảnh băng rất nhỏ cũng là nước. Và ngay nước là băng. Khi đông lạnh, đó là băng, khi tan chảy là nước. Nếu bạn tìm trong nước, bạn sẽ không thấy băng. Nhưng băng hình thành từ nước*” .

Thiền sư Bạch Ẩn nói thêm:

“*Có một điều khó hiểu. Nếu chúng ta nói băng và nước là hai vật giống nhau. Có phải vậy không? Nếu chúng ta đi mua băng (nước đá), chúng ta sẽ không nhận nước lã (water), do đó không phải tương đồng. Nhưng chúng ta không thể nói rằng băng và nước không giống nhau, bởi vì ngoài nước không có băng, cả hai không phải dị biệt. Băng và nước không phải đồng cũng không phải dị. Sự tương quan giữa Phật và chúng sinh (hay giữa Niết Bàn và thế gian cũng thế)*”. [14]

Giải thoát là Niết Bàn, Vô ngã là Niết Bàn. Niết Bàn không ở dưới thấp, không ở trên cao, không ở trên Thiên đường và không phải chỉ có thể đạt được sau khi lìa đời, như Bà La Môn giáo chủ trương (chỉ khi nào linh hồn con người hòa nhập với Đại-Ngã của vũ trụ thì lúc ấy mới có giải thoát). Trái lại, Niết Bàn, theo Phật giáo có thể xúc chạm được, có thể chứng nghiệm được ngay ở giây phút sống trong hiện tại này, nghĩa là bất cứ trong giây phút nào ta xa lìa được Chấp Ngã, không còn chấp cái tôi, cái của tôi và cắt đứt được cội nguồn tâm ý tham lam, sân hận và si mê là tâm hồn được thanh thản, tự do, tự tại, thì ngay giây phút đó ta đã với tới cảnh giới an lạc, giải thoát chân thực rồi.

Nói tóm lại, cả hai tôn giáo Phật giáo và Bà La Môn giáo đều có chung một quan niệm về nghiệp báo-luân hồi và **lý tưởng giải thoát khỏi nghiệp báo - luân hồi có thể nói là lý tưởng chung của cả hai tôn giáo**, nhưng quan niệm về giải thoát có sự khác biệt hoàn toàn, sâu xa. Giải thoát của Bà La Môn giáo là **sự trở về, là hoà nhập vào Đại Ngã Brahman**—nơi sinh ra vạn vật—là linh hồn cá nhân hợp nhất với linh hồn vũ trụ. Còn Phật giáo chủ trương hết thấy các pháp là Không, là Vô Ngã, và cho rằng phải phá Chấp Ngã. Một khi đã **triệt để phá Ngã là Niết Bàn tự hiện, là hoàn toàn giải**

thoát, khai phóng.

Như thế, học thuyết Vô Ngã là thuyết nền tảng và đặc thù của Phật giáo. Nói cách khác, giải thoát theo đạo Phật chính là sự quay về chuyển hóa nội tâm. Chuyển hóa những phiền não tham, sân, si và xa lìa chấp ngã thì an lạc giải thoát, Niết Bàn hiển lộ, không còn ý niệm Niết Bàn hay không phải Niết Bàn nữa, mà thay vào đó là sự thể nhập thực tại của vạn pháp. Niết Bàn chỉ là tên tạm gọi, chỉ là một danh từ giả lập như kinh Lăng Già nói:

*“ Niết Bàn chẳng thể lập,
Chẳng có Niết Bàn Phật,
Chẳng có Phật Niết Bàn,
Lìa năng giác, sở giác.
Hoặc có hoặc không có,
Cả hai thấy đều lìa...”* [15]

Kinh Sách Dẫn Chiếu:

[01] Doãn Chính, Lịch sử Triết học Ấn Độ-Kinh Văn của các trường phái Triết học Ấn Độ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2002, tr. 588

[02] Thích Minh Châu, Kinh Trung Bộ http://www.thuvienhoasen.org/u-cd_tk06.htm

[03] Thích Minh Châu, Kinh Pháp Cú, <http://www.thuvienhoasen.org/kinhtieubol-02-phapcu-02.htm>

[04] Long Thọ Bồ Tát, Na Tiên Tỷ Kheo Kinh, Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch

[05] Thích Minh Châu, Trong Tăng Chi Bộ, chương 10 Pháp, kinh số 92, Đức Phật giảng cho ông Cấp Cô Độc & Kinh Phật Tự Thuyết, Tiểu Bộ Kinh I, trang 291.

[06] Thích Minh Châu, Tôn giáo Phải Là Con Đường Giải Thoát Cho Việt Nam và Thế Giới, Tư Tưởng Vạn Hạnh, Số I (8-67), trang. 368

[07] Long Thọ Bồ Tát, Hán dịch: Cưu Ma La Thập - Việt dịch TN. Chân Hiền, *Trung Luận*, Nhà xuất bản Tôn Giáo Hà Nội 2003, ch. 1 tr 21: Tám Không là: (1) không sinh, (2) không diệt, (3) không thường, (4) không đoạn, (5) không một, (6) không khác, (7) không đến, và (8) không đi.

[08] Phạm Công Thiện, Hồ Thắm Tư Tưởng, An Tiêm Saigon tái bản lần 2, tr. 167

[09] Nghiêm Xuân Hồng, Biện Chứng Giải Thoát trong Tư Tưởng Ấn Độ, Ấn Quán Hy Mã Lạp Sơn Saigon 1966

[10] Long Thọ Bồ Tát, Hán dịch: Cưu Ma La Thập, Việt dịch: TN. Chân Hiền, *Trung Luận*, Nhà xuất bản tôn giáo Hà Nội 2003 tr. 263 (chương 24 kệ tụng số 18) <http://www.thuvienhoasen.org/trungluan-chonhien-00.htm>

[11] Tứ cú là bốn mệnh đề để xác định: hoặc là có, hoặc là không, hoặc là vừa có, vừa không, hoặc là vừa không có, vừa không không.

[12] Thích Tâm Thiện, Lịch Sử Tư Tưởng và Triết Học

Tánh không, NXB TP. HCM 1999, tr. 122

[13] Thích Tâm Thiện, Lịch Sử Tư Tưởng và Triết Học Tánh không, NXB TP. HCM 1999, tr. 201 (Chương 25, kệ 19, 20 và 23 Trung Luận)

<http://www.thuvienhoasen.org/tt-tanhkhong-00.html>

[14] Ama Kuki Sessan - Bạch Ẩn Thiền Định Ca, Việt dịch Bạch Hạc, Viên Chiếu 1988, tr. 67

[15] Thích Duy Lực, Kinh Lăng Già, Thành Hội Phật Giáo HCM ấn hành PL. 2537 (Trang 9)

<http://www.thuvienhoasen.org/u-klg-duyluc-01.htm>

Tài Liệu Tham Khảo:

- Doãn Chính, Lịch sử Triết học Ấn Độ-Kinh Văn của các trường phái Triết học Ấn Độ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội 2002, tr. 588

- Nghiêm Xuân Hồng, Biện Chứng Giải Thoát trong Tư Tưởng Ấn Độ, Ấn Quán Hy Mã Lạp Sơn Saigon 1966

- Shri Aurobindo, Áo Nghĩa Thư Upanishad, Thạch Trung Gia Việt dịch, An Tiêm Saigon 1972

- Thích Quảng Liên, Sử Cương Triết Học Ấn Độ, Đại Nam 1965

- M.T. Stepaniants, Triết Học Phương Đông, Trần Nguyên Việt Việt dịch, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 2003

- C. Scott Littleton, Trí Tuệ Phương Đông, Trần Văn Huân Việt dịch, Nhà Xuất bản Văn Hoá Thông Tin, 2002

- Phạm Công Thiện, Hồ Thắm Tư Tưởng, An Tiêm Saigon 1967

- Tuệ Sỹ, Long Thọ và Biện Chứng Pháp, Vạn Hạnh số 4

- Tuệ Sỹ, Từ biện Chứng Hiện Sinh đến Biện Chứng Trung Quán, Vạn Hạnh số 5 và số 6

- Tư Tưởng số 1, Viện Đại Học Vạn Hạnh 8-1967

- Thích Minh Châu, Kinh Trung Bộ, Kinh Pháp Cú

- Thích Duy Lực, Kinh Lăng Già, Thành Hội Phật Giáo HCM ấn hành PL. 2537

- Thích Tâm Thiện, Lịch Sử Tư Tưởng và Triết Học Tánh không, NXB TP. HCM 1999

- Ama Kuki Sessan - Bạch Ẩn Thiền Định Ca, Việt dịch Bạch Hạc, Viên Chiếu 1988.





PHẬT SỐNG TÂY TẠNG

Pico Iyer *ghi chép*

Thích Nguyên Tạng *dịch*

Đêm Hy Mã Lạp Sơn vang lên tiếng chó sủa. Ánh sáng lập lờ bên kia sườn đồi. Dưới vòm trời sao, trên lối mòn tăm tối giữa những hàng thông, một nhóm người hành hương trong y phục tả tơi đang bước đi, miệng lầm bầm cầu kinh. Ngay trước lúc rạng đông, khi những đỉnh núi tuyết ở phía sau nhuộm màu hồng đậm, đám đông ở bên ngoài ngôi chùa Namgyal ba tầng ở Dharamsala, miền Bắc Ấn Độ, trở nên yên lặng. Một người có tướng mạo mạnh mẽ, lưng hơi khòm bước vào đưa đôi mắt sáng nhìn khắp mọi người, khuôn mặt hoan hỷ với nụ cười rộng không tắt trên môi. Tháp tùng theo sau ngài là các tăng sĩ mặc áo đỏ thẫm và đầu đội mũ màu vàng. Vị mới đến đi thẳng lên điện Phật. Nơi đó, các vị phụ tá ngồi nghiêm trang phía trước ngài. Khi mặt trời ló dạng, tiếng tù và vang vọng cả một vùng thung lũng ở bên dưới, Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trì một nghi lễ đón mừng năm mới, năm con Rồng Đất.

Vào ngày mừng hai Tết Losar, hội mừng xuân mới của Tây Tạng, vị Phật sống của khoảng mười bốn triệu người về tiếp kiến công chúng. Đến tám giờ sáng, đoàn người đến viếng thăm ngài đứng thành một hàng dài nửa dặm dọc theo con đường núi quanh co ở bên ngoài ngôi nhà gỗ thoáng khí của ngài ở vùng núi. Họ là những người sơn cước phong trần trong những chiếc mũ rộng vành, những người Tây Phương để tóc dài, những bé gái mặc những bộ áo lụa đẹp nhất, tất cả sáu ngàn dân làng, và hàng ngàn người khác nữa. Tiếp đó là ba mươi người khách với y phục bám bụi đường vừa rời khỏi Tây Tạng đứng chen chúc ở bên trong ngôi nhà. Khi trông thấy vị lãnh tụ lưu vong của mình lần đầu tiên sau gần ba mươi năm, họ liền oà lên khóc nức nở, rồi những tiếng sụt sịt sau đó. Trong suốt những khoảnh khắc đó, Tenzin Gyatso, nhà lãnh đạo thế quyền và giáo quyền của Tây Tạng, hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm qua danh hiệu Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, một dòng truyền thừa không gián

đoạn kể từ 597 năm qua, vẫn trầm tĩnh an nhiên.

Sau đó ngài giải thích rằng, ở Tây Tạng lễ Losar thường được cử hành trên sân thượng của cung điện Potala cao mười ba tầng, với những cái bánh nướng được bày ra cho mọi người. “*Mỗi năm tôi lại thực sự lo ngại khi nhìn người ta cứ nhào tới lấy bánh. Thứ nhất là toà nhà lâu đời có thể sụp đổ bất cứ lúc nào và thứ hai, có thể có một người nào đó rơi từ trên nóc nhà xuống dưới đất. Bây giờ việc đó diễn ra ở đây lặng lẽ hơn nhiều*”. Giọng nói của ngài trở nên trầm âm thâm tình.

Từ năm 1959, cuộc nổi dậy của người Tây Tạng chống lại những lực lượng chiếm đóng của Trung Quốc đã đưa đến việc Đức Đạt Lai Lạt Ma phải sống lưu vong ở Ấn Độ, nhưng tinh thần của nền tín ngưỡng cổ truyền, có tính chất như truyện cổ tích, vẫn còn sống mạnh mẽ ở Dharamsala này—nơi trước kia vốn là đồn lính của chính quyền thuộc địa Anh quốc, cách thủ đô New Delhi 250 cây số về hướng Bắc. Ở đây, với một nhà tiên tri quốc gia, một lát ma có quyền năng làm mưa, một số y sĩ, mấy nhà chiêm tinh và một nội các gồm bốn người, Đức Đạt Lai Lạt Ma, là hóa thân của tất cả những gì mà ngài đã làm kể từ khi bước lên ngai sư tử ở Lhasa vào năm lên bốn tuổi.

Nhưng dù “Người bảo hộ xứ tuyết” (Protector of the Land of Snows) có tất cả những nét huyền bí của vương quốc huyền diệu mà người Tây Phương tưởng tượng lại và đặt tên là Shangri-la, ngài vẫn là một nhà lãnh đạo trong cõi giới trần tục này. Từ năm mười lăm tuổi ngài buộc phải lo toan với những nhu cầu của nhân dân ngài trước những mưu đồ đối nghịch của Bắc Kinh, Washington và New Delhi. Tình trạng luôn luôn nóng bỏng đó đã đi tới cực điểm trong mùa thu vừa qua khi người Tây Tạng nổi dậy ở Lhasa, chính quyền Trung quốc đã giết chết ba mươi hai người, Đức Đạt Lai Lạt Ma mở cuộc họp báo lớn đầu tiên của ngài ở

Dharamsala, và Quốc Hội Hoa Kỳ nhất trí lên án hành động của Trung quốc. Những cuộc nổi dậy đã bùng phát trong mấy tuần vừa qua, nhưng ngay cả trước đó, vị tu sĩ Phật Giáo khiêm tốn này đã thấy mình không chỉ là biểu tượng tinh thần nối kết một trăm ngàn người Tây Tạng lưu vong với sáu triệu người vẫn sống dưới ách thống trị của Trung Quốc mà còn là một nhân vật lãnh đạo về chính trị cho xứ sở nữa. Ngài cười vui vẻ và nói “Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 có lẽ là người nổi tiếng nhất trong tất cả các vị Đạt Lai Lạt Ma. Nếu người Trung Hoa đã đối xử với người Tây Tạng giống như người anh em thực sự thì có lẽ vị Đạt lai Lạt Ma này không nổi tiếng như vậy. Vì thế, tất cả là nhờ có người Trung Hoa”. Mặt ngài sáng lên một cách chân thành.

Đức Đạt Lai Lạt Ma được xem là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, điều hành một chính phủ lưu vong, là một tiến sĩ siêu hình học. Nhưng có lẽ điều kỳ diệu duy nhất về ngài chính là tính nhân bản thành thực và mạnh mẽ nơi ngài. Với phong thái riêng, vị Phật sống qua hình ảnh quen thuộc với đôi giày màu nâu cùng bộ y màu đỏ thắm của mình, và cặp mắt vẫn có nét tinh nghịch mà thuở ấu thời từng làm cho các Lạt Ma của mình phải hốt hoảng vì tài chơi trò trốn tìm nghịch ngợm. Ngài thích chăm sóc vườn hoa, ngắm bầy chim rừng, sửa chữa những chiếc đồng hồ, máy thu thanh và nhất là hành thiền tĩnh tọa. Và ngay cả đối với những kẻ đã giết tới một triệu hai trăm ngàn người dân của ngài và phá hủy sáu ngàn hai trăm năm mươi bốn ngôi tự viện của Tây Tạng, ngài vẫn tha thứ cho họ. Ngài nói: “*Là những hành giả tu theo giáo lý Đại Thừa, chúng ta cầu nguyện mỗi ngày để phát triển một loại tâm từ bi vô giới hạn. Vì vậy không có lý do gì để nuôi dưỡng lòng thù hận người Trung quốc. Chúng ta hãy phát khởi đại từ tâm đối với họ.*”

Vị Phật vương thứ mười bốn của Tây Tạng ra đời trong một gia đình nông dân ở ngôi làng nhỏ Takster vào năm 1935. Khi ngài được hai tuổi, một phái đoàn tăng sĩ tìm đến ngôi nhà nhỏ của ngài do có sự xuất hiện của những dấu hiệu như: một xác chết có vẻ như cử động, linh cảm từ hồ thiêng và những đám mây lành, cho thấy ngài là hóa thân mới của vị thần chủ của Tây Tạng. Hai năm sau đó, sau khi trải qua những cuộc trắc nghiệm phức tạp, chú bé đã được một phái đoàn gồm mấy trăm người cung thỉnh về thủ đô Lhasa. Ở đó ngài sống xa gia đình cùng với người anh trai trong cung điện Potala rộng lớn với một ngàn căn phòng và học một khóa giáo lý kéo dài mười tám năm. Lên bảy tuổi, ngài tiếp phái đoàn của Tổng Thống Mỹ Franklin Roosevelt và cầu nguyện trước hai mươi ngàn tăng sĩ. Nhưng lúc đó ngài vẫn là một Lạt Ma tí hon bình thường, thích chạy quanh cung điện trên chiếc xe hơi đạp và đùa nghịch với các anh em ruột của

mình, Tenin Choegyal, em trai của Đức Đạt Lai Lạt Ma nhớ lại “*Một ngày mùa hè, vào năm tôi được bảy tuổi, mẹ tôi đưa tôi đến cung điện mùa hè Norbulinka để thăm Đức Đạt Lai Lạt Ma. Khi chúng tôi tới nơi, ngài đang tưới nước những cây kiểng của mình, và ngài đã chia ngay vòi nước vào tôi.*”

Cũng trong khoảng thời gian đó, Lạt Ma tí hon tinh nghịch lần đầu tiên biểu lộ những năng khiếu về khoa học của mình. Ngài tự học những nguyên tắc của động cơ nổ và tự sửa chữa cái máy phát điện của Cung Điện Potala khi nào nó trục trặc. Ngài chỉ được phép nhìn ra thế giới bên ngoài qua tấm màn lụa của chiếc kiệu bằng vàng của mình, vì vậy ngài dùng máy chiếu để xem những cuốn phim mà ngài thích như loạt phim “Tarzan”, phim “Henry V, vua Anh Quốc”, và nhất là những cuốn phim thu hình chính thủ đô Lhasa. Ngài nhớ lại là mình thường trèo lên nóc điện Potala lấy ống viễn vọng kính và thích thú quan sát những cư dân của thủ đô Lhasa đang sinh hoạt trong đời sống hằng ngày của họ.

Năm 1950, sự cô lập của “viên ngọc như ý” (“*Wish-Fulfilling Gem*”) và vương quốc miền núi của ngài bị phá hủy khi quân Trung Quốc tấn công từ tám hướng khác nhau. Bất ngờ nhà lãnh đạo nhỏ tuổi này phải học một khóa cấp tốc về chính trị, để rồi đến Bắc Kinh thương thuyết với Chu Ân Lai (Zhou Enlai) và Mao Trạch Đông (Mao Zedong). Cuối cùng, vào tháng ba năm 1959, khi một cuộc đụng độ đẫm máu diễn ra với ba mươi ngàn người Tây Tạng dâng mãnh vùng lên chống lại sự cai trị hung bạo của Trung quốc, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã quyết định trốn khỏi cung điện mùa hè, hóa trang thành một người lính thường và leo qua những rặng núi cao nhất thế giới. Hai tuần sau, bị bệnh tiêu chảy và ngồi trên lưng một con trâu yak, “Vị thủ lĩnh hoa sen trắng” (“*Holder of the White Lotus*”) đã đi vào đất Ấn Độ như một người lưu vong cùng với tám chục ngàn người dân Tây Tạng khác.

Kể từ đó ngài đã phải sống với sự cố gắng giữ thăng bằng trên sợi dây chính trị thế giới. Ngài là một vị khách của một quốc gia muốn ngài giữ im lặng và là một kẻ địch của quốc gia mà nhiều nước trên thế giới đang ve vãn. Không nản chí, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tổ chức năm mươi hai khu định cư của người Tây Tạng ở Ấn Độ và Nepal cũng như thiết lập những viện bảo tồn nghệ thuật, kinh sách và y học truyền thống của Tây Tạng. Trong mấy năm sau đó, ngài bắt đầu đi vòng quanh thế giới giống như một vị Giáo hoàng của Phật Giáo để diễn thuyết ở Đại học Harvard, Hoa Kỳ, tiếp kiến Đức Giáo Hoàng John Paul đệ nhị và gặp các tín đồ PG trên khắp thế giới, dù họ là nông dân thất học hay là diễn viên (diễn viên điện ảnh người Mỹ Richard Gere--người bắt đầu nghiên cứu PG từ năm 1982). Ngài muốn luôn luôn

nhìn thấy những phương diện tích cực của đời sống, ngài cảm thấy rằng sự lưu vong cũng có những mặt tốt của nó. *“Khi chúng tôi ở Tây Tạng, có những hoạt động nghi lễ chiếm nhiều thời giờ mà thực chất không có ý nghĩa gì nhiều. Tất cả những chuyện đó bây giờ không còn nữa. Tôi nghĩ như vậy là tốt. Bây giờ thì không cần đến những hình thức bên ngoài nữa”*.

Nhiều người Tây Tạng thuộc thế hệ trẻ muốn vị lãnh đạo của họ có nhiều tính chiến đấu hơn. Họ ủng hộ đường lối bạo động, vì họ nhận xét rằng có hơn ba ngàn tù nhân chính trị chỉ ở riêng miền trung Tây Tạng và chính quyền Trung Quốc đã đưa ít nhất là ba trăm ngàn binh sĩ đến để chiếm đóng “nóc nhà của thế giới”. Nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn chủ trương đường lối ôn hòa. Ngài trình bày: *“Khi tâm trí bị sự sân hận ngự trị thì nó có thể trở nên điên loạn. Người ta sẽ không thể quyết định đúng và không thể trông thấy sự thật. Nhưng nếu bình tĩnh và an định người ta sẽ trông thấy sự vật đúng như thật. Tôi nghĩ rằng các nhà chính trị cần phải có loại kiên nhẫn này. Chẳng hạn, so với các nhà lãnh đạo trước đây của Liên Xô thì ông Gorbachev là người bình tĩnh hơn nhiều và do đó hoạt động của ông hữu hiệu hơn”*.

Tuy nhiên, hiểu hòa không có nghĩa là thụ động, ngài nói tiếp *“rốt cuộc người Trung quốc sẽ phải nhận thức rằng Tây Tạng là một quốc gia riêng biệt. Nếu Tây Tạng đã luôn luôn thật sự là một phần của Trung quốc thì dù muốn hay không muốn, người Tây Tạng cũng phải sống với sự kiện này. Nhưng sự thật không phải như vậy, do đó chúng ta có tất cả những lý do để đòi hỏi quyền lợi của mình”*.

Đức Đạt Lai Lạt Ma dành nhiều thời giờ để suy nghĩ về việc Phật Giáo Tây Tạng có thể dạy như thế nào và có thể học như thế nào từ những nền giáo thuyết khác. Chẳng hạn ngài tin rằng Phật Giáo có thể hướng dẫn cho chủ nghĩa Marx biết cách thiết lập một chủ nghĩa xã hội đích thực *“không bằng võ lực mà bằng lý luận, bằng một sự luyện tập tâm trí rất nhẹ nhàng, bằng sự phát triển tâm từ bi”*. Ngài nhìn thấy nhiều điểm tương đồng giữa niềm tin của ngài và tâm lý học, vũ trụ học, thần kinh học, khoa học, xã hội học và vật lý học. Ngài nói: *“Có nhiều điều mà người đệ tử Phật chúng ta nên học từ những phát hiện mới nhất của khoa học. Và các nhà khoa học có thể học từ những giáo lý của Phật Giáo. Chúng ta phải làm công việc nghiên cứu và rồi tiếp nhận những kết quả. Nếu không phù hợp với những kết quả trắc nghiệm thì chính những lời giảng của Phật cũng phải bị loại bỏ”*.

Sự cấp tiến của ngài có khi làm cho người Tây Tạng hoang mang, dù họ là những người sẵn sàng từ bỏ mạng sống vì vị lãnh đạo của mình. Trong bản hiến pháp sơ thảo mà ngài đã soạn vào 1963, vị Phật vương đã cho vào đó một điều trái ngược với ước muốn của người dân Tây Tạng, có thể làm cho ngài bị lên án. Đó là việc ngài đang xét lại cách thức mới để chọn vị Dalai Lama kế tục, có lẽ bằng một cuộc bầu cử giống như của Tòa Thánh Vatican của Ky Tô Giáo vậy, hoặc chọn theo tuổi tác, bãi bỏ tất cả những tập quán tìm kiếm vị hóa thân tái sanh. *“Tôi nghĩ rằng đã đến lúc, dù không nhất thiết phải có quyết định thật sớm, nhưng cũng phải có sự bắt đầu một cuộc thảo luận có tính cách chính thức hơn, để người dân có thể chuẩn bị tư tưởng cho việc này”*.

Trong lúc đó, nhà lãnh đạo lưu vong tiếp tục sống một đời sống đơn giản, vô vị kỷ, giống như giáo lý Trung Đạo của Phật Giáo, không tranh chấp với thế gian và cũng không bị thế gian ảnh hưởng. Ngài vẫn không chịu ngôi hàng ghế hạng nhất trên các chuyến bay và vẫn tự xem mình luôn là một “tăng sĩ đơn sơ” (simple Buddhist monk). Dù là một trong những học giả uyên bác nhất và là một trong những người trí tuệ nhất của tất cả các nền triết học trên thế giới, ngài có tài thu tóm giáo thuyết của mình thành một điều thực dụng trong sáng, như đã kết tinh trong tựa đề cuốn sách xuất bản năm 1984 của ngài *“Từ Bi, Quang Minh và Trí Tuệ”* (Kindness, Clarity and Insight) do nhà xuất bản Snow Lion ấn hành. Ngài nói *“Tôn giáo thực sự của tôi là lòng từ bi”* (My true religion is kindness). Đây là một điều không may mắn cho chính phủ Trung quốc khi họ dụng phải một người như Đức Đạt Lai Lạt Ma. Bắc Kinh đã phỉ báng ngài khi gọi ngài là “thây ma chính trị, thổ phi và phản bội” (political corpse, bandit and traitor), “tên đồ tể tay dính máu, sống bằng thịt người” (red-handed butcher who subsisted on people’s flesh). Nhưng bất cứ ai gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng cảm thấy sự nồng ấm, nhân ái và từ bi của ngài.

Đối với một người ngoài, đời sống của một vị Phật sống có vẻ rất cô đơn. Thêm nữa, trong mấy năm qua gần như tất cả những người thân cận của ngài, nhất là vị giáo sư của chính ngài, vị giáo sư phụ tá, mẹ và anh của ngài, là người xưa kia đã chơi đùa với ngài, đều đã lần lượt qua đời. Nhưng cũng như mọi điều khác, Đức Đạt Lai Lạt Ma chấp nhận thực tại một cách sâu sắc nhất. Ngài nói: *“Bạn cũ qua đời, bạn mới xuất hiện. Điều này cũng giống như ngày tháng vậy. Ngày tháng cũ trôi qua, ngày mới xuất hiện. Điều quan trọng là làm cho nó có ý nghĩa: một người bạn đầy ý nghĩa hay một ngày đầy ý nghĩa”*.

thơ

LETRUC

lòng trần

*anh theo thiên đồn ngộ
một nhảy đến giác bờ
tôi theo tình tiếng sét
một lần gặp, yêu mơ*

*em theo môn tịnh độ
sáu chữ niệm luân phiên
tôi làm người đến chậm
lỡ tình, tâm đảo điên*

*bộ cao sen chín phẩm
có phẩm nào cho tôi
thuyền anh về bến giác
thuyền tôi lênh đênh trôi...*

*như lối mờ tắt ngấm
dẫn tình đến biệt ly
như thu chờ tiếng lá
âm thầm rơi rất si !*

*ngồi ngân nga sáo trúc
giọt sương gọi lòng trần
thì anh về đồn ngộ
thì em qua tịnh độ
và tôi còn phân vân..*



màu đời

*ngập ngừng trong ánh mắt
trùng khơi xanh biếc ngút ngàn khơi
đỏ rừng sâu héo hắt
lạc lối cheo leo suốt cuộc đời
thư hồng xưa thăm hỏi
dòng mực tím còn in trong trí vu vơ
đâu rồi ngày đại
đâu rồi trăng cũ ôm choàng lấy mơ
vàng lá thu rơi tay cầm lá
lá vàng ôi
khoảng không không trắng quá
lấy gì che lấp dấu hỏi vô thường... rơi
đếm ngày qua đen tối
được chẳng
nhàng nhạt bóng chiều đi vội
chẳng nói năng
màu đời ngã xuống bên nhau
tình ơi đừng gọi từng câu vô thường...*

ngõ thiên

*chào nhau, sen búp nở hoa
môi khoe nụ biếc đôi tà áo bay
gợi chút tình trên đôi tay
yêu thương lỏng lẻo gió mây rộn lời
nghe đường âm vọng trùng khơi
bể hồn sâu thăm lắng vơi não phiền
sắc, không gợn hỏi nhất thiên
ngõ trắng rộng trải xuống miền chân như*

NHỮNG BÀI HỌC VỀ DIỆU TÂM (HAY PHẬT TÁNH)

Tâm Minh

(Mến tặng ACE Áo Lam)

‘Tâm’ là chữ thường xuyên xuất hiện với người Phật tử mỗi khi nói đến tu tập. Thật vậy, nào là ‘Tu tâm’, ‘một niệm ở tâm ta’, nào là ‘giữ tâm ý trong sạch’, ‘chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài’ (Nguyễn Du) v.v... Nhưng ‘tâm’ là cái gì, ở đâu v.v... thì không ai chỉ được; thậm chí ngài A Nan, một trong 10 vị đệ tử lớn của Phật, được tiếng là học rộng biết nhiều (đa văn đệ nhất) cũng bối rối khi bị Phật truy hỏi cho tới cùng về cái ‘chơn tâm’, ngài A Nan trả lời bảy lần trật hết cả bảy và bị Phật quở luôn! (sau đó thì ngài đã ngộ được và ứng khẩu đọc bài kệ đắc pháp của ngài)

*‘Diệu trạch tổng trì bất động tôn
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu...’
v.v...)*

Như vậy việc chúng ta ‘chịu thua’ không biết Tâm là gì và tâm ở đâu thì cũng là chuyện bình thường. Người viết bài này không có tham vọng viết về cái ‘chơn tâm’ của kinh Lăng Nghiêm nhưng muốn chia sẻ đến các bạn những ‘mô tả’, những tên gọi về Tâm mà những bậc minh triết trong những thời đại khác nhau, ở những đất nước khác nhau đã nêu lên, để từ đó chúng ta rút ra được những bài học về sự tu tập chân chính, làm hiển lộ cái tâm vi diệu, kỳ diệu đó, (tạm gọi một cách ngắn gọn là cái ‘diệu tâm’) đem lại an lạc cho chính mình và mọi người chung quanh mình.

Trước hết, Tổ Bồ Đề Đạt Ma (528), vị tổ thứ 28 của Ấn Độ tính từ đức Thế Tôn hay là vị tổ đầu tiên của Trung Hoa (Sơ Tổ) đã dạy môn đệ của ngài (được ghi lại trong ‘Huyết mạch luận’ - một trong 6 bộ luận của bộ sách ‘Thiếu Thất Lục Môn’ ở Nhật) (1):

*Tánh tức là Tâm,
Tâm tức là Phật,
Phật tức là Đạo
Đạo tức là Thiền*

Nói ngược trở lại thì tâm tức là tánh và thấy tánh là thành Phật, và con đường (đạo) đi đến thấy tánh là Thiền (‘tánh’, nói cho đầy đủ là ‘tánh giác’).

Thiền Phật giáo, như chúng ta thường được nghe nói đến, là chủ trương ‘bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật’ (đại ý là không cần chữ nghĩa, giáo lý, mà chỉ thẳng vào chơn tâm, thấy tánh là thành Phật). Thật vậy, ai mà không thích thú khi được nghe câu chuyện trên núi Linh Thứu (Linh Sơn) khi đức Thế Tôn đưa cành hoa lên thì ngài Ca Diếp mỉm cười (‘niêm hoa vi tiếu’), trong khi hội chúng chưa ai có phản ứng gì, và đức Thế Tôn đã truyền y bát cho ngài Ca Diếp làm vị tổ thứ hai từ đó.

Trong thời đại của chúng ta, Sogyal Rinpoche, một vị thầy Tây Tạng, người đã được thụ huấn với nhiều vị lạt ma tên tuổi nhất của Tây Tạng, đồng thời cũng được hấp thụ nền giáo dục tân tiến của tây phương, người đã thành công khi đem Phật giáo Tây Tạng giảng dạy ở phương tây với lẽ lối tư duy của họ mà ngài đã quen thuộc. Ngài nêu ra ‘4 lỗi’ làm cho ta không thể thấy được chơn tâm (cái mà ngài gọi là ‘tự tính tâm’ và Bồ Đề Đạt Ma gọi là ‘tánh’ hay đức Phật gọi là ‘chơn tâm’ đó): (2)

*Tự tính tâm quá gần gũi đến nỗi ta khó nhận ra
Nó quá sâu xa nên ta khó dò cho thấu
Nó luôn luôn có mặt hiện tiền, nó quá dễ ta không
tin nổi*

Nó quá bao la ta không dung chứa nổi

Những phân tích này của Sogyal Rinpoche có phải nhắc ta nhớ đến Lục Tổ Huệ Năng (638-713) - vị tổ ‘tướng mạo quê mùa nhưng trí tuệ phi thường’ - khi được ngũ tổ khai thị rồi, cũng hân hoan thốt lên những lời nói về ‘tự tánh’ tức là ‘chơn tâm’ trong kinh Lăng nghiêm, và cũng là ‘tự tánh tâm’ của Sogyal vậy: (3)

*đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt
đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
đâu ngờ tự tánh vốn không dao động
đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp*

Lời phát biểu của Lục Tổ giúp chúng ta liên hệ đến lời dạy của đức Phật về ‘Thường, Lạc, Ngã, Tịnh’ trong Diệt Đế: đó là tự tánh thanh tịnh hay là cái ‘chân ngã’ - tâm như một tấm gương trong sáng (vốn tự thanh tịnh) có khả năng chiếu sáng kỳ diệu bất cứ vật gì đi ngang qua nó (vốn tự đầy đủ, hay sanh muôn pháp) một cách bình đẳng và trung thực, không phân biệt, không phản ứng (vốn không dao động).

Những tiếng reo vui của Lục tổ nhắc nhở ta nhiều trong việc tu tập. Thật vậy, chúng ta cố gắng trong đời sống hằng ngày, trong ăn, uống, ngủ, nghỉ, đi đứng, nằm ngồi v.v... an trú trong ‘tự tánh tâm’ càng nhiều càng tốt. Cụ thể, khi nghe ai phê bình hay trách móc mà ta nổi ‘tam bành lục tặc’ lên chẳng hạn, ấy là ta đã biến tâm thanh tịnh thành tâm của loài tu la (quỷ chiến đấu) rồi! Nếu chúng ta cố gắng sống trong chánh niệm, tỉnh thức, theo dõi tâm và giữ gìn cho tâm bớt dao động thì một ngày kia ta cũng có thể làm hiển lộ bản tâm thanh tịnh, nói cách khác, có thể an trú thường trực trong đó như chư Phật vậy.

Sau Lục Tổ Huệ Năng 10 thế kỷ, thiền sư Nhật Bankei (1622-1693) cũng nói: ‘Tâm là một cơ cấu năng động, nghệ của nó là phản chiếu, ghi lại và hồi tưởng những ấn tượng về thế giới bên ngoài; nó như một loại gương soi sống động, luôn luôn vận hành, không bao giờ ở yên từ giây phút này sang giây phút kế tiếp.’ Trong cái tâm như gương sáng này những ý tưởng đến rồi đi, sinh, diệt rồi tái sinh tùy hoàn cảnh, tự bản chất chúng không tốt cũng không xấu’ hay: ‘vì tâm Phật đang chiếu sáng kỳ diệu trong tất cả mọi người nên bạn có thể học hỏi đủ thứ, ngay cả những hành vi lầm lạc...’ (4) Ở đây, Bankei gọi ‘tâm’ là ‘Tâm Phật bất sinh’ Thật là thú vị khi được nghe lời dạy của các bậc Thầy nói ‘mỗi người một kiểu’ nhưng cốt lõi thật là giống nhau về bản chất của TÂM - tức là ‘tự tánh tâm’, ‘chơn tâm’, ‘tâm Phật bất sinh’ hay ‘tự tánh’ v.v... cũng chỉ là Một mà thôi.

Đọc Bankei, ta thấy vị thiền sư Nhật này ‘gặp gỡ’ Lục Tổ Huệ Năng ở rất nhiều điểm. Ví dụ như ‘nhất hạnh tam muội’ của Lục Tổ thì Bankei gọi là ‘thực chứng tâm Phật sống động’, ông nói: ‘với một người thực chứng tâm Phật một cách rốt ráo thì khi vị ấy đi ngủ cũng đi ngủ với tâm Phật, khi dậy là dậy với tâm Phật, khi đi là đi với tâm Phật, khi đứng là đứng với tâm Phật, khi nằm là nằm với tâm Phật, khi ngồi là ngồi với tâm Phật, khi nói là nói với tâm Phật, khi im lặng là im lặng với tâm Phật, khi ăn cơm là ăn cơm với tâm Phật, khi uống trà là uống trà với tâm Phật, khi mặc áo là mặc áo với tâm Phật v.v... Vào mọi lúc, vị ấy an trú liên tục trong tâm Phật, vị ấy hành xử ứng dụng tùy theo hoàn cảnh, cứ để mọi sự theo cách tự nhiên của chúng; chỉ cốt là không làm những việc ác, làm những việc lành...

nhưng không tự hào về những việc lành của mình, không bám víu vào đó và ghét cái xấu, vì như vậy là đi ngược tâm Phật. Tâm Phật không thiện cũng không ác, mà vận hành vượt ngoài cả thiện ác...’ (5)

Tương tự, Lục Tổ Huệ năng và thiền sư Bankei còn gặp nhau ở ‘tự tánh bất động’ Lục Tổ dạy: Này thiện tri thức, người mê tuy thân bất động nhưng mở miệng liền nói việc phải quấy, hay dở, tốt xấu của người (tức là) cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo. Này thiện tri thức, sao gọi là toạ thiền? Trong pháp môn này không chướng không ngại; ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là TOẠ, trong thấy tự tánh chẳng động gọi là THIỀN. Ngài nhấn mạnh: toạ thiền không phải là ngồi một chỗ nhắm mắt lại chỉ cần ‘thân yên’ là được đâu:

*Khi sống, ngồi chẳng nằm,
Chết rồi nằm chẳng ngồi
Một bộ xương mục thối
Có gì gọi công phu?* (6)

Bankei cũng căn dặn đệ tử: rón rức tu hành, cố toạ thiền... để được giác ngộ đều sai. Không có gì khác nhau giữa tâm của chư Phật với cái tâm nơi mỗi chúng sanh. Mong cầu đạt giác ngộ là tạo ra một sự phân hai thành ra có người được giác ngộ và chơn lý được giác ngộ. Khi còn đeo đẳng một chút nào cái ước muốn đạt giác ngộ, thì lập tức đã giả từ cái bất sinh, đi ngược lại tâm Phật... Cái gì không vướng vào thế giới bên ngoài chính là tâm Phật’. (7)

Rõ ràng Lục Tổ và Bankei, hai người đã nói theo ngôn ngữ của thời đại mình nhưng nội dung chuyên chở Đạo thì y hệt nhau; và tư tưởng của hai ngài cũng không khác câu chuyện ‘mài ngói làm gương soi’ giữa Mã Tổ và Nam Nhạc là bao nhiêu:

Mã Tổ đạo Nhất (709-788) là một thiền sư rất nổi tiếng, (môn đệ của ngài đông hơn của ngài Huệ Năng nữa) đang ngồi thiền trong am thì sư Nam Nhạc đi đến và hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì ?
- Để làm Phật

Sư bèn cầm một miếng ngói đến trước am ngồi mài trên phiến đá, Mã Tổ hỏi:

- Sư mài ngói để làm gì ?
- Để làm gương
- Mài ngói sao thành gương được ?

Sư đáp: Còn ngói thiền há thành Phật được sao ? v.v... (8)

Tất nhiên câu chuyện còn dài, chỉ xin trích ra một đoạn để thấy cái ý giống nhau giữa những bậc minh triết khi chỉ điểm về Tâm, về Đạo v.v...

Thực tập bài học này, ta không chỉ ngồi thiền mà thôi, vì đó chỉ mới là ‘thân yên’ chưa đủ, còn phải ‘tâm

yên' nữa, nghĩa là theo Lục Tổ thì “đừng thấy lỗi người, chỉ nên thấy lỗi mình thì mọi việc trong ngoài mới gọi là ‘lìa tướng’ và ‘bất động’ được”; và theo Bankei thì đừng khởi mong cầu, dù là mong cầu được giác ngộ, đừng bị vướng mắc, dao động bởi bất cứ gì khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài, hãy để cho những ham muốn, giận hờn, phiền não v.v... đến rồi đi tự nhiên như những đám mây đến, đi trong bầu trời - hình ảnh rất quen thuộc với tất cả chúng ta. Những đám mây không phải là bầu trời, và không ‘thuộc về’ bầu trời, chúng chỉ lơ lửng giữa không gian và không lệ thuộc vào đâu, nhưng chúng không bao giờ có thể để lại dấu vết làm lấm lem bầu trời trong sáng.

Vị thầy Tây Tạng Sogyal Rinpoche còn phân tích rõ ràng hơn khi phân biệt ‘Tâm và tự tánh của Tâm’: có nhiều phương diện của Tâm, nhưng hai phương diện nổi bật nhất đó là ‘cái Tâm thông thường’ (Sem) và ‘Tâm bản nhiên’ (Rigpa) ‘Tâm thông thường’ là cái tâm có khả năng phân biệt, có ý thức về nhị nguyên (tốt-xấu, yêu-ghét, lấy-bỏ v.v...). Đó là cái tâm suy nghĩ, đặt kế hoạch,ham muốn, cái tâm bồng lên trong cơn giận dữ, cái tâm tạo ra những đợt sóng say mê hay tư duy và cảm xúc tiêu cực, cái tâm cứ luôn luôn quyết định, đánh giá, và xác định sự hiện hữu của nó bằng cách cắt xén, đặt tên cùng cố kinh nghiệm v.v... Còn cái ‘tâm bản nhiên’ là cái tuyệt đối không dính dáng tới đối thay và chết chóc (thường còn và không sinh diệt); đó là sự tỉnh giác trong sáng nguyên nguyên của trí tuệ giải thoát, có tính sáng chói và luôn luôn tỉnh thức. Đừng tưởng rằng ‘tâm bản nhiên’ chỉ có trong tâm ta mà thôi; kỳ thực nó là bản chất của mọi sự vật, vì vậy, **trực nhận bản tính tự nhiên của Tâm cũng chính là trực nhận bản tính tự nhiên của mọi sự vật, hiện tượng.** Sogyal còn bảo rằng ‘tâm bản nhiên’ này là ‘Thượng Đế’ đối với người Ky Tô và Do Thái giáo, là ‘đại ngã’ hay ‘Shiva’ hay ‘Brahman’ hay ‘Vishnu’ của Ấn Độ giáo, là ‘Tính chất ẩn nấp’ đối với những nhà thần bí học ‘Sufi’ - còn Phật tử thì gọi là ‘Phật tính’ (9).

Bài học ở đây là chúng ta thực tập sống tỉnh thức để không bị tâm bình thường lôi kéo theo thất tình lục dục, cân đo đong đếm, tính toán thiệt hơn v.v... mà sống gần với bản tâm thanh tịnh, nhìn mọi sự vật, hiện tượng trong cuộc đời như một tấm gương trong sáng, phản ánh trung thực ‘như-nó-là’ (as-it-is) không thêm bớt, vẽ vời, suy diễn v.v... vì theo Sogyal Tâm Phật (hay Phật tính, hay Tâm Bất Sinh v.v...) luôn luôn hoàn hảo; ‘ngay cả chư Phật với trí tuệ vô biên cũng không thể làm cho nó tốt hơn được và chúng sanh với tất cả vô minh có vẻ bất tận, cũng không thể làm cho nó lấm lem.’

Để kết luận, xin mượn lời của Thầy Sogyal xác định ‘chỗ ở’ của tâm: (10)

‘Vậy thì Tâm- Phật tính- đích thực nằm ở đâu? - nó

nằm ngay nơi tự tính của tâm, cái tự tính được ví như bầu trời ấy. Hoàn toàn cởi mở, tự do, vô biên. Phật tính ấy thật đơn giản, tự nhiên như nhiên tới nỗi không bao giờ có thể trở thành phức tạp, hư hỏng hay bị nhiễm ô, nó thuần tịnh tới nỗi vượt ra ngoài cả ý niệm dơ sạch... nhưng nói về tự tánh tâm ví như bầu trời chỉ là một ẩn dụ để giúp ta tưởng tượng được tính chất bao la vô biên bao trùm tất cả của nó nhưng Phật tính còn có một tính chất mà bầu trời không có được, đó là tính sáng chói của tỉnh thức, biết nhận thức mà vẫn trống rỗng, giản đơn mà sáng suốt:

...

Sinh tử không làm nó xấu hơn

Niết bàn không làm nó tốt hơn

Nó chưa từng sinh

Nó chưa từng diệt

Chưa từng giải thoát

Chưa từng mê lầm

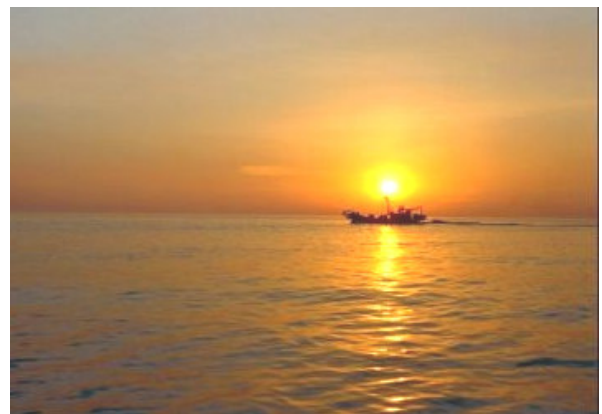
Chưa từng có, cũng chưa từng không

Nó không có một giới hạn nào

Không thể xếp nó vào một phạm trù nào cả...

Chú thích:

- (1) Thiền Luận Suzuki, quyền Thượng, Trúc Thiên dịch, chú, 1992, tr. 374
- (2) Tạng Thư Sống Chết, Sogyal Rinpoche, quyền 1, ni sư Trí Hải dịch, 1996 tr. 124
- (3) Kinh Pháp Bảo Đàn
- (4) Tâm Bất Sinh, Bankei, ni sư Trí hải dịch, 1997, tr. 36-37
- (5) Tâm Bất Sinh, tr. 164-165
- (6) Thiền Luận Suzuki tr. 376
- (7) Tâm Bất Sinh, tr. 145-146
- (8) Thiền Luận Suzuki, tr. 377
- (9) Tạng Thư Sống Chết, tr. 117-119
- (10) Tạng Thư Sống Chết, tr. 122.



Thơ

LÊ TRÙNG DƯƠNG

Từ thêm hoang vu

Gọi Ta từ thuở hồng hoang
Mơ hồ nắng quái triền hoang vọng về
Yêu người lục bát cơn mê
chiêm bao... hong sợi tóc thề viễn vông
thương hoài... ngọn cỏ tàn Đông
vàng phai gân lá mơ sông dập dềnh
ta về từ chốn gió mềm
hồn lay ngày cũ... trượt thêm hoang vu
nền tàn... soi cỏi tương tư
giật mình nhìn lại...
ta từ...
huyền phai

Họa

Loay hoay vẽ bức tranh đời
Em pha nhung nhớ đầy vơi mấy phần
Tôi đi vẽ ngọn Phù vân
Em về vẽ chốn lẩn khuất bên đời
Tôi đi chuốc ngọn mây trời
Vẽ ngày ray rứt trong hơi thở dài
Một đời họa bức tranh phai
Làm sao vẽ được cuối ngày Sắc - Không

Nhịp trống

Còn chút gió
lãng đãng dòng sông du mục
còn giọt sương
thình lạng bãi bồi
thôi thúc
luân hồi nhịp đập
đi về một bến trùng mây

hư vô
dòng đời buồn
bến bờ hoang dại
chút ngu si
đầy ải

phía tình xa
ngọn nến hư không
quay quắt rọi
cuối ngày chút nắng
phía hoàng hôn
thức trống nhập hồn
xanh rờn mộ cỏ
bến thiên thu
lướt thướt ngủ vùi
những dòng thơ
gối đầu hoang mạc
quá xa vời.
theo nắng
giấc mơ trôi





HÒA THƯỢNG TĂNG THỐNG CAMPUCHIA: MAHA GHOSANANDA VỚI NHỮNG HOẠT ĐỘNG VÌ HÒA BÌNH

Thích Nguyên Tạng

<http://www.buddhistchannel.tv/>

http://en.wikipedia.org/wiki/Preah_Maha_Ghosananda

Bất cứ ai có dịp gặp và tiếp xúc với Hòa Thượng Tăng Thống Campuchia Maha Ghosananda thì có thể tìm thấy được an lạc nơi nụ cười hiền hậu và từ ái toát ra từ ánh mắt của ngài. “Tôi đã tha thứ cho họ”, ngài nói về những du kích quân Khmer Đỏ, những kẻ đã từng giết hại cả gia đình ngài, đem đến những khổ đau khôn tả cho nhân dân Campuchia và ngài đã đọc lại lời Phật dạy: “Hận thù không bao giờ dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới có thể loại bỏ được hận thù. Đó là định luật từ ngàn xưa”.

Và đó cũng là luật tắc mà HT Ghosananda đã dùng để thương thuyết với các nhà lãnh tụ Khmer Đỏ và binh lính của họ. “Chúng ta phải có lòng từ bi và trí tuệ”, ngài nói, “chúng ta chỉ lên án hành động của họ chứ chúng ta không ghét họ. Với tình thương, chúng ta sẽ thiết lập được nền hòa bình, ngoài tình thương và sự tha thứ ra, không có con đường nào khác để chọn”.

Trong lúc tiếp chuyện với chúng tôi (Phóng viên từ Bangkok Post), ngài kể chuyện về Angulimala, một người đã chặt ngón tay của hàng ngàn nạn nhân để xâu thành vòng hoa. Sau đó ông được Đức Phật cảm hóa và trở thành một tu sĩ. Tuy nhiên, mọi người đều biết được quá khứ tội lỗi của ông nên đã ném đá trả thù khi ông đi khát thực vào mỗi buổi sáng. Cuối cùng ông đã chết nhưng ông đã đắc quả A-La-Hán.

“Angulimala có thể làm được điều đó, vì vậy du kích quân Khmer Đỏ cũng có thể làm được,” HT. Ghosananda nói. Gần đây các phương tiện truyền thông phát đi các lời dạy của Ngài để mở đường cho các lãnh tụ Khmer Đỏ và binh lính của họ sớm ra đầu thú.

Ngày nay, Ngài tin chắc rằng Phật Giáo Campuchia sẽ mang lại sức sống, hòa bình và thịnh vượng cho quê hương của Ngài. “Hòa bình chỉ hiện hữu khi nào chúng ta chấm dứt được xung đột với kẻ thù”. Ngài nói. Hiện nay, có khoảng 40.000 tu sĩ và 3000 ngôi chùa ở trên

khắp cả nước Campuchia. Đây là một hình ảnh được hồi sinh kể từ cuộc tàn sát của Khmer Đỏ (1975-1978), lúc ấy chùa tháp gần như bị phá hủy hay sử dụng để làm nhà giam hoặc nơi để tra tấn và chỉ còn 3000 tu sĩ sống sót trong số 50.000 vị.

HT. Ghosananda sinh năm 1929 tại tỉnh Takeo, 14 tuổi xuất gia và theo học các trường Đại học Phật Giáo ở tỉnh Battambang và Phnom Penh. Sau đó đi du học và đậu bằng tiến sĩ tại Đại học Nalanda, bang Bihar, Ấn Độ. Ngài tự xem mình là đồ đệ của Hòa thượng người Nhật Nichidatsu Fujii, vị tổ sáng lập Hội Nipponzan Myohoji, hoạt động vì hòa bình theo đường lối bất bạo động của Mahatma Gandhi. Năm 1965, Ngài phát nguyện ẩn tu 13 năm tại một ngôi chùa trong rừng thuộc miền nam nước Thái Lan.

Đến năm 1978, khi người tỵ nạn Campuchia đổ xô sang Thái Lan, ngài quyết định xuống núi và bắt đầu hoạt động vì hòa bình. Ngài phát truyền đơn kêu gọi người tỵ nạn phát khởi lòng từ bi và tha thứ cho kẻ đàn áp. Ngài tiến hành xây dựng chùa ở khắp các trại tỵ nạn ở dọc biên giới Thái - Miên, kể cả các trại dưới quyền kiểm soát của Khmer Đỏ. Ngài cũng tổ chức những khóa giảng dạy giáo lý cho các cộng đồng này để giúp họ giảm bớt sự sợ hãi và suy sụp tinh thần do chiến tranh gây ra. Ngài an ủi hòa bình sẽ sớm được thiết lập bởi sự giúp đỡ của quân đội Việt Nam vào năm 1979.

Năm 1980 HT. Ghosananda đến định cư tại miền tây tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ và ngài thành lập Hội Liên Tôn Giáo tại Campuchia với sự giúp đỡ của một Hội đoàn ở phương Tây. Hội này đã xây dựng hàng trăm ngôi chùa trên khắp thế giới cho người tỵ nạn Campuchia ở nước ngoài. Hiện nay, ít nhất có khoảng 30 ngôi tự viện ở Mỹ và Canada. Cũng trong năm 1980, Ngài đã làm cố vấn cho một tổ chức kinh tế và xã hội

của Liên Hợp Quốc tại Campuchia, Ngài đã đưa ra nhiều sáng kiến về các chương trình phát triển kinh tế và xã hội giúp cho người dân Campuchia thoát khỏi cảnh đói nghèo và khổ đau.

Năm 1992, Ngài tổ chức cuộc đi bộ vì hòa bình (Dhammayatra) lần thứ I, từ biên giới Thái Lan về tới Phnom Penh. Đi theo Ngài là người dân Campuchia trở về quê hương sau 12 năm tỵ nạn. Cũng trong năm này, Ngài được vua N. Sihanouk ban tặng danh hiệu Tăng Thống Phật Giáo Campuchia. Sau đó Ngài cũng nhận được một giải thưởng nhân quyền do Hội Rafto Na Uy trao tặng.

Năm 1993, Ngài lại dẫn đầu hàng trăm người đi bộ lần thứ II băng qua các tỉnh bị chiến tranh tàn phá ở Campuchia. Năm 1995, Ngài cũng dẫn đầu một phái đoàn đi bộ hòa bình qua các nước ở châu Á để vận động cho hòa bình thế giới, (phái đoàn này đến Việt Nam vào đầu tháng 6-1995).

Ngài rất nổi tiếng về các cuộc Dhammayatra hàng năm. “Cuộc đi bộ hòa bình của chúng tôi bắt đầu từ hôm nay và mỗi ngày,” Ngài nói, “mỗi bước đi là một lời cầu nguyện, một sự mặc niệm và bắc thêm một chiếc cầu”. Năm 1996, Ngài hướng dẫn một đoàn đi bộ qua các tỉnh Takeo, Kampot và Kompong Som, bắt đầu vào ngày mùng 10 tháng 5.

HT. Ghosananda rất lạc quan về tương lai của Campuchia: “Campuchia đã quá mệt mỏi với chiến tranh, có khổ đau chúng ta mới thấy được ánh sáng của Chánh pháp”. Năm 1996, Ngài được đề cử trao giải Nobel Hòa bình lần thứ hai (lần thứ I năm 1994 do Thượng Nghị Sĩ Mỹ C. Pell đề xuất). Năm 1997, Ngài lại một lần nữa được đề cử nhận giải Nobel về hòa bình.

“Lần đầu Yasser Arafat đã thắng” Ngài nói với một nụ cười hiền hậu. Khi hỏi “Ngài cảm thấy thế nào khi nghe tin mình được đề cử nhận giải lần thứ hai này?” Ngài cười và nói: “Không có gì.”

Năm 1998, HT Ghosananda được Hội Phật Giáo Nhật Bản Rissho Kosei Kai trao tặng giải thưởng hòa bình “Niwano Peace Prize” để công nhận tất cả những gì mà Ngài đã mang lại cho xứ sở Campuchia.

(Nghe tin HT Maha Ghosananda viên tịch, Thích Nguyên Tạng viết thêm:)

HT. Ghosananda hành đạo không biết mệt mỏi cho đến khi viên tịch. Ngài đã thuận thế vô thường an tường xả báo thân ngày thứ hai, 12 tháng 3 năm 2007 tại bệnh viện Cooley Dickinson, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ, thọ thế 79 tuổi. Thành kính nguyện cầu Giác Linh Cô Đại Lão Hòa Thượng cao đẳng Phật quốc và sớm tái sanh trở lại thế giới Ta Bà để tiếp tục công cuộc cứu khổ độ sinh.

ĐĂNG TÂM

Bên Dòng Đời Cũ

*Ta đi bao năm còn đó
Chiều nay ngắm lại mưa qua
Hạt rơi trong đời bỏ ngõ
Đã rụng từng mùa đông xa.*

*Ta đi xa xăm còn nhớ
Phố phường đêm rớt heo may
Trong màu trắng xưa lạnh ngơ
Từng nốt nhạc buồn chờ ai?*

*Ta đi đêm dài hun hút
Người sau mắt bóng quay về
Áo phơi trong mùa hương cũ
Hoa vàng mấy độ đam mê?*

*Ta đi trắng gầy viễn xứ
Bước về xiêu vẹo niềm xưa
Nửa đêm rêu phong cổ độ
Hạt rơi từ thủa giao mùa.*

*Ta đi rồi mai khách lữ
Trong trí nhớ mãi rất gần
Hỏi em, lời buồn quá khứ
Biết không? Sóng vỗ ngại ngần!*

*Ta đi ngàn lần xa mãi
Tàn đông bóng đổ bên trời
Đốt hương đêm, đốt lòng trái;
Hong tình ngõ vắng buồn rơi.*

*Ta đi quay cuồng ảo mộng
Lê bước chân về đêm hoang
Gối sầu trên vĩa đời trống
Ôm lòng hỏi kiếp nào hơn?*

*Ta đi thăng trầm mấy độ
Mất sâu từng chuỗi tàn phai
Lỡ quên trong đời bão tố
Hỏi người còn có gì mai?*

CHÁNH NIỆM VÀ NIẾT BÀN

Maha Thera Ghosananda

(Binh Anson trích dịch)

Giới thiệu: Dưới đây là một vài đoạn văn trích dịch từ quyển sách “Step by Step: Meditations on Wisdom and Compassion” (Từng Bước Một: Thiền Quán về Trí Tuệ và Từ Bi) của Hòa Thượng Maha Thera Ghosananda, Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Cam Bốt, do Parallax Press xuất bản tại Mỹ năm 1992.

1. Hiện Tại là Bà Mẹ của Tương Lai

Chúng ta có thể nhận biết rằng bình hoa trên bàn kia là đẹp tuyệt vời, nhưng những bông hoa ấy không bao giờ nói cho chúng ta biết về vẻ đẹp của chúng. Chúng ta không bao giờ nghe những bông hoa đó khoe khoang về mùi hương ngọt ngào của chúng.

Khi một người nào đã thực chứng Niết Bàn, thì người ấy cũng có thái độ tương tự. Ông ấy hay bà ấy không cần phải nói gì cả. Chúng ta cảm nhận được về đẹp, mùi hương khi người ấy đến với chúng ta.

Chúng ta không cần phải lo lắng về chuyện dĩ vãng hay chuyện tương lai. Chìa khóa của an lạc là hoàn toàn thực chứng với những gì đang có trước mặt, sống trọn vẹn trong giờ phút hiện tại. Chúng ta không thể quay lại lại mà sửa đổi quá khứ. Chuyện đó đã qua rồi! Chúng ta cũng không thể bố buộc tương lai. Vậy thì chúng ta không cần phải lo lắng chi cả!

Lần tới khi tôi phải du hành bằng máy bay, ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Có thể tôi sẽ đến nơi an toàn, mà cũng có thể không. Khi chúng ta làm các kế hoạch, chúng ta chỉ tạo ra chúng trong giờ phút hiện tại. Đây là giây phút mà ta có thể kiểm soát được. Chúng ta có thể vui hưởng giây phút hiện tại và sử dụng nó cho đúng. Những đau khổ trong quá khứ không còn tác động lên ta, nếu ta biết sẵn sóc giờ phút hiện tại.

Sẵn sóc giờ phút hiện tại, và tương lai sẽ trở nên tốt đẹp. Chánh Pháp lúc nào cũng ở trong hiện tại, và hiện tại là bà mẹ của tương lai. Sẵn sóc bà mẹ trước, rồi thì bà mẹ sẽ sẵn sóc đứa con của bà.

2. Buông thả mọi đau khổ

Đức Phật đã giảng rằng: “Ta chỉ dạy có hai điều: Hoạn khổ và sự Diệt khổ.”

Cái gì là nguyên nhân của hoạn khổ? Hoạn khổ bắt nguồn từ sự chấp thủ. Nếu tâm thức bảo rằng: “Tôi là thể này,” thì hoạn khổ phát sinh. Nếu tâm thức bảo: “Tôi không là thể này,” thì hoạn khổ cũng phát sinh. Khi tâm thức vắng lặng, thì nó trở nên an lạc và tự do.

Chấp thủ có 108 tên gọi. Nó có thể có tên là tham lam, sân hận, ganh tị, hoặc hèn nhát. Chấp thủ như là con rắn lột xác. Dưới lớp da dày này, nó lại luôn luôn có một lớp da khác nữa.

Làm thế nào để chúng ta có thể vượt thoát mọi khổ đau? Chúng ta chỉ cần buông thả nó. “Chúng ta nuôi dưỡng nó một cách đau đớn, và chúng ta buông thả nó một cách an vui.” Hoạn khổ lúc nào cũng bám theo người có tâm thức chưa được huấn tập, như thể cái xe kéo theo con bò. An lạc lúc nào cũng bám theo người có tâm thức đã được huấn tập, như bóng luôn luôn theo hình.

Chấp thủ luôn luôn mang đến khổ đau. Đây là luật thiên nhiên, như là định luật của lửa. Bạn có tin là lửa có sức nóng hay không, thì điều đó không cần thiết. Mỗi khi bạn sờ tay vào lửa, thì nó sẽ đốt cháy bạn.

Chánh Pháp dạy chúng ta nhận thức, rèn luyện, và giải phóng tâm thức. Khi tâm thức được rèn luyện, thì mọi Pháp được rèn luyện. Chìa khóa của sự rèn luyện tâm thức là gì? Đó là Chánh Niệm.

Để giải thoát khỏi mọi hoạn khổ thì có lâu lắm không? Không lâu đâu, vì sự giác ngộ lúc nào cũng có mặt ở đây, ngay lúc này. Tuy nhiên, để chứng đắc được điều đó thì có khi cũng phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp!

3. Pháp Thừa

Chánh Pháp thì toàn thiện ngay ở lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối. Toàn thiện ở lúc đầu là thiện tính của giới

luật—không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không dùng mê dược. Toàn thiện ở lúc giữa là sự định tâm. Toàn thiện ở lúc cuối là tuệ giác và Niết Bàn.

Chánh Pháp lúc nào cũng hiện diện tại đây và ngay lúc này. Nó luôn luôn có mặt ở mọi nơi. Chánh Pháp không tùy thuộc vào thời gian. Kết quả của việc hành trì Chánh Pháp có thể thu lượm được ngay tức khắc.

Trong Đạo Phật, chúng ta thường nói đến Tam Thừa, hay ba cỗ xe Pháp, nhưng thật ra thì không cỗ xe nào cao sang hơn cỗ xe nào. Cả ba đều chuyên chở cùng một Chánh Pháp. Tuy nhiên có một cỗ xe thứ tư có tính phổ quát hơn. Đó là Pháp Thừa (Dhammayana), vốn là toàn thể vũ trụ, bao gồm mọi đường lối đưa đến an lạc và tình thương. Bởi vì nó toàn vẹn, Pháp Thừa không phân chia tông phái. Nó không bao giờ chia rẽ chúng ta, giữa những người anh chị em chúng ta.

Mời các bạn đến và thử nghiệm cho chính các bạn. Cỗ xe Pháp sẽ đưa các bạn đến Niết Bàn ngay tại đây và ngay lúc này. Từng bước một, từng giây phút một, mọi người đều có khả năng thông hiểu Chính Pháp. Đây là Pháp Thừa mà tôi hằng yêu mến.

4. Niết Bàn

Một vị mục sư Ki Tô Giáo khả kính có hỏi tôi, “Niết Bàn ở đâu? Trong thời đại này thì người ta còn có thể đến Niết Bàn được không?” Tôi trả lời, “Niết Bàn ở tại đây, ngay trong lúc này.”

Niết Bàn ở khắp mọi nơi. Nó không lưu ngụ tại một nơi chốn đặc biệt nào cả. Nó ở trong tâm thức. Nó chỉ được tìm thấy trong giờ phút hiện tại.

Niết Bàn là sự vắng mặt của hoạn khổ. Nó trống không, và không chứa một khái niệm nào cả. Không một cái gì có thể kết tạo ra Niết Bàn. Niết Bàn vượt qua nhân và quả. Niết Bàn là hạnh phúc tối thượng. Nó là an lạc tuyệt đối. An lạc trên thế gian này còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện, nhưng an lạc trong Niết Bàn là vĩnh viễn.

Niết Bàn là sự vắng mặt của nghiệp hành, vốn là hậu quả các hành động của ta. Nghiệp hành theo đuổi chúng ta qua nhiều kiếp sống. Khi ta chết đi, nghiệp quả đi theo như là ánh lửa truyền sang từ cây nến này sang cây nến khác. Trong trạng thái Niết Bàn, ta không còn chấp thủ, mong đợi, hay ham muốn nữa. Mỗi một giây phút là một giây phút tươi mới và hồn nhiên. Các nghiệp quả đã được giữ sạch như thể chúng ta đã xóa băng cassette trong máy ghi âm.

Hoạn khổ dẫn đường cho ta đến Niết Bàn. Khi ta thông hiểu được bản chất thật sự của hoạn khổ, ta sẽ được giải thoát.

TUỆ TÂM

Chừa một nửa cho em về gói mộng

*Ôi chốn cũ dư âm thuyền viễn mộng
Ánh trăng buồn mặc sóng cuốn mây trôi
Bến bờ xưa còn hắt dấu em tôi
Tan phiên chợ áo bay đường phố vắng*

*Em tôi trước gót chân mềm trong nắng
Mà mùa mưa cứ trắc trở giăng đầy
Uớt mi cong tôi tiếc cả đôi tay
Không che đủ cho em khung trời diễm mộng*

*Ôi chốn cũ dư âm tình vượt sóng
Bóng tà dương khuất núi băng ngàn
Thuận tay chèo xa sóng nhịp tay đàn
Xua đuổi mãi dòng đời duyên tâm ngộ*

*Xa bến nhớ nắng không vàng hương phố
Bơi vì em vội bỏ bến xa đời
Thu tàn mau cỏ rối vương mây trôi
Lá rơi rớt cụm u buồn tuế nguyệt*

*Ôi chốn cũ dư âm lời tiễn biệt
Những cung sầu đầy nhịp thở xa nhau
Bến chơi vơi giọt nước ấy tan màu
Khoảnh khắc đó mộng mơ chừ có đủ*

*Đông khoan đến lòng tôi chưa ảm đủ
Mà mộng mơ Thu đã cướp đi rồi
Giấc mơ hoa suốt mùa Hạ lên ngôi
Chừ hương phấn riêng tây sâu vụn cổ*

*Ôi chốn cũ dư âm đời vọng đổ
Dáng hoa xưa vóc nguyệt thấm cung đàn
Bước âm thầm khăn áo phủ tay ngang
Dấu hội tụ miền miền dòng vọng tưởng*

*Đời trăm lối xua lòng người muôn hướng
Xa ngàn xa còn vắng tiếng mưa về
Tôi giăng tay che khuất bóng sơn khê
Chừa một nửa cho em về gói mộng.*

THIỆN ĐỊNH: PHƯƠNG THUỐC TÂN TIẾN GIÚP CƠ THỂ THÍCH ỨNG VỚI TRẠNG THÁI TOÀN CẦU HÓA

Bác sĩ Thierry Janssen

Vài lời của người dịch (Hoàng Phong):

Stress: có nghĩa là sự dồn nén, cưỡng ép trên cả hai mặt sinh lý và tâm lý, một trạng thái căng thẳng thần kinh, gây ra lo âu, sợ sệt và sau cùng là sự suy nhược cơ thể. Một nhân vật nêu lên trong bài viết này cho biết chữ stress không có trong ngôn ngữ Tây tạng, người dịch cũng nghĩ rằng không có trong ngôn ngữ Việt Nam. Tuy thế, triệu chứng khủng hoảng của trạng thái căng thẳng thần kinh xảy ra thường xuyên chung quanh ta, nhưng vì ngôn ngữ không đủ khả năng thích ứng kịp thời với hậu quả của những biến đổi trong xã hội ngày nay để nhanh chóng sáng chế ra những ngôn từ thích nghi dùng mô tả những triệu chứng ấy mà thôi. Hơn nữa những triệu chứng này bắt nguồn từ tâm thức nên lại càng khó cho ta nhận biết hơn nữa. Những phương tiện truyền thông liên tục nêu lên những biến cố chính trị, chiến tranh, thiên tai, những xung đột trên mọi lãnh vực, từ tín ngưỡng, chủng tộc, tranh giành lãnh thổ; đồng thời ảnh hưởng của các trào lưu văn hoá, từ âm nhạc đến văn chương, lối sống, cách ăn mặc kể cả những ứng dụng máy móc trong cuộc sống xã hội cũng đang lan tràn một cách rộng rãi. Nói chung là hiện tượng toàn cầu hoá đã phát triển quá nhanh, chi phối con người và làm cho con người không thích ứng kịp thời. Thiện định có thể là một phương pháp giúp con người lấy lại thăng bằng từ tâm linh đến thể xác. Gần đây, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Washington (Hoa kỳ) giữa các nhà khoa học và các nhà sư Phật giáo về vấn đề tâm linh và thiện định. Đức Đạt-Lai Lạt-Ma được mời thuyết trình trong hội nghị này. Viện Tâm linh và Sự sống (Mind and Life Institute) tổ chức thường xuyên những cuộc gặp gỡ giữa các nhà khoa học nổi tiếng cùng với Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, cũng như với các nhà sư danh tiếng khác trên thế giới để trao đổi những hiểu biết giữa khoa học và Phật giáo. Phúc trình và kết quả những lần họp như thế đều được xuất bản thành sách. Dưới đây là nội dung hội nghị được tổ chức vào cuối năm 2005 và đã được Bác sĩ Thierry Janssen tóm lược. Bác sĩ Thierry Janssen vừa là một bác sĩ giải phẫu vừa là một bác sĩ điều trị tâm thần nổi tiếng. Ông đã từng xuất bản nhiều sách về tâm linh. Tôi xin lược dịch bài viết của ông dưới đây:

Nhiều khoa học gia lừng danh thế giới họp nhau để gặp gỡ Đức Đạt-Lai Lạt-Ma và một số các nhân vật khác về tâm linh trong ba ngày từ ngày 8 đến 10 tháng 11 năm 2005. Hội nghị do Viện Tâm Linh và Sự sống (Mind and Life Institute) tổ chức tại Washington, chủ đề chính thức là «sự mềm dẻo của não bộ». Hội nghị này được tổ chức vài ngày trước khi khai mạc Hội nghị thường niên của Hiệp hội Thần kinh học, và chính trong dịp đại hội của Hiệp hội Thần kinh học, Đức Đạt-Lai Lạt-Ma cũng đã được mời đọc diễn văn khai mạc.

Sự hiệp lực giữa Khoa học và Phật giáo

Viện Tâm linh và Sự sống có thể là một tấm gương tiêu biểu nhất cho sự hợp tác và hỗ trợ giữa những ngành học rất khác nhau và sự hiểu biết đa dạng. Khởi sự gồm có hai người: người thứ nhất là Adam Engle, một người Mỹ vừa là luật gia vừa là nhà kinh doanh và người thứ hai là Francisco Varela, gốc nước Chi-li, một nhà sinh học về thần kinh, tốt nghiệp trường Harvard, giữ chức vụ điều hành và khảo cứu gia của Trung tâm Khảo cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS: Centre National de la Recherche Scientifique) tại Paris. Không có gì giúp ta có thể tiên đoán trước sự gặp gỡ sau này của hai người vừa kể trên đây, ngoài sự kiện cả hai đều quy y Phật giáo, và cả hai đã nghe nói Đức Đạt-Lai Lạt-Ma là người rất quan tâm đến nền khoa học Tây phương. Lại có thêm một người nữa, một người thứ ba thuộc nữ giới, đó là bà Joan Halifax, giảng dạy về Thiền học Phật giáo và chuyên gia về pháp thuật, bà này nảy ra ý định rất hay là tổ chức cho hai người trên đây gặp nhau vào năm 1985. Sau cuộc gặp gỡ đó của hai người, Viện Tâm Linh và Sự sống được thành lập. Với chủ đích: thiết lập đối thoại giữa khoa học và Phật giáo. Hai nền văn hoá đó sẽ ra sức, tùy theo những phương pháp cá biệt của mỗi ngành,

để tìm hiểu bản chất của thực tại, nhắm vào mục tiêu cải thiện hoàn cảnh con người. Dự án trên đây là một dự án khá tham vọng. Vì thực tế, không có gì khó hơn là thiết lập đối thoại mang tính cách xây dựng giữa hai nền văn hoá khác nhau. Nhưng thực tế cho thấy chỉ hai năm sau đó, cuộc gặp gỡ đầu tiên được tổ chức tại Dharamsala (Ấn độ) nơi tư thất của nhà lãnh đạo tinh thần của người dân Tây tạng là Đức Đạt-Lai Lạt-Ma và những nhà khoa học. Tiếp theo đó, khoảng một chục cuộc hội họp nhỏ hơn đã được tổ chức đều đặn cho đến năm 2003, khi trường Đại học danh tiếng là Massachusetts Institute of Technology (MIT) mời ông Engel đứng ra tổ chức một hội nghị ở Boston với một cử tọa rộng lớn hơn nữa. Vào lúc ấy thì ông Francisco Varela đã qua đời vào tháng 5 năm 2001. [Ghi chú thêm của người dịch: Đức Đạt-Lai Lạt-Ma được thông báo ông Francisco Varela ngã bệnh và Hình như Ngài đã linh cảm thấy trước sự ra đi của ông này và Ngài đã cho thu băng video hình ảnh và những lời dặn dò của Ngài đề cập tới gọi sang Paris cho ông Francisco Varela nghe trước khi ông từ trần]. Nếu còn sống có lẽ ông sẽ phải hân hoan lắm khi thấy kết quả đối thoại do Viện Tâm linh và Sự sống đem đến đang thu hút sự quan tâm cao độ của tất cả cộng đồng khoa học.

Cách hai mươi năm trước đây, mấy ai có thể ngờ được lần hội nghị thứ mười ba của Viện Tâm linh và Sự sống, nêu lên những đối thoại giữa khoa học và tâm linh lại được hai thể chế uy tín như Đại học Johns Hopkins ở Baltimore và Đại học Georgetown ở Washington đứng ra hỗ trợ? Trong buổi khai mạc, Ông Edward Miller, khoa trưởng phân khoa y học Johns Hopkins đã đứng lên phát biểu như sau: «Sứ mạng của chúng ta là đề cập đến những lãnh vực chưa được khám phá và tìm hiểu những gì chưa có thể hiểu nổi. Chúng ta nên đón nhận những thách thức mới để đem đến những giải đáp mới». Chủ đề nêu lên trong lần hội họp này là cơ sở khoa học và hiệu quả trị liệu do thiền định mang đến. Đây là những thách thức mà các nhà nghiên cứu Tây phương đã nêu lên từ lâu. Nhưng từ khi ngành Thần kinh học thành công với một số tiến bộ mới nhất gần đây, người ta mới bắt đầu tìm thấy những câu giải đáp. Đó cũng là những gì mà hai nhà khoa học Jon Kabat-Zinn và Richard Davidson, phụ trách chương trình khoa học cho những buổi họp đang diễn ra, đã chứng minh qua suốt quá trình thực hiện lâu dài của họ.

Một phương cách chống lại sự căng thẳng thần kinh (stress)

Từ những năm đầu thập niên 1970, nhà sinh học Jon Kabat-Zinn đã chú tâm đến những phản ứng liên quan giữa thân xác và tâm thức. Sau đó, ông nhanh

chóng nhận thấy muốn nghiên cứu về về sự tương tác giữa thân xác và tâm thức phải nhờ đến các kỹ thuật thiền định dựa vào khái niệm “tâm linh tỉnh thức” (pleine conscience – mindfulness). Đó là cách làm cho tâm thức an bình để buông xả thân xác. Loại bỏ mọi ý nghĩa phụ thuộc cố tính cách tôn giáo, hoặc ngoại lai có tính cách đồng phương, ông đề nghị một danh từ hoàn toàn mang tính cách khoa học cho phương pháp do ông đề xướng: giảm căng thẳng thần kinh bằng tâm linh tỉnh thức (mindfulness-based stress reduction: MBSR). Ông Kabat-Zinn giải thích «đây là cách đưa thiền định vào việc trị liệu của y khoa». Phương cách này trước hết là giúp phát huy sự chú tâm vào hiện tại, từng giây phút một và từng giây phút một. Đó là phương cách thiền định đã được “đơn giản hoá” mà ông giảng dạy trong Khoa bệnh lý chữa trị căng thẳng thần kinh (stress) tại Đại học Massachusetts. Chương trình giảng huấn của ông khá đơn giản: một buổi thiền định kéo dài hai tiếng rưỡi, mỗi tuần một lần trong tám tuần liền, thêm vào đó mỗi buổi một giờ thực tập tại nhà. Từ 25 năm nay đã có hơn mười lăm ngàn người nhờ vào cách trị liệu này để chữa trị các chứng bệnh rất đa dạng như các bệnh về tim mạch, sida, đau nhức kinh niên, xáo trộn tiêu hoá của bao tử và đường ruột, nhức đầu, áp huyết cao, mất ngủ, lo âu và hoảng sợ. Cách trị liệu bằng thiền định này, tức là MBSR, đã đem đến nhiều kết quả mỹ mãn, vì thế đã được đem ra giảng dạy cho sinh viên tại 29 trường Đại học y khoa trên khắp nước Mỹ. Ông Jon Kabat-Zinn đã giải thích với Đức Đạt-Lai Lạt-Ma như sau: «Điều này đã làm thay đổi mối tương quan giữa bác sĩ và bệnh nhân». Nhiều nghiên cứu về y khoa càng ngày càng chứng minh mạnh mẽ hơn về lợi ích của phép trị liệu trên đây. Trong số những nghiên cứu được đem ra phúc trình trong buổi hội nghị về Tâm linh và Sự sống, cho thấy trong trường hợp bệnh vẩy nến (psoriasis) [Ghi chú thêm của người dịch: đây là bệnh mãn tính ngoài da, da bị những mảng đỏ và tróc ra thành những vẩy trắng], cách trị liệu bệnh này bằng tia sáng cực tím sẽ mang đến nhiều hiệu quả rõ rệt hơn nếu phối hợp với phương pháp thiền định MBSR. Ông Kabat-Zinn kết luận rằng: «Thiền định, nhờ vào tác động của nó trên sự căng thẳng thần kinh, có thể giữ một vai trò thiết yếu để ngăn ngừa và trị liệu rất nhiều những bệnh tật liên hệ khác». Quan điểm này cũng đã được nhiều người tán đồng, chẳng hạn như ông Robert Salpolky, giáo sư sinh học và thần kinh học của Đại học Stanford (Hoa kỳ), ông John Sheridan, giáo sư miễn dịch học Đại học Ohio State University (Hoa kỳ) và bà Esther Sternberg, giám đốc chương trình khảo cứu về miễn dịch học của Viện Y tế Quốc gia National Institute of Health (Hoa kỳ), (tương đương với tổ chức INSERM của nước Pháp).

Đem các nhà sư vào phòng thí nghiệm

Ông Richard Davidson là một người bạn từ lâu của ông Kabat-Zinn, nhưng ông lại dùng một lối nghiên cứu rất táo bạo hơn là lối trị liệu theo kinh nghiệm của ông Kabat-Zinn. Chẳng qua vì ông là một giáo sư về tâm lý học và tâm thần học tại Viện Đại học Wisconsin (Hoa Kỳ), đồng thời ông cũng là giám đốc một phòng thí nghiệm siêu tân tiến trang bị máy móc ghi nhận tín hiệu điện lực và hình ảnh bằng cộng hưởng từ (MRI), những trang bị này đã giúp ông ghi nhận trực tiếp những sinh hoạt của não bộ. Vì thế ông đã chứng minh cho thấy việc thiền định đều đặn làm gia tăng sức hoạt động thuộc vùng phía trước của não bộ bên trái (phần này gọi là vỏ não thuộc phần trán phía trước: cortex préfrontal), vùng não này liên hệ đến sự quản lý những xúc cảm tích cực, và do đó đã tạo ra sức đề kháng hiệu quả hơn về miễn dịch. Sau hai tháng, một cuộc thử nghiệm về chủng ngừa cho thấy chất kháng thể tiết ra trong cơ thể của những người thực thi thiền định đều đặn cao hơn hẳn đối với những người không thiền định.

Trong một cuộc thí nghiệm khác, với sự tham dự của một nhà sư người Pháp là ông Mathieu Ricard [Ghi chú thêm của người dịch: ông M. Ricard là tiến sĩ khoa học, con của một triết gia, nhà văn, bình luận gia, thuộc hàn lâm viện của Pháp, chính ông này đã chọn một tên khác là J.F.Revel vì không muốn cả hai cha con cùng nổi danh dưới một tên như nhau. Hai người có viết chung một quyển sách tựa đề là «*một nhà sư và một triết gia với Đạo Phật ngày nay*». Ông M. Ricard tu theo Phật giáo Tây tạng và là thông dịch viên tiếng Pháp chính thức của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma. Mẹ ông và chị ông cũng quy y Phật giáo], ông Richard Davidson và ông Antoine Lutz (một người Pháp, cựu đệ tử của Ông Francisco Varela), cho thấy sự sinh hoạt não bộ của những người tu hành đã thực thi hơn mười ngàn giờ thiền định phát ra những làn sóng gamma nhiều hơn gấp bội so với những người không quen thiền định. Ông Wolf Singer, giám đốc viện Max Planck tại Frankfurt (Đức quốc), cũng có tham dự trong hội nghị, giải thích vai trò của những làn sóng gamma là làm gia tăng sự điều hành và phối hợp mọi sinh hoạt của não bộ, giúp nhiều khu vực của não đồng bộ hoá sự sinh hoạt, và đồng thời cũng nâng cao cấp bậc tâm linh của những người tu tập thiền định. (Năng lượng) này đã có sẵn từ trước trong những cá thể trên đây và đã góp phần thúc đẩy họ đi tu, nhưng tuyệt nhiên không phải là những gì mà họ đã đạt được bằng sức mạnh thiền định kiên trì sau khi đã đi tu rồi. Để trả lời cho giả thuyết này, hai ông Lutz và Davidson đem ra so sánh những «*thành quả*» của những nhà sư đã thiền

định suốt bốn mươi ngàn giờ và những nhà sư chỉ thiền định được mười ngàn giờ. Kết quả hết sức hùng hồn: các nhà sư càng thiền định được nhiều giờ, số lượng làn sóng gamma của họ phát ra càng cao, và hiện tượng này không lệ thuộc gì với tuổi tác của họ. Ông Wolf Singer kết luận như sau: «*vì thế hình như sự tập luyện tâm linh có thể đưa đến một dạng thể tinh thần cởi mở hơn và một thể dạng tâm thức trong sáng hơn*».



Hai ông Richard Davidson và Ricard Mathieu trước máy chụp hình bằng cộng hưởng từ tính trong phòng thí nghiệm

Mặt khác, những hình ảnh do cộng hưởng từ tính ghi nhận sự vận hành của các chức năng của bộ óc cho thấy các nhà sư sành sỏi trong việc thiền định, sức hoạt động của vỏ não trán thuộc phần bên trái, liên quan đến những xúc cảm tích cực, gia tăng một cách rõ rệt. Hơn nữa, khi các hình ảnh chụp các cảnh tượng đau đớn đưa cho các nhà sư đang được thí nghiệm xem, tức khắc những vùng não bộ tương ứng với những vận hành đau đớn đã được các nhà khoa học biết trước liền bị kích động. Sự kiện này xảy ra giống như thiền định đã kích thích các nhà sư chuyển sang hành động để cứu giúp những người đang bị đau đớn. Ông Mathieu Ricard bình luận việc này như sau: «*rút lui khỏi thế giới này để thiền định chắc chắn là cách chuẩn bị để trở nên công minh hơn khi quay trở về với thế giới chung quanh*».

Huấn luyện não bộ

Khái niệm chính nêu lên trong những ngày hội thảo của tổ chức Tâm linh và Sự sống là khái niệm về sự mềm dẻo của não bộ. Khám phá này tương đối mới mẻ: tùy thuộc vào sự vận dụng mà mạng lưới liên kết các tế

bào thần kinh sẽ bị thoái hoá hay ngược lại được phát sinh thêm và củng cố chặt chẽ hơn. Và cũng như ông Richard Davidson đã ghi nhận, kết quả từ thiền định hình như đã chứng minh cho thấy các tín hiệu hoàn toàn mang tính cách tinh thần đủ sức gây ra hiện tượng hủy hoại hay củng cố mạng lưới liên kết giữa các tế bào thần kinh đã nói đến trên đây. Một số những biến đổi có thể hiển hiện trong vòng vài phút hay vài giờ thiền định. Một số những biến chuyển khác, sâu xa hơn, đòi hỏi thời gian lâu hơn. Vì thế, kỷ cương và thực tập – những thành phần thiết yếu của mọi phương thức thuộc về tinh thần – không những chỉ ảnh hưởng đến tư duy mà còn gây ra những cải biến thật sự giúp vào việc hoàn chỉnh sự sắp xếp các tế bào não, và nhất định hậu quả của việc cải thiện đó sẽ lan rộng vào sự vận hành của thân xác. Khám phá trên đây đã đem đến niềm hân hoan cho Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, và cả những người khác nữa như ông Thomas Keating (tu sĩ người Mỹ dòng Xi-tô), ông Ajahn Amaro (nhà tâm lý học và nhà sư Phật giáo người Anh), bà Jan Chozen Bays (bác sĩ nhi đồng và ni sư Phật giáo người Mỹ), bà Joan Halifax [Ghi chú thêm của người dịch: Joan Halifax là một ni sư Phật giáo nổi tiếng, tiến sĩ về nhân chủng học, giảng dạy về Thiền học Phật giáo] và tất cả những nhân vật nổi danh khác về tâm linh trên thế giới đang ngồi rải rác chung với hai ngàn năm trăm người tham dự suốt trong ba ngày thuyết trình.

Ông Jack Kornfield, một nhà tâm lý học và cũng là một nhà sư Phật giáo, tác giả của quyển sách rất dễ thương *Sau cơn nhập định là sự tẩy giết* (nhà xuất bản La Table Ronde, 2001), đang ngồi cạnh Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, đã lưu ý rằng có hàng ngàn phương cách thực thi «tâm linh tinh thức». Một trong những phương cách ấy là cách chữa trị bằng sức mạnh nhận thức dựa vào tâm linh tinh thức (mindfulness-based cognitive therapy: MBCT), đây là phương cách đặc biệt thích ứng với nền y khoa Tây phương. Đó là cách quan sát những giác cảm trên thân xác và những tư duy trong tâm thức, từng khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác, nhưng không bám níu vào đó. Phương pháp này, xuất phát từ phương pháp thiền định MBSR của ông Jon Kabat-Zinn, một phương pháp đang độ sức ráo riết với các phương pháp chữa trị khác bằng nhận thức và bằng hành vi thân xác xử dụng vào việc chữa trị bệnh suy nhược thần kinh và những tái phát dai dẳng của bệnh này. Kết quả do ông Zindel Segal, giáo sư tâm thần học tại Đại học Toronto (Gia nã đại), đưa ra thật hết sức hùng biện: cách dùng giả dược để làm đối chứng thí nghiệm (placebo) cho thấy có 19% kết quả trong việc chữa trị sự tái phát của bệnh suy nhược thần kinh, trong khi đó cách thiền định MBCT cải thiện hẳn kỷ lục này và cho thấy 60% trường hợp được

chữa khỏi, như thế kết quả xấp xỉ gần bằng con số 75% so với cách chữa trị cổ điển bằng sức mạnh nhận thức, với cách trị cổ điển này người bệnh tập thay đổi những định kiến và cách phản ứng của họ trước những biến cố trong cuộc sống. Dù sao, các kết quả do bà Helen Mayberg, giáo sư tâm thần học và thần kinh học thuộc Đại học Emory University, thuộc tiểu bang Atlanta (Hoa kỳ) có vẻ đã chứng minh cho thấy, trên cấp bậc não bộ, phương cách tác động của thiền định và hậu quả phát sinh từ phương pháp thiền MBCT không giống với cách tác động do phương pháp điều trị cổ điển bằng nhận thức. Hình ảnh ghi nhận được bằng máy chụp cắt lớp do phát xạ positron (PETScan) cho thấy rằng dạng thể «tâm linh tinh thức» tác động trực tiếp vào trạng thái duy trì sự thăng bằng giữa những khu vực của não liên quan đến sự vận hành thân xác và những khu vực tác tạo ra tư duy. Thiền định và phương pháp MBCT chứng tỏ cho thấy đây là một phương pháp y khoa trị liệu đích thực, hiệu quả trên thể xác và cả phần tâm thức nữa.

Làm thế nào để hội nhập được sự khổ đau gây ra bởi truyền thông?

Như đã trình bày trên đây, tuy là một cách tu tập tâm linh xưa cả hàng nghìn năm nhưng thiền định đang trở thành một phương thuốc chữa trị cho những khổ đau của xã hội hiện đại. Chẳng những thiền định không phải là một phương pháp lỗi thời, mà còn có thể đơn giản được xem như một phương pháp vượt xa hơn và đi trước thời đại của chúng ta. Bà Esther Sternberg lưu ý như sau «không có chữ nào trong ngôn ngữ Tây tạng có thể dùng để dịch chữ *stress* ». Tuy thế, nhất định là stress, sự căng thẳng thần kinh, là cội nguồn của vô số những khổ đau gây ra cho chúng ta từ tâm thần đến thể xác. Đó là sự sợ hãi, lo âu, căng thẳng, đốn đau, nóng nảy và hung bạo. Ông John Teasdale, một nhà tâm lý học và khảo cứu gia thuộc Đại học Cambridge (Anh quốc) đã công nhận rằng «thật hết sức hữu ích nếu biết tập cho mọi người cách điều hòa sự chú tâm của họ, làm tan biến sự sợ hãi và khai triển cho họ một thái độ trung hoà trước những biến cố của sự sống». Vì thế mà Đức Đạt-Lai Lạt-Ma đã nhắc nhở rằng «mục đích chính của những đối thoại do Viện Tâm linh và Sự sống nêu lên là giúp đỡ nhân loại đang làm môi cho hung bạo». Bà Jan Chozen Bays tỏ ra lo lắng vì «sự hung bạo đang được nuôi dưỡng bởi những phương tiện truyền tin», bà nêu lên sự kiện «bộ óc của chúng ta rất có thể không đủ sức để nuốt chửng vô số những khổ đau như thế. Ngày xưa, ta chỉ cần đối đầu với những khó khăn trong một bộ lạc nhỏ bé. Ngày nay, chính là cái khổ đau của cả thế giới mà truyền hình đưa lên và bắt buộc ta phải đối đầu».

Theo ý kiến của rất nhiều chuyên gia đang hiện diện trong hội nghị này tại Washington, sự hiểu biết tường tận về cách thức vận hành trên phương diện thần kinh học của thiền định sẽ giúp chúng ta ứng dụng những nguyên tắc ấy vào việc ngăn ngừa và những phương pháp trị liệu. Ông Ralph Snyderman, giáo sư y khoa và cựu chủ nhiệm Đại học Duke University (Hoa kỳ) nhận thấy rằng «tất cả chúng ta, tuy dùng những phương tiện khác nhau, nhưng đã đạt đến được giai đoạn như ngày hôm nay. Tuy nhiên, tất cả chúng ta vẫn hy vọng có thể tìm được những phương tiện làm bớt đi sự khổ đau. Và đồng thời, tất cả chúng ta cũng đều hiểu rằng kỹ thuật đơn thuần không làm được điều đó». Chẳng những ta không chối bỏ những gì nền khoa học y khoa đã thực hiện được, nhưng ta phải nhận thấy rằng đã đúng lúc nên ghép thêm vào nền y khoa đó những phương pháp trị liệu phát xuất từ những kinh nghiệm hàng ngàn năm của nhân loại. Bà Jan Chozen Bays thừa hưởng hai nền văn hoá khác nhau, cả khoa học lẫn tâm linh, lợi điểm đó đã giúp cho bà bắc được nhịp cầu cần thiết đưa đến phương thức y khoa «hội nhập» trên đây. Bà nhận định như sau: «nếu như đã chứng minh được việc ẩn cư thiền định có thể chữa trị được chứng bất an tinh thần, thì cũng rất đúng khi cho rằng một liều thuốc chống bệnh trầm cảm đôi khi cũng cần thiết giúp cho người bệnh thoát ra khỏi vực thẳm để đủ khả năng hoạch định cho mình một chương trình tu tập về thiền».

Một viên chức của Bộ Giáo dục Hoa kỳ (U.S. Department of Education) đang ngồi cạnh tôi đã quay sang nói với tôi như sau: «Để đối đầu với vấn đề chú tâm và tánh khí hung hãn nơi học đường, có thể phải đem thiền định để giảng dạy cho trẻ em từ các lớp nhỏ». Có thể đây cũng là những gì mà ông Richard Davidson hằng ước mơ khi ông tuyên bố như sau «một ngày nào đó, ngoài chương trình ‘thể dục’, biết đâu con cháu chúng ta sẽ được thừa hưởng thêm sự hướng dẫn về ‘cách luyện tập tinh thần và tâm linh’». Ai mà biết trước được?

Dù sao đi nữa, thật hệ trọng phải hiểu rằng vấn đề tâm linh nêu lên ở đây với ý nghĩa đơn thuần của nó, đứng ra bên ngoài những thành kiến tôn giáo. Đức Đạt-Lai Lạt-Ma xác định một cách rõ ràng: «đây không phải là vấn đề đức tin hay lòng tin, nhưng đúng hơn là một mối quan tâm về đạo đức và luân lý. Chúng ta phải nhận lấy trách nhiệm làm người của chúng ta và xử dụng trí thông minh của chúng ta để tìm hiểu bản chất và sự vận hành của tâm thức chúng ta». Điều minh xác trên đây có thể trấn an một số khoa học gia còn ngờ vực và chỉ muốn khoa học phải độc lập với mọi hình thức ảnh hưởng tôn giáo. Đúng vậy, trên thực tế sự tranh luận thật sôi động.

Bằng cứ đã có một kiến nghị do một số bác sĩ và khảo cứu gia phản đối, chống lại việc Hiệp hội Thần kinh học (Society for Neuroscience) mời Đức Đạt-Lai Lạt-Ma đọc diễn văn khai mạc Đại hội của họ sắp diễn ra tại Washington, vài ngày sau khi hội nghị của Viện Tâm linh và Sự sống bề mặt. Trong buổi đại hội độc đoán mang nặng tín điều ấy, Đức Đạt-Lai Lạt-Ma đưa ra những lời nhắn nhủ như sau: «nếu như khoa học có thể chứng minh được là sai những điều mà Phật giáo tin tưởng, thì Phật giáo sẽ thay đổi những điều ấy ngay». Nhưng thực tế lại bắt buộc ta phải nhận thấy rằng ngày nay những kết quả xuất phát từ kinh nghiệm hàng ngàn năm của Phật giáo trùng hợp với những gì do phương pháp khoa học đã đem đến. Và cả hai phía, Phật giáo và khoa học, đều ôm ấp một hoài bão chung là góp phần giúp sức cho sự tiến hoá của nhân loại, vì thế quả thật hợp lý khi nhìn thấy hai bên chung lưng hợp sức với nhau. Có phải chăng Isacc Newton đã từng viết như sau: «Con người dựng lên quá nhiều bức tường, nhưng bắc được quá ít những nhịp cầu?»

Bures-Sur-yvette, 11.03.07

Người dịch: **Hoang Phong**

Source: www.quangduc.com



Thơ

TRẦN HUY SAO

HOÀI NIỆM VỀ MỘT GÓC SÂN CHÙA LINH QUANG

Tôi xa rồi một góc sân Chùa cũ
Bỏ cuộc chơi thời thơ ấu ngọt ngào
Đời bỗng thấy sao mà mưa lũ
Chẳng tỉnh yên gì ngày tháng nghiêng chao!

Thầy thường dạy sắc không đời hạn hẹp
Lớn lên rồi bụng chữ trống trơn
Chỉ còn lại góc sân Chùa vồn vện
Làm hành trang mà nhập cuộc với Đời!

Vào gặp Phật có bao điều khổ hạnh
Sân si cùng bỏ mặc bên đời
Tôi vụng dại ngộ lời cùng bá tánh
Trái tim tôi em dạy biết vui buồn!
Từ dạo ấy sa chân vào địa ngục
Ngất ngây đời đầy đọa dưới chân em
Tôi bỏ lưng một góc sân Chùa cũ
Để theo em quên lú cả đường về!

Thầy dạy tôi tìm lành lánh dữ
Tâm an nhiên giữa phiền trần mười phương
Buổi gặp em tôi chẳng còn ý tứ
Gieo nhân yêu và gặt quả đoạn trường!

Thầy đã dạy mà tôi thì quên lửng
Gặp em rồi quên nhớ cũng bằng không
Tôi chẳng thể là góc sân Chùa cũ
Càng bất ưng chạy tịnh tôi nằm không!

Nên từ đó tôi xa Thầy nhập cuộc
Nắm tay em cùng vào bến sân si
Tôi tình nguyện làm người trần tục
Và yêu em cho biết thú-đau-thương!!!...

HƯƠNG NGỌC LAN (*)

cũng từ chùa Linh Quang, ngày đó...

Đi vô cửa Từ Bi, cúi mặt
Dấu cái tâm vọng động đời thường
Thấy em quỳ thành tâm lễ Phật
Hương trầm thơm thánh thiện mười phương

Chỉ phương tôi nghiệp chướng sâu dày
Trái tim lạc giữa lối kinh, kệ
Đuôi con mắt biển tình sóng dậy
Ngó sân si chặn lối em về!

Hương Ngọc lan quyến hồi Bát nhã
Chiều nghiêng chao vạt nắng lưng đồi
Chân hệt hăng rượt vui hương sắc
Cõi-tình-em từ đó dong chơi!

Và từ đó Đời cho nhập cuộc
Đẩy đưa nhau vào chốn phù vân
Hương Ngọc Lan của thời mới lớn
Còn nương quê vãng cảnh sân Chùa...

(*) Phan Ní Tấn (ND) phổ nhạc cùng tựa đề.



NGUYỄN DU VÀ ĐẠO PHẬT

Doãn Quốc Sỹ

Nói đến Nguyễn Du là nói đến Truyện Kiều trước hết và dĩ nhiên chúng ta cũng không quên bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của người nữ. Vậy tốt hơn hết chúng ta hãy “Cáo thơ lần giờ trước đèn” để xem đạo Phật đã thể hiện ra sao qua nội dung truyện Kiều.

Chúng ta hãy ôn lại Truyện Kiều từ đầu tới cuối.

Vào dịp:

Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh

Kiều đã cùng hai em là Vương Quan và Thúy Vân đi chơi xuân, gia nhập vào cảnh:

Dập dều tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Và Kiều đã chứng kiến cảnh nắm mồ hương khói vắng tanh của nàng Đạm Tiên, một ca nhi tài sắc một thời. Và nàng Kiều đã nói:

Đã không kè đoái người hoài

Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương

Rồi đối cảnh sinh tình:

Rút trâm sẵn giắt mái đầu

Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn

Và Đạm Tiên đã hiển linh để tạ lòng người tri kỷ khiến Kiều càng xúc động:

Lòng thơ lại lắng bồi hồi

Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Kế đó là cuộc gặp gỡ Kim Trọng – (bạn của Vương Quan) – lần đầu tiên:

Chàng Vương quen mặt ra chào

Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa

Tuy nhiên với Kiều thì tình ý có tế nhị hơn:

Người quốc sắc kẻ thiên tài

Tình trong như đã mặt ngoài còn e

Đêm đó Kiều mơ thấy Đạm Tiên tới báo cho Kiều hay là:

Một mình lưỡng lự canh chầy

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh

Vương bà chợt thức giấc hỏi Thúy Kiều vì sao trằn trọc khóc thầm trong lúc canh khuya như vậy, và Thúy Kiều đã thành thực thưa với mẹ về việc Đạm Tiên báo

mộng cho biết số kiếp đoạn trường sau này của cuộc đời nàng. Và Vương Bà đã nói với con:

Dạy rằng “Mộng huyền chắc đâu

Bồng không mua nảo chuốc sầu nghĩ nao!

Trở lại với chàng Kim thì lòng chàng cũng

Mành tương phân phát gió đàn

Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình

Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người

Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi.

Nhưng mấy lần tới trước cổng nhà Kiều thì:

Thâm nghiêm kín cổng cao tường

Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh

Kim Trọng bèn thuê căn nhà của một thương gia ngay sát bên nhà Kiều:

Lấy điều du học hỏi Thuê

Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang

Nhưng đã hai tuần trăng qua mà chàng Kim vẫn chưa có dịp được thấy mặt nàng Kiều.

Cho đến một hôm:

Cách tường phải buổi êm trời

Dưới đào đường có bóng người thướt tha

Buông cầm xóc áo vội ra

Hương còn thơm nức người đà vắng tanh

Lần theo tường gấm dạo quanh

Trên đào nhác thấy một cành kim thoa

Kim Trọng đã vội lấy cành kim thoa chờ lúc Thúy Kiều từ trong nhà trở ra tìm mới lên tiếng:

Thoa này bắt được như không

Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về

Và vào dịp Thúy Kiều xin lại cành kim thoa, Kim Trọng mới có dịp bày tỏ nỗi lòng tương tư của chàng và xin được hứa hôn cùng nàng. Thúy Kiều đã đáp lời chàng:

Dù khi lá thắm chỉ hồng

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha

Tuy nhiên chàng Kim đã nhân dịp đó mà cùng nàng Kiều:

Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ
Với càn thoa ấy tức thì đôi trao
Sau đó nhân ngày sinh nhật ngoại gia, cả nhà đi dự
duy có nàng Kiều ở nhà một mình mới có dịp
Cánh hoa sẽ đặng tiếng vàng
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông
Và Thúy Kiều đã gặp Kim Trọng ngay tại căn phòng
thuê của chàng, ngắm bức họa mới vẽ của chàng, và theo
lời đề nghị của chàng, Kiều đã:

Tay tiên gió tấp mưa xa

Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu

Câu chuyện cứ tiếp diễn như vậy, Kiều đã có lần
đánh đàn cho Kim Trọng nghe. Lần đó Kim Trọng đã:

Xem trong âu yếm có chiều lả lơi

Và Kiều đã phải cảnh giác chàng:

Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi

Để cho thua hết một lời đã nao

...

Ra tuồng trên Bộc trong dẫu

Thì con người ấy ai cầu làm chi

Rồi sau đó Kim Trọng phải về quê Liêu Dương thọ
tang chú. Vương Ngoại bị vu oan, Thúy Kiều lâm cảnh
bán mình chuộc tội cho cha. Thế là bắt đầu 15 năm lưu
lạc của nàng, bán mình cho Mã Giám Sinh – tay sai của
mụ Tú Bà. Đi một tháng tròn mới tới Lâm Truy. Kiều đã
dùng dao tự vẫn trước Tú Bà. Trong cơn ngất bần bật
này, Kiều đã gặp lại Đạm Tiên và được nàng cho hay:

Rỉ Rẻng: “Nhân quả dở dang

Đã toan trả nợ đoạn trường được sao

Số còn nặng nghiệp má đào

Nàng dù muốn quyết trời nào đã cho

Hãy xin hết kiếp liễu bờ

Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau.”

Tới đây chúng ta mới thấy Nguyễn Du đề cập tới
nhân quả của nhà Phật, nghiệp của Nhà Phật.

Trước ý chí cương quyết của Kiều, Tú Bà nhượng
bộ, và Kiều được ra ở lầu Ngưng Bích. Tại đây Sở
Khanh xuất hiện nói là sẽ ra tay tế độ cứu nàng. Nhưng
khi Kiều đã ưng theo lời Sở Khanh thì Sở Khanh lẫn trốn
và Tú Bà đã bắt Kiều trở lại lầu xanh tại Lâm Truy. Nơi
đây Kiều gặp được Thúc Sinh—đã có vợ Cả là Hoạn
Thư—ra tay tế độ cứu nàng ra khỏi chốn lầu xanh. Cha
mẹ Thúc Sinh nổi giận đòi trả lại Kiều về chốn lầu xanh.
Nhưng qua lời thú thực của Thúc Sinh, phủ Quan được
biết Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn, có tài làm thơ. Phủ
Quan ra lệnh Kiều để thơ và khi xem bài thơ của Kiều
phủ Quan đã phải thốt lên:

Khen rằng giá đáng thịnh đường

Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân

Và Thúc Ông cũng đôi thái độ mà:

Thương vì hạnh trọng vì tài

Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba
Suốt một năm rông hương lửa, Kiều khuyên Thúc
Sinh nên về thăm vợ cả Hoạn Thư:

Xin chàng kíp liệu lại nhà

Trước người đẹp ý sau ta biết tình

Nhưng Thúc Sinh đã không làm theo lời khuyên của
nàng vì nghĩ rằng:

“Nào ai có khảo mà mình lại xưng”

Sau khi đã sum họp vợ chồng với Hoạn Thư, đã tới
thời Thúc Sinh trở lại Lâm Truy gặp lại Kiều. Thúc Sinh
đi theo đường bộ, Hoạn Thư sai gia nhân đi đường biển
gần hơn tới Lâm Truy trước đó để bắt Kiều về. Trong
khi đó với Kiều thì:

Đêm thu gió lọt song đào

Nửa vành trăng khuyết ba sao trên trời

Nén hương đến trước Phật đài

Nỗi lòng khấn chưa cạn lời vân vân

Dưới hoa dậy lữ ác nhân

Ầm ầm khóc quỷ kinh thần mọc ra

Kiều bị tưới thuốc mê mang đi, và để khiến mọi
người sau đây tưởng lầm là Kiều đã chết bèn bày bàn
thờ:

Sẵn cây vô chủ bên sông

Dem vào để đó lộn sông ai hay

Quả Nhiên khi đám gia nhân của Thúc Ông tới dập
tắt lửa cháy thì:

Chạy vào chốn cũ phòng hương

Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn

Thì ngay tình tin là Kiều đã chết cháy. Thúc Ông
bèn cho thu lượm gom lại, khâm liệm làm tang lễ. Thúc
Sinh cũng vừa về tới và dĩ nhiên cũng tin là Kiều đã chết
cháy. Nhưng gần miếu có một Thầy “Cao tay thông
huyền” Thúc Sinh bèn tìm đến hỏi thì được Thầy cho
biết Kiều “Còn nhiều nợ lắm sao đã thác cho”. Hãy đợi
một năm nữa thì sẽ biết tin! Và chính vào dịp này Thúc
Sinh sẽ lâm vào tình trạng trở trêu:

Hai bên giáp mặt triển triển

Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay

Thúc Sinh không tin lời ông Thầy và nghĩ rằng:

Chẳng qua đồng cốt quàng xiên

Người đầu mà lại thấy trên côi trần

Trong khi đó Khuyển Ưng đã khiêng Kiều xuống
thuyền và:

Buồm cao lèo thẳng cánh suyền

Dè chừng huyện tích băng mình vượt sang

Kiều bị đánh đòn rồi bị chuyển thành thị tì với tên là
Hoa Nô.

Bà quản gia thương Kiều, Hoạn Thư vào dịp nghe
Kiều đàn cũng cảm thương mà nói tay.

Thế là Kiều không được dịp gặp Thúc Sinh ở Lâm
Truy. Thúc Sinh đành rời Lâm Truy trở về gia hương.

Hoạn Thư đón mừng sai Kiều ra chào. Thúc Sinh biết mình đã mắc mưu ai rồi. Vị trí Kiều với Thúc Sinh nay đã biến đổi thành con ở và chủ nhà. Và khi Kiều bị Hoạn Thư bắt gậy đòn thì Hoạn Thư và Thúc Sinh ở hai tâm cảnh khác nhau:

*Cũng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.*

Sau đó Hoạn Thư nguôi ngoai cơn ghen và theo lời Thúc Sinh cho Kiều tu tại Quan Âm Các ở ngay vườn nhà với pháp danh Trạc Tuyền:

*Áo xanh đổi lấy Cà Sa
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền*

Nhân dịp Hoạn Thư về nhà vấn an cha mẹ, Thúc Sinh vội tìm gặp Kiều, khuyên Kiều hãy nên cao chạy xa bay:

*Liệu mà cao chạy xa bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi
Bây giờ kẻ ngược người xuôi
Biết bao giờ lại nối lời nước non
Dẫu rằng sông cạn đá mòn
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ*

Vừa lúc đó Hoạn Thư xuất hiện, nói là:

*Tìm hoa quá bước xem người viết kinh
Nhưng sau đó hỏi hoa tì Kiều được hoa tì cho hay:*

*Hoa rằng bà đến đã lâu
Nhón chân đừng nép độ đâu nửa giờ*

Do đó Kiều hốt hoảng tự nhủ thầm:

*Thân ta ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này*

Và Kiều đã trốn khỏi Quan Âm Các vào khoảng canh ba mang theo chuông vàng khánh bạc để phòng thân. Đi miệt vừa rạng sáng thì:

*Chùa đâu trông thấy nẻo xa
Rành rành Chiêu Ẩn Am ba chữ bài*

Tại đây Kiều đã gặp Sư Trưởng Giác Duyên nói thác là:

*Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh
Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu
Bản sư rồi cũng đến sau
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh
Rày vâng diện hiến rành rành
Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra
Trong thời gian được lưu trú lại chùa Kiều đã:
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng
Hương đèn việc trước trai phòng quen tay
Sớm khuya lá bối phien mây
Ngọn đèn khuê nguyệt tiếng chày nện sương
Thấy nàng thông tuệ khác thường
Sư càng nể mặt nàng càng vững chân*

Chẳng may có người tới thăm chùa nói với sư trưởng “chuông vàng khánh bạc sao giống loại chuông vàng

khánh bạc đã mất cắp tại chùa nhà Hoạn Thư.”

Chờ đêm thanh vắng Giác Duyên hỏi Kiều, Kiều thực tình thưa lại sự tình. Giác Duyên khuyên Kiều hãy sang ở tạm nhà Bạc Bà – một Phật tử thường hay lui tới chùa này.

“Ai ngờ Bạc Bà cùng với Tú Bà đồng môn”. Bạc Bà khuyên Kiều hãy lấy cháu mình là Bạc Hạnh tính tình thực thà, có cửa hàng buôn bán ở Châu Thai, 2 người lấy nhau rồi sẽ trở về Châu Thai.

Ngay phút đầu gặp mặt Kiều đã sinh nghi:

*Thiếp như con én lạc đàn
Phải cung rày đã sợ làm cây cong*

Quả thực sau này vỡ lẽ: Bạc Hạnh cũng là người buôn người và y đã bán Kiều vào lầu xanh. May thay lần này Kiều gặp được Từ Hải và được Từ Hải chuộc ra khỏi lầu xanh để:

*Trai anh hùng gặp gái thuyền quyền
Phỉ Nguyễn sánh phượng đẹp duyên cười rỗng*

Nhưng:

*Nửa năm hương lửa đương nồng
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương*

Thế là Từ Hải lại ra đi mong sớm thực hiện chí lớn. Ở lại một mình Kiều nhớ nhà, nhớ các em, nhớ chàng Kim.

Từ Hải đã thành công. Bình tướng của Từ Hải tới đón Kiều để làm lễ vu quy. Đây là dịp để Kiều trả ân báo oán. Trước hết Kiều báo ân Thúc Sinh, Giác Duyên... sau đó báo oán: Bạc Hạnh, Bạc Bà, Sở Khanh, Khuyển, Ưng, Tú Bà, Mã Giám Sinh.

Giác Duyên – Vì trước đó đã được gặp sư Tam Hợp có tài tiên tri nên khi từ biệt Thúy Kiều đã khẳng định với Kiều là trong 5 năm nữa sẽ lại gặp nhau.

Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải hãy quy hàng triều đình để được hưởng công danh phú quý. Từ Hải không muốn hàng, nhưng Kiều nhẹ dạ cả tin cô thuyết phục Từ Hải. Vì nghe theo Kiều, Từ Hải đã mắc mưu Hồ Tôn Hiến. Từ Hải chết đứng vì uất ức. Kiều gắng xin Hồ Tôn Hiến một mảnh đất để chôn Từ Hải:

*Xin cho tiện thổ một đời
Gọi là đắp diêm lấy người tử sinh*



Tối hôm đó vào lúc tiệc mừng chiến thắng Hồ Tôn
Hiển đã ép Kiều phải vào đánh đàn:

*Trong quân mở tiệc hạ công
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan
Bắt nàng thị yến dưới màn
Dở say lại ép cung đàn nhặt râu
Một cung gió thổi mưa sầu
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay
Ve ngâm vượn hót nào hay
Lọt tai Hồ cũng nhả mây rơi châu*

Và Hồ hỏi Kiều có muốn làm lại cuộc đời kết duyên
cầm sắc với ai không? Kiều đã trả lời:

*Thưa rằng: chút phận lạc loài
Trong mình nghĩ đã có người thác oan
Còn chi nữa cánh hoa tàn
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lâm
Rộng thương còn mảnh hồng quần
Hơi tàn đước thấy gốc phần là may*

Đến lúc rạng ngày Hồ Công hỏi hạn việc ép Kiều
đánh đàn cho mình nghe hôm trước:

*Nghĩ mình phương diện quốc gia
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào
Bền gán ép Kiều cho một người thổ quan:
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền*

Và:

*Triều đầu nổi tiếng đùng đùng
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền Đường*

Kiều sực nhớ lại lời Đạm Tiên xưa đã nói với mình
trong mộng:

Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau

Thế là Kiều quyết định ngay:

*Thôi thì một thác cho rồi
Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông
Trông vơi non nước mệnh mông
Đem mình gieo xuống giữa dòng Trường Giang
Thổ quan theo vớt vôi vàng
Thì đà đắm ngọc chìm hương mất rồi.*

Trở lại với Giác Duyên, từ thuở già biệt Kiều để tiếp
tục trên đường vân du, Sư bà đã có dịp gặp Tam Hợp
đạo cô bèn hỏi Đạo cô về trường hợp của Kiều:

*Người sao hiểu nghĩa đủ đường
Kiếp sao rất những đoạn trường thế thôi*

Sư bà được đạo cô cho hay là:

*Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong*

Khi thầy Giác Duyên nghe nói rụng rời đạo cô bèn
trần an ngay:

Sư rằng song chẳng hề chi

*Nghiep duyên cân lại nhắc đi còn nhiều
Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
Mắc điều tình ái khỏi đường tà dâm
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời
Hại một người cứu muôn người
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng
Thừa công đức ấy ai bằng
Túc khiến đã rửa lương tâm sạch rồi*

Như vậy là Kiều đã “đức năng thắng số”. Đạo cô
khuyên:

*Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau
Tiền đường thả một bè lau rước người*

Giác Duyên làm đúng theo lời chỉ dẫn của Tam Hợp
đạo cô. Vì vậy đã cứu được Thúy Kiều khi nàng gieo
mình xuống sông Tiền Đường và mời Kiều về thảo luận
với mình:

*Một nhà chung chạ sớm trưa
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng
Bốn bề bát ngát mệnh mông
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau*

Trở về chuyện chàng Kim. Chàng ở Liêu Dương nửa
năm, khi chàng trở về chốn cũ mới hay Kiều đã bán
mình chuộc tội cho cha Vương Quan với Thúy Vân sống
nghèo túng, may thuê viết mướn kiếm ăn lần hồi. Ông bà
Viên ngoại còn sống. Thấy chàng Kim thương nhớ Kiều,
Vương Ông quyết định vôi vàng sắm sửa chọn ngày để:

Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng

Sau đó Vương Quan, Kim Trọng thi đỗ. Kim Trọng
đi nhậm chức tại Lâm Truy, gặp Thúc Sinh mới hay về
chuyện Từ Hải chết đứng. Và Kim Trọng quyết định đi
tìm Kiều:

*Rắp mong treo ấn từ quan
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha
Dấn mình trong áng can qua
Vào sinh ra tử họa là có nhau*

Vừa lúc đó có chiếu vua cải nhận Kim Trọng tới
Nam Bình, Vương Quan tới Phú Dương. Hai chàng cùng
chuẩn bị lên đường thì vừa hay thế giặc đã tan:

Sóng êm Phúc Kiến lửa tàn Chiết Giang

Và:

*Được tin Kim mới rủ Vương
Tiền đường cùng lại tìm nàng sau xưa*

Tới Hàng Châu tìm hỏi tin tức mới hay chuyện Từ
Hải chết đứng, Thúy Kiều bị ép duyên cho thổ quan đã
trảm mình xuống sông Tiền Đường. Thật tội nghiệp: *cả
nhà vinh hiển riêng oan một nàng!* Hai chàng bèn làm lễ
chiêu hồn giải oan ngay bên bờ sông Tiền Đường thì
may sao:

*Cơ duyên đâu bỗng lạ sao
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi*

Vì gặp Giác Duyên mọi người mới biết Thúy Kiều còn sống. Kiều gặp đủ mặt người thân:

*Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao*

Nhưng khi Vương Ông bảo Kiều hãy theo mọi người cùng về thì Kiều đã thưa lại:

*Nàng rằng: Chút phận hoa rơi
Nửa đời nếm trái mọi mùi đắng cay
Tính rằng mặt nước chân mây
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không
Được rày tái thế tương phùng
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay
Đã đem mình bỏ am mây
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa
Mùi thiền đã bén muối dưa
Mầu thiền ăn mặc đã ưa nâu sòng
Sự đời đã tắt lửa lòng
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi*

Vương Ông vẫn khuyên Kiều hãy quay về sum họp, vì chấp kinh cũng phải tòng quyền rồi:

*Độ Sinh nhờ đức cao dày
Lập am rồi sẽ rước Thầy ở chung*

Và Kiều đã:

*Nghe lời nàng phải chiều lòng
Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra*

Về tới nhà trong bữa tiệc sum họp nàng Vân tuyên bố là xưa vì nạn nhà mà mới duyên của chị với chàng Kim nàng phải đứng ra thay chị nhưng:

*Bây giờ gương vỡ lại lành
Khuôn thiêng lờn lọc đã đành có nơi
Còn duyên may lại còn người
Còn vàng trắng bạc còn lời nguyện xưa*

Kiều gạt phắt lời em, vì nghĩ thân mình dãi gió dầm mưa đã nhiều. Chàng Kim khẳng khái góp ý với Kiều:

*Một lời đã chót thâm giao
Dưới đây có đất trên cao có trời
Dẫu rằng vật đổi sao dời
Tử Sinh cũng giữ lấy lời Tử Sinh*

Kiều vẫn cương quyết khước từ và thưa thẳng với chàng Kim:

*Thiếp từ ngô biến đến giờ
Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa
Bấy chầy gió táp mưa sa
Mấy trắng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn*

Và nàng đề nghị hãy từ tình duyên đôi sang tình bạn:

*Chàng dù nghĩ đến tình xa
Đem duyên cầm sắt ra duyên cầm kỳ*

Chàng Kim vẫn cương quyết nói với nàng là chữ trinh kia cũng có ba bảy đường:

*Như nàng lấy hiếu làm trinh
Bụi nào cho đục được mình ấy vay*

*Trời còn để có hôm nay
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời
Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*

Cả Vương Ông, Vương Bà cùng chàng Kim dón Thúy Kiều vào thế hết lời khôn lẽ chối lời

*Cúi đầu nàng những ngẩn dài thở than
Và nàng chịu làm lẽ đủ đôi với chàng.*

Nhưng đêm hôm đó trong phòng chỉ còn riêng hai người nàng mới thỏ thẻ nói lại với chàng lý lẽ của mình. Em Vân đã thay nàng trả nợ tình xưa, còn mình thì:

*Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cầm cho vũng lại giày cho tan
Còn nhiều ân ái chan chan
Hay gì vấy cánh hoa tàn mà chơi*

Sau cùng Kim Trọng hoàn toàn đồng ý với nàng đem duyên cầm sắt ra duyên cầm kỳ. Chàng cũng khẳng định là

*Bấy lâu đáy bể mò kim
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa
Ai ngờ lại hợp một nhà
Lọ là chẵn gỏi mới ra sắt cầm*

Và Kiều đã sửa áo cài trâm khăn đầu lạy tạ Chàng Kim:

*Thân này gạn đục khơi trong
Là nhờ quân tử khác lòng người ta*

Sau đó Kim Trọng lại yêu cầu cho nghe lại tiếng đàn xưa của nàng. Nàng thuận tình chiều ý chàng nhưng lần này thì

*Khúc đâu đầm ấm dương hòa
Ấy là hồ điệp hay là Tráng sinh
Khúc đâu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ Quyên
Trông sao châu nhỏ duềnh quyền
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đồng*

Thúy Kiều cũng không quên:

*Nhớ lời lập một am mây
Khiến người thân tớn rước Thầy Giác Duyên*

Nhưng:

*Đến nơi đóng cửa cài then
Rêu trùn kẻ gạch cỏ lên mái nhà
Sư đà hái thuốc phương xa
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai*

Thúy Kiều tiếp tục cuộc sống thanh thoi hạnh phúc của kẻ đã trả nợ xong nghiệp cũ:

*Một nhà phúc lộc gồm hai
Nghìn năm dằng đặc quan giai lần lần
Thừa ai chẳng hết nàng Vân
Một cây cù mộc một sân quế hòe*

Và Nguyễn Du đã kết thúc Truyện Kiều với những lời thơ đề cập tới chữ tài, chữ mệnh, chữ tâm, thiện căn và nghiệp nơi con người:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao
Có đầu thiên vị người nào
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai
Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần
Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần xa
Thiện tâm ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
Lời quê chấp nhặt đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Như vậy là đọc lại từ đầu đến cuối Truyện Kiều, chúng ta thấy cụ Tiên Điền đã 6 lần đề cập đến đạo Phật hoặc qua nhân vật hoặc qua tình tiết truyện.

Lần thứ nhất: Khi Kiều dùng dao tự vẫn trước Tú Bà, trong cơn ngất bần bật Kiều đã được Đạm Tiên báo cho hay:

*Rỉ Rẻng: Nhân quả dờ dang
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao
Số còn nặng nợ má đào
Người dù muốn quyết trời nào đã cho
Hãy xin hết kiếp liễu bỏ
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau*

Như vậy là lần thứ nhất này qua lời báo mộng của Đạm Tiên, Nguyễn Du đã đề cập đến luật nhân quả và chữ nghiệp của nhà Phật.

Lần thứ hai: Khi biết Thúc Sinh “vườn mới thêm hoa” (gian dú với Thúy Kiều), Hoạn Thư đã:

*Lửa tâm càng dập càng nồng
Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa*

Hai chữ lửa tâm trên đây cũng đượm phần giáo lý của Nhà Phật.

Lần thứ ba: Khi Thúc Sinh trở lại Lâm Truy bằng đường bộ để gặp lại Thúy Kiều thì Hoạn Thư đã sai lũ gia nhân đi bằng đường biển gần hơn bắt Thúy Kiều.

Trong khi đó với Kiều khi chưa bị lũ gia nhân của Hoạn Thư tới bắt thì

*Đêm thu gió lọt song đào
Nửa vầng trăng khuyết ba sao trên trời
Nén hương đến trước Phật đài
Nỗi lòng khấn chữa cạn lời vân vân*

Theo lời bàn xưa thì hình ảnh “nửa vầng trăng khuyết ba sao trên trời cũng là gián tiếp nhắc đến chữ Tâm của đạo Phật.

Lần thứ tư: Khi Kiều đã bị bán mình cho Mã Giám Sinh tay sai của Mụ Tú Bà, tới đây Nguyễn Du qua lời Đạm Tiên nói với Thúy Kiều đã đề cập tới Luật nhân quả và chữ Nghiệp trong đạo Phật:

*Rỉ Rẻng: Nhân quả dờ dang
Đã toan trả nợ đoạn trường được sao
Số còn nặng nghiệp má đào
Nàng đà muốn quyết trời nào đã cho*

Lần thứ năm: Khi Kiều trầm mình xuống sông Tiền Đường nàng được sư bà Giác Duyên cứu sống và Kiều đã theo về thảo lư chung sống với sư bà.

Lần thứ sáu: Với sáu câu sau cùng của Truyện Kiều cụ Nguyễn Du đã dùng đến chữ Nghiệp và chữ Tâm của Nhà Phật để hàm ý khuyên chúng ta một nếp sống tâm linh lành mạnh:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
Lời quê chấp nhặt đông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

Nam Mô Phật Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni
(ghi lại từ bài thuyết trình trên Phật Học Đường Vạn Hạnh Online)





Thơ

TRẦN VĂN LỆ

Thơ Buồn Xin Gửi Bụi Tro Bay

*Người Lính gục đầu trông thảm thiết! Miền Nam mất hết - chuyện thường thôi? Từ xưa chiến trận
phơi gan mật, nay nghĩa trang quân cúi mặt ngồi... Ngang bức tượng đài nghe ói máu: May mình
không chết để chôn đây! Buồn buồn ngược mặt ngăn dòng lệ rồi biết bao năm côi đọa đây...*

*Bao năm? Ai biết bao năm nhi! Nhất nhật tại tù... lịch mấy thiên! Kẻ trước, người sau, ra khỏi trại,
tắm thân bảy thước... bóng nghiêng nghiêng! Nghiêng nghiêng cả tuổi đời Xuân thắm, tay súng thay
bằng khúc gậy tre. Phù Đồng nhỏ tre mà đuổi giặc, mình chừ... tre đuổi nắng tà huy!*

*Kẻ trước, người sau, ai sống, chết... Chết đâu thấy được bài thơ này! Hỡi ơi người sống còn không
đọc, thôi đốt để nhìn chút khói mây! Tôi vậy, từ khi rời địa ngục, tượng đài người lính nhói tim luôn.
Lưu vong tới Mỹ, tôi nhìn tượng: thiên hạ không ai tạc cái buồn! Ngay ở nghĩa trang: cờ phất phới,
tượng người Lính đứng rất hiên ngang, hoa hồng hoa cúc tươi phơi phơi, e ấp, long lanh giọt nắng
vàng...*

*Nhìn thấy người ta, nghĩ lại mình: bốn ngàn năm sử rất hùng anh, một người Nguyễn Biểu, ai hơn
được, một Yết Kiêu..., ôi! Tổ Quốc tình! Sao ai là Lính mà tiu nghiu, súng đặt trên đùi đợi... nướng
trui? Cá lóc nướng trui và rượu đế, bạn nào tới quán nhậu cùng tôi? Câu thơ, bật tiếp cây diêm quẹt,
nước mắt khôn cầm, mặt kệ rơi...*

Kẻ trước, người sau, ai sống, chết, thơ buồn... xin gửi bụi tro bay...

(Mai Sau Kiếp Khác)

Góp ý với ông Võ Văn Kiệt về hòa giải dân tộc và khép lại quá khứ

Trần Trung Đạo



Young boys in a Vietnamese Refugee Camp

Trong khoảng thời gian 2 năm trở lại đây, các ý kiến của ông Võ Văn Kiệt, thông qua các bài viết nhân dịp bà mười năm nhìn lại cuộc chiến, trước ngày đại hội đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ mười, những lời phát biểu, những câu trả lời phỏng vấn dành cho các đài phát thanh và báo chí trong cũng như ngoài nước đã tạo ra nhiều chú ý trong số những người quan tâm đến vận mệnh đất nước.

Trong đêm tối trời oi bức của lịch sử dân tộc đã có những ngọn gió tư duy tương đối cởi mở thổi từ hướng những người đã từng đóng vai trò quan trọng trong chính trường Việt Nam sau 1975. Đó là một điều tốt. Rất tốt. Không giống như các bài diễn văn dài dòng thông chứa toàn những lời tuyên truyền sáo rỗng của các lãnh đạo đảng, qua tuổi tác, văn phong và thái độ của ông Võ Văn Kiệt, tôi tin những bài viết, những lời phát biểu của ông thể hiện sự chân thành nhất định và là kết quả của nhiều đêm trăn trở.

Tôi vui mừng bởi vì ông đã góp phần tạo nên một môi trường thảo luận những vấn đề sinh tử của đất nước mà trước đây không có được. Các thế hệ trẻ Việt Nam, qua những lời phát biểu của ông, có cơ hội biết đến một quãng lịch sử dân tộc đen tối do chính một trong những người chịu trách nhiệm lớn nhất của đảng và nhà nước trong giai đoạn đó kể ra. Con đường mà dân tộc đã trải qua trong suốt hơn 30 năm không phải là “con đường vinh quang” như các em đang học ở trường, những ngày mà cha chú các em đã sống không phải là “những ngày đẹp nhất dù mai sau đời vạn lần hơn”, nhưng là con đường nhuộm bằng máu và nước mắt, trong đó, “có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn” như ông Võ Văn Kiệt đã nhắc lại.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc nhân hậu và đầy lòng tha thứ. Câu nói của ông, tuy muộn màng nhưng

còn hơn là không nói. Tôi tin nhiều người dân Sài Gòn nhìn ông Võ Văn Kiệt hôm nay khác nhiều so với một ông Võ Văn Kiệt bí thư thành ủy trước đây, người đã đẩy một triệu người dân Sài Gòn đến các vùng rừng núi miền Đông hoang vu chưa ai từng đặt chân đến trước. Tôi tin trong mắt nhiều người dân Sài Gòn, hình ảnh ông Võ Văn Kiệt hôm nay khác với ông Võ Văn Kiệt, người thay mặt đảng chủ trì hàng loạt các chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa vô cùng tàn bạo đối với người dân miền Nam ngay những ngày sau 30 tháng 4, bao gồm các chiến dịch “bài trừ tư sản mại bản”, “cải tạo công thương nghiệp”, “bài trừ văn hóa đồi trụy”.

Tôi vui mừng vì một số bài viết phê bình các cấp lãnh đạo đảng, dù để cứu đảng, đã được đăng trên một số báo chí tại Việt Nam. Hẳn nhiên không phải ai viết, ai phát biểu cũng được đăng báo. Có những bài phê bình khá gay gắt, thậm chí châm biếm các cấp lãnh đạo như của ông Lê Đăng Doanh, Nguyễn Trung, Võ Văn Kiệt được phổ biến trong lúc những những đề nghị khác mang một tinh thần xây dựng thì chẳng những không được phổ biến mà tác giả của chúng còn bị cô lập, bị “mời làm việc” ngày này sang ngày khác. Tóm lại, vấn đề không phải chỉ là nội dung bài viết mà còn tác giả của chúng là ai. Cuốn tự điển mà đảng phát cho mỗi người dân tại Việt Nam, từ một em sinh viên 20 tuổi đang ngồi trong trường luật cho đến cựu thủ tướng 80 tuổi, có độ dày mỏng khác nhau. Dù sao, không khí sinh hoạt chính trị tại Việt Nam đã khác nhiều so với 30 năm trước. Những khái niệm “dân chủ”, “nhân quyền” không còn là ngôn ngữ quốc cấm hay độc quyền của đảng, và trong chừng mực nào đó đảng đã chấp nhận “chịu đấm ăn xôi”. Vấn đề là các tầng lớp nhân dân có dám đấm hay không.

Tôi vui mừng bởi vì các lời phát biểu của ông Võ

Văn Kiệt nhắm đến một hướng đi chung: con đường dân tộc là lối thoát cho đất nước. Trong phần trả lời phỏng vấn dành cho báo Viet Weekly ở Mỹ, ông Võ Văn Kiệt nói rằng: “Chúng ta phải hết sức quan tâm đến sự hòa hợp, chúng ta phải đặt dân tộc là tối thượng. Cho dù chính kiến, tôn giáo, quan điểm có khác nhau, nhưng lợi ích dân tộc phải được đặt lên trên hết”, và ông cũng nhìn nhận những phân chia, ngăn cách sau chiến tranh như “là vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm cho nó thêm rỉ máu.”

Những điều ông nói về mặt tình cảm không sai chút nào cả. Truyền thống của dân tộc Việt Nam là “nhiều điều phũ phàng giá gương”, là “lá lành đùm lá rách”, là “một giọt máu đào hơn ao nước lã” chứ không phải độc tài hay thù hận. Ngày tổ tiên chúng ta vượt sông Dương Tử cho đến bây giờ đã hơn bốn ngàn năm. Thân hình nhỏ nhai, mái tóc đen, chiếc mũi tẹt, màu da vàng mỗi người Việt đang có là sự tích lũy của bao nhiêu máu xương, mồ hôi, nước mắt trong suốt bốn ngàn năm di truyền của giòng giống Lạc Long. Thế hệ của cha chú chúng tôi, của tôi, các em tôi, đã không chỉ vượt qua sông mà còn vượt qua cả một Thái Bình Dương bao la sóng gió để tìm đất sống. Nhưng dù ở lại hay ra đi, rồi chúng ta cũng sẽ trở về với sông Dương Tử, về với quê hương Việt Nam thân yêu. Dân tộc Việt Nam, bao gồm các giá trị vật chất và tinh thần, là một thực thể thống nhất và không một thể lực nào, một ý thức hệ ngoại lai vọng bản nào có thể làm phân ly chia cách. Tiếc thay, sau 32 năm, ý nghĩa của khái niệm dân tộc vô cùng thiêng liêng quý giá đó vẫn chưa là thực tế. Dân tộc Việt Nam đến nay vẫn còn một đoàn người nối đuôi nhau làm nô lệ cho đảng Cộng sản, nhận sự ban phát từ chức tước bổng lộc đến chén cơm manh áo từ tay giới lãnh đạo đảng không khác gì thời vua chúa phong kiến. Sinh mệnh của họ và tương lai của con cháu họ vẫn còn trong tay một nhóm người rất nhỏ nhen, ích kỷ và vô cùng lạc hậu.

Nhắc đến đoàn kết dân tộc, tôi còn nhớ khoảng tháng 6 năm 2006, nhà sử học Dương Trung Quốc viết một bài gợi ý trên báo Thanh Niên “Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?”, trong đó ông nhấn mạnh đến năm thách thức lớn cho đất nước từ bang giao quốc tế đến tình trạng phụ nữ Việt Nam làm dâu xứ người và đề nghị “phải tìm cho ra những lý do của sự tụt hậu mới mong thoát được nguy cơ tụt hậu.” Ông Dương Trung Quốc cũng tế nhị chỉ nhắc đến 100 năm chống thực dân Pháp mà không đụng đến cuộc chiến tranh gọi là “chống đế quốc Mỹ” vừa qua. Báo Thanh Niên đã dùng tựa bài viết để phát động một diễn đàn thảo luận công khai. Thế nhưng trong suốt hội nghị tổng kết, các tham luận viên

đã không hiểu hay cố tình không hiểu các gợi ý của ông Dương Trung Quốc. Các ông bà hoặc đã lặp lại những lời tuyên truyền sáo rỗng như trường hợp bà Nguyễn Thị Bình “nhân dân ta phải phấn đấu rất nhiều nữa, phải có quyết tâm lớn, đồng thời có trí tuệ cao mới có thể khắc phục những yếu kém và khó khăn, tận dụng cơ hội đưa đất nước tiếp tục đi lên để ‘Nước Việt Nam ta không nhỏ’ và có vị trí xứng đáng trên thế giới” hoặc nói đến những hiện tượng quá tiêu tiệt như trường hợp ông Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Thiện Nhân cho rằng “điều đầu tiên chúng ta có thể làm vào lúc này là tuyên chiến với gian lận thi cử, bệnh thành tích.” Nếu để vượt qua nguy cơ tụt hậu mà bắt đầu bằng chống gian lận thi cử thì bốn ngàn năm nữa Việt Nam cũng chưa trở thành nước lớn được. Cũng trong hội nghị này, tiến sĩ Nguyễn Trí Dũng, một Việt kiều Nhật, hỏi ông Bộ trưởng Bộ thương mại Trương Đình Tuyền một câu mà báo Thanh Niên gọi là “hóc búa”: “Trong khi đi tìm kiếm nhân tài, người Việt đang bỏ lỡ một nguồn nhân tài đáng quý là 3 triệu kiều bào sống khắp nơi trên thế giới, mà nguồn thu nhập của họ ngang ngửa với tổng số GDP của cả nước”, ông Bộ trưởng trả lời như học thuộc từ một nghị quyết nào đó: “Tư duy của những người Việt Nam sống trong nước, từ tầng lớp mang tính nhạy cảm cao nhất đến người dân bình thường là: người Việt Nam sống ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Điểm thứ hai là bất cứ một chính sách nào, dù hay đến bao nhiêu, muốn vào cuộc sống cũng phải có thời gian. Chúng tôi tin tưởng rằng, với tinh thần đổi mới, đặc biệt là tinh thần của Đại hội Đảng lần thứ X, thì những chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với cộng đồng người VN ở nước ngoài sẽ được triển khai một cách hiệu quả.” Tôi không hiểu “cũng phải có thời gian” đối với ông Trương Đình Tuyền là bao lâu? 32 năm chịu đựng của cả dân tộc chưa đủ dài sao?

Giống như trường hợp một con người bình thường phải vượt qua những hoàn cảnh khắc nghiệt để tiến thân, một dân tộc chỉ có thể đuổi kịp đà tiến của nhân loại nếu dân tộc đó vượt qua được những bất hạnh của chính mình và vận động được sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Do Thái chỉ vồn vện hơn 6 triệu dân, sống trong một diện tích 20 ngàn cây số vuông, và bị các quốc gia thù địch bao vây ngay từ ngày lập quốc, nhưng họ đã tồn tại và vươn lên nhờ sự vận dụng sức mạnh dân tộc rộng lớn khắp thế giới. Trong nhiệm kỳ quốc hội thứ 101 của Mỹ đầu năm nay đã có tới 30 nghị sĩ và dân biểu là gốc Do Thái mặc dù tổng số người Mỹ gốc Do Thái chỉ chiếm hai phần trăm dân số Mỹ. Thượng nghị sĩ Joe Lieberman chống lại tổng thống George W. Bush gần như tất cả mọi chính sách ngoại trừ việc xâm lăng Iraq đơn giản bởi vì

ông là người Mỹ gốc Do Thái. Vì điều kiện lịch sử, chất xám Việt Nam cũng trải rộng khắp năm châu, tinh hoa Việt Nam có mặt trong mọi ngành khoa học kỹ thuật của nhân loại và đang dần bước vào chính trường của các quốc gia họ định cư. Thế nhưng cho đến nay, tuyệt đại đa số trong số 300 ngàn trí thức Việt Nam hải ngoại, như nhiều nguồn ước lượng, vẫn không hợp tác với đảng và nhà nước Cộng sản Việt Nam. Họ chẳng phải thuộc thành phần “bám theo chân đế quốc” hay “chống Cộng tới cùng” gì đâu, mà là những người thật sự quan tâm cho tương lai dân tộc. Ngọn núi cách ngăn giữa họ và quê cha đất tổ chính là cơ chế chính trị tại Việt Nam. Việc bất hợp tác của họ với nhà nước Việt Nam không phải phát xuất từ những cách ngăn quá khứ, mà là vì những dị biệt khi nhìn về tương lai dân tộc. Mỗi lo mất quyền lực đã làm cho giới lãnh đạo đảng hoài nghi trước mọi đóng góp của trí thức hải ngoại dù là những đề án hoàn toàn không liên hệ gì đến chính trị. Không một người Việt Nam có lương tâm nào mà không khỏi đau lòng khi nhìn lại đất nước sau 32 năm chấm dứt chiến tranh nhưng lòng người vẫn còn ngăn cách, anh em nhìn nhau thù hằn xa lạ. Một ông thủ tướng đi thăm nước ngoài mà bị chính dân nước mình biểu tình phản đối, phải đi vào cửa trước và đi ra cửa sau thì có gì để đáng hãnh diện. Phân tích điều đó để thấy nước mình chẳng những nhỏ mà còn bị phân hóa đến dường nào. Bất hạnh hay tụt hậu, nói theo ngôn ngữ của ông Dương Trung Quốc, của Việt Nam hôm nay dĩ nhiên có nguyên nhân sâu xa của nó, nhưng nguyên nhân đó là gì thì không ai trong hội nghị tổng kết dám nói đến.

Ông Võ Văn Kiệt nói nhiều về hòa giải, hòa hợp dân tộc: “Nếu đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, dẫu trước đây là kẻ thù của nhau vẫn có thể khép lại quá khứ để hoà bình hữu nghị, để cùng phát triển. Bởi vậy không lý nào người Việt Nam với nhau lại không thể khép lại quá khứ. Đây là vận hội, cơ hội cho sự hòa thuận. Đối với người ngoài còn bỏ qua được không lẽ người Việt Nam với nhau không bỏ qua được hay sao! Nếu cứ cố chấp với nhau, dân tộc không lớn mạnh lên được.”

Tôi xin chia sẻ tâm tình của ông. Đúng vậy, dù bị lợi dụng hay xuyên tạc, vo tròn hay bóp méo bao nhiêu thì hòa hợp hòa giải vẫn là khát vọng của dân tộc.

Lịch sử nhân loại đã để lại nhiều bài học quý giá về hòa giải.

Hãy tưởng tượng nếu tổng thống Abraham Lincoln thay vì nói “không ác tâm nhắm vào ai, với lòng nhân ái dành cho mọi người” (With malice toward none, with charity for all) trong phần kết luận diễn văn nhậm chức tổng thống nhiệm kỳ thứ hai vào những ngày cuối của nội chiến Mỹ, mà kêu gọi “máu kêu trả máu đầu kêu trả đầu” thì nước Mỹ liệu có là một cường quốc hàng đầu

thế giới và có diện tích trải rộng trên 9 triệu cây số vuông như ngày nay không? Câu trả lời hiển nhiên là không. Hãy tưởng tượng khi Nelson Mandela, người bị tù suốt 27 năm ngoài hoang đảo và đã có thời gian nghiêng về phương pháp đấu tranh bằng võ lực, không chủ trương hòa giải mà nhất định trả thù cho bằng được thiểu số da trắng đã một thời đã áp đặt những đối xử bất công, phân biệt chủng tộc lên trên số phận của đa số người da đen thì nước Cộng hòa Nam Phi ngày nay liệu có còn là quốc gia ổn định và phát triển nhất Châu Phi với lợi tức bình quân đầu người 12 nghìn Mỹ kim một năm không? Câu trả lời hiển nhiên là không. Hai nhà lãnh đạo quốc gia, tuy sinh ra và lớn lên trong những thời điểm lịch sử và hoàn cảnh bản thân khác nhau, nhưng đều sở hữu giống nhau ba đặc tính mà một lãnh tụ sáng suốt nào cũng cần phải có: kiên nhẫn, khôn ngoan và biết nhìn xa trông rộng.

Đất nước Việt Nam thời buổi này không có may mắn đó. Một trong những điều bất hạnh dễ nhận ra nhất là các nhà lãnh đạo Việt Nam không những thiếu ba đặc tính kiên nhẫn, khôn ngoan và nhìn xa thấy rộng đó, nhưng đáng buồn hơn họ lại mang trong người ba căn bệnh trái ngược với các đặc tính vừa nêu. Thay vì kiên nhẫn trong từng bước đổi thay của đất nước bằng tinh thần hòa giải bao dung dân tộc, họ đã bắt nhân dân thất lưng buộc bụng để “tiền nhanh, tiền mạnh” lên chế độ xã hội mà chính họ cũng chỉ mới được nghe qua hay đọc đâu đó trong các tài liệu tuyên truyền của đảng; thay vì áp dụng một cách khôn ngoan các chính sách đối ngoại thận trọng với những người từng là bạn cũng như rộng lượng ngay cả với những kẻ vốn là thù, họ đã chứng tỏ vô cùng thiếu khôn ngoan, kiêu căng vô lối trong bang giao quốc tế, để rồi dẫn đất nước vào vòng cô lập trong nghèo nàn lạc hậu suốt mấy mươi năm; thay vì nối lại nhịp cầu dân tộc mà trước đây các dã tâm thực dân đế quốc đã làm ngăn cách tình đồng bào ruột thịt, hay lót những viên gạch rắn chắc trên con đường dẫn đến tương lai hạnh phúc cho con cháu khi còn có quyền lực trong tay thì họ chỉ biết đợi đến cuối đời để ngậm ngùi nhìn lại.

Ông Võ Văn Kiệt nhấn mạnh “Đã đến lúc mọi người Việt Nam gạt bỏ những phân biệt, chia rẽ do quá khứ để lại”, nhưng ông quên rằng “gạt bỏ những phân biệt, chia rẽ quá khứ” là khái niệm cụ thể chứ không chỉ là khẩu hiệu. Thủ tướng Konrad Adenauer, chính trị gia thân Mỹ hàng đầu tại Châu Âu sau thế chiến thứ hai, mặc dù lo tái thiết Tây Đức hoang tàn đổ nát bằng tiền của Mỹ, nhưng cũng không quên kín đáo tiếp xúc với Stalin để cứu những tù binh Đức bị tù trên lãnh thổ Liên-Xô dù trước đây chế độ Đức Quốc Xã đã từng bỏ tù ông ta. Tương tự, những gì Nelson Mandela đã cống hiến cho đất nước ông

không phải vì nhờ ông đã quên quá khứ hay gác quá khứ qua một bên, nhưng nhờ ông đã sống rất trọn vẹn trong quá khứ, đã chiêm nghiệm và chuyển hóa những những vinh quang và chịu đựng, thành công và thất bại, hy vọng và tuyệt vọng của quá khứ thành nhựa nguyên, nhựa luyện cho những hàng cây xanh tốt tươi và hy vọng ở tương lai. Nelson Mandela là tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi, nhưng không ít phụ tá của ông, chuyên viên cao cấp trong chính phủ là những người da trắng. Họ không phải chỉ được dựng lên để làm cảnh như Mặt trận Giải phóng, Liên minh Dân tộc Dân chủ và Hòa bình tại Việt Nam trước đây, nhưng là những người có thực quyền. Ngoài ra, một trong những ưu tiên hàng đầu của chính phủ Nelson Mandela là thành lập ủy ban Sự thật và Hòa giải để điều tra các tội ác của chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi và thực thi chính sách hòa giải của ông.

Hòa giải chỉ có giá trị vĩnh cửu nếu hòa giải đó dựa trên sự thật và sự thật chỉ là viên ngọc quý khi nào nó được dùng để soi sáng công lý, xoa dịu khổ đau, chứ không phải để đào sâu thêm thù hận.

Các lãnh đạo đảng nói về hòa giải chắc là nhiều hơn cả Abraham Lincoln, Nelson Mandela và Konrad Adenauer cộng lại. Nhưng trong suốt 32 năm cai trị đất nước bằng nhà tù và súng đạn, họ chưa làm được một điều gì căn bản để thể hiện tinh thần đó. Tệ hại hơn nữa, họ đã sử dụng hòa giải như là chiếc bẫy để lừa gạt những người dễ tin hay quá thật tâm đi tìm một con đường sống cho dân tộc. Đừng nói gì đến các chính sách đất nước đa màu (Rainbow Nation) nhìn xa thấy rộng như Nelson Mandela, hay hành động can đảm cứu người như của Konrad Adenauer, chỉ đơn giản sửa sang, tu bổ các ngôi mộ của những người lính miền Nam ở nghĩa trang quân đội Việt Nam Cộng Hòa ngoại ô Sài Gòn, giúp đỡ các thương phế binh miền Nam đang lay lắt trên đường phố, họ cũng không làm.

Có nhiều lý do đã làm cho giới lãnh đạo đảng không thực tâm hòa giải và một trong những lý do đó là vì họ sợ sự thật. Nhiều người cho rằng nhân dân Việt Nam quá sợ đảng Cộng sản, nhưng đừng quên giới lãnh đạo đảng cũng luôn bị ám ảnh bởi sự thật. Trong hơn ba chục năm qua, họ đã làm tất cả những gì có thể làm được để che giấu sự thật. Một tấm bia nhỏ để tưởng nhớ những đồng bào bỏ thân trên biển cả cũng làm họ run sợ. Một bức tượng người lính Việt Nam Cộng Hòa tuy gây đổ cũng làm họ ăn ngủ không yên. Các lãnh đạo đảng hằn học trách nhau tại sao ba mươi năm trước họ đã không san bằng nghĩa trang quân đội Biên Hòa cho rồi, để đến hôm nay, khi con dao chuyên chính vô sản không còn bén

nũa, và trước mắt của cả thế giới khi vừa bước chân vào ngưỡng cửa WTO, họ không thể ra tay được.

Cũng trong bài trả lời phỏng vấn dành cho Viet Weekly, ông Võ Văn Kiệt nói về vai trò lãnh đạo của đảng, “Nói công bằng, cuộc chiến đấu của Việt Nam do Đảng Cộng sản, do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, vì lợi ích của dân tộc nhiều hơn hay vì thiên hạ nhiều hơn? Họ đã hy sinh cho đất nước, cho dân tộc này chứ! Vậy thì ít nhất phải để cho ba triệu đảng viên phải có chỗ đứng yêu nước trong dân tộc chứ, nếu phủ nhận, thật là quá đáng.”

Sinh viên Việt Nam nào cũng được dạy đảng là tổ chức anh minh, sáng suốt và lãnh đạo thành công mọi cuộc cách mạng, từ cách mạng dân tộc dân chủ trước đây cho đến cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Nếu các em chịu khó vào trang mạng của đảng Cộng sản Việt Nam để đọc mục đích của đảng là gì, các em sẽ nhận thức ngay được tính mâu thuẫn đối kháng giữa nhu cầu của đất nước Việt Nam và quyền lợi của đảng. Như một sinh viên, em muốn gì cho đất nước? Phải chăng đó là một Việt Nam hội nhập vào dòng thác cách mạng dân chủ, khoa học kỹ thuật, văn minh hiện đại của nhân loại bằng sức mạnh tổng hợp và đa diện của người Việt, không chỉ người Việt trong nước, mà cho dù họ đang định cư bất cứ nơi nào trên thế giới? Vâng, nhưng điều đó sẽ không thể thành sự thật khi đảng Cộng Sản Việt Nam cho đến hôm nay vẫn bám vào hệ thống giáo điều lạc hậu, cơ chế độc tài mà hầu hết các quốc gia, từ dân chủ Tây phương cho đến các nước chậm tiến ở núi rừng Châu Phi khinh rẻ. Thế giới đã bước vào thiên niên kỷ thứ ba rồi mà ngay trong trang mạng chính thức của đảng vẫn còn viết được những câu đầy tính lừa bịp như thế này: “Lý luận tập trung dân chủ là một bộ phận quan trọng của học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản, là cơ sở lý luận và kim chỉ nam cho các chính đảng của giai cấp công nhân thực hiện phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung thống nhất trong Đảng.”

Ông Võ Văn Kiệt lo lắng cho chỗ đứng của ba triệu đảng viên vì theo ông “nếu phủ nhận, thật là quá đáng”, thế nhưng 80 triệu người còn lại không có chỗ đứng ông có lo dùm không? Nhiều người chủ thật sự của đất nước hôm nay là những kẻ sống không nhà để ở, chết không có đất để chôn, tha phương cầu thực trên chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình, ông có gọi đó là “quá đáng” hay không? Nếu ba triệu đảng viên Cộng sản, mặc dù phần lớn trong số này cũng là nạn nhân của thiếu số có quyền lực, chịu đứng đúng chỗ dành cho họ trong xã hội, trong cộng đồng dân tộc thì đất nước đâu đến nỗi tụt hậu như hôm nay. Không ai giành giật chỗ đứng của đảng Cộng

sản cả. Ngày nay, tại Nga và các nước Đông Âu vẫn còn đảng Cộng sản. Mỗi năm nhân dịp đánh dấu Cách mạng tháng Mười vẫn còn nhiều cụ già 70, 80 tuổi, những ông cựu ủy viên trung ương, cựu bí thư đảng, bí thư đoàn, ngực đeo ruy băng huy chương tuần hành trên đường phố Moscova. Họ hô lớn “Chủ nghĩa Cộng sản muôn năm”, “Vladimir Lênin muôn năm”, “Nguyên soái Stalin vĩ đại muôn năm”, nhưng không ai đàn áp, bắt bớ hay bỏ tù họ, đơn giản vì họ không còn khả năng tác hại cho người khác nữa. Giống như con rắn độc, đảng Cộng sản chỉ có khả năng giết người khi còn nọc độc, lấy nọc độc ra, con rắn cũng bình thường như hàng nghìn con vật khác. Nọc độc đó chính là cơ chế chính trị đang không chế đất nước hiện nay.

Ông Võ Văn Kiệt tin rằng đảng đã đóng vai trò lãnh đạo và do đó họ sẽ tiếp tục lãnh đạo đất nước như trong bài trả lời tạp chí Cộng sản mới đây: “Đảng sẽ tăng cường sự lãnh đạo của mình bằng quyền lực hiện có hay bằng khả năng thể hiện vai trò tiên phong của chính mình vì lợi ích tối cao của dân tộc.”

Giả thiết cho dù đảng Cộng sản đã đóng vai trò lãnh đạo trong chiến tranh đi nữa, sau 32 năm đưa đất nước vào con đường tụt hậu so với đà tiến văn minh của nhân loại hôm nay thì theo ông Võ Văn Kiệt, liệu họ có xứng đáng tiếp tục lãnh đạo đất nước hay phải bước xuống trả lại quyền quyết định tương lai đất nước cho nhân dân Việt Nam?

Giả thiết cho dù chuyện công hay tội của đảng Cộng sản trong chiến tranh có thể còn là vấn đề đang tranh luận, thì trong 32 năm cầm quyền với những tội ác không thể nào chối cãi khiến hàng triệu gia đình ly tán, hàng trăm ngàn đồng bào chết thảm thương trong rừng sâu nước độc, ngoài biển khơi, trong trại tập trung, thì theo ông Võ Văn Kiệt, nhân dân Việt Nam có nên để đảng Cộng sản tiếp tục đề đầu cười cồ nữa hay không?

Ông Võ Văn Kiệt nhắc đến ba triệu đảng viên yêu nước, tôi nghĩ điều đó [cả ba triệu đảng viên đều yêu nước] chắc chắn là không có. Nhưng, như một lần đã viết, tôi tin trong hàng ngũ những người Cộng sản trước 1954 có rất nhiều người yêu nước. Họ gia nhập đảng Cộng sản chỉ vì nhu cầu đoàn ngũ hóa, tổ chức hóa và hợp đồng chiến đấu trước một kẻ thù hung bạo và vượt trội về vũ khí như thực dân Pháp. Nếu sinh ra ở Quảng Trị, họ sẽ tham gia Đại Việt Cách mạng Đảng; sinh ra tại Quảng Nam họ sẽ tham gia Việt Nam Quốc dân Đảng; sinh ra ở An Giang họ sẽ tham gia Dân xã Đảng; và tương tự, sinh ra ở Nghệ An, Thanh Hóa họ có nhiều khả năng tham gia đảng Cộng sản. Đó là điều tự nhiên và dễ hiểu, vì không ai có thể đánh thực dân Pháp một cách đơn độc. Từ khi viên đại bác đầu tiên do thực dân bắn vào cửa biển Đà Nẵng năm 1847 cho đến năm 1954,

máu của hàng triệu người Việt yêu nước đã đổ xuống vì độc lập, tự do của tổ quốc. Dân tộc Việt Nam nhớ ơn họ và các thế hệ Việt Nam tương lai sẽ cúi đầu mỗi khi nghĩ về họ. Mặc dù trong hàng ngũ đảng Cộng sản có những người bắt đầu hành trình bằng lòng yêu nước, bản thân đảng Cộng sản, ngay từ ngày thành lập cho đến nay chưa bao giờ là một đảng yêu nước.

Qua các bài viết, phát biểu, nhất là bài trả lời phỏng vấn của tạp chí Cộng sản, ông Võ Văn Kiệt trong lúc phác họa hình ảnh một căn nhà chung đoàn kết dân tộc, cũng đã vẽ thêm bên cạnh một con đường thoát cho đảng. Trong tác phẩm hội họa đó của ông, những hung thần đã và đang đẩy dấn dân tộc Việt Nam bồng biển thành những thiên thần hiền hòa nhân hậu “biết vì lợi ích của dân tộc mà dám nhìn thẳng vào sự thật, nhận lấy khuyết điểm, bắt đúng thời cơ, nắm lấy cơ hội, đưa đất nước thoát dần ra khỏi nghèo đói, lạc hậu và bắt đầu phát triển.” Ông Võ Văn Kiệt quên rằng thời điểm mà ông đang nói là 2007, và đa số người trong tập thể ông đang nói đến không phải là những người “gác bút nghiên lên đường tranh đấu”, mà là những kẻ gia nhập đảng chỉ vì danh lợi và quyền lực. Đảng Cộng sản đối với họ không phải là lý tưởng của đời người, không phải là nơi họ hợp đồng chiến đấu chống nghèo nàn lạc hậu, mà là chiếc thang xã hội họ phải leo, càng cao càng tốt và nếu cần đạp nhau, giết nhau, để trèo lên, họ cũng không ngần ngại như ông đã nhiều lần chứng kiến. Những thiên thần mà ông nói đến là những “đồng chí chưa bị lộ” đang nắm trong tay các ngân sách lớn, những đề án kinh tế quan trọng của nhà nước, toa rập nhau để làm giàu trên xương máu nhân dân, và năm 2006 đã giúp cho Việt Nam được tổ chức Minh bạch Quốc tế xếp hạng 113 (trong tổng số 163 nước được khảo sát) về tham nhũng nhất thế giới. Ông thật sự tin rằng những người như thế có khả năng xây dựng một hệ thống chính trị dựa “trên cơ sở phát huy tối đa mọi nguồn lực của dân tộc, của người Việt cho một mục tiêu duy nhất là phát triển”?

Tôi chia sẻ với ông Võ Văn Kiệt nhiều điểm, nhưng chỉ mong ông Võ Văn Kiệt chia sẻ với tôi một điểm rất hiển nhiên rằng Đảng Cộng sản đã thống trị dân tộc Việt Nam 32 năm và có thể còn thống trị một thời gian ngắn nữa, nhưng không thể thống trị dân tộc này mãi mãi. Sự thật rồi sẽ trả về cho lịch sử. Tôi tin sẽ có một ngày các sinh viên học sinh Việt Nam ngồi đọc lại những chương buồn của lịch sử dân tộc với Nhân văn-Giai phẩm, với Cải cách ruộng đất ở miền Bắc, với Tết Mậu Thân ở Huế, với Cải tạo công thương nghiệp ở miền Nam, với Trại cải tạo khắp ba miền, với Kinh tế mới, với Thảm cảnh biển Đông, và hẳn họ sẽ rơi nước mắt cảm thông cho sự chịu đựng vô bờ bến của ông bà mình.

ĐÀN TRÀNG GIẢI OAN

Nhìn dưới khía cạnh Tâm Lý Dân Tộc và Tâm Lý Trị Liệu

Trần Kiêm Đoàn

Oan và giải oan

Sự phán xét công bằng và hợp lý về một sự việc đã xảy ra, một hành động đã làm là công lý hay bất công, thông suốt hay vướng mắc, oan hay không oan thường không đơn giản, rõ ràng và cụ thể như trắng với đen, sáng với tối. Do đó, sự phân định và quyết đoán rạch ròi những hành động hay sự cố xảy ra, đã vi phạm đến mạng sống, tài sản và tinh thần... là oan hay không oan thường bị vướng mắc do vị thế, quan điểm, văn hóa và cả một chuỗi hệ lụy theo sau.

Với một dòng lịch sử triền miên trong chiến tranh, với bao nhiêu tai trời ách nước, người Việt Nam thường xuyên đối mặt với những nỗi oan ức truyền đời. Có thể nói rằng, *oan* là một khái niệm gắn liền với tâm lý dân tộc Việt Nam. Trong khung cảnh văn hóa làng xã, sự oan ức đồng nghĩa với bất công, áp bức, mất mặt, hận thù, xa lánh... có khi là tội lỗi giữa đối tượng bị oan và tập thể xã hội đang tồn tại. Oan, trước mắt đại chúng, có nỗi oan thể lý và nỗi oan tâm lý. *Về mặt thể lý, oan là khi bị những sự tác động từ bên ngoài như biến cố, tai ách, bạo lực làm mất mát, thương tật, chết chóc đột ngột ngoài tầm dự liệu của nạn nhân bị chịu oan ức. Về mặt tinh thần, oan là bị hiểu lầm, bị nhìn sai, bị đánh giá không đúng, bị phê phán bất công, bị nhận định thiên lệch... và cuối cùng mang chịu kết luận, phán quyết không hợp với công lý.*

Nỗi oan ức có mẫu số chung trong cả hai nền văn hóa Đông và Tây. Nhưng cách giải quyết nỗi oan thường mang nặng yếu tính của truyền thống, xã hội và đức tin.

Trước khi đạo Phật và đạo Chúa ra đời và du nhập vào Việt Nam, những nỗi oan Việt Nam được xem như đã có "Đền Trời soi xét". Đền Trời là một thứ công lý tự nhiên trong tâm thức dân tộc Việt.

Đạo Phật truyền thừa vào Việt Nam bằng con đường tâm linh xã hội (socio-spiritual). Đây là một sự kết hợp hài hòa giữa tín lý giác ngộ, giải thoát, độ sanh của giáo lý Đại Thừa và đức tin truyền thống "Đền Trời soi xét"

của tâm lý dân gian Việt Nam. Trong bối cảnh văn hóa phương Đông, nhất là Việt Nam, thì giải oan là một sự cứu độ siêu hình thông qua hình thức cúng tế và cầu nguyện mang đậm nét tâm lý dân tộc và tâm linh Phật giáo.

Với khái niệm giải oan đời thường mang tính đại chúng trên đây, đạo Phật đi vào cuộc đời và đóng vai một tôn giáo điển hình về những lễ nghi và kinh văn sử dụng trong việc giải oan thông qua những Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan. Đạo Phật không dựa vào một quyền năng tuyệt đối hay tin vào một đấng sáng tạo có toàn năng quyết định số phận của con người như thế; mà xem mọi chuyện lớn nhỏ xảy ra là một chuỗi sự kiện tác động qua lại với nhau theo nguyên lý nhân quả dưới tác động của trùng trùng Duyên Nghiệp. Hình thái sự sống hiện tiền và khuynh hướng tâm linh thay đổi thường xuyên, được tạm gọi là "số phận" của một người, luôn luôn biến đổi theo tác động khách quan và có thể thay đổi, cải thiện theo tác động chủ quan. Vì vậy, Đàn tràng Giải oan chỉ là một trong muôn vàn hình thức làm phương tiện góp phần cho quá trình thay đổi và cải thiện đó. Thế nhưng, thật ra, khái niệm "oan" và "giải oan" không có trong kinh điển của đạo Phật nguyên thủy. Hiện trạng của một sự dính mắc vào hành động hay hệ quả bất thường được gọi là "oan" không hiện diện trong đạo Phật vì rằng: Sự việc xảy ra trong giây phút hiện tiền là do tác động của Nghiệp. Nghiệp là sự tích lũy mọi hành động và sự việc thiện ác, lớn bé, cao thấp... từ vô số kiếp trước cho đến nay. Mọi sinh vật và sự vật (pháp) đều chết đi và sinh ra trong từng nháy mắt hay trong từng đơn vị vi tế nhất của thời gian được gọi là Sát-na. Một thực thể hiện tiền chỉ là một hình ảnh mang một tên gọi giả tạm do Nghiệp tạo ra; rồi lập tức bị biến đổi do một lực tác động khác gọi là Duyên. Sự sống chết này là nguyên nhân và thực thể của quá trình thành, trụ, hoại, diệt; sinh, già, bệnh, chết mang tính khách quan mà không một sinh vật hay sự vật nào tránh khỏi. Trong

chuỗi dài Nghiệp và Duyên tương tác, biến hiện trùng trùng đó, nguyên lý nhân quả chi phối sự vận hành theo một tiến trình chặt chẽ. Tiến trình này vừa chi li vừa rộng khắp; vừa hữu hình, vừa vô hình; vừa tâm linh vừa vật lý mà với nhân thức giới hạn của con người thì sự diễn tiến như vừa hợp lý, vừa phi lý nên người ta chỉ còn biết dùng những nhãn hiệu đã có sẵn như thiện và ác, oan và không oan, cao cả và hèn mọn... để tạm dán vào mà phân định.

Bước chủ động và tích cực tiếp theo là sự cố gắng tìm cách hóa giải, biến đổi cái "thân phận hiện tiền" thành một thể trạng khác theo ước muốn cải thiện và vươn lên của người bị oan hay người giúp giải oan trong một thời điểm, một cơ hội thuận lợi nào đó mà chữ nhà Phật gọi là "duyên". Giải oan, do đó, là những phương tiện trung gian và tạm thời giúp "sửa sai" một trạng huống vô minh trong quá khứ thành sáng tỏ và công chính trong hiện tại và tương lai. Nhờ đây – ít nhất cũng là qua sự tin tưởng của những người ở thế tự nguyện làm kẻ cầu nguyện, biện minh -- nỗi oan ức sẽ được hóa giải và sự dày ải của nạn nhân chịu oan sẽ được chấm dứt. *Nghĩ thức giải oan, tự bản chất, là một ý hướng hành thiện, lợi tha mang tinh thần từ bi (cứu người bị chìm đắm), hỷ xả (hóa giải) và trí tuệ (phá vô minh) của Phật giáo. Nó hoàn toàn khác xa với những hình thức "cải đạo linh hồn tập thể" của những tôn giáo bạn xây dựng đức tin trên căn bản mỗi người có một linh hồn bất tử đời đời không thay đổi. Khi không còn ai theo đạo Phật, không còn ai đau khổ giữa trần gian này là khi đạo Phật ca khúc khải hoàn viên thành Phật sự.*

Đạo Phật, với triết lý cơ bản cho rằng mọi vật đều không có tự tánh, không một vật hay sự vật chi ly hay to lớn nào đứng riêng lẻ tự nó mà thành (Tính Không); và cũng chẳng có hiện tượng hay biến cố nào không có sự kết hợp với yếu tố khác mà vận động, biến hiện (Duyên Khởi), nên rõ ràng quan niệm là chẳng có sự việc nào hay bất cứ hiện trạng nào mang bản chất "oan" hay "không oan" cả. Ngay như khi một đại đệ tử của đức Phật Thích Ca có thần thông đệ nhất, hiểu hạnh song toàn là ngài Mục Kiền Liên bị bọn cướp giết chết thì cũng chẳng có gì là oan trái nếu nhìn dưới nhãn quan và trí tuệ Phật đà. Trái lại, trong chuỗi duyên nghiệp trùng trùng thì bỏ tất Mục Kiền Liên cũng không thể nào thoát khỏi lưới nghiệp. Ngài phải trả nghiệp tiền kiếp đã bỏ đói cha mẹ giữa rừng sâu trước khi rửa sạch tất cả nghiệp báo để đạt sự giải thoát trọn vẹn.

Nhưng kể từ khi "thiên sư xuống núi" để thông tay vào chợ, mang đạo Phật từ một phương trời cao viễn, từ cỗ xe dê, xe hươu tiểu thừa, nghiêng vai vào gánh thế sự bằng cỗ xe bò đại thừa^[1] thì đạo Phật đã đi vào cuộc đời hiện thực. Đạo vào Đời để cứu đời và giúp đời như cỗ xe

bò chuyên chở nổi khổ trần gian. Mà trần gian này thì đầy dẫy chuyện được gọi là oan khiên và thống khổ nên giải oan và hóa giải cũng là một phần cứu khổ để góp phần băng bó những vết thương tâm lý còn tươi; những nỗi đau đời chưa lành lặn; và những oan trái còn đè nặng tâm linh mà thời gian chưa đủ chữa lành.

Không đợi đến khi ngài Huyền Trang trở về sau chuyến Tây du mới có lễ siêu độ cô hồn thường được coi như đã tổ chức lần đầu tiên dưới thời nhà Đường bên Trung Quốc. Thật ra, khái niệm giải oan, mở trối, vớt sinh linh ra khỏi địa ngục trong dòng sinh hoạt tâm linh của Phật giáo đã có từ khi Mục Kiền Liên vận dụng sức mạnh tổng hợp từ sự chú nguyện của các bậc tu hành tôn túc để cứu người mẹ độc ác ra khỏi địa ngục A Tỳ. Và với dân tộc Việt Nam, từ thời bình minh của lịch sử Phật giáo khi du nhập vào đất Việt đã có hình ảnh "oan Thị Kính" và vai trò "rửa oan" của cửa nhà chùa rộng mở.

Tinh thần giải oan là tâm lý dân tộc

Giải oan - trong tín lý đạo Phật hay trong bất cứ ý hướng cứu rỗi của tôn giáo nào - vừa là triết lý sống vừa là đạo lý của dân tộc Việt Nam. Là một đất nước nhỏ bên cạnh nước Trung Hoa đồ sộ ở phương Bắc, với Chiêm Thành Chân Lạp đầy hiếu động ở phương Nam; cộng với thế chiến lược và kinh tế thuận lợi cho nhiều thế lực viễn chinh từ phương Tây, dân Việt muốn tự tồn phải biết tự hóa giải. Sự hóa giải cao nhất vẫn là sự hóa giải khỏi nguồn từ trong chính mình. Với dân tộc Việt Nam, đây là tinh thần *tha thứ, cảm thông và bình đẳng*. Lịch sử đã ghi lại hầu như sau mỗi cuộc chiến tranh, mỗi thời chinh chiến, dẫu thắng hay bại, người dân Việt vẫn coi trọng giá trị làm người dài lâu hơn là thế tranh thắng tạm thời. Tinh thần hóa giải của dân Việt được thể hiện qua những Đại Giới Đàn Giải oan cầu siêu độ cho những linh hồn đã chết không phân biệt ta và người.

Lịch sử cận đại đã ghi lại rằng, sau khi đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung đã hạ chiếu truyền làm lễ tưởng niệm các tướng sĩ hữu công và tiến cúng cô hồn, giải oan cho các oan hồn uổng tử của mấy vạn quân Thanh đã nằm xuống trên đất nước ta. Vua Gia Long sau khi thống nhất sơn hà cũng đã cho thiết đàn tràng siêu độ cho quan quân tử sĩ và những oan hồn đã nằm xuống trong cuộc chiến không phân biệt bên nào (1802).

Nhiều danh nhân văn học Việt Nam đã góp phần trong việc soạn thảo ra những bài văn tế bất hủ để truy điệu những oan hồn và tử sĩ. Tổng trấn Nguyễn Văn Thành soạn bài "Văn tế tướng sĩ trận vong" và "Cô hồn thập loại" bằng quốc âm. Thi hào Nguyễn Du soạn "Văn tế thập loại chúng sanh". Cụ Nguyễn Đình Chiểu soạn "Văn tế sĩ dân lục tỉnh" và "Văn tế vong hồn mộ nghĩa".

Gần đây nhất, sau biến cố thất thủ kinh đô (5-7-1885), người dân Thừa Thiên Huế trong hơn một thế kỷ qua đã sử dụng không biết bao nhiêu phương tiện nghi lễ để cúng tế và mở đàn giải oan cho các cô hồn tử sĩ đã bỏ mình trong cuộc nổi dậy chống Pháp của vua Hàm Nghi bị thất bại.

Niềm tin nhất quán trong tất cả các cuộc Trai đàn bạt độ Giải oan là cầu nguyện cho "âm siêu dương thái". Đối với các vong hồn đã chết, dù chết bởi nhiều biến cố và tình huống khác nhau, nội dung vẫn bao gồm 3 mục tiêu giải oan chính:

1. Người đã chết cần được người còn sống ghi nhận: Vinh danh, thương tiếc, cảm thông, chia sẻ và tha thứ;

2. Giải oan: Giải tỏa những oan ức, dằn vặt, hiểu lầm, nghi kỵ, đọa đầy và động lực đã gây ra sự chết chóc oan khiên;

3. Siêu thoát: Cầu nguyện cho các oan hồn uổng tử được siêu thoát.

Đối với người còn sống, Đàn tràng Giải oan mang đến một nguồn tâm lý trị liệu (psychotherapy) tập thể rất cần cho sự an hòa trong cuộc sống. Nội dung cũng gồm 3 điểm chính:

1. Ghi nhận "nghĩa tử là nghĩa tận". Chết là bình đẳng và trút bỏ mọi hận thù, xung đột, ân oán như oán, lại đặng sau. Chết là hóa giải và tự hóa giải giữa người ân và kẻ thù;

2. Yên tâm rằng, vong hồn của người thân cũng như kẻ thù đều được siêu thoát, không còn đi theo quỷ phá hoặc nuôi mối hận cừu chờ ngày báo oán;

3. Giảm thiểu hay xóa được gánh nặng tinh thần về sự ám ảnh của quá khứ trong chính mình, để cho tâm hồn nhẹ nhàng đối diện với đời sống trước mắt và giúp ích cho thế hệ mai sau.

Trong lĩnh vực tâm bệnh học (Psychopathology) đương đại, chứng bệnh tâm thần mới nhất được chính thức đưa vào *Cẩm nang chẩn trị bệnh tâm thần (DSM: Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorder)* lần đầu tiên vào năm 1980 là chứng bệnh "PTSD" mới được phát hiện từ các cựu chiến binh Hoa Kỳ đã tham gia vào cuộc chiến Việt Nam. PTSD là chữ viết tắt của *Post Traumatic Stress Disorder*. Xin tạm dịch là "*Hội chứng hậu chấn thương*". Đây là căn bệnh tâm thần do sự ám ảnh của một biến cố kinh hoàng nào đó đã xảy ra trong quá khứ, đeo đẳng mãi trong tâm thức—hữu thức và vô thức—làm cho bệnh nhân thường xuyên sống trong một trạng thái tâm thần bất ổn và nếu không chữa trị sẽ thành rối loạn, điên khùng. Người bệnh thường xuyên hay thỉnh thoảng ở trong một trạng thái tâm lý đề phòng, hồi hộp, lo sợ vu vơ, nóng giận bất thường, vui buồn lẫn lộn mà không biết vì đâu. Trong nhiều trường

hợp nghiêm trọng, bệnh nhân có thể trở nên điên tiết, bạo động, tự tử, giết người, chống lại xã hội, bất chấp pháp luật, chà đạp đạo lý... mà không có ý thức về hành động của mình. Đã có hàng nghìn cựu chiến binh Việt Nam người Mỹ đang được chữa trị PTSD^[2]. Trong lúc đó, người Việt Nam nói chung đã trực tiếp chịu đựng hậu quả khốc liệt và lâu dài của Chiến tranh Việt Nam về cả hai mặt tinh thần và thể xác thì vẫn còn chịu đựng Hội chứng Hậu chấn thương trong im lặng.

Bao nhiêu con trẻ thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba sau cuộc chiến Việt Nam vẫn còn bị khuyết tật, sinh ra dị hình, dị tướng, mang bướu độc Hodgkin, bệnh liệt tuyến mãn tính non-Hodgkin... bởi di lỵ của gần 50 triệu lít Chất độc Da cam (Agent Orange)^[3] đã thấm vào da thịt Việt Nam? Bao nhiêu thương tích của thể xác và tâm hồn chưa lành với hơn 5 triệu sinh mạng của quân và dân Việt cả hai miền Nam Bắc đã nằm xuống trong suốt 30 năm chiến tranh?

Trước sự vắng bóng của một hình thức chữa trị tâm lý thường xuyên và chuyên nghiệp như ở phương Tây, người Việt bị chấn thương hay mang hội chứng hậu chấn thương lâu dài của tâm hồn và thể xác chỉ còn biết nương tựa vào những người thân nhất.

Cho tất cả mọi hình thức nhắc nhở, ghi nhớ, chú nguyện cho người chết và giải tỏa những ẩn ức tinh thần cho người sống không phải chỉ có Phật giáo mà tất cả mọi tôn giáo và tổ chức nhân đạo... đều là cần thiết sau cuộc bể dâu này.

Trai đàn chấn tế Giải oan của Thầy Thích Nhất Hạnh và Tăng thân Làng Mai

Theo thông báo của Đạo Tràng Mai Thôn và truyền thông quốc tế, cuối tháng 2 năm 2007, thầy Thích Nhất Hạnh đã hướng dẫn một phái đoàn tăng thân Làng Mai từ Pháp về Việt Nam, phối hợp với Phật giáo trong nước để thiết Trai đàn Giải oan tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội. Theo tinh thần thông báo, Đại Trai đàn Giải oan này có tên là "Thủy lục Giải oan Bình đẳng Cứu bạt". Mục đích là để cầu nguyện sự giải thoát, siêu độ cho những người đã chết dưới nhiều hình thức như chiến tranh, tai nạn, thiên tai... cũng như mong cầu sự an lạc cho người sống sau cuộc chiến. Tinh thần chủ đạo của Trai đàn này hay bất cứ Trai đàn nào của Phật giáo đúng nghĩa từ trước tới nay là tuyệt đối bình đẳng, không phân biệt tuổi tác, giới tính, khuynh hướng hay hoàn cảnh xuất thân.

Đứng về mặt tôn giáo, Trai đàn Bạt độ Giải oan mang bản chất hành thiện trên căn bản tâm linh và tinh thần. Khi một hệ thống lý thuyết, suy luận biến thành đức tin trong đời sống tâm linh thì vấn đề còn lại là tin hay không tin—linh tại ngã, bất linh tại ngã—mà thôi. Mọi sự tranh luận, so sánh, mổ xẻ, phân tích về một đức

tin tôn giáo hay một nếp nghĩ tâm linh đã định hình của một tập thể đều không có căn bản thực hữu để đã phá hay lung lạc được những người đã xây niềm tin vững chắc trong chính mình.

Đứng về mặt tâm lý và xã hội Việt Nam, cuộc sống khó khăn về nhiều mặt trong những năm qua đã giới hạn khả năng người Việt quan tâm đến *đời sống tâm thần* (mental health). *Nếp sinh hoạt tâm thần này quan trọng ngang hàng với đời sống thể chất mà đáng lẽ chúng ta cần phải có sau một cuộc chiến tranh dài và khốc liệt như cuộc chiến Việt Nam.*

Thế giới bên ngoài đang nhìn về Việt Nam. Và đa số những người Việt, kể cả trong và ngoài nước, cũng đang nhìn về Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan của thầy Nhật Hạnh và chư tăng ni trong bối cảnh tôn giáo và tâm lý, xã hội Việt Nam.

Với đạo Phật, trai đàn chẩn tế giải oan là một hình thức sinh hoạt tâm linh thường xuyên và rộng khắp. Quy mô có thể khác nhau từ một nhóm bạn bè, một gia đình, một dòng họ, một làng xã cho đến từng miền, từng giáo hội hay toàn quốc... tùy nghi phương tiện, nhưng không phải là một "sự cố" mới mẻ hay quá trọng đại và hiếm hoi trong quá trình hoằng dương đạo pháp của Phật giáo như nhiều người ngộ nhận. Trai đàn chẩn tế giải oan không phân biệt còn là cách thể hiện lòng từ bi, cầu giải thoát trong công hạnh Bồ Tát của giới Phật tử xuất gia cũng như tại gia.

Trên căn bản ngành Tham vấn (Counseling) và Tâm lý Trị liệu (Psychotherapy) vốn đã phát triển sâu rộng tại hầu hết các nước phương Tây mà Việt Nam chúng ta còn vắng bóng—hay chỉ mới ở trong giai đoạn nghiên cứu và tham khảo—các cuộc cầu nguyện tập thể của mọi tôn giáo nói chung và hình thức lễ nghi Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan của Phật giáo nói riêng có một tác dụng tâm linh và tâm lý tương tự. Nếu ngành tham vấn và tâm lý trị liệu phương Tây giúp chữa trị những di chứng của nhiều căn bệnh tinh thần do chiến tranh và tai ương nạn khổ gây ra thì những cuộc thiết đại trai đàn cũng giúp hóa giải những xung đột tâm lý và niềm tin đã bị chao đảo, đổ vỡ hay băng hoại. Đặc biệt nó có khả năng an ủi hay giải quyết được bước đầu những di lụy hận thù, uất ức, oan nghiệt giữa người sống và người chết; giữa người phía này và người phía nọ.

Sống ở các nước tiên tiến phương Tây, đa số người Việt đã dựa vào gia đình và cộng đồng sắc tộc của mình để chia sẻ, an ủi, hỗ trợ, tham khảo... thay cho một hình thức tham vấn chuyên nghiệp (professional counseling). Tương tự như thế, trong bao năm qua, người Việt đã nương vào các sinh hoạt tâm linh tôn giáo tại các nhà thờ, chùa chiền, tự viện để làm chỗ dựa tinh thần thay cho hình thức tâm lý trị liệu. Với cái nhìn tích cực từ

phía tâm bệnh học, Đại Trai đàn Bạt độ Giải oan đang được tổ chức rộng khắp trên toàn quốc là một sự góp phần tích cực vào một cuộc "Tâm lý trị liệu" tập thể mà những người đang còn gánh chịu di lụy của cuộc chiến Việt Nam trong thâm lạng đang cần.

Kết luận

Trong lịch sử truyền thừa của đạo Phật, hình thức Trai đàn Bạt độ Giải oan là một phương tiện độ sanh. Theo tinh thần đạo Phật, đây hoàn toàn không phải là một hành động ban phát "cứu rỗi" hay "phán xét" mà chỉ là một tiến trình hành đạo mang tính cách xả kỷ, hành thiện. Trong tinh thần đó, hàng cao tăng đại đức chủ trì nghi thức hành lễ đóng vai những hành giả cao tuổi đạo và đầy đức độ trong khuôn khổ của một tôn giáo phát nguyện từ tâm đứng ra thực hiện. Hùng lực giúp Trai đàn thành công không phải là hình thức trần thiết bên ngoài mà chính là năng lực dốc lòng chú nguyện của tất cả Phật tử và những người bạn đạo. Phương tiện thiện xảo giúp Trai đàn đạt ý nguyện xưa nay vẫn là hạnh từ bi và đức khiêm hạ của chư tăng ni và chư Phật tử phát tâm; tuyệt đối không có chỗ đứng trong dòng suối tâm linh cho sự phô trương hình thức hay thánh hóa nhân vật và cường điệu tác dụng. Theo truyền thống Phật giáo, ngay cả các bậc tăng ni tôn túc chủ lễ trong các Đại Trai đàn cũng chỉ xin nguyện được gieo duyên lành bằng cách chuyên trì nường vào năng lực của Hồng ân Tam bảo để chú nguyện hầu mong cải nghiệp cho người và cho chính mình trên con đường tu học hóa đạo, giúp đời. Đáng giá ngộ như đức Phật ngày xưa đã thuyết pháp độ sanh trong suốt 49 năm trời mà vẫn khiêm cung ngỏ lời rằng: "*Vạn pháp như rừng cây trùng điệp mà những điều ta nói ra thì chưa bằng nắm lá trong tay.*" Bởi thế, tinh thần hành đạo của Phật giáo xưa nay vẫn thường được ví von là "*tường vắn, pháp vủ*". Nghĩa là những hình thức lễ nghi, cầu nguyện, thuyết pháp xiển dương lời Phật dạy ví như "*mây lành, mưa pháp*". Trong cơn mưa pháp, không phải ai cũng có nhu cầu giống nhau và chấp nhận sự thâm thấu như nhau. Chẳng hạn như những người đã chết hay còn sống sau cuộc chiến tranh Việt Nam không phải ai cũng có nỗi thống khổ, chịu đựng oan ức như nhau cần phải được nguyện cầu hóa giải tập thể chung chung. Tuy nhiên, trong tinh thần lục hòa và tương tác của đạo Phật, chúng sanh tùy duyên mà hóa độ nên cũng tùy căn cơ mà thâm thấu khi có dịp tiếp cận với cơn mưa lành chúc phúc ấy.

Trai đàn Giải oan không phải là một cuộc "lên đồng tập thể" để kéo tất cả mọi đối tượng vào một cuộc hành hương tâm linh đồng đẳng và đồng điệu như sự tương tượng quá phong phú của một thiểu số người chưa có thiện duyên để tìm hiểu chín chắn. Thế nhưng lác đác đó

đây, vẫn có hiện tượng ngộ nhận nghiêm trọng về một cuộc "giải oan tập thể" như vậy. Xu hướng hiểu lầm đó cho rằng, phải minh định đối tượng nào cần phải "giải oan trước đã". Đây là một yêu cầu nghịch lý vì xưa nay tiếng chuông chùa không đi tìm đối tượng nghe là ai mới giống lên. Mọi sự phân biệt đối xử như thế sẽ hoàn toàn đi ngược lại với tinh thần bạt độ và hồi hướng của nghi thức Trai đàn. Và hậu luận tất nhiên của một sự ngộ nhận tiêu cực như thế là những phản ứng chủ quan biểu hiện ở nhiều mức độ. Nhưng đáng tiếc nhất là phản ứng ở ngoài lẫn mức nhân văn như vọng ngôn, quy chụp, mạ lỵ cá nhân người khác một cách chủ quan, thô thiển và đầy cảm tính vội vàng mà chữ nhà Phật gọi là vô minh. Đạo Phật ra đời và tự nhận là một phương tiện phá vô minh. Dám mong, các thiện hữu chưa quen với phương tiện phá vô minh ấy sẽ thử dùng để không nhận làm phương tiện làm cứu cánh, hay ngược lại.

Xin góp lời cầu nguyện cho tất cả những người anh em - kẻ mất người còn - sẽ phù hộ cho nhau và được nhìn nhau ngày một rõ hơn với tấm màn vô minh buông xuống.

California, mùa Xuân 2007

^[1] Kinh Pháp hoa. Phẩm 3: Ví dụ. Trí Quang dịch. München - 1996

^[2] Chalsam, H.W. (1998), *The Chamber of Memory: PTSD in the life stories of U.S Vietnam veterans*. Northvale, N.J.: Jason Aronson

^[3] Dicks, S. (1995). *From Vietnam to Hell: Interviews with victims of Post-Traumatic Stress Disorder*. Jefferson, NC.:McFarland.

MỘT VÀI HÌNH ẢNH

(trích từ Thuvienhoasen.org và BBC)



HT Thích Nhất Hạnh đang hướng về Đại hùng bảo điện



Cầu giải oan được bắc từ chánh điện chùa Vĩnh Nghiêm ra đến cổng lớn. Hương linh từ các chiến trường khốc liệt, từ các nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang quân đội VNCH, ngoài biển trên rừng sẽ qua cầu giải oan này mà siêu thoát (BBC chú thích)



Trang thơ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Tuyên ngôn của những siêu sao

(gửi bạn văn H.S. Tường)

1.

Hãy uống những giọt nước mắt
em
bằng tủy sống
nuốt ngược lòng
ngày đã hết phải không
khi hơi thở chiều
sắp ngã vào vòng tay
đêm
có trăm bờ cánh gãy
mà phố thị vẫn đầy
ôi bướm đêm bướm đêm
và cũng đêm
rồi đêm
em lạc loài đi tìm ai
để hỏi cho ra lẽ
về những đường trình con gái
về máu và những giọt xương tủy
về con số hơn mười ngàn nhà thơ
vẫn nhe răng như quỷ
ám
và còn vô số những con số
những rừng mở trá hình
nổi vuốt ve khá ó
trầy hội dân ô
ồ ồ ạt ạt

2.

Vâng, làm sao người ta có thể trả lời em
cho ra lẽ
khi lịch sử cũng đã đến hồi
rệu rạo

thiết tha
một cuộc bề hội đồng
hoan lạc đến như tử
ơ, những cái liếc mắt đa tình xảo trá
những cú nhấp môi thử
anh anh em em rất đối ngoại lai
mà rồi chúng ta cũng đã ngắc ngoải
không phải chỉ một lần duy nhất
mà hai, ba, bốn, năm lần liên tục như râu chuối
đan kết giữa những sợi dây cuồng vĩ
thứ nào trạng của những thống soái
trên những xác người
trên đồi hoang vu
hết la vô vọng với hoài một vòm trời bao la
ngợi ca về một điều gì chưa bao giờ có thật
một điều gì
ảo giác / ma mỵ
ngã quy / hư nguy
hâm bà lần Tây / Tàu / Nhật / Nga / Mỹ
truyền thống / cách tân / vô sản / tư bản
ôi những mầm non tơ
những tiếng hát xanh
trong đá tảng
của từng thế hệ đã đi qua
đi qua... đi qua mà không hề nhớ ra rằng
đâu cần phải tiếng trống
và những lời ru nhả nhạc
những anh hùng liệt nữ
cũng đã quẫy đạp

ôi, mẹ Việt Nam da vàng mũi tẹt
chúng ta cũng đã có mặt như từ cổ đại hoang sơ
có nghe lại không vì chừng như đã xa lắm
xa hơn lũ năng trên bờ tường quá khứ
những đường hôn rất bóng như những mũi tên
thế kỷ mười ba
cắm vào ngực
vết rợ Mông Cổ

3.

À thì ra chính anh cũng hùng hùng giựt giựt không
thua gì nhạc rock
và em cũng trỗi tình ra phết
được nằm trong bụng một giang sơn da vàng
nhuộm tiểu
nhiều thần thoại đắm say
xung phong quả cảm
nhưng cũng lắm bi lụy lãng mạn phục tòng
ôi, có khi nào anh nghĩ đến những bát cháo lú thời
đại
ợ ra giấc mơ làm người Việt Nam ngán ngủ
hỡi ơi, làm sao để chúng ta có thể đi xuyên qua
đáy sâu của đêm
như đi xuyên qua những bí mật trắc trở
của những tay trùm sỏ sỏ phận lịch sử
những con mắt thám tử / đồng tử
những vị thánh (tử) của tầng cuối luyện ngục
để tang thương em / để tang thương anh / để tang
dân tộc

4.

Này ơi, nỗi đau của chúng ta mỗi ngày
vẫn giòn như bánh mì mới ra lò
hời trời đất
mùa đông chia những ngón tay xương xẩu
lá im hơi / cây lặng tiếng
những lóng xương gãy
cành bông gòn vuột mặt
sao tuyết Virginia không lạnh
bằng mắt ai
tìm về đâu
ngực trái
để thấy biển Nha Trang
nhớ cát đến cháy lòng
mà mây vẫn buồn
tuyết vẫn rũ
mệnh mông mệnh mông
hít vào nhé những cái nhìn mắc nghen
thở ra mấy đuôi mắt kịch sĩ
buổi trưa vào quán
chỉ một mình tìm không ra tri kỷ
không gặp được ai da vàng
ăn vội McDonald
nốc đại ly coke
cuộc đời chẳng có chi kỳ lạ
vẫn chừng ấy màu sắc

trắng rồi đen
những biểu tượng
những con cào cào hời hả
chạy trốn chết trên những sợi lông măng Mỹ

5.

Rốt cuộc
những dấu hỏi những hoài nghi
những bài thơ không giấu được màn sương diễm lệ
có tru tréo
hoảng loạn tâm thần nhạc Jazz
sầu mộng mị ruồi bu
cũng không rạch được những ngọn gió
cơ hội
mặc cả
quyền uy
thôi thì những thi sĩ không tên vô úy
cứ bình tĩnh xé phăng tim mình
đắm ngực quần quai trên những trang giấy bút
hoặc bẻ gãy từng keyboard
có gì không đằng sau những màn ảnh cam
đằng sau những con chữ
chạy lòng vòng đến mệt và chán
chúng ta đã tức tưởi chờ
và vẫn nức nở đợi
cuộc tẩy trần của tự do
ánh sáng ban mai thật thà cũng sẽ đến
bàn giao chiếc chìa khóa
mãnh liệt và bạo liệt
sáng tạo và đổi mới
mở cửa cùng viết cho xong
bài thơ tình thế giới
đầu thế kỷ hai mốt
dang dở

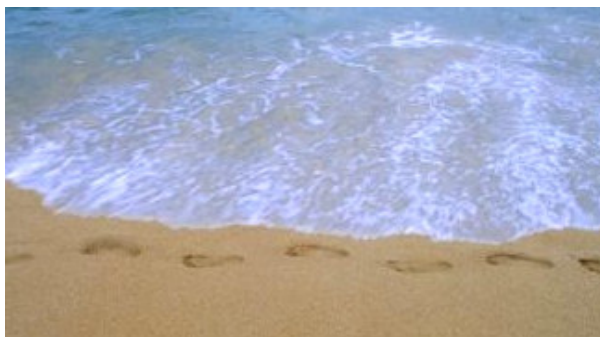
6.

Vậy ngay bây giờ hãy đến đó tức khắc
đừng chần chờ
mùa xuân dụi mắt
trái hoa ngáp lối mà làm gì
hãy đến đó
nhặt nhanh giùm bé thơ Việt Nam
những mảnh mìn còn sót lại thời chiến xa xưa
mà ngờ những mảnh pháo thanh bình xuân đẹp
hãy tháo gỡ đi

những kềm gai rào cản
những hầm chông nghiệt ngã
ôi, những tàn dư làm vỡ vụn đời nhau

7.

Không, chúng ta sẽ không phải ứa nước mắt quá
lâu
vì nếu cần cũng sẵn sàng lau khô ngay
khi lời nguyên độc địa da cam
là chiếc cầu vòng lung linh đổi chác xanh lam
chàm tím
ôi, đâu là cái giá phải trả
của những công dân bất lực
xiu xiu ẻn ẻn thiếu tiềm lực
mắc bệnh paranoid kinh niên
không, chúng ta sẽ thôi không còn nói gì với
những gã lái buôn xác thịt
từ xa đến rậm rịch
họ chưa hay biết gì nhưng rồi cũng phải banh mắt
nơi đây khi mùa lên xanh ngấn ngát
chỉ còn hoa với những gai sắc thật
không phải thứ hoa chỉ biết nhồi bông ngu xuẩn
hay loại hoa plastic đại đột rẻ rúng
hàng trăm ngàn phụ nữ Việt Nam cũng đã ngã
ngón
chết
thân thể lượn lờ đường cong chữ S
gợi cảm đã truân
những cánh hoa phù dung của giang mai, lậu mủ,
AIDS...
Đại hàn / Đại Loan / Tiệp Khắc / Thái Lan / bất
cử những miền biên giới đủ đờn nào
và nơi đâu nữa trên trái đất
hãy nghe đây lời thánh chiến
của những siêu sao
lũ chúng ta bán dâm như thế đủ rồi!
đất ơi
nước ơi



Bóng

Rời tóc cũng bật chiều mây trắng
Dòng sông buồn thở lạnh hơi sương
Đêm thức giấc nuốt vội trăng tàn
Còn sót lại chiếc bóng ngổn ngang.
(Trón Vào Giấc Mơ Em)

Vô thanh

Rượu đâu không uống mà say khướt
Khúc đêm lướt dạo miên hoang tưởng
Vàng trắng tan vỡ ai nghe được
Dưới đáy sâu xanh động men hương.
(Trón Vào Giấc Mơ Em)

Cát

Bãi cát ấy khuấy dẫu chân người
Ôi biển cũ dài thêm bờ bến
Đường về đâu mặt biển xa khơi
Sa mạc vắng chỉ trong hạt cát.
(Trón Vào Giấc Mơ Em)

Huyết lệ

Trời đỏ ta cũng thổ huyết đỏ
Ta khắc máu ra có tên người
Tên người hốt lạ vờn qua ngõ
Mây cuộn rũ người một vũng tươi.
(Trón Vào Giấc Mơ Em)

Không tiếng

Đêm chảy xuống như tóc mây vãn vũ
Một dòng trôi trôi tuột tới hoang vu
Lặng nghe đi cả toàn thân vũ trụ
Vẫn rì rào lời im lặng thiên thu.
(Trón Vào Giấc Mơ Em)

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

THIỆU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH

Phan Tấn Hải

Phải nhiều tháng sau, tôi mới biết cô nàng bị bệnh ung thư. Gần như là không ý thức, tôi từng nhìn những dãy chai thuốc đủ nhãn hiệu, thuốc viên, thuốc nước, thuốc bột trong ngăn tủ phòng nàng và hoàn toàn không thắc mắc hay có ý niệm gì về sự có mặt của chúng.

Cũng thường thôi, có nhiều người vẫn thích để đủ thứ thuốc men thu thập nhiều năm ở một góc tủ như thói quen ở Việt Nam mà không bận tâm gì đến ngày tháng có thể hư hao chi cả, và nếu là trụ sinh thì càng dễ tính, cứ gom lại thật nhiều rồi sẽ gởi về nước cho thân nhân. Lại nữa, các loại thuốc mua từ toa bác sĩ thì chẳng ghi chú gì, chỉ có mấy dòng ghi tên thuốc và ngày uống mấy viên thôi, chẳng ai biết nổi là thuốc hay kẹo.

Nhưng càng lúc nàng càng xanh xao, nét mặt tái nhợt đi, buổi sáng, buổi chiều, buổi tối. Nói rõ các buổi như vậy vì thời gian đầu hai đứa gặp nhau, sắc mặt nàng thay đổi theo thời gian trong ngày. Buổi sáng tươi tỉnh, hồng hào, nàng rực rỡ, rạng ngời. Buổi chiều nàng ủ dột, buồn ra mặt. Và buổi tối nàng thường than mệt và đòi về nhà. Đôi khi tôi chỉ hỏi, tại sao vậy, và rồi thôi. Không bao giờ tôi nghĩ cần phải vặn hỏi ai điều gì. Điều gì người ta không nói, thì mình không cần phải thắc mắc. Chơi với nhau là phải tin nhau, tin cả lời nói và phải tin cả sự im lặng, tất cả đều có những ý nghĩa gì đó. Và lại nếu xét về vai vế thì tôi lớn hơn nàng nhiều chứ, cả về tuổi nữa, và người lớn thì phải có phong cách người lớn, nghĩa là biết tôn trọng cả những điều người thấp vai không nói. Tôi chỉ nói đùa là tôi không cần mua đồng hồ, vì chỉ cần nhìn mặt nàng đã có thể đoán được mấy giờ rồi. Thí dụ đôi mắt rực sáng như vậy, gò má hồng như vậy, nàng xông xáo như vậy, nhất định phải là trong khoảng bảy hay tám giờ sáng. Hay là khi đôi mắt bắt đầu trở nên xa vắng như đang hướng về một chân trời nào đó thì trời hẳn đã về chiều.” Tùy theo mức độ xa vắng của mắt em, anh sẽ gọi được giờ, thí dụ như bây giờ phải ước chừng là sáu giờ chiều,” tôi đã nhiều lần nói với nàng như vậy khi ngồi ở quán Baron. Và khi nàng đứng lên đòi về, tôi gấp giấy tờ sách vở lại, thì mặt nàng hẳn đã nhạt ra, có khi những ngón tay còn run run nữa. Bây giờ tôi lại đoán được là chín hoặc chín giờ rưỡi khuya.

Tôi nhớ, lần đầu tiên gặp lại nàng là ở trong quán Baron. Bây giờ là chiều lấm rồi, tôi đang ngồi trong quán, lúc đó thật vắng, đọc những xấp bài vở, báo chí đủ loại thì cô nàng đứng ngay trước mặt tôi, gọi tên tôi và hỏi tại sao tôi lại xuất hiện ở vùng thủ đô tị nạn này. Tôi ngẩng nhìn lên, chỉ nhớ mang máng đã gặp nàng đâu đó trên đảo. Nhưng tôi chẳng mấy khi nhớ được những chuyện gì xảy ra hôm qua, huống gì là của nhiều năm trước. Cô nàng tự giới thiệu là có quen tôi khi còn trên đảo, và anh không thể nào nhớ mặt được những kẻ đứng thật xa và nói thật nhỏ. Tôi đã tự trách mình vô tâm và trả lời rằng, ai cũng có thể nhớ được một tên nổi tiếng ở dờ, lười tắm và làm đủ thứ chuyện lung tung cho đồng bào như vậy; tôi hơi ngạc nhiên nghe mình tự nói xấu cách hồn nhiên, và lại xin lỗi về trí nhớ của mình. Sau này tôi có hỏi lại anh Trung, người Đạo Trưởng của tôi, thì anh cũng chẳng thể nhớ nổi cô bé nào như vậy cả. Có hàng trăm cô bé thế chứ, cậu nói thế làm sao tôi nhớ nổi, anh trả lời nhất gừng. Tôi đã trả lời, chỉ có một thôi, một cô bé kỳ dị như vậy đây, với cả một pharmacy trong phòng. Có hề gì đâu, cũng như trong phòng cậu là đủ thứ sách thôi, anh Trung đáp. Chịu thua, tôi không bao giờ cãi được với ai.

Buổi chiều, khi chạng vạng tối, tôi thường đến Baron ngồi đọc, ghi chú và suy nghĩ về những điều phải viết. Cà phê ở đây thì đậm, uống vào có thể thức tới hai, ba giờ sáng, còn bánh mì thì có thể thay cơm được. Quán thường vắng vào chiều và tối. Điều hay nhất là không có nhạc vì quán thuộc loại bình dân. Tôi không ưa những quán nhạc ồn ào, đông đúc, mịt mù khói thuốc. Ngồi ở đây, nhìn qua những khung kính ra đường Brookhurst, nhìn buổi chiều, nhìn đêm, nhìn chiếc xe cà tàng của mình bên ngõ hẻm, rồi cúi xuống đọc trên những trang giấy, rồi có khi chạy tới nhà tên bạn hỏi han đôi chuyện hoặc vào bàn gỗ lóc cóc dăm bài thơ cho nó đỡ mệt. Tôi đã có thói quen sống hạnh phúc được trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi bị gây rối vì chuyện tiền bạc hoặc cộng đồng.

Những thời gian về sau, nàng thường ra ngồi với

tôi. Có khi hỏi chuyện chán chê, rồi lại im lặng, rồi lại đọc những xấp bài tôi để trên bàn, đủ thứ nhảm nhí, và có khi về Thiền, về chính trị, hoặc thứ gì cũng đôi chút nghiêm trang, vân vân. Rồi lại hỏi những câu không đầu vào đầu. Chẳng hạn như,” Làm thế nào để khỏi bệnh?”



Lần đó, tôi đáp, “Tại sao cần khỏi bệnh chứ. Bỏ tất bệnh vì chúng sanh bệnh cơ mà.” Nàng đáp, “Hôm bữa anh khóc um xùm khi mới bị nhức răng sơ sơ, thì chúng ta đâu cần phải bệnh để hiểu được Kinh Phật.” Tôi những chỗ lý luận cụ thể về cuộc đời thì tôi lại im lặng, bởi vì thực sự tôi chẳng hề hiểu chi về cuộc đời cả.

Phải nhiều tháng sau, nàng mới nói cho biết có lẽ nàng sắp chết. Bấy giờ tôi mới ngẩng mặt lên khỏi mớ giấy tờ, ngạc nhiên nhìn nàng. Chín giờ tối rồi, một tiếng nửa quán sẽ đóng cửa, không còn ai trong quán trừ chúng tôi. Mắt nàng yếu đi, người nàng trước giờ vẫn gầy bây giờ như gầy thêm hơn. Ung thư à, tôi thắc mắc, lạ nhỉ, cái này cũng giống như xô số đấy. Mắt nàng xịu xuống, ra dáng bé con hăn, im lặng hồi lâu. Tôi vẫn không thể hình dung được cô bé đang ngồi trước mặt tôi hôm nào có thể biến mất trên đời này. Ngay cả nếu bây giờ cô nàng ngã xuống, lên cơn sốt trăm độ, ngay giữa quán này, đương nhiên là tôi sẽ ẵm cô nàng đi cấp cứu, nhưng vẫn sẽ không thấy chuyện này có thật tí nào. Tôi đã nói với nàng như vậy, thấy nàng vẫn mở to mắt nhìn như không hiểu, tôi giải thích thêm, từ lâu rồi anh vẫn thấy mọi chuyện trên đời chỉ là những giấc mơ thôi. Tôi áp dụng, thí dụ chúng ta đang ngồi đây, giữa quán cà phê vắng thế này, thì cũng không có gì là thật cả, chỉ là những giấc mơ thôi, thấy được như vậy, đây chỉ là những giấc mơ chúng ta sờ được và bơi lội trong nó thì em sẽ không bao giờ đau khổ, thắc mắc hay bận tâm. Em có đùa bao giờ đâu, nàng gắng gượng nói. Ừ thì không đùa, nhưng em phải tập Thiền và thể dục, anh sẽ dạy cho, dễ lắm, bệnh nào cũng chữa được. Lời tôi nói như tan vào không khí. Nàng không trả lời, nét mặt xanh nhợt nhạt.

Nàng ở trong một căn chung cư góc Brookhurst và Hazard. Buổi chiều nàng đi bộ ra quán ngồi chơi và nói chuyện với tôi, tới khuya rồi lại về. Làm thế nào cô bé sống được trên thế gian này nhỉ, tôi thắc mắc, lại ngay

giữa cái thành phố đầy những xô xát, ồn ào, nhảm nhí này. Tôi thích nơi này biết mấy, cũng như mọi nơi trên trần gian này, chỉ vì tôi không thể ý thức được mình có thể ghét bỏ một nơi nào trong cuộc đời. Nhưng còn cô bé, cô nàng mỏng manh như một hơi thở, gầy như một que tăm,

ngây thơ như một dòng chữ trong kinh Phật, và có vẻ như không bao giờ biết tới tuổi thành niên, làm sao có thể ngồi ngay giữa quán Baron này mà không hề sợ hãi. Cái món tiền tàn phế đâu có bao nhiêu. Tôi có thể sống được, và cả hạnh phúc nữa với không một xu dính túi, nhưng còn nàng, cô bé gầy gò dúm dỏ kia làm sao sống nổi giữa trần gian điên đại này.

“Em phải biết trần gian mình lắm bệnh, và đừng thắc mắc gì cả.” Tôi giải thích một hôm như vậy và không biết có nên tò mò hỏi thêm về căn bệnh của nàng. Nhớ như đó là một bệnh khó trả lời, thí dụ như ung thư vú hay tử cung chẳng hạn. “Em phải tập nói chuyện với hư vô hằng đêm, hằng ngày.” Tôi băn khoăn không biết mình có đang nói những điều quá xa lạ với nàng chăng. “Cứ gọi tên nó ra mà hỏi chuyện, như một người bạn. Đừng giận dữ bao giờ cả. Thì thâm to nhỏ. Khi nào nó hành đau quá thì thôi, tìm cách ngủ.”

Cô bé mở một tờ báo lá cải và chỉ vào một bài quan điểm. “Sao người ta cứ gọi nhau ra đánh phá lung tung ha. Em thấy cuộc đời mình kỳ dị lắm. Anh đọc bài này chưa. Anh làm báo nữa làm chi.”

“Anh chỉ có một điều bận tâm hiện nay thôi. Đó là làm sao cho em và những người đi sau không bao giờ biết tới bệnh là gì.” Tôi thò tay qua bàn, xếp tờ báo kia lại và ném qua bàn bên cạnh.” Cuộc đời lạ lắm. Chúng ta không bao giờ hiểu được. Để anh bỏ tấc một ý kiến hôm trước, chúng ta không những chỉ đang sống trong mơ, mà thực sự tự thân cũng chỉ là những bóng thoáng qua, ẩn hiện trong đó.”

Cô bé nhú trán. Thói quen này tôi không thích lắm. Một lần tôi có phê bình, em đừng tập kiêu nhú trán cau mày ra dáng đăm chiêu nữa, có vẻ người lớn một cách không tốt. Bởi vì cau mày nhú trán cũng không thể làm em trở nên nhà bác học được. Thế là suốt cả tuần lễ kế tiếp, cô nàng nhú trán cau mày liên tục. Cũng may những thói quen như vậy nàng quên cũng rất mau. Lúc

đó tôi tự nhủ, phải chi chứng bệnh nang cũng thế thì hay biết mấy, muốn nhớ thì có, muốn quên thì đi, cuộc đời sẽ vui biết mấy.

“Em muốn anh tới đưa đón mỗi chiều ra quán Baron. Em không còn sống bao nhiêu ngày nữa.” Cô bé một hôm nói nghiêm trang như một mệnh lệnh. Khuôn mặt nàng nhợt nhạt, xanh xao, hiện lên đôi mắt sáng nhìn thẳng vào tôi. “Em có thể đi bộ ra ngồi với anh được. Nhưng em muốn từ bây giờ anh phải đón em ra đây.”

Tôi không thấy có gì để từ chối. Một hôm nào, cô bé rời khỏi cuộc đời này, rời những hệ lụy trần gian và sẽ vui vì những ngày hôm nay. “Chi vậy nhi,” tôi vẫn cãi bướng, “em cần phải ngủ nhiều hơn là đi chơi. Nhất là ra đây lại khói thuốc, bụi bặm, có tốt đâu. Nhớ thằng nào quảng lựu đạn vào đây thì lại hỏng. Cứ gối đầu vào pharmacy của em mà ngủ là tốt nhất.”

Người cô bé như nhỏ lại, đôi mắt vẫn nhìn thẳng vào tôi.

“Mỗi ngày em phải hỏi anh khoảng ba câu hỏi về Thiên. Anh sẽ trả lời, em không cần hiểu, nhưng bắt buộc phải nghe và nhớ. Có như vậy anh mới đưa đi chơi, và mỗi ngày sẽ đón em ra đây. OK? Được ha.” Tôi ra giọng thầy, “Vậy thì hôm nay câu hỏi nào đây?”

“Em đâu biết hỏi gì.” Cô nàng giọng nhỏ lại, nhìn ra ngoài những khung kính. Tôi đoán nàng hơi mệt, bây giờ là trễ rồi, trời sụp tối ngoài kia. Tôi cũng không biết phải nói gì. Hình như có gì chận nơi cổ họng tôi. Cô nàng nói, giọng thật nhẹ, rất nhiều khi em buồn ngủ, như bây giờ chẳng hạn, nhưng cứ sợ sẽ không bao giờ thức dậy. Cũng có khi đau, đau cả người chứ, nàng vẫn nhìn ra những ngọn đèn đường. Đau đớn lắm, như bây giờ chẳng hạn, nhưng em muốn anh thăm em mỗi ngày...”

Bây giờ thì tôi biết nàng bị ung thư tử cung. Cũng lạ, vì chứng bệnh này thường xảy ra cho người lớn tuổi. Một lần nàng vào nhà thương Anaheim năm cả tuần lễ. Mỗi chiều tôi đều vào chơi bên giường bệnh với nàng. Tôi đọc đôi tin vớ vẩn về Việt Nam, giả vờ lướt qua vài bài thơ cho có lệ, thơ dở lắm, chẳng thấy bài nào hay cả, tôi cứ gạt qua như vậy. Em tập thở đi, cũng đỡ mệt hay đau đớn chẳng hạn. Nàng gầy hẳn đi, hai gò má nhỏ xương ra. Giọng nàng thì trầm, anh không nên nhìn em trong hoàn cảnh này. Nàng nói nàng chẳng ưa tí nào bộ đồng phục màu xanh của nhà thương. Tôi ngồi bên cạnh và đọc thầm bài Đại Bi Chú. Không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra ngày mai, tôi nhìn những ống thuốc bên giường nàng. Tôi siết chặt tay nàng dưới tấm ra giường. Tay em toàn là xương, làm thế nào có lại thịt da như ngày xưa nhỉ, tôi bùi ngùi suy nghĩ. Sau lần mổ này, sức cô bé sẽ yếu hẳn, bác sĩ nói với tôi như vậy. Người bác sĩ già tóc

trắng người Mỹ giải thích với tôi về cách gìn giữ sức khỏe hằng ngày cho nàng. Ông ta có vẻ hiểu lắm như chúng tôi là tình nhân, hoặc một kiểu như đang sống với nhau.

“Thuốc ấy à, cô ấy cần cả một pharmacy đấy. Nhưng rồi cũng sẽ chẳng đâu vào đâu.” Gibson, người bác sĩ già lắc lắc đầu. Từng mảnh tóc trắng bay trên đầu, ông đứng giữa hành lang sạch bóng và thơm mùi nhà thương giải thích.

Nhà thương cách thư viện công cộng hai block. Suốt ngày tôi ngồi đọc và viết trong thư viện, chờ tới bốn giờ thì vào thăm nàng. Nhưng những ngày này trôi qua thật chậm, tôi không đọc được nhiều và cũng không viết nhiều. Máu lười cũng nổi lên rồi, tôi tự khiển trách như vậy. Nhưng cũng không phải, tôi nghiệm ra mình không tập trung tinh thần được. Tôi nhớ tới những ngày mẹ tôi sắp mất. Những ngày ấy tôi vẫn không bao giờ nghĩ rằng mình sắp xa mẹ. Chuyện gì với mình cũng là chuyện bất ngờ, tôi tự nghĩ. Nhưng còn chuyện này, cô bé hẳn là sắp rời thế giới này rồi, tim tôi thất lại khi nhớ tới lời bác sĩ. Y Học không tiên đoán được gì thêm cho những trường hợp này, cách nói ông dè dặt.

“Mr. Gibson, ông nghĩ rằng bao giờ nàng đi,” tôi ngập ngừng hỏi.

“Cứ giả thiết là vài năm nữa chẳng hạn, cũng có thể là vài tháng. Tốt hơn hết là cứ bình tĩnh chờ thôi. Nhưng còn phép lạ nữa chứ. Chúng ta phải tin vào những điều không hiểu được.” Ông nói chậm rãi, gật gù, đôi mắt xanh nhìn tôi như chờ đợi một phản ứng.

Tôi đã trả lời rằng tôi tin vào phép lạ, bởi vì cuộc sống tự nó đã là phép lạ. Tôi ngạc nhiên nghe giọng mình rất mực bình tĩnh.

*Nếu chúng ta không thờ nữa
không thấy được bầu trời xanh trên kia
không nắm được tay nhau trong đời này
và câm lặng đời đời dán lên môi
hãy tin vào...*

Bài thơ tôi làm được mấy câu, cũng dở dang. Tôi đọc khi nàng ra viện. Căn phòng em tự nhiên thân thiết hơn, nàng nói khi tôi đưa nàng về. Về lại cái pharmacy này vui hơn, tôi kiếm chuyện để nói. Bình thường tôi thuộc loại ít lời. Vài ngày sau, nàng mới nhớ là tôi có đọc bài thơ nào đấy cho nàng. Bài thơ anh làm đó hả, cô nàng hỏi. Ừ, thơ dở lắm, đừng nhớ tới nó nữa, tôi lầu bầu. Anh có cả trăm bài như thế đấy, đừng bắt anh làm thơ, chẳng ai khen cả. Có em khen chứ, em thích những bài thơ như vậy, nàng biện hộ. Ừ thôi quên đi, anh năn nỉ mà.

Khi hơi khỏe khoắn một chút, cô bé lại đòi ra quán

Baron chơi mỗi chiều. Chi vậy, tôi tìm lời ngăn cản, ở nhà cho chóng khỏe. Ngoài kia đầy khói thuốc đầy. Em thích ngồi nhìn buổi chiều, và lại em thật sự không bệnh, nhưng chính là cuộc đời bệnh, cuộc đời làm em bệnh. Tôi đùa, không phải em bệnh, đúng không, mà là ngôi nhà bệnh chứ gì. Cô bé gật đầu, đáng như hiểu mọi lời tôi nói. Chúng tôi bật ra cười. Tôi nói thêm, em không biết rằng buổi chiều làm em mệt sao, mặt mũi cứ nhợt nhạt ra, ai cũng biết là bệnh cả. Và lại, bây giờ em cần phải mập ra một tí. Nàng xiu mặt xuống, em lúc nào cũng toàn xương cả, làm sao mập nổi. Tôi im lặng. Nàng hỏi sang chuyện khác, lúc này báo chí còn chống phá lung tung nữa không. Có trời biết họ đang làm gì, trần gian mình lắm chuyện lắm, tôi nói trong cách để nàng khỏi suy nghĩ. Anh nhà báo, anh biết chứ, cô bé trở giọng bướng bỉnh. Câu hỏi thứ nhất về Thiên em chưa hỏi mà, tôi vặn lại, thôi ngủ đi nghe chưa. Tôi kéo mền phủ khắp người nàng.

Tôi ngồi trên sàn nhà sắp xếp những bệ bộn sách vở, áo quần của nàng. Đôi con búp bê nhựa thò đầu giữa đồng lung tung ấy, tóc vàng, mắt xanh, biết nhắm mắt, mở mắt. Tôi nằm lẩn ra giữa phòng ngủ vì mệt, tay còn ôm hai con búp bê vào ngực. Buổi sáng thức dậy, nàng đang pha cà phê. Tôi xin lỗi vì ngủ quên, đáng ra anh nên về nhà, những người chung quanh có thể nói những lời không tốt. Nàng bảo không sao, em cũng sắp theo ông Phật rồi, chẳng ai thắc mắc đâu, mắt nàng vẫn nhìn tôi thăm dò. Tôi bảo, cuộc đời nhảm lắm, họ bịa chuyện lung tung cho coi. Nàng bảo, anh cứ giải thích thì họ phải tin thôi. Tin cái gì nhỉ, tôi băn khoăn, nếu đêm qua em thôi không thở nữa, họ sẽ bảo gì đấy, chẳng hạn như anh rape em, hay là làm nhảm gì đấy. Cô bé đem ly cà phê đặt trước mặt tôi, ẵm lên hai búp bê nhựa, nói như với búp bê, chẳng sao cả các em nhỉ. Tôi không biết nói thêm gì cho rõ hơn, em nghe này, thí dụ đấy, họ bảo là chúng mình làm tình thì chẳng tốt cho em tí nào. Nàng mở to mắt nhìn, nhưng mình có đâu, mà họ nói thì có sao đâu. Tôi nhún vai và đứng dậy ôm nàng vào lòng. Nàng chỉ là một đứa bé không bao giờ lớn. Nàng tựa đầu vào ngực tôi, em không còn bao nhiêu ngày sống nữa. Tôi nói, em chỉ là đứa bé sáu tuổi. Nàng bảo, còn anh là sáu tuổi rưỡi, mắt nàng vẫn ngẩng nhìn lên, tay bấu chặt vai tôi.

Từ đó, thỉnh thoảng tôi đến ngủ phòng nàng mỗi khi lười về nhà hoặc có khi để làm nàng vui. Tôi không nằm trên sàn nhà nữa, nàng dạy tôi mở chiếc ghế sofa ra làm giường. Cũng hơi phiền vì phải dùng một tí sức và sự khéo léo để mở được các lò so sắp ri sét bên trong ghế. Nhiều ngày lên được phòng nàng, tôi trải túi ngủ ngay trên sàn nhà và chui vào ngủ. Cách này tiện hơn dù

nàng cứ lâu bầu hoài. Tôi ngủ ở đây tiện cho việc ăn uống của tôi. Và đôi phần cũng tiện cho sức khỏe của nàng. Nàng bảo, ngủ một mình em sợ lắm. Sao lại sợ nhỉ, tôi giải thích rằng tất cả những nỗi sợ đều không có thực. Em sợ đau đớn, và đôi khi sợ chết nữa. Nàng nói nàng cảm được nỗi đau len vào từng bắp thịt, thất các cơ lại và di chuyển qua lại dăm nơi trên cơ thể nàng. Còn sợ chết nữa, nàng nói thật nhanh, em sợ không thấy anh nữa. Nếu em tập được không suy nghĩ gì cả, tôi giải thích, thì sẽ không bao giờ thấy được gì là sợ hãi với lo lắng. Nàng có vẻ không tin bao nhiêu vào những điều như vậy.

Có đôi tên nhà báo bắt đầu thắc mắc về hành động của tôi. Họ xì xầm đôi điều và tôi nghe lại từ những nguồn khác. Khi tin này được diễn dịch qua mấy bà vợ của họ thì càng nghiêm trọng nữa. Tôi bảo với một tên bạn thân của tôi, làm sao đính chính bây giờ, tội nghiệp cho cô bé chứ. Tên này thuộc loại cũng chẳng bận tâm chuyện gì trên đời, hấn chỉ gật gù bảo kẹ. Tao chỉ ngồi canh bệnh cho cô bé thôi, ai cũng có thể đoán như vậy, tôi nói. Thế mày cũng nghĩ rằng tao làm tình với cô nàng à, tôi có vẻ hơi quạu quọ khi phải nói như vậy. Biết làm sao được, hấn bảo để hấn giải thích cho những nguồn tin kia im đi. Tôi chỉ hy vọng cô bé không nghe gì cả. Nếu tôi biết có ai nói gì với nàng, tôi sẽ vặn cô hấn ngay.

“Phòng cô bé là một pharmacy, còn tao là người canh bệnh. Hiểu chưa?” Tôi đứng lên và nói gần với tên bạn như vậy trước khi về.

Thật sự thì như vậy. Tôi đã sống đơn giản như vậy. Tôi chỉ là kẻ săn sóc trần gian này, và trước tiên là cô bé. Thế thôi.

Bệnh nàng càng lúc càng nặng. Mùi thuốc lúc nào cũng bốc lên ngợp cả phòng. Ban đêm nàng thường trần trọc, bật đèn dậy đọc sách, hoặc pha thuốc uống. Nàng nói, nỗi sợ của nàng càng lúc càng tăng. Tôi nói biết sao bây giờ, cứ thờ đều đặn rồi sẽ ngủ quên thôi. Nàng nói có khi đau quá, cứ nhìn thấy những hình ảnh dữ dội hiện ra trước mắt. Tôi hỏi hình ảnh gì. Nàng nói hình ảnh trong những cuốn sách về ma quỷ hay địa ngục gì đấy, dù những thứ nàng từng đọc hồi nhỏ. Tôi nói, khi nào em sợ cứ bật đèn lên đọc sách, đừng lo anh mất ngủ, vì anh có thể ngủ được trong mọi điều kiện.

Suốt tuần như vậy, nàng than thở về sợ hãi, về sự chết. Tôi cứ nằm vật ra trên sofa, giữa sàn nhà bệ bộn đủ thứ, bốp bốp hai con búp bê cho nó kêu những tiếng oa oa cho nàng vui, rồi lại nói làm nhảm về mọi chuyện trên đời cho tới khi hoặc nàng ngủ quên hoặc tôi gục đầu vào đồng sách vở thiếp đi.

Thời gian sau này chúng tôi không ra quán Baron nữa. Lý do chính là không có tiền. Tiền tem thư và điện

thoại của tôi còn nhiều hơn tiền chợ. Tôi còn phải tiết kiệm sức khỏe của nàng nữa chứ, đi đứng nhiều chỉ mệt thêm. Phòng làm việc và nơi ăn ngủ của tôi bây giờ là ghế sofa của nàng.

Một chiều, nàng bảo tôi đưa nàng đi chơi. Tôi chờ nàng ra Laguna Beach, vào các shopping mall và trở về khi đêm xuống. Nàng nói muốn vào Baron uống ly cà phê cuối cùng. Tôi ngạc nhiên hỏi sao lại cuối cùng. Mặt nàng tái xanh, gầy nhợt nhạt. Tôi cũng chịu nàng và nói sẽ làm mọi chuyện trên đời này để làm nàng vui. Khi ngồi trong quán tự nhiên nàng chảy nước mắt. Tôi hỏi sao vậy. Nàng nói buồn ngủ. Em không còn đau đớn nữa, nhưng buồn ngủ lắm, tự nhiên buồn ngủ dễ sợ. Và nàng gục đầu lên bàn, nước mắt còn ngấn mi và nói để em ngủ. Tôi trả tiền và đưa nàng vào xe đưa về. Tôi phải ẵm nàng lên cầu thang. Nàng nhẹ như bông. Đầu gục vào ngực tôi, mắt nhắm lại, nét mặt dịu dàng. Tôi nghe như tiếng thì thầm khi đặt nàng xuống giường, em không sợ nữa, không sợ gì nữa. Tay nàng vẫn níu chặt ngực áo tôi. Trên khuôn mặt nàng hiện ra một vẻ bình yên làm tôi vui. Nàng trở người và ôm chặt lấy tôi, đầu dúi vào ngực tôi. Tôi kéo chăn đắp và ôm nàng ngủ. Sáng hôm sau nàng không thức dậy nữa. Đôi mắt nàng không bao giờ mở ra nữa. Giọt nước mắt trên mí đã khô, nhưng nụ cười vẫn còn tươi.

Sau này, một người bạn bác sĩ cho biết những người bệnh ung thư chết thường rất là đau đớn, vật vã. Tôi không nói gì về cái chết bình yên của nàng, tôi không thích nói những điều riêng tư. Tới bây giờ thường khi mỗi khi trở giấc, tôi vẫn cảm thấy nàng đang dúi đầu vào ngực tôi, gối đầu vào vai tôi, tóc nàng còn thơm mùi chanel vương vất trên mặt tôi, vòng tay nhỏ nhắn của nàng vẫn ôm chặt tôi. Mỗi khi cảm thấy như vậy, tôi lại đọc thăm ba biển Đại Bi cho nàng. Chúng tôi chỉ là những đứa trẻ trên trần gian này. Và nàng, cô bé kia đã một thời sợ hãi cuộc đời và nay đã đi xa, thật xa. Còn gởi lại nụ cười. Thật tươi. Ngay cả khi đôi mắt đã khép vĩnh viễn.

Nhiều tuần sau, một chiều tôi trở lại Baron, ngồi đúng nơi bàn chúng tôi thường ngồi. Ngoài trời bắt đầu tối. Tôi nhìn qua những bàn trống và chợt nhớ lời nàng một hôm, chúng ta đang trong ngôi nhà bệnh. Nơi này có bệnh? Tôi không biết. Chỉ biết tôi đang nhớ nàng kinh khủng, nắm giẻ rách thơm mùi bệnh viện của tôi.

Khi đưa tay vào túi lục tiền, tôi thấy lại mảnh giấy hôm trước ghi bài thơ. Tờ giấy nhăn nheo, rách bèo nhèo. Tôi không dám mở ra đọc lại, chỉ nhét vội vào túi. Và khi đứng dậy ra về, tôi đi như chạy.

NHÌN THẤY LẠI MÌNH

*Thức tỉnh nhớ thời thuở trước
Lang thang làm kẻ cô đơn
Gặp đáng Kiều ở bến mộng
Không giờ soi thấy mặt gương
Lắm lần vào đời khắp xứ
Chẳng nhớ về lại nhà xưa
Do nghe lời nàng Hạt Ngọc
Đắm theo quả ngọt hoa vàng
Khi nhớ về, đêm tối đến
Bị lạc đường bởi phong ba
Mưa sấm chớp lòng chơi vơi
Cõi thực mà như Hư vô
Ngỡ mình bị oán tặc dữ
Mừng thay gặp kẻ đồng hành
Đưa lối tâm tình thăm hỏi
Qua đây rõ bậc trí nhân
Tâm mở ra nghe người dẫn
Từng câu diệu lý chân nguyên
Sám hối thân tâm tẩm gội
Men tình, tội lỗi tuôn trào
Lòng tẩy sạch nhờ tịnh thủy
Trong ngoài thường lạc an vui
Mặc áo mới trước bảo điện
Nơi đây đã thấy lại mình:
Phật tượng cùng ta tan rã
Vô thường tứ đại thành tro
Năm uẩn thường cư hoại diệt
Hữu tình đang trở về không
Mang theo Thường Minh Tuệ Giác
Là Như Như bất diệt muôn đời.*

ĐỨC HẠNH



MỘT TƯỢNG

Ngô Nguyên Dũng



Sư cụ cho gọi chú tiểu Bửu vào, nói:

- Con tới đây làm công quả đã lâu, hạnh tu coi như đã có, nên thầy muốn nhờ con một chuyện.

Tiểu Bửu cung kính xá:

- Thưa thầy, con xin nghe.

- Con biết, chùa mình dọn từ Mai Sơn về đây đã nhiều năm mà vẫn chưa thỉnh được tượng Quán Thế Âm theo. Nay, tình thế tương đối yên ổn trở lại, thầy muốn con tới chùa cũ thỉnh về, có được chăng?

Tiểu Bửu bối rối:

- Dạ, được... nhưng...

- Nhưng sao?

- Không biết con có đủ sức vượt qua mọi khó khăn, hiểm trở.

Sư cụ điềm nhiên:

- Con cứ thoi thả mà đi, coi đó như đường tu hành, thông dong bước, thế nào cũng tới.

Tiểu Bửu cúi mặt:

- Thưa thầy, con không ngại đường xa cách trở mà ngại lòng mình chưa đủ đạo hạnh để thỉnh tượng về đây.

Sư cụ cười khoan dung:

- Đáng lẽ chuyện này là của thầy, nhưng thầy biết sức mình hết kham nổi thử thách ngoại cảnh, nên phải nhờ tới con, người mà thầy hết dạ tin tưởng.

Tiểu Bửu xúc động rơm rớm lệ:

- Thầy đã nói vậy, con xin tuân.

Rời từ đó cho tới ngày lên đường về lại Mai Sơn tự, không đêm nào tiểu Bửu yên giấc. Chú cứ trần trọc mơ tưởng về chuyến đi sắp tới. Tiểu Hạnh, bạn đồng tu, gọi đó là "sứ mạng cao cả của Tê Thiên đại thánh", và lộ vẻ ganh tị ra mặt. Tiểu Bửu phải an ủi: "Chú còn nhỏ, thầy đâu dám nhờ." Tiểu Hạnh hờn dỗi: "Sao thầy không cho anh em mình đi chung cho có bạn?" Tiểu Bửu cười khê: "Phải có người ở lại chăm sóc thầy và lo chuyện chuông

mở chớ." Dẫu hiểu, nhưng tiểu Hạnh vẫn âm ức trong bụng. Tiểu Bửu biết vậy, nên ít khi đem chuyện đi thỉnh tượng ra nói.

Tội nghiệp, tiểu Hạnh là trẻ mồ côi, được thân nhân gởi vô chùa từ năm sáu tuổi. Không những tiểu Bửu có bổn phận dạy học cho tiểu Hạnh, mà còn chỉ vẽ nó cách quán xuyến chuyện chùa chiền như nấu cơm, giặt giũ, lau chùi hay gióng chuông và thắp nhang đèn cúng Phật mỗi thời kinh sớm chiều. Còn nhỏ, nên tiểu Hạnh ham chơi hơn thích làm. Mỗi năm tới mùa lễ, nó ra ruộng bắt vài con đem về nuôi trong hộp thiếc, giấu dưới ụ rơm ủ nấm. Khi bị tiểu Bửu bắt gặp đang chơi đá dế, nó ngón ngoèn cười nhận lỗi. Tiểu Bửu không la mắng hay ngăn cấm chi, chỉ ôn tồn giải thích. Một hôm, chú bắt gặp tiểu Hạnh ngồi khóc lặng lẽ bên ao nước. Hỏi sao khóc, nó rầm rút: "Em vừa phóng sanh mấy con dế ra ruộng." Tiểu Bửu cảm động lây, đặt tay lên vai bạn: "Làm một việc thiện, lẽ ra phải cười, sao lại khóc?" Tiểu Hạnh ngược mặt cười méo, lộ hàm răng sún. Nụ cười ấy, tiểu Bửu suốt đời không bao giờ quên.

Thỉnh thoảng sư cụ lại vui miệng kể chuyện phong cảnh Mai Sơn cho hai chú tiểu nghe. Rừng núi ấy, như tên gọi, có nhiều mai dại. Không hoàn toàn giống như mai chưng vào dịp đầu năm, đã mai có cánh hoa thuần dài, hơi úp, mau nở mà cũng chóng tàn. Hằng năm, tới độ mai mãn khai, sáng ra suối mức nước, thầy lưng núi đơm rực hoa vàng. Chiều hôm rịn sương, tưởng như có bảy hoàng hạc từ tây phương trở lại thăm chùa. Tiểu Bửu ghi đậm hình ảnh thơ mộng ấy vào tâm. Để đến hôm nay, chú cứ thần thơ mộng mị cảnh rừng mai trong chiều sương toả.

So với phần số tiểu Hạnh, tiểu Bửu may mắn hơn, vì còn mẹ và bảy anh chị em. Tháng chạp năm nào mẹ cũng tới thăm tiểu Bửu. Quà cáp mẹ mang, toàn những

thứ tiểu Bửu hảo ăn như bánh hạnh nhân, bánh chuối hấp và thật nhiều bánh ích bột khoai mì. Chú biết, thật ra đó chỉ là cái vui tạm, sự có mặt của mẹ mới là niềm vui chính. Mẹ là cái gạch nối âm áp cuối cùng giữa chú và thế tục bên ngoài. Mẹ nán lại chùa vài ngày, phụ làm công quả. Lâu rồi, mẹ không còn nhắc tới cha, người mà mẹ kể đã tập kết ra Bắc từ năm 1954. Cũng lâu rồi, tiểu Bửu không còn hỏi mẹ lý do tại sao mang chú gởi cho chùa. Tiểu Bửu đã bắt đầu cảm thọ nhịp sống tu hành. Dù vậy, tới lúc mẹ con chia tay nơi bên đò, tiểu Bửu không khỏi sa nước mắt. Chú chờ bóng con đò khuất dạng sau lùm cây và mặt nước im sóng mái chèo, mới quay lưng lăm lũi, mắt lệ ngấn dài. Thuở ấy chưa có mặt tiểu Hạnh. Trong những buổi tiễn đưa về sau, có tiểu Hạnh bên cạnh, tiểu Bửu cố ngăn nước mắt. Rồi cũng tới lúc, chú không còn khóc khi từ giã mẹ nữa, chỉ buồn. Buồn trong những lần bóc bánh ra ăn. Rưng rưng tưởng lại tiếng chân mẹ quạnh quẽ trong sân chùa lốt gạch tàu. Và đậm đà biết mấy món canh bí mẹ nấu dâng Phật rằm tháng chạp.

Tiểu Bửu xoay lưng, hé mắt nhìn ra liếp cửa vàng vạc trắng soi. Đêm nay cũng rằm. Tiểu Bửu khó ngủ, mơ và quàng chuyện này chuyện nọ. Tự dưng chú cảm thấy nhiệm vụ sư cụ giao phó gian nan quá. Đường từ đây lên Mai Sơn tự non mười cây số, nhưng phải đi bộ, vì không có lối sông. Đi về ít nhất hai ngày. Tiểu Bửu định ở lại chùa cũ một đêm một ngày để ngắm cảnh hoa cho mãn nhãn. Không biết, sau mấy năm chinh chiến, cảnh vật có còn như xưa? Có còn những cội mai hóa long ngủ quên lưng chừng núi? Có còn những hoàng hôn, bầy công núi bay về đậu trên chòm sứ trắng đợi nghe chuông? Có còn bóng trăng thủy ngân soi trong lu nước ngâm bông sứ mỗi đêm rằm? Tiểu Bửu rợn người tưởng ra bàn tay ai thon muốt đầy giạt lớp hoa, vốc làn nước thơm rảy lên tượng Phật. Ngón tay dịu nhiễu, mềm mại. Mặt nước run gợn sinh thú. Hương hoa chập chờn vọng tượng. Tiểu Bửu giạt mình nhận ra đó là bàn tay con gái.

Bên cạnh, tiểu Hạnh nẩy người, ú ớ mê sảng.

*

Tiểu Bửu sắp bầu nước lọc, hai củ khoai luộc, đòn bánh tét nhum chuối, quẩy kệ mỏng và cái xeng con vào bọc vải. Tiểu Hạnh lảng xảng dặn dò:

- Chú đi, nhớ về sớm. Đừng quên cái chăn bông!
- Lâu lắm là ba ngày.
- Chú đem theo bao nhiêu đó thức ăn, đủ không?
- Đủ rồi. Nếu thiếu, dọc đường chú hái trái ăn thêm.

Khát thì uống nước suối. Thầy bảo, có dòng suối bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, vắt ngang lưng núi.

Tiểu Hạnh hít hà:

- Chú sướng hơn em.

Tiểu Bửu cười mỉm:

- Tại tiểu Hạnh không biết, chớ chú lo lắng, sợ mình không làm tròn bổn phận.

Tiểu Hạnh thắc mắc:

- Không hiểu sư cụ thỉnh bức tượng đó về làm gì? Sao không đặt làm tượng mới, lớn và đẹp hơn?

- Sao em biết tượng cũ nhỏ và xấu?

Tiểu Hạnh nhăn nhó giải thích:

- Xấu thì em không dám nói, nhưng chắc chắn là nhỏ và xưa cũ lắm rồi.

- Quí vì cũ xưa đó em. Bây giờ tượng là một món cổ ngoạn hiếm có.

Rồi tiểu Bửu trầm ngâm cất giọng:

- Theo lời sư cụ, vài năm trước ngày chia đôi đất nước, lúc tình thế còn hỗn mang, một hôm có anh thanh niên ghé ngang Mai Sơn tự xin tá túc một khoảng thời gian. Anh ta là thợ mộc, biết điêu khắc tượng gỗ. Sư cụ không nhờ, nhưng ngày nọ, anh vào rừng vác về một khúc gỗ huỳnh đàn. Thế là suốt buổi anh ta cày cục nâng niu dẻo thành tượng Phật. Trước đó anh ta còn kỹ lưỡng ngâm gỗ trong nước bông sứ. Hỏi để làm gì, thì anh bảo, có vậy gỗ mới dẻo dai bền vững với thời gian và lúc nào cũng thoảng hương hoa. Sau vài tuần, anh hoàn tất bức tượng. Sư cụ bảo rằng, chưa thấy tượng Phật nào có thần sắc từ bi nhân ái như thế. Tượng nhỏ thôi, chừng ba gang tay, vậy mà chỉ cần nhìn qua diện mạo, đã thấy cái tâm vô biên vô lượng hiện ra rành rành. Cho tới đêm nọ, chàng thanh niên xin phép sư cụ rời chùa, rồi không thấy trở lại như đã hứa. Khi chiến tranh tràn lan, sư cụ nhờ người chôn giấu bức tượng bên cội bông sứ sau chùa. Hôm tản lạc về đây, quên đem theo. Bây giờ tính lại đã gần mười năm, mau thật.

Tiểu Hạnh thờ ra, hỏi:

- Không biết anh thanh niên ấy làm gì, quê ở đâu?

- Sư cụ không nói, chú cũng không hỏi. Mà biết, có ích chi?

Tiểu Hạnh đoán xa đoán gần:

- Chắc anh ấy làm chuyện đại sự, không muốn cho ai biết.

Tiểu Bửu cười nhẹ:

- Ồ, sư cụ còn kể thêm, theo lời anh ấy dặn, muốn cho tượng có thần sắc, phải ngâm gỗ trong nước in bóng trăng rằm ba đêm.

- Rủi nhảm bữa trời xấu, không trăng thì sao?

Tiểu Bửu nhăn mặt, nói như trách:

- Thì chờ mùa trăng sau, có vậy cũng hỏi.

Tiểu Hạnh cười lớn lên:

- Em hỏi các cố cho vui vậy mà.

- Người đó có căn tu mà chưa gặp duyên đó thôi.

Nét mặt tiểu Hạnh đột ngột sa sầm:

- Còn em?

Tiểu Bửu đặt tay lên vai bạn:

- Nếu em không có căn tu, đã không lạc tới nơi này.
- Vậy mà chú cứ trách em là đứa có căn chơi chớ không phải căn tu.

Tiểu Bửu cười xoa:

- Đôi lúc chú thấy em ham chơi, xao lãng chuyện tu tập, nên nói vậy chớ không có ý trách mắng.

Tiểu Hạnh thở thê:

- Mà em ham chơi thật. Nhiều khi ra chợ, thấy mấy đứa trạc tuổi chơi đánh đáo, bắn bi, đá dế, đá cầu, tạt lon, tạt hình, em ham quá. Chú Bửu nè, rùi sau này em... em... bỏ chùa đi như anh thanh niên nọ, chú có buồn không?

Tiểu Bửu ngừng tay sắp, nhú mày nhìn tiểu Hạnh một chặp, không đáp, rồi thắt chặt bọc vải vào đầu đòn sóc, quăng lên vai gánh thừ. Có tiếng sư cụ ho khan từ buồng bên. Tiểu Bửu vội ngó ra sân, thấy bóng cây hoàng lan ngả về đông từ khi nào chẳng hay. Mãi trò chuyện, hai chú tiểu suýt quên thấp nhang đèn cho tuần kinh tối.

*

Tiểu Hạnh đưa tiểu Bửu tới cuối lộ đất. Nơi đó, con đường rẽ thành hai nhánh, phải về hướng Mai Sơn, trái ra chợ làng. Lối phải ít người léo hánh, đường hẹp, cỏ lau mọc đầy hai bên, cao xấp xỉ tiểu Hạnh.

Tiểu Bửu đặt đòn sóc xuống cỏ, nheo mắt ngó quanh:

- Trời nắng ghê.

Tiểu Hạnh bậm môi lặp lại lời nhắn cũ:

- Chú đi, nhớ về sớm.

Tiểu Bửu xoa tay lên chòm đầu lờm chờm chân tóc của tiểu Hạnh, cười nói:

- Về, chú sẽ cạo tóc cho em. Thôi, chú đi.

Hai mắt tiểu Hạnh long lanh:

- Em có nhét vô bọc cho chú lọ dầu gió.

Tiểu Bửu xúc động:

- Em về đi!

Tiểu Hạnh lắc đầu nguây nguây:

- Không, chú đi khỏi, em mới về.

Tiểu Bửu quảy đòn sóc lên vai, trước khi dợm bước, còn dặn dò:

- Nhớ tưới rau và lo chuyện nhang đèn hộ chú!

Tiểu Hạnh khum tay che nắng, dõi theo bóng tiểu Bửu nhấp nhô thoăn thoắt giữa cánh đồng cỏ lau, lòng cô quanh mênh mông.

Hôm nay, như mọi ngày mùa khô, nắng tràn rực rỡ. Đi được quãng ngắn, tiểu Bửu lại dừng chân, lấy nước ra uống. Càng lên cao, cánh sắc càng ngoạn mục. Cỏ bông lau xen với bông thầu dại, rờn rợn cánh đỏ. Đã thấy cây to vượn cành, rợp bóng mát. Lâu lâu lại nghe tiếng gà rừng thấp thỏm kêu lẻ. Mây trời nổi vùn hoành tráng, tựa như bức tranh tàu. Giữa trưa, tiểu Bửu xót dạ, dừng lại nghỉ chân bên gốc cây non. Ăn xong củ khoai luộc, hớp

vài ngụm nước lọc, tiểu Bửu khép mắt định thần tọa thiền. Không được lâu, đã bị tiếng chim gọi tỉnh. Tiểu Bửu dáo dác ngược mặt. Một con quạ núi dang cánh lượn vòng trên không, buông tiếng hót hoảng như vừa đánh mất vật gì. Bóng chim quét chập chờn lên cánh đồng chan nắng. Câu chuyện nhà sư hóa thành con chim áo đà suốt đời sục sạo bay tìm trái tim tướng cướp chờn vờn hiện ra trí tiểu Bửu. Chú rợn người kêu thầm, tại sao cứ mãi đi tìm, mà không phá chấp, buông xả thoi thái như hạnh của thiên nhiên?

Và cứ nghĩ ngợi luông tuông như thế, tới chiều tiểu Bửu đến chân thêm đá 49 bậc dẫn lên Mai Sơn tự. Không một bóng người. Nắng sẫm vàng, rắc hơi tàn lên rừng cây. Gió thâm thì tuôn qua rãnh lá. Tiểu Bửu ngẩng nhìn, thấy chòm rễ già bầu ngổn ngoèo kê đá, trông như bày tình xà canh giữ cửa hang huyền thoại. Chú thở ra, hít vào từng hơi dài. Bầu trời nghiêng theo tầm nhìn, choáng váng nứt ra những đường mây. Có bầy hạc xám đang khoan thai nổi đuôi bay về tổ, buông tiếng náo động một góc trời. Tiểu Bửu dò dẫm trên từng nấc đá, bàng hoàng nhận ra tâm mình giao động theo mỗi bước chân.

Trong sân chùa, sứ trắng rộ nở, hương lan nhè nhẹ. Thềm gạch lở loét mấp mô. Chùa tróc mái, chỉ còn trơ lại những cột gỗ xiêu vẹo và chân vách cháy nám. Nơi này, như nhiều nơi khác, có lẽ đã được dùng tiêu thổ kháng chiến. Tiểu Bửu đặt đòn sóc xuống đồng gạch đất vỡ vụn, mọp người chấp tay. Chú hình dung lại cảnh chùa trước cơn biến động. Điện thờ được xây theo hình bán liên, nhắc nhở tính bất toàn của con người. Cánh phải là nhà trai. Cánh trái là phòng tọa thiền. Sau chánh điện là hành lang dài và hẹp, kê tủ chứa kinh điển và vật thờ. Cách một lối ngắn trái gạch nung là nhà bếp, một góc được ngăn vách làm tư phòng cho tiểu Bửu thuở bé và hai bạn đồng tu khác. Bên trái là buồng sư cụ. Bên phải là phòng tắm và nhà vệ sinh. Giờ đây, tất cả đều đổ nát. Tiểu Bửu rung rung hồi tưởng kỷ niệm, thần thờ dọn dẹp một góc chùa làm chỗ trú đêm. Từ mớ gạch vụn, một con rắn mối ríi chân chạy ra, dừng lại ngắc đầu ngo ngắc giây lát, rồi lủi nhanh vào khe trống.

Tiểu Bửu trải chăn ra đất, ngả người, tay gối đầu, suy tư vu vơ. Gió mát hiu hiu. Nắng chiều xuyên mỏng cành lá, nhấp nháy từng đoá. Ngày đang chuyển mình vào đêm. Chưa bao giờ tiểu Bửu cảm thấy lòng mình gần gũi cùng thiên nhiên như bây giờ. Ý tưởng mình là sinh vật tầm thường nhỏ nhoi trong cõi vũ trụ bao la vô bờ càng thêm sắc nét. Cùng lúc là những hoài nghi về thân phận. Tại sao lại có mặt mình tại đây mà không là nơi khác? Tại sao lại có những phân biệt giữa mình và tha nhân? Ngã của mình, ôi, nhỏ như hạt cát, bần như cục phân, mà cũng rộng như đất trời, tinh khiết như giọt sương sớm.

Sau bao năm tu học, mình đã chuyển hoá được gì chưa, mình đã dứt bỏ được những ràng buộc của khổ đau và dục vọng chưa, hay lòng mình vẫn còn vướng mắc vào những móc xích mê chấp? Đã có lần sư cụ dạy rằng: "Tu không phải để lánh đời, mà để nhìn đời bằng tâm tư tích cực hơn. Chuyển được tâm mình, tức là chuyển được cái tâm đời đầy u mê ám chướng."

Tiểu Bửu khép mắt lừng lơ, hai tay xoắn lại đặt trên bụng. Tiếng chim gọi chiều, tiếng lá cựa mình vào đêm hoà với trăng âm thanh không tên nghiêng mòn lê thê trong lòng chú, làm thành điệu ru êm. Chú thiếp vào giấc ngủ rồi.

Có tiếng chim ụt lác giọng từng hồi. Tiểu Bửu tỉnh giấc, ngẩn ngơ giây lát. Trăng rười ràn nhạt lên nền chùa hoang phế. Hơi đêm dịu mát. Côn trùng rì rả không môi. Tiểu Bửu ngồi dậy, vươn vai, mở bầu nước, vốc ngụm nhỏ rửa mặt. Chú nhẩn nha bóc vỏ củ khoai lang luộc còn lại, vừa ăn vừa ngắm tàn bông sứ sau sân chùa. Trăng không sáng lắm, mà không hiểu sao mắt chú nhận rõ những đốm bông trắng muốt như ngậm chất phát quang. Lời dặn của sư cụ vang lên trí chú: "Thầy chôn tượng Phật bên gốc sứ sau chùa, có tảng đá núi làm dấu. Đá hơi to, con phải đào đất, lấy cây nẩy mới xê dịch được."

Giờ đây, tiểu Bửu đang đứng bên cội sứ già, cạnh tảng đá vừa được bầy sang bên. Một hõm đất nông bày ra dưới luồng trăng nhạt. Tiểu Bửu quì gối, tay cầm xẻng con, thận trọng xắn đất. Khí trời thoáng mát mà lưng áo tiểu Bửu rịn ướt mồ hôi. Tự dưng chú nghĩ tới thắc mắc ngây thơ của tiểu Hạnh: "Không biết sư cụ đòi đem bức tượng đó về làm gì?" Phải rồi, chi vậy? Không phải tất cả hình tượng đều là vọng tưởng sao? Tại sao không "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", như kinh Kim Cang đã dạy? Tiểu Bửu còn đang lan man tự hỏi, chợt giật thốn người khi có cảm giác lưỡi xẻng chạm phải vật cứng. Chú nói tay, xới từng lớp mỏng. Mồ hôi chú lăn thành dòng xuống cổ áo. Tiểu Bửu tận dụng thị lực, soi chăm chăm vào hố đất con. Đoán thấy đủ độ sâu, chú vát xẻng, dùng tay không cẩn thận bởi quanh vật thể được bọc trong nhiều lớp vải, miệng lâm râm niệm Phật. Chú mọp người, khuôn khối vải đặt bên miệng hố, chỗ sáng trắng. Tim chú đập liên hồi. Chú phúi sạch đất cát, run tay tháo vải. Nước mắt chú tuôn ràn rụa khi nhận ra pho tượng vẫn còn bóng ngời chất gỗ quý. Chú lấy bầy nâng pho tượng lên, toan áp má vào mặt tượng thì... trời ơi, chú thấy từ lòng tượng rỉ ra từng dòng trắng đục như sữa. Hai mắt tiểu Bửu trợn ngược, miệng lắp bắp không tròn câu:

- Mô... mô... Phật, tượng ó... mọt ăn.

Rồi chú buông tượng xuống đất, khóc nghẹn.

Thơ

PHAN THỊ NGÔN NGỮ

Sài Gòn Khi Trở Lại

*Khi trở lại-Sài Gòn sao lạ thế
Đường thay tên-vội vã những góc đời
Sài Gòn ngày xưa còn đó trong tôi
Quen thuộc cả từng hàng hiên góc phố
Rú rít tiếng chim vang chiều nắng rộ
Sáng trời mưa-rộn rã giọng rao hàng
Sài Gòn ngày xưa-đường dọc đường ngang
Đèn xanh đỏ-bàn chân tôi luống cuống
Tiếng chổi quét vỉa hè-đêm ngủ muộn
Nhịp xe lăn đầu đống-nửa khuya về
Sài Gòn hẹn hò bên tách cà phê
Cay khói thuốc-mắt nhìn nhau bối rối
Sài Gòn yêu và chia xa cũng vội
Như trời mưa rồi nắng mỗi ngày qua
Như lá me bay trên áo lụa ngà
Như nước mắt vành sô khăn góa phụ
Khi trở lại Sài Gòn-tôi xưa cũ
Nghe chênh vênh ngơ ngác một chốn về
Vẫn ánh đèn màu-quán cóc cà phê
Vẫn những hàng me đang mùa lá đỏ
Trên áo ai phất phơ bay chiều cuối phố...*



Photo by BBC

ĐỌC THƠ CAO TÀN

Vĩnh Hảo

Bổng dung bị đặt vào một hoàn cảnh không còn chọn lựa nào khác, họ lên đường, ly hương, bắt đầu đời sống của những kẻ lưu vong. Từ mảnh đất mới, với hai tay trắng, cố gắng gầy dựng nên cơ nghiệp mới. Cơ nghiệp thành tựu lớn lao hay chỉ là những mảnh đời chấp vá thì cũng tùy khả năng, tuổi tác, sự xông xáo hay thụ động, lạnh lợi hay chậm chạp, và đôi khi, vận may hay số rủi của mỗi người mà thành khác nhau. Nhưng điểm giống nhau nhất là ai cũng quay quắt, nhớ nước nhớ non, và bổng thấy yêu vô cùng tiếng mẹ đẻ của mình... Hoài vọng về quê hương, hoài niệm về dĩ vãng, hoài bão một ngày xán lạn cho đất nước... người di tản cảm thấy miền đất mới chỉ là chỗ "tạm dung." Họ vẫn mong đợi một ngày nào đó được trở về cố quốc. Và người di tản, bổng thấy "buồn". Thơ lưu vong từ đó xuất hiện. Nhiều lắm. Hình như ai biết chữ cũng làm thơ được trong cái cảnh trạnh và tâm trạnh "nhớ nước đau lòng" ấy. Nhưng trong số những người di tản làm thơ "bắt đắc dĩ", Cao Tần lên tiếng sớm nhất, thành công nhất, nổi bật nhất; và không như những nhà thơ khác phải trải qua nhiều năm bị ngấm nghĩa, coi giò... của văn thi hữu và bạn đọc, ông nghiêm nhiên trở thành một nhà thơ rất nhanh, rất tự nhiên. Là vì không ai vào lúc ấy có thể trải được cái tâm trạng bắt đắc chí, hụt hẫng, dở khóc dở cười của mình... một cách thấu đáo, ý nhị, hào hùng, cảm động mà lại lạc quan tếu kiêu như ông. Từng từng, tếu, tự biếm, mà thâm sâu làm sao. Đọc thơ ông, người ta vừa cười, vừa khóc.

Mai một anh về

*Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li*

*Ông rửa bát chùi hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan*

*Nghệ thuật nói bổng hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều, thằng ấy tay to
Tiếng mẹ đẻ thường chỉ dùng chửi đồng
Hay những đêm sâu tí toáy làm thơ*

*Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm*

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xơ
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng*

*Nếu mai một bổng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương*

*Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết không đứa nào là Ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng.*
(tháng 3, 77)



Những nỗi niềm thương non nhớ nước, lo nghĩ về tương lai tiếng mẹ đẻ trên đất người, thao thức về vận hội thanh bình nơi quê xa... là ưu tư chung của người tị nạn xa xứ; nhưng ghi lại thành những câu thơ, những bài thơ để cho ai cũng thấm thía và có thể thuộc lòng thì hầu như chỉ có thơ Cao Tần.

Chốn tạm dung

*Nhà tôi ở toòng teng đình đời
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đầy vực*

*Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còn lại mắt khơi khơi*

*Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt
Sương kín như đời ta hôm xưa*

*Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lạc mất quê ta*

*Giữa đỉnh sương mù thông đầy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường*

*Chiều về lên dốc thân tôi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã
Đêm phờ lãn lốc ngủ thay chơi*

*Giữa đỉnh sương mù thông đầy vực
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.*

(tháng 5, 77)

Thi vị hóa đời mình qua đời sống thường nhật, với cái giọng nửa chua xót nửa ngạo nghễ, hiếm thấy bài thơ nào thâm trầm sâu sắc như của ông. Đọc mấy câu thơ đầu bài Chốn Tạm Dung, tôi giật mình ngay:

*Nhà tôi ở toòng teng đình đời
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc*

Nội tâm phải thật thâm thúy và sống triền miên trong thơ mới nảy ra được hai câu với hình ảnh tỉ dụ ví von tuyệt khéo như vậy.

Mặc dù ông cố ý dùng cái giọng cà rủng ở câu đầu, chẳng hạn nói "toòng teng" thay vì "chênh vênh" hay "cheo leo," nhưng đến câu thứ hai, và các câu kế tiếp, ông vẫn không thể giấu được ý và lời đầy ắp chất "thơ."

*Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đầy vực*

Nơi ở thì toòng teng, đường đi thì xuống dốc, sau lưng thì mờ mịt sương, trước mặt thì những cây thông reo buồn nơi đầy vực, lên xe thì thấy rỗng tuếch, bài ca quen thuộc thì bỗng quên lời, kỷ niệm đẹp thì tự dưng lạc mất... Diễn tả như thế là đã đẩy ngôn ngữ đến chỗ tận cùng, không còn phải nói gì thêm, về vẻ ngơ ngẩn lạc loài của một linh hồn lưu vong tội nghiệp.

Ông còn chứng tỏ là một người giàu từ tâm, rộng lượng, đầy ắp tình cảm, luôn nhớ nghĩ đến những người khác, dù rằng đời mình cũng xuống dốc, cũng rách nát tan tành. Mà sức tưởng tượng của ông mới thật là tràn trề! Ngồi nhúng chân bên bờ biển này mà thả hồn theo nước về đến bờ bên kia, cách xa vạn dặm; chưa hết, hơi thở dài cũng muốn gửi theo về chốn xưa, khua động cây lá nơi rừng già, an ủi và ca ngợi những tráng sĩ lì lợm còn nuôi mộng quang phục quê hương...

Biển chiều

*Chiều nay ra biển ngời ngời
Nhúng hai giò trong nước Thái Bình Dương
Để hơi ta dạt về bờ Ô Cấp
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương*

*Có bạn nào đang rắp tâm vượt thoát
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người
Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc
Thì sá gì thêm một chuyến ra khơi*

*Thơ thật dài vào thỉnh không bát ngát
Theo gió về động lá cánh rừng xa
Này thẳng lì còn chơi miền gió cát
Trong kiêu dũng mây cho gửi chút hồn ta*

*Có thằng bạn nào tàn đời học tập
Cộng gông xiềng lê lét một thân đau
Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời phiêu bạt khóc thương nhau.*

(tháng 6, 77)

Có thể nói không ngần ngại, rằng thơ ông xứng đáng là tiếng nói tiêu biểu, ghi lại ý hồn chung của một thời chạy loạn di tản, của những người tị nạn ly hương, đánh dấu một trời kỷ niệm lưu vong bi lụy, hùng tráng.

Câu cá

*Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường từ sinh lui tới cũng đôi lần
Bồng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh*

*Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bày đặt buông cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau*

*Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ
Kể từ những trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sâu hận hơn kiếp người da đỏ*

*Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy sóng thần lên bát ngát
Bỗng vui yên đáy biển một thân tàu*

*Và móc đời lên cần câu vớ vẩn
Đem chìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngư ngẩn
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?
(tháng 11, 77)*

Phiêu bồng

*Cho ta làm lại cuộc đời
Thì ta lại vẫn ra khơi như thường
Vật vờ vượt sóng trùng dương
Kiếm đời di tản nghìn cơn nhục nhằn
Mai này tính sổ trăm năm
May chăng lời được cái thân phiêu bồng.
(tháng 12, 77)*

Bông giấy

*Tưởng ta nhớ chú lẩm sao
Này cây bông giấy bên rào năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cành mọn đông đưa một mình.
(tháng 12, 77)*

Thơ ông là lịch sử chếp gọn. Trang trải tâm tình và

ước vọng của người Việt trong một giai đoạn buồn thảm khó quên. Tâm tình ấy, không biết hận thù và trả thù; chỉ biết tự vệ và mơ ước những gì tốt đẹp nhất cho đồng loại của mình. Có cần phải chứng minh "cụ thể" chăng? Thì đây: dù là một trong những nạn nhân bị trù dập, trả thù, đẩy ai trong các trại tập trung cải tạo—bởi chính sách không hề mang một chút gì tinh thần nhân ái, độ lượng, vốn là đặc tính của tộc Việt; mà cũng chẳng có chút tinh thần mã thượng, văn hóa hay văn minh gì của con người thời đại—Cao Tần cũng không lên giọng nguyên rủa phía những người "anh em" hành hạ mình bằng lòng thù hận; trái lại, ông ước mơ có cơ hội để trải tâm tình yêu thương đến họ, "lấy tình thương xóa bỏ hận thù":

*Nếu mai một bổng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương...
(Mai một anh về)*

Tâm tình ấy thật đẹp, thật nhân ái và nồng nàn tình tự quê hương, là nét văn minh tinh thần được gieo sâu trong mỗi người để mang theo, khắp những phương trời. Chỉ ngần ấy thôi, thơ ông đã vạch ra biên giới rạch ròi giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi chính nghĩa. Người ta sẽ thấy ngay phần chính nghĩa thuộc về phía nào. Không phải cứ thắng là có chính nghĩa. Cũng không phải lưu vong là mất tất cả. Những người lưu vong như Cao Tần, đã quên dần mọi thứ, nhưng vẫn còn giữ lại một trời quê hương, một trời thơ.

Cám ơn ông đã thay mọi người, nói tất cả.



Thơ

ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG

Lạc loài

*Tìm về một cõi nào riêng
May ra còn chút thanh yên cuối cùng
Vậy mà trong cõi nào chung
Vẫn là ta của vô cùng tịch liêu.*

Tri túc

*Nghìn trùng tuy đã cách xa
Trời xanh mây trắng vẫn là của nhau*

Tri nhàn

*Sáng ra ngồi với chung trà
Trong gùi mới nở một hoa đại vàng
Hiên ngoài ai đốt cọng nhang
Vài ba sợi khói mơ màng tỏa hương
Bao nhiêu là nỗi đoạn trường
Thoáng nhiên thành một đám sương ven trời.*



Bệnh tình khúc

*Hoa lan rồi tới hoa hồng
Trà thơm trái chín kẹo nồng tặng ta
Thuốc men la liệt trong nhà
Than ôi bếp lửa vẫn là lạnh tanh
Không cơm không cháo không canh
Em ơi rán sống cho anh được nhờ.*

Tự khúc

*Nhớ xưa có kẻ ôm đàn
Ngày ta đau yếu lang bang tới nhà
Thì thầm một khúc du ca
“Người yêu tôi bệnh” hát ra rõ mùi.*

Rút lui

*Dù sao rồi cũng một lần
Rút lui khỏi cuộc phù vân ồn ào
Ta về gác kiếm vui đời
Thong dong mà vẫy tay chào thị phi
Hoa Nghiêm lần dỡ qua thì
Hồn hoang rộng mở ôm ghì vô biên.*

Tâm khúc

*Bỗng dưng nằm bệnh mười hôm
Trái tim quờ quạng chấp chờn vẫn vơ
Trần gian chấp chới bơ phờ
Mệnh mỏng giả tướng mờ mờ sắc không.*

Bang Chủ Tí Hon

Quảng Diệu Trần Bảo Toàn

Gã khoảng 6 hay 7 tuổi gì đó. Nước da đen bóng vì nắng mưa nhiệt đới. Gầy nhom, nhếch nhác trong chiếc áo sơ mi cũ kỹ màu cháo lòng dài đến đầu gối! Thiệt sự người ta không thể nào biết được gã có mặc quần đùi ở phía trong hay không. Mái tóc gã hung hung vì thiếu dinh dưỡng, vì dãi nắng thối ngày không mũ nón. Song gã có gương mặt rất thiện cảm. Tam đình (trán, từ chân mày đến miệng và cằm) cân xứng. Ngũ quan (mắt, mũi, miệng, tai, lông mày) đoan chính sáng sủa. Đôi chân trần bé xíu của gã đã đạp khắp phố phường Sài Gòn thì phải?

Tôi gặp gã lần đầu tiên tại đường Đề Thám quận Nhất. Khi đó tôi đang đứng nói chuyện với người bạn làm ngành du lịch nơi đây. Gã đến bên tôi, ngược mắt lên nhìn, không nói không rằng, rồi chấp đôi bàn tay nhỏ xíu vào nhau để trước tâm mi (chỗ giữa đôi chân mày, cũng còn gọi là ấn đường) như đang khăn vái gì đó!

Tôi hỏi:

- Em muốn chi?

Không tiếng trả lời. Anh bạn tui cười:

- Muốn tiền chứ gì? Cái thằng bé này là bang chủ cái bang ở Sài Gòn đó!

Tôi móc túi, lấy tặng em 10'000 Đồng. Gã cầm lấy, đút vào túi ngực, rồi hai bàn tay lại chấp lại đưa lên miệng. Xong việc, gã lặng lẽ bỏ đi! Không nói nửa chữ!

Lần thứ hai, tôi gặp gã ở khu chợ Bến Thành vào lúc 9 giờ tối. Tôi đang ngồi ăn tô hủ tiếu. Gã xuất hiện cũng nhẹ nhàng như lần trước. Chấp tay đưa lên trán.

Tôi hỏi gã:

- Em ăn hủ tiếu không?

Gã gật đầu. Tôi kéo cái ghế bên cạnh cho gã ngồi. Trước khi gã ngồi xuống, gã đưa hai bàn tay chấp lại đặt trước miệng. Vì có việc phải đi, tôi kêu người chủ hàng múc cho gã một tô hủ tiếu như tôi vừa ăn. Trả tiền hai tô, rồi bảo gã:

- Ăn ngon há!

Gã không cười, chỉ đưa đôi mắt đen lách nhìn tôi. Tôi chẳng biết gã nghĩ gì!

Lần thứ ba, tôi gặp gã ở chợ Trương Minh Giảng, khi tôi đang loay hoay mua lăng trái cây và chục hoa hồng đến thăm người hàng xóm cũ. Gã lặng lặng đứng bên. Bàn tay nhỏ chấp lại để trước trán. Tôi cúi xuống

nhìn gã. Vừa ngạc nhiên vừa buồn cười.

- Đi đâu đây bang chủ?

Gã chợt nhe răng ra cười! Lần đầu tiên tôi thấy gã cười. Hai chiếc răng cửa đã không cánh mà bay! Khoảng trống ấy ngập ngừng muốn nói gì lại thôi. Tôi hỏi:

- Đói hả!

Gã gật gật cái đầu với mái tóc vàng hung. Tôi tiếp:

- Muốn ăn gì?

Gã lấy tay chỉ chỉ hàng đậu hũ chiên cách đó không xa! Tôi không hiểu, tưởng gã chỉ hàng phở nằm gần đó! Nên hỏi:

- Phở hủ?

Gã lắc đầu, chỉ hàng đậu hũ lần nữa! Tôi vẫn không hiểu!

- Hả? Cái gì đây bang chủ?

Gã bật cười hic hic, có ý chê tôi chậm hiểu. Gã đưa hai bàn tay ra dấu vuông vuông. Tôi hiểu rồi.

- Đậu hũ chiên hả bang chủ?

Gã gật đầu hài lòng!

- Sao lại muốn ăn đậu hũ chiên cha?

Gã đưa ngón tay chỉ lên trời. Tôi lại không hiểu:

- Ăn đậu hũ chiên bay được à?

Gã lắc đầu lại toét miệng ra cười. Nụ cười ngây thơ và chế diễu. Gã đưa bàn tay ra dấu tròn tròn. Tôi chợt giật mình:

- Ngày rằm, trăng tròn hả?

Gã gật đầu hài lòng! Mô Phật, ra gã ăn chay vào ngày rằm! Tôi bật cười và thú vị! Hỏi gã:

- Bang chủ cần mấy bìu đậu?

Gã đưa 2 ngón tay ra trước mặt! Tôi hỏi thêm:

- Mấy ngàn để mua được 2 bìu đậu?

Gã đưa 4 ngón tay ra. Tôi móc túi đưa cho gã 5'000 Đồng. Gã chấp tay đưa lên miệng trước khi nhận tiền. Cầm tiền gã chạy đến hàng đậu. Tôi đang đợi người ta trang trí giùm lăng trái cây. Chợt thấy có người giật tay, tôi nhìn lại. Thì ra gã "bang chủ", gã dúi vào tay tôi tờ 1'000 Đồng. Tay kia gã đang cầm cái bịch có 2 bìu đậu. Tôi ngần ngại:

- Thui, giữ lại xài đi bang chủ!

Gã lắc đầu!

Lần thứ tư, tôi gặp gã khi đang ngồi trên xe ra phi

trường, trên đường Nguyễn Văn Trỗi (Công Lý cũ). Gã đang đứng nhìn mọi người trang trí cửa hiệu sắp được khai trương. Chợt hắn nhìn về phía xe của tôi. Thấy tôi trong đó! Gã nhướn miêng cười và lần này gã không chấp tay vào nhau như ba lần trước mà đưa một bàn tay vẫy vẫy. Chắc gã biết rằng tôi đang trên đường về trú quán.

Tôi cứ tự hỏi:
- Gã là ai? Sao gã đặc biệt quá!? Phải chăng gã là vị Tiểu Bồ Tát đang hành trì trong cõi Ta Bà này!?
Chào tạm biệt "bang chủ" tí hon!

Quảng Diệu Trần Bảo Toàn

Đang Xúc Tiến Để Hình Thành Văn Học Phật Giáo Hải Ngoại

Việt Báo Chủ Nhật, 4/1/2007, 12:02:00 AM



TT Thích Nguyên Siêu (giữa) và nhà văn Huỳnh Kim Quang (phải) nói chuyện về công trình văn học PG, với cư sĩ Nguyễn Giác tại tòa soạn Việt Báo.

Little Saigon (VB). - Nhiều vị sư và cư sĩ đang xúc tiến vận động giới văn thi hữu trong tăng đoàn và cư sĩ, thực hiện bộ văn học sử về Phật giáo hải ngoại, có tên VĂN HỌC PHẬT GIÁO VN HẢI NGOẠI SƯU KHẢO.

Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu (viện chủ chùa Phật Đà, San Diego) hôm tuần rồi đã đến thăm tòa soạn Việt Báo cho hay như trên, và nói đây là một công trình sưu khảo lần đầu thực hiện ở hải ngoại, qui tụ các cây bút viết về Phật Giáo hiện diện khắp các châu lục địa.

Cùng đi với Thượng Tọa, có thầy Tâm Huy (nhà văn Huỳnh Kim Quang), thuộc trong nhóm sưu tập bộ văn học sử Phật Giáo VN hải ngoại.

Căn cứ vào bản thông báo được phổ biến, người ta thấy đây là một công trình qui mô và giá trị lâu dài, vừa là tài liệu tham khảo cho quý tăng sĩ đang theo học ở các Phật học đường, các tự viện, tịnh thất, vừa là món ăn tinh thần và tâm linh cho giới Phật tử tại gia sống ở hải ngoại hoặc quốc nội, cũng là tài liệu lưu trữ cho thế hệ sau về sự góp tiếng nói văn học Phật Giáo của giới Phật tử hải ngoại trên cuộc hành trình xiển dương đạo pháp như tâm nguyện của mỗi người con nhà Phật.

Ban sưu tập nói, bộ Văn Học PGVN Hải Ngoại là tập hợp những bài viết về nền văn học Phật giáo của tác giả, dịch giả đã đăng báo hải ngoại hoặc trên các trang web, các diễn đàn Phật Giáo từ trước đến nay. Bộ sách là công trình ghi nhận những thành quả đóng góp trong lãnh vực văn học PG từ nhiều thập niên qua, của chư tôn đức Tăng Ni, chư vị thức giả, văn thi sĩ hải ngoại. Ban biên tập mong quý Phật tử chưa liên lạc được, hãy gửi về ban biên tập:

- 1 tấm hình chụp bán thân khổ 4x6
- Tên thật, bút hiệu, ngày tháng năm sinh, thời gian cộng tác trên các báo hoặc các diễn đàn PG hải ngoại.
- Tác phẩm hoặc bài viết thuộc thể tài PG đã đăng tải, xuất bản
- Xin chọn 2 bài văn xuôi hoặc 5 bài thơ.

Một danh sách các tác giả ban biên tập đã sưu tập được tác phẩm, khoảng 400 Thầy và cư sĩ, được đính kèm trong bản thông báo. Tuy nhiên, ban sưu tập cho biết danh sách đó vẫn còn thiếu sót, nên mong quý văn thi hữu sinh sống tại hải ngoại bổ khuyết, tự gửi bài và ảnh đến ban biên tập, để bộ sưu khảo văn học sử PG hải ngoại sớm hoàn chỉnh.

Địa chỉ thư: 4333 30th St SAN DIEGO, CA 92104 USA . Điện thoại: 619-283-7655.

Độc giả có thể đọc chi tiết về các thông báo về dự án trên ở nơi cuối trang web sau:

<http://vinhhao.net/phuongtroicaorong.htm>

THƠ

PHAN BÁ THỤY DƯƠNG

Bài Tâm Ca Vô Niệm

Gởi T. San José

1.

Ô ! kìa ai,
bên suối chôn ảo tượng
Mắt đã hoang vu
bụi lốc huyền hồ
Vũ trụ chết,
tàng âm thanh lắng đọng
Tay ơ thờ vuốt gió hát băng quơ

2.

Tâm niệm lặng,
lững lờ sương ốc
đảo
Gánh càn khôn u ẩn tiếng mưa
khơi
Tóc khô kiệt kết tinh mùi thủy
thảo
Thóang mờ xa
từng lượn sóng rã rời

3.

Qua cổng nắng
sôi cánh mềm hải điều
Cát lao lung phủ áp đá dung tình
Ai thẳng thốt ướp thiền
hoa mỹ diệu
Giết tiền thân,
xua tự ngã u minh

4.

Mây xám
tạc hình ẩn khách
Xiêm y
lộn lửa chân như
Nguyệt tàn
cõi giam sấm động
Cung tơ lạnh phím ngù ngờ

5.

Thôi nhé em -
giếng hồng hoang cô tịch
Trót cạn nguồn lạch kín dấu
chim đi
Đèo hun hút -
bạt ngàn -
đêm tận tuyệt
Rãi sa mù
khuất bóng nẻo từ ly

6.

Rượu tàn khuya
ngập ngừng chân du mục
Réo gọi hồn phiêu lãng phách trầm
luân
Tâm huyền niệm -
ý lạc loài vô thức
Em
Em về chưa sao vân ảnh chấp
chùng

7.

Ướt, hăm chi ngọn tình
hương phong cũ
Ta về đâu chiều đã mỏi
cánh bay
Lỡ tha hóa như rừng sâu trúc lá
Lỏang âm hao
lã mộng gởi chương đài.

Ước nguyện...

Chiêu Hoàng

Hai mái đầu, một già, một trẻ chụm vào nhau thì thảo bàn luận:

"Ông có chắc là ông muốn đốt thân cúng dường chư Phật không?"

"Chắc chứ!"

"Như vậy thì mình sẽ làm một cái đàn bằng gỗ. Ông nằm trên đó. Cháu đi chất củi chung quanh rồi nổi lửa hả ông?"

"Không. Ông muốn ngồi trong tư thế Kim Cang Tát Đỏa rồi chỉ đồ xăng lên người ông và nổi lửa..."

"Eo! Như vậy thì đau chết thôi..."

"Chắc thế..."

Cô Nhỏ tỏ vẻ hơi suy tư, nhìn ông:



"Nhưng sau khi ông chết. Cháu sẽ phải ngồi tù vì tội đốt ông..."

"Chị khỏi lo điều đó. Tôi sẽ viết lại bản di chúc là tôi muốn chị làm như vậy..."

"Nhưng làm sao để có thể làm đàn thiêu và đốt ở đâu hả ông?"

"Đó mới là vấn đề..."

Cô nhỏ nhìn mông lung ra biển... Nàng ngồi bó gối trên chiếc ghế đá ngày trước hai ông cháu vẫn thường ngồi. Nhớ lại ước nguyện của ông lão hôm nào... Lần đầu nghe ông nói điều đó, nàng sợ hãi lắm. Tưởng tượng ngọn lửa ngàn ngút bốc cháy cùng với mùi khét lẹt của da thịt bị phỏng là nàng đã rùng mình rồi. Nhưng cứ nghe ông nói miết nàng bỗng sinh tâm muốn giúp ông. Mà nói cho cùng, nàng còn quá nhỏ, ông lão thì quá già để có thể thực hiện ước nguyện đó...

Ông chép miệng:

"Thật là khó... Ở Mỹ này cái gì cũng lồi thoi. Đốt thân tại nhà thì... cháy nhà... Ra ngoài đồng thì lại bị phiền toái với cảnh sát... Ở đây, nạn cháy rừng cứ xảy ra luôn. Nên tụi cảnh sát rất sợ khi thấy một tàn lửa rớt xuống, huống chi là cả một ngọn lửa lớn đốt thân..."

Cô nhỏ nghe ông nói, cũng cau mày suy nghĩ làm cho vàng trán nhăn nhăn... Bỗng cô vụt vỗ tay, nói lớn:

"Cháu có cách cho ông rồi đây... Mình sẽ qua Ấn Độ, ngồi bên bờ sông Hằng đốt thân nhé... Ở đó chẳng ai quan tâm tới việc mình làm... Tiện việc đôi bề ông ạ! Ông đốt thân xong, cháu sẽ lấy tro ông rắc xuống sông Hằng... Nghe nói, dòng sông này rất linh, người nào chết họ cũng muốn rải tro ở đây..."

Ánh mắt ông lão hơi loé lên một niềm hy vọng, nhưng chợt tắt ngay:

"Làm được như vậy thì cũng tốt đấy... Nhưng bây giờ sức khỏe ông yếu quá, chẳng đi đâu xa được..."

Cô nhỏ hăng hái đề nghị:

"Cháu sẽ đi với ông. Cháu lo cho ông..."

"Chị còn gia đình. Làm sao bỏ hết để đi được? Lại nữa. Nói ra, thiên hạ tưởng ông cháu mình điên cả rồi!"

Cô nhỏ thở dài, phụng phịu:

"Cái gì cũng không ổn. Thôi, ông quên quách cái ước nguyện của ông đi. Chờ tới khi ông mất lúc đó đốt thân cúng dường cũng chẳng muộn..."

Cả hai thơ thẩn đi dọc theo bãi cát vắng người. Buổi sáng ban mai còn rất tinh khôi. Nắng non đậu trên những ghè đá... Thỉnh thoảng một vài người chạy bộ vượt qua... Ông lão vẫn còn loay hoay với ý tưởng đốt thân.. Nhưng tâm cô nhỏ thì đã bay bổng theo đàn chim xoải cánh trên vùng biển rộng... Chợt, cô nhìn thấy một vỏ sò óng ánh nằm nghiêng trên cát, cô nhặt lên và hớn hờ khoe:

"Ông coi nè... Vỏ sò này đẹp quá nhỉ..."

Ông lão nhìn ngậy vào con sò. Những màu sắc và đường vân ánh lên một màu xà cừ rất đẹp, ông kêu lên:

"Ồi chào... *Pháp giới!*... Dù là hiện tượng của nghiệp lực nhưng cũng kỳ diệu và đẹp biết bao..."

Nói rồi. Ông lão cầm lấy vỏ sò, quan sát rất kỹ:

"Chị có bao giờ tự hỏi, màu sắc, những đường vân của con sò này từ đâu mà ra không? Tại sao nó chỉ có ở loài sò mà không ở loài ngựa, chó? Tại sao con khi có rất nhiều đặc tính giống người mà không phải là người?"

Cô nhỏ không để ý lắm đến những câu hỏi lắm cảm của ông lão. Đôi mắt nàng bỗng đậu lại ở tiệm bán cá. Đó là một nơi lộ thiên, họ đang làm thịt và rửa sạch những con cá còn đang dẫy chết. Khách mua đứng khá đông chung quanh. Họ chọn lựa từng con rồi chờ làm sạch. Cô cũng chen chân vào nhìn người thợ cá thoăn thoắt, cắt, xẻ. Chỉ một loáng là họ đã lột da, lột thịt, để lại một miếng cá trắng hồng. Phần đầu và xương cá thì vắt vào một cái chậu dưới đất. Mấy con bỏ nông bu đầy trên mái, chỉ chực chờ cho người làm cá vắt ra bãi là chúng bu vào ăn...

Nắng đã lên cao. Ánh nắng chiếu xuống mặt biển vờ vụn ra thành trăm ngàn mảnh lóng lánh. Cô nhỏ ngồi bó gối. Hình như đôi mắt hơi ươn ướt làm cho cặp mắt thêm long lanh.... Một mảnh kỷ niệm khác như cánh chim chao đảo lại hiện về trong tâm thức...

Một buổi chiều đến thăm. Cô nhỏ hớn hờ khoe:

"Hôm qua, bác Mậu nói cho cháu biết trên *Long Beach* có một ngôi chùa Tàu thỉnh thoảng họ tổ chức một buổi lễ đốt thân cúng dường chư Phật. Nhưng không phải đốt toàn thân. Họ chỉ đốt bằng mấy cây hương thôi... Hèn chi, thỉnh thoảng cháu gặp một vài vị sư có tóc chín nốt nhang trên đầu..."

Ông lão hoan hỷ:

"Thế thì tốt quá. Mình nên lên đó xin một buổi lễ đốt

thân. Đốt bằng hương cũng được lắm rồi..."

Lòng rào rạt, cô nhỏ cũng tuyên bố sảng:

"Cháu cũng muốn đốt nữa... Nhưng... (ngập ngừng...)... Không biết có đau lắm không ông?"

"Dĩ nhiên là đau rồi. Nhưng không đau bằng đốt toàn thân đâu. Nếu chị sợ thì không cần phải làm..."

"Cháu sợ! Nhưng cháu cũng muốn bác chúc ông..."

Phải mất hơn tháng trời mới có buổi lễ đốt thân cúng dường chư Phật. Ngoài hai ông cháu, còn có khoảng mười chú tiểu cũng tham dự. Trước hôm cúng dường một ngày. Cô nhỏ trằn trọc cả đêm, cầu nguyện ngài Quán Âm gia hộ cho mình đừng vì đau quá mà có những hành động trẻ con la hét làm mất đi sự trang nghiêm của buổi lễ. Một vài lần sợ đau, cô lại muốn đổi. Nhưng bụng bảo dạ: "*Làm như vậy thì ... 'trẻ con lắm' đấy!*" ...

Nghĩ vậy, Cô lại ngậm miệng, im re...

Đó là một ngôi chùa nằm rất gần biển. Nghe nói, chùa được một người Phật tử tín tâm đã mua lại ngôi nhà thờ cũ và cúng cho chùa nên bên trong chánh điện vẫn còn phảng phất lối kiến trúc của một ngôi nhà thờ. Chánh điện rộng thênh thang. Tất cả các hàng ghế của nhà thờ đều được dẹp hết. Cuối phòng là một bệ thờ với một bức tượng Phật khá lớn. Trên bệ trang trí những lư hương, hoa quả, trái cây, đèn nến lung linh trông rất trang nghiêm. Vị chủ lễ bắt đầu dẫn tụng cho cả tín chúng tụng theo. Cô nhỏ thực không hiểu họ tụng kinh gì, trong không gian, vang vang những tiếng Tàu xì xì xỏ, nghe như họ đang hát. Nàng im lặng chấp tay quỳ bên cạnh ông lão và chờ đợi... Sự chờ đợi càng lâu thì niềm sợ đau càng nhiều... Nàng nhắm chặt mắt lại, nghe vang vang tiếng tụng kinh đều đều của tín chúng chung quanh. Nàng tưởng tượng chư Phật đang bắt đầu quang lâm, trong đó có ngài Quán Thế Âm - người mẹ từ bi mà nàng hằng cầu nguyện - Nàng thì thầm xin ngài Quán Thế Âm gia hộ cho nàng đốt thân mà... không bị đau.

Bỗng vị chủ lễ chuyển lời tụng qua câu hồng danh đức *Phật A Di Đà*. Âm thanh lên bổng, xuống trầm như một dòng nhạc. Khoảng hai bà vải bắt đầu đến từng người, cầm lên cánh tay trái mỗi người những khúc nhang ngắn khoảng một phân tây. Muốn cho cây nhang được dính, bà vải phải dích vào một ít chuỗi chín ở đầu cây nhang rồi ịn lên cánh tay. Nàng và ông lão được cầm ba khúc, nhưng các chú tiểu thì cầm tới mười hai khúc. Sau đó, nhang được đốt lên. Mùi trầm hương thơm ngát cả chánh điện... Nhang cháy khoảng độ một lúc gần cạn thì biến thành mấy cục than hồng nhỏ, sức nóng dồn xuống da thịt, cô nhỏ cảm thấy đau rất vì bị cháy bỏng, nhưng cố gắng bặm môi không khóc... Ba cục than hồng trên tay nàng cháy rất nhanh. Khoảng hai phút thôi.

Nhưng đối với nàng là cả một thời gian dài lê thê. Cũng may, bà vải giúp nàng bằng cách nắm chặt lấy cánh tay nàng – gần 3 cục than đang cháy – bà giải thích rằng làm như vậy sức nóng sẽ tản bớt qua những ngón tay bà. Tuy nhiên, miệng nàng cũng méo sệch vì đau quá. Tuy đau đớn, nhưng nàng cũng ráng liếc nhìn qua ông lão, thấy ông nhắm nghiền đôi mắt, trên môi mấp máy câu niệm Phật. Mấy chú tiểu thì còn... thê thảm hơn nữa. Có chú khoảng bảy, tám tuổi, miệng méo sệch, nước mắt chảy ròng ròng xuống má vì quá sức đau rát. Chú mãi nhìn chăm chú xuống cánh tay bé nhỏ, hồng hồng da thịt trẻ thơ của mình đang bị thiêu đốt, quên cả câu niệm Phật. Nhưng các chú cũng tỏ ra rất can đảm không dấy dựa hay la hét, chỉ cố cắn răng chịu đựng, nhưng vì mười hai cục than hồng cháy cùng lúc, đau quá, không thể nhẫn nổi nên nước mắt cứ tuôn như mưa...

Một tuần sau. Cô chạy lên thăm ông, vạch cánh tay trái của ông lên xem vết thương:

"Ô hay! Sao thịt ông mau lành thế? Sắp sửa đóng vảy rồi đây nè..."

"Thế còn vết thương của chị ra sao?"

Cô vừa khe khẽ vén tay áo để lộ ra ba vết thương toé toét mủ, vừa kể lể:

"Chẳng hiểu sao cháu lại bị nổi thành ba bọc nước, sau đó nó vỡ ra rồi có mủ nè ông. Đau lắm đấy!"

Ông lão nhìn tỏ vẻ thương xót:

"Tội nghiệp cho chị! Giá mà tôi có thể gánh cái đau của chị tôi sẽ gánh tất..."

Nghe ông lão nói vậy. Nàng toét miệng cười rất hồn nhiên, vui sướng vì cảm thấy mình đang được che chở, yêu thương...

Dáng gầy gò của cô vẫn ngời nhìn ra biển xanh trong vát. Cô cảm thấy buồn bã lạ lùng. Cô nhớ ông. Ông đi vào một ngày giữa tháng năm. Chuyện xảy ra đã lâu, nhưng Cô có cảm tưởng ông mới đi đâu chơi vài ngày mà không có cô tham dự. Mới hôm nào, Cô còn gặp ông truyện trò và đưa ông đi mua thuốc—mấy viên thuốc tễ ông nhai như nhai kẹo—thế mà hai hôm sau ông mất. Cô tới thăm ông lần cuối. Ông đi rất êm đềm. Ông nằm bình an trên giường. Cánh tay trái thông xuống, trên có ba vết sẹo tròn như những viên thuốc tễ của ông. Có lẽ ước nguyện đã tròn. Dáng ông nằm thành thoi như một người vừa quyết định bỏ cuộc chơi ...

Thơ

PHAN NHIÊN HẠO

Tôi, Mùa Hè và Ruồi

*Vẽ mặt lên với những con ruồi
vượt qua cửa lưới
thấy mình vô hình giữa những ảnh, góc rẽ, đất
và các lý tưởng quốc gia.
Mùa hè mặc toàn màu trắng
như sự ước lệ quê mùa
thói quen ngủ gật nông dân.
Trên chuyến xe chạy xuyên qua đại lục
có đủ các màu da
nhưng không có một ngôn ngữ nào
diễn tả ý nghĩa chung về sự mất mát
của những giá trị nền tảng mà một kẻ ra đi
bị tước đoạt mỗi ngày.
Ôi lời thở than nhược tiểu
cái chết là một nhược tiểu khác
mặc toàn màu đen
cầm sự ước lệ tẻ ngắt
nhỏ sắp lên xác tôi,
mùa hè,
và những con ruồi chồm hồm.*





TU BỤI

truyện dài nhiều chương của

TRẦN KIÊM ĐOÀN

(tiếp theo)

CHƯƠNG HAI

Về Đất

Sau 18 năm trị vì, vua Gia Long qua đời.

Tin “hoàng thượng băng hà” loan đi như cơn gió xoáy trong đám lá khô. Thành phố nhỏ nhắn được nhà Nguyễn chọn làm kinh đô này bỗng mang một vẻ gì nghiêm trọng khác thường khi tin nhà vua qua đời được loan ra. Mặc dầu phần đông các quan lớn đương triều khắp nơi đã có mặt, nhưng đội kỵ mã hoàng cung mang hỏa lệnh khắp báo tin vua mất cũng tỏa ra mọi miền. Chết là hết hay còn; về hay đi? Câu hỏi cũ muôn đời bỗng đến từ một trạng thái thường ngày vừa mới đột ngột chuyển sang cảnh mới: Sống và chết.

Những người ngồi trong chiếc thuyền rồng vang rền nhã nhạc và rực rỡ đèn đóm trên sông Hương, nhìn mũ áo cân đai của nhau và cùng nhể lên nhau một niềm tin không có thực rằng, chiếc thuyền là một lâu đài chứa mọi uy quyền của thiên tử và quần thần thì không thể mất hay chìm được. Cũng như bản thân nhà vua không thể chết được vì ngài ngự trên những quyền uy của mọi quyền uy. Thần chết cũng như thần hoàng, thần sông, thần núi... nếu được sắc phong của triều đình chắc sẽ vui mừng ném lưới hái âm dương, vội vã vào điện Thái Hòa lạy tạ. Thế nhưng cái chết và cái sống vẫn là một cặp bạn lẫn thù lạnh lùng đi bên nhau, bám sát nhau để xác nhận sự hiện hữu của phía này và chối bỏ phía bên kia. Mãi mãi, chết sống vẫn là một cặp song sinh không bao giờ vắng nhau. Dầu sống đến 800 tuổi thọ như ông Bành Tổ ngày xưa thì sự chết vẫn có ngày đến viếng. Sau khi chết, có ai lên được xứ Trời hay không thì câu trả lời vẫn

còn nửa tin, nửa ngờ. Nhưng ai cũng phải về đất. Đó là điều rõ ràng như chân lý. Đất là Mẹ, là chốn an nghỉ sau cùng. Đất đối xử mọi người đều bình đẳng. Đất không mở cho vua mà cũng chẳng khép lại trước mặt dân nghèo.

Chết là khép lại khung cửa thường bỏ trống trên một đời người: Cửa vô thường. Thế nhưng vô thường cũng lại là rất thường vì ai cũng phải đi qua cửa đó.

Vua Gia Long vừa đi qua ngõ vô thường và tân vương Minh Mạng đang đến. Thời gian có khác nhưng chung ngõ đời thường không ai tách được.

Ai buồn, ai vui, ai được, ai mất trong cuộc đi về này thì tự mình, mình biết. Con thú rừng hoang ra đi trong im lặng, nhưng con người nằm xuống giữa ồn ào. Càng ăn no càng to đám. Đám để vương, quý tộc và hào phú lại còn là một cơ hội diễn tuồng cảm xúc. Cảm xúc cho người sống ngắm nhìn chứ không phải cho người mới ra đi. Tất cả bề mặt bên ngoài, kể cả nước non, con người và cây cỏ đều bắt buộc phải “biết” buồn. Khóc cười cho nhau là tình cảm chân thành; khóc cười cho người là tiểu xảo của nghệ thuật sống. Nỗi buồn chân thật, quận mình phát khởi tự đáy lòng và cái buồn trang trí cho phải phép chẳng bao giờ giống nhau trong bản chất. Nhưng trong cách biểu hiện thì quả là một nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính và nghệ thuật điêu ngoa. Nhiều khi cái điều có vẻ ngay hơn cái thật và cái tà lại thật hơn cái chánh.

Nghệ thuật sống chân chính và xảo thuật sống điêu ngoa là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội nhất thời. Nhưng khuynh hướng tâm lý thường là sản phẩm của điều kiện lịch sử và địa lý lâu dài.

Vốn là Ô châu lạc địa, nhưng lại là vùng đất hoa gấm của xứ Chiêm Thành huyền bí, Huế được chọn làm kinh đô của một nước Việt Nam thống nhất rộng lớn nhất kể từ thời các vua Hùng dựng nước. Huế vừa có niềm tự tin vững chãi bên trong, nhưng vừa có sự e ấp

của người dân đã lên làm hoàng hậu. Huế có một khuynh hướng tâm lý riêng, do hoàn cảnh lịch sử và địa lý hết sức bão nổi và chuyển biến không ngừng. Cô gái sông Hương có vẻ như bốn mùa hiện thực, mang nước trong xanh lặng lẽ trôi ra biển. Nhưng vẫn có những cơn mưa nguồn thác lũ cuốn phăng tất cả trong cơn thịnh nộ bất ngờ. Chàng trai núi Ngự có vẻ như cái bình phong vững chãi, nghiêng vai gánh đá Trường Sơn. Nhưng trái núi không chịu được thân phận bình phong lặng lẽ một góc trời, nên thường bươn bả ra đi, kéo theo nàng sông Hương xa xứ. Huế có một cái gì gần như mâu thuẫn bởi sự réo gọi giữa ở và đi, giữa thương và ghét, giữa bờ ao và đại dương, giữa tha hương và về lại. Tâm lý lưu dân và hoàn cảnh lịch sử tạo nên một phần bản sắc của “tâm lý Huế” và văn hóa Huế. Bên cạnh nguồn tâm lý lưu dân này, Huế còn là chứng nhân của bao hoàn cảnh bể dâu. Một cảnh sống đầy biến động và vô thường như Huế sẽ tạo ra những cặp khái niệm tâm lý vừa tương phản, vừa nhị trùng trong cùng một thời khắc: Được và thua, có và không, giàu và nghèo... chông chênh và tương đối. Bao nhiêu gia đình giàu sang, thế lực, chỉ cần qua một cơn binh biến, có khi chẳng có một tơ hào nào còn sót lại. Bởi vậy, vua băng hà không phải chỉ đơn giản là sự ra đi của một khuôn mặt thống lĩnh, mà là dấu ấn đậm nét về sự thua cuộc của quyền uy trước số phận mỏng manh của những cặp khái niệm nhị trùng đó.

Trong dịp quốc tang và lễ quốc táng của nhà vua, hoàng thân Trí Hải lại trở thành điểm nhìn nóng bỏng của quần thần, hoàng tộc và dân chúng.

Cũng chỉ là sự lặng lẽ và đáng dăm chiêu thường ngày của Trí Hải trong khung cảnh chông chênh lễ nghi, nhưng mỗi người lại nhìn một cách khác. Giới triều thần quan chức thì nghĩ rằng đây là một sự im lặng đầy tính toán vì họ vốn quen suy diễn mọi sự đơn giản bằng cái nhìn đầy ẩn ý mưu toan. Giới hoàng tộc thì lại cho rằng Trí Hải không dúc hết tâm tư và tấm lòng mình lên vua để khốc than, vật vã, biểu tỏ sự đau buồn cùng cực cho mọi người đều thấy. Quần chúng bình thường thì có kẻ cho Trí Hải là “dại” vì không nắm bắt cơ hội bằng vàng, đời một lần, để biểu tỏ và đánh bóng lòng “trung quân ái quốc” thì khó mà nhảy cao lên hàng chót vót của danh vọng. Giới sĩ phu thì lại cho rằng Trí Hải là chính nhân quân tử vì không dựa thế người làm thế mình. Kẻ vay mượn như thế là hàng bất tài, thiếu bản lĩnh kẻ sĩ. Trí Hải giữa đời như một trang sách mở rộng, ai cũng đọc được và suy diễn theo ý mình, nhưng trang sách tự nó là một đóa hoa không nở hay tàn vì cái nhìn chủ quan của kẻ khác. Trăng không mọc hay lặn vì lời hẹn ước của đôi tình nhân. Trí Hải đến và đi trong điệu sống riêng của mình.

Đêm hôm trước ngày cử hành nghi thức đại tang,

mọi người không ngủ. Ước muốn có một lần trong đời được tham dự hay cận kề với một sự kiện trọng đại đầy lễ nghi vương giả mà không bị cảm đoán đã thôi thúc quần chúng chong mắt đợi chờ. Sự bận rộn nôn nao đã có tự trong lòng nên mọi người tự đánh thức mình dậy. Sáng mai, kim quan của nhà vua sẽ được rước ra khỏi hoàng thành, cung nghinh xuống đội long thuyền, di chuyển lên hướng thượng nguồn sông Hương để nhập lăng. Kim lăng của vua đã được khởi công xây dựng từ năm 1814 ở núi Thiên Thọ cũng vừa hoàn tất.

Quá nửa khuya, Trí Hải lặng lẽ về lại tư dinh. Sự mỏi mệt trong mấy ngày qua khiến ông cần chớp mắt để lấy lại sức cho ngày đại lễ hôm sau. Tháng chạp trời lạnh và ẩm ướt. Trăng hạ tuần khi mờ khi tỏ làm hiện bóng một ông già bên ngọn đèn dầu lay lắt nơi góc nhà vườn với những chậu kiềng mùa đông tro trụi. Khu gia trang im lặng như bìa rừng hoang phế. Trí Hải rón rén bước lại gần. Ông lão như quên cảnh, quên người, chìm đắm trong một thế giới xa xăm từ ký ức. Thình thoảng ông ta đưa cái bình cũ kỹ đã sứt vôi, to bằng hai nắm tay lên miệng, ngửa mặt tu một hơi dài và nói chuyện lầm bầm như nói với chính mình bằng thứ âm thanh rì rầm không ai hiểu. Trí Hải ngạc nhiên lạ lùng khi nhận ra ông già là lão gia nhân âm thầm thường ngày bên cạnh mình. Vẫn với cung cách trầm tĩnh hằng ngày, Trí Hải nhẹ nhàng hỏi ông già:

- Kìa, lão nhân vẫn còn thức sao?

Thực tế khác xa với sự tưởng tượng của Trí Hải, rằng là, ông già sẽ tỏ ra e dè hay sợ sệt khi uống rượu lên lút một mình trong đêm khuya bị chủ bắt gặp. Đằng này, đã không ngược lên nhìn người đối diện, ông già còn ngồi điềm nhiên, trả lời bằng cái giọng đã lạc đi không biết vì dầm sương lạnh hay vì men rượu:

- A ha, ha! Người đi trước... trước ta rồi. Ngày ta đi, ai đưa ta đi?!

Trí Hải tròn mắt ngạc nhiên. Ông lão như đang lạc vào một thế giới khác. Vẫn cái giọng lạc hồn đó, ông lão lặp lại câu hỏi như một lời than van buồn thê thiết:

- Ngày ta đi... ai đưa ta đi?

Về ngó ngàng của ông lão không có dáng ngất ngưỡng say sưa mà vương mang cái buồn ngơ ngác. Trí Hải hỏi lại:

- Ai đưa ai đi đâu?

Ông lão cố nói tỉnh táo nhưng lời lẽ càng mù mịt hơn:

- Sống gửi, thác về. Đi đâu, về đâu, ai biết đâu!

Ông lão lại đưa cái bình sứt vôi lên miệng, ngửa mặt hồi lâu, nhưng hình như trong bình không còn một giọt rượu hay một giọt nước nào cả.

Với một tâm hồn thoáng đạt, Trí Hải vẫn nhẹ nhàng:

- Lão say rồi. Về nghỉ đi, đừng uống nữa. Ở nhà

thiếu gì binh sao lão phải dùng cái binh sứt vôi tội nghiệp vậy!

Ông lão cười bằng giọng mũi khô khan:

- Binh đế vương, sao tội nghiệp!

- Đế vương nào lại uống cái binh sứt vôi này?

- Hoàng đế Gia Long. Chúa Nguyễn Ánh thưởng ấy đó mà.

- Nghĩa là sao?

- Ô hô! Ta nhớ lại rồi... Ngày bị kẻ thù truy đuổi nguy cấp qua Rạch Gầm, Xoài Mít, quân tướng chạy lạc nhau còn dẫm ba người đeo trên mảnh ván, hóp được một hóp nước từ cái vôi sứt miệng này là giữ được nguồn sống khắp châu thân. Nếu không có sự sống, làm gì có đế vương.

Trí Hải phải xuống giọng nhắc nhở ông lão:

- Lão có biết là gọi vua bằng tên tục và rượu trà trong lúc đại tang vua là bị coi như mắc tội khi quân, phạm thượng, dù làm Ba Gấm, thượng thư cũng có thể bị mất đầu như chơi không?

Ông già tuồng như không quan tâm đến lời răn đe, khật khừ đứng dậy. Trí Hải đi từ ngạc nhiên đến buồn cười khi thấy ông già thở mạnh, hoa tay như rút kiếm, rồi chống nạnh, đứng sững, nhìn vào đêm với quầng mắt sâu. Xa vắng.

Trí Hải vẫn nhẹ nhàng:

- Say quá rồi! Thôi về nghỉ!

Ông già nói nghiêm nghị:

- Phải! Phạm Xảo thời oanh liệt giờ chỉ còn là lão già xé bóng. Khi Xảo này ngang dọc dẫm nát những vùng phù sa từ Xiêm La ra Phú Quốc, hoàng thân đại nhân bấy giờ là cậu bé còn nhỏ tuổi và ở bên Tây với hoàng tử Cảnh nên làm sao biết được.

Trí Hải lắc đầu:

- Tôi không hiểu gì cả! Một ông lão hầu cận bên cạnh mình bao nhiêu năm, bỗng dung hôm nay tự xưng mình là Phạm Xảo, một tướng quân chỉ còn nghe xướng tên trong các bài vị tế lễ chiến sĩ trận vong. Mà dù lão có là tướng quân xưa hiện hồn về đi nữa thì cũng phải chờ đêm qua rồi hãy tính. Thôi, để tôi dìu lão về phòng. Nào, tựa đầu trên vai tôi, đi!

Trí Hải dợm quàng tay qua vai ông lão, dìu bước đi, nhưng ông lão ngăn lại. Giọng dịu xuống và tha thiết quá làm cho Trí Hải lặng người:

- Hoàng thân! Xin người thứ lỗi vì tôi đã vội vàng thổ lộ chuyện riêng không đúng chỗ và đúng lúc. Tâm thần tôi xúc động và thần trí tôi căng thẳng quá trong lúc này. Tôi có niềm tự hào với lòng trung nghĩa của mình, nhưng cũng có nỗi đau vì đời mình đang đến chỗ tận cùng, chẳng còn chi để mất... Tôi phải nói vội vàng vì sợ chúng ta sẽ không còn cơ hội gặp nhau nữa. Một lời hứa đã làm tròn, một cuộc đời khác phải đến...



Trí Hải nhận ra có một điều gì đó đầy uẩn khúc và nghiêm trọng hơn là sự bốc đồng của ông già trong cơn say.

Giọng ông già bỗng trầm xuống:

- Lễ nào ngài cũng chẳng cần để ý nếu tôi là kẻ giết người chạy tội, đóng vai một tên rình mò chỉ điểm của triều đình bên cạnh ngài sao?

Trí Hải vẫn thản nhiên:

- Tôi lại càng cảm thấy mù mịt hơn. Lão cứ nói tiếp và nói cho rõ hơn đi...

Ông lão nói lầm bầm. Dáng cao lớn vươn vai đã xóa mất vẻ lù khù, lặng lẽ của một lão già nô bộc:

- Đã gần hai mươi năm đã qua mà tôi cứ ngỡ như mới chiều hôm trước.

Lão già lặng lẽ nhắm mắt để hồi tưởng. Tiếng đêm khuya và gió mai vào những hàng tre rín rít như tiếng cười mỉa của thời gian. Đêm tháng chạp u minh và trầm lắng làm dội tiếng thờ dài không rõ nguyên do của ông già. Có vẻ như hơi bị hụt hẫng trước phản ứng thiếu sôi nổi của người đối diện, ông lão vén mái tóc trắng phau nhìn bầu trời khuya đã sẫm xuống, e dè dề nghị:

- Mưa sắp xuống, ngoài này lạnh, chúng ta có thể vào trong được không. Dù phải đi hay ở, tôi vẫn muốn được thưa với hoàng thân điều tôi cần phải nói. Mời tôn ông vào phía hậu đường cho ấm. Than vẫn còn đượm trong lò sưởi.

Hai người cùng ngồi xuống trước bếp lửa chưa tàn. Gỗ trắc bá diệp đốt lên thoang thoảng mùi bạc hà và núi rừng hoang dã. Sự cô liêu của đêm và từng đầu than mong manh thi nhau lụi tàn làm cho lòng người lắng xuống và cảm giác gần gũi nhau hơn. Không có một dấu hiệu nào từ phía người đối diện chứng tỏ sự nôn nóng hay quan tâm đến giây phút mà ông lão cho là thiêng liêng và nghiêm trọng nhất đời. Theo ông, đó là giây phút vừa bị thương, vừa hùng tráng của đời ông.

Trí Hải nhấp trà im lặng lắng nghe. Giọng ông lão thao thiết buồn khi nói về kỷ niệm; rần rờ và sôi nổi khi

nói đến những ngày binh lửa; nhưng lại khí khái lẫn chua xót khi kể lại biến cố sau cùng.

Ông Lão giở lại từng trang cuốn sách của đời mình:

“Tôi xuất thân là một cậu bé có đủ cả cha lẫn mẹ nhưng phải sống như trẻ mồ côi...” Ông lão bắt đầu kể chuyện đời mình. Trí Hải lắng nghe. Bên bếp lửa, ông già như đang lạc hồn về quá khứ, kể lại:

- Đứa bé là sản phẩm của mối tình lén lút nhưng đầy tình tự mê hồn giữa một vị quan võ họ Phạm triều Lê và một cô đào hát đã có gia đình. Giọt máu thành người từ nỗi đam mê say đắm chứ không phải từ nhu cầu truyền giống. Đứa bé lớn lên trong thời loạn lạc Trịnh - Nguyễn phân tranh. Mang bản chất quyết đoán của cha và nhạy cảm của mẹ trong dòng máu, thằng bé họ Phạm học võ để kiếm cơm huynh đệ và học văn để đọc văn viết mướn, khi thì chép kinh, sao sách kiếm cơm chùa, hay có lúc ra giữa đời bán chữ nuôi thân. Khả năng tinh thông võ nghệ không môn phái và kiến thức sách vở chữ nghĩa ta bà, tứ xứ đã làm cho chàng thanh niên vô danh xứ Đàng Ngoài sớm có đất dụng võ xứ Đàng Trong. Từ khi về dưới trướng của Nguyễn Vương, cậu trai trẻ đã phát tiết hết khả năng cả văn lẫn võ để sớm trở thành một tướng quân được tín cẩn phò vị vua khai sinh triều Nguyễn tương lai.

Khi nhân vật Nguyễn Ánh lên ngôi thành vua Gia Long, tất cả tướng sĩ cùng theo vua về kinh đô Huế. Phạm Xảo về theo.

Đất nước đã bình trị. Những cuộc vui lớn nhỏ với sự tham gia tay đôi, từng nhóm hay từng vùng, từ quan quân đến hàng dân dã, đang trở thành một phần của đời sống bình thường. Rộn ràng nhất là những cuộc đấu cờ tướng tay đôi. Cờ tướng, đá gà, thi thơ, đấu vật, hát tuồng, ca hò... trở thành một phần sinh hoạt văn hóa trong giai đoạn định hình của một triều đại.

Trong một quán nhỏ ngoại thành, Phạm Xảo đang đấu cờ tay đôi với một quan võ thân binh khác. Đã hai ván, một thắng, một hòa. Ván thứ ba, giữa cuộc cờ chưa phân thắng bại, viên quan võ thân binh vút cần thuốc lào và búng tay ra hiệu cho bọn sai nha châm lửa. Vài ba tên chạy lảng xăng, tay cầm mỗi lửa và quỳ xuống lo điều dóm. Quan võ thân binh rít một hơi dài thuốc lào, rồi ngửa mặt nhả khói cười thong thả. Ông ta vươn tay trên bàn cờ bằng đá Thanh bóng lộn, dùng Mã diệt Pháo đối phương với tiếng đập quân cờ chan chất. Miệng cười ngất ngưỡng khi biết Phạm Xảo rơi vào thế nguy. Giọng hề hả, viên quan võ cười ré lên:

- Quang Trung đại đế... à quên... “tiểu đế” ời! Không hồn thì nằm yên dưới ba thước đất để ta cho xe ngựa tới rước. Này này, hãy xem ngựa chiến của ta đá cú song phi đẹp hơn cả khi thành Qui Nhơn bị đốt. Ha... ha!

Ông ta vừa nói như phường tuồng diễn trò, vừa đem

xe đuổi pháo... với vẻ thô bạo hiện lên trên vẻ mặt, trên ngón tay nắm quân cờ nặng nề như cầm dao rựa.

Phạm Xảo nắm chặt một quân cờ như cầm đốc kiếm trong tay, nhìn thẳng vào mắt người đối diện, hất hàm hỏi:

- Ông có biết Quang Trung Nguyễn Huệ là ai không mà dám ăn nói quàng xiên đến như thế, hử?

Viên quan võ nhìn Phạm Xảo từ đầu tới chân như một vật quái dị. Ông ta khịt mũi lên tiếng với giọng khinh thị:

- Nguyễn Huệ và dòng Nguyễn Tây Sơn là phường bại trận nên có chui xuống đất cũng không tha. Hoàng thượng và triều đình tại vị đang tính sổ lại bọn tội đồ đã theo giặc Tây Sơn. Quan bác ăn lộc của ai mà dám hỏi một câu ngang phè như vậy kia. Hàng tiểu tướng như ta đây mà còn phò hoàng thượng để đào mả Nguyễn Huệ, thế mà hàng trọng thần như quan bác lại đi hỏi ngớ ngẩn như một tên lính gác cổng ngu dốt không bằng...

Phạm Xảo trừng mắt:

- Ông vừa nói gì? Ai đi đào mả Nguyễn Huệ?

Viên quan võ cười ngất:

- Chính ta chứ còn ai vào đó nữa! Không những đào mả mà ta và thân binh của ta còn dâng biểu lên Hoàng Thượng xin nhồi xương cốt tên vua ngụy đó vào thuốc súng, bỏ vào súng thần công bắn tan xác. Ấy, ấy! Mà tiến quân đi chứ, sao lại cứ giữ quân cờ khư khư vậy quan bác?

Phạm Xảo run tay. Hỏi tiếp:

- Thế ai là người đem xương sọ của Nguyễn Huệ giam vào ngục tối và làm chậu đi tiểu hàng ngày?

Gã quan võ vỗ đùi, khoái chí:

- Quan bác rõ thật là chưa nắm hết cái lý phong thủy. Nhỏ cô phải nhỏ tận gốc, triệt giòng triệt giống kẻ thù phải triệt hết nguồn mạch âm dương. Thử hỏi ngoài ta và phe ta ra thì còn ai cao minh hơn để làm vui lòng hoàng thượng khi ngài ngự trên ngôi chí tôn để thanh toán nợ nước thù nhà đã chớ!

Cơn giận lại có thêm niềm khinh bạc đã làm cho Phạm Xảo quên mất không khí cuộc cờ trước mắt. Ông nhớ lại suốt 24 năm dài chiến đấu gian khổ bên cạnh chúa Nguyễn. Hào quang Nguyễn Huệ thống lĩnh ba quân, đánh tan tành hai mươi vạn quân Thanh. Quân Tây Sơn với chiến thuật tiến quân thần tốc đã làm quan quân Nguyễn Ánh bao phen khốn đốn. Nhưng cũng chính hào quang đó đã làm cho cuộc chiến thắng sau cùng về vang hơn và về nên một chân dung Nguyễn Ánh kiên trì, đảm lược hơn. Dòng máu uy vũ của cha đã thôi thúc ý chí trung kiên của Phạm Xảo phò Nguyễn Ánh đến thắng lợi sau cùng. Dòng máu nghệ sĩ của mẹ đã nuôi dưỡng tình cảm Phạm Xảo yêu thương hồn dân tộc, trân trọng sự hào hùng liêm liệt của Quang Trung. Trong hai thiêng

liêng ấy, không có chỗ đứng cho nguồn tình cảm nhỏ nhen, sự quyết đoán tâm thường và lòng hận thù hèn mọn. Trong thoáng chốc những cơn giận từ đầu ùn ùn kéo lại. Con giận bốc thành lửa cháy. Lửa thể chất ngoài đời thì còn may ra chữa được, nhưng ngọn lửa tâm hồn đã cháy thì chỉ còn thiêu hủy. Đôi mắt Phạm Xảo như hai cục than hồng chiếu thẳng vào viên quan võ. Không kiềm hãm nổi ngọn sóng cảm xúc bùng bùng dâng lên từ trong sự xung động dấy lên từ những ngõ ngách bí ẩn của vô thức, Phạm Xảo đứng dậy, chỉ mặt viên võ quan, quát:

- Ta không ngờ để làm vui lòng chủ, các ngươi lại có thể xúc phạm đến vị anh hùng dân tộc bằng những trò hề hạ đến thế.

Viên quan võ lập tức đứng dậy, nghiêng răng la lối:

- Quân mặt người dạ thú mới cam tâm hành động bất trung. Trung thần bất sự nhị quân, tôi trung không thờ hai chúa. Ăn lộc chúa Nguyễn là phải thờ Nguyễn Vương. Nguyễn Huệ dẫu có hảo hán anh hùng tới đâu cũng chỉ là kẻ thù không đội trời chung của hoàng thượng đương triều, đáng minh chủ tối cao của ta.

Phạm Xảo vươn mình, chỉ tay vào mặt viên võ quan nói gần từng tiếng:

- Theo thiện bỏ ác, ấy là trung. Theo thiện bên này mà vẫn không bỏ thiện bên kia, ấy là trí. Dám quên mình để bảo vệ lẽ công bằng, điều chính nghĩa, mới là dũng. Nếu không có anh hùng Nguyễn Huệ đánh tan 20 vạn quân Thanh thì đất nước ta đã bị Tàu đô hộ, còn đâu một mảnh giang sơn riêng biệt cho đến ngày hôm nay. Lúc đó, lấy gì để cho người khua môi, múa mép nói chuyện ơn vua, lộc nước đương triều mà quên kẻ trồng cây, hủ?!

Viên quan võ bặm môi, võ kiếm chỉ vào mình:

- Là võ tướng cầm quân canh giữ Hoàng thành, ta không cần biết những chuyện xa vời như thế. Ta chỉ biết trên đầu có vua. Vua có xử chết ta cũng phải tuân hành không cần biết lý do. Đạo trung hiếu xưa nay là thế...

Không để cho kẻ đối diện nói hết câu, Phạm Xảo đã gạt phăng:

- Trung mà không phân biệt phải trái là ngu trung. Này! Ngươi, tên đốn mạt. Chính lũ ngu thần vô lại chúng bây đã bày đặt những trò ma chước quỷ. Lũ bây đã tiếp những bàn tay bẩn biến chính nghĩa thành tà đạo, biến công minh thành thù hận thấp hèn, biến nhân tâm thành thú tính, biến uy vũ cứu nước giúp đời thành hành động trả thù nhỏ nhen của phường giặc cỏ...

Bất thần bị hạ nhục công khai, viên quan võ sừng người một lát và lao vào trận địa phản công:

- A...a...a! Thì ra, ngươi là tên giặc Tây Sơn cài đặt giữa triều đình. Bây đầu, bắt hẩn trối lại, đem ra chém đầu, cắt thủ cấp mang vào cung dâng lên hoàng thượng!

Đám vệ sĩ lập tức thi hành lệnh chủ tướng. Nhanh hơn một bước, Phạm Xảo chụp ngay bàn cờ bằng đá trước mặt hai người và giáng một đòn chí mạng lên đầu viên quan võ. Bàn cờ đá vỡ theo đầu người. Một mình giữa tuyến lửa, rút cây gươm tung vào sinh ra tử tưởng đã ngủ yên bao năm, Phạm Xảo tung mình vào cuộc chiến đấu sống còn. Những đường kiếm lão luyện một thời sống lại. Nếu không có vợ chồng người chủ quán thì tất cả chỉ còn là đoạn cuối cảnh đấu trường, một đấu trường của những võ sĩ quyết đấu thời trung cổ: Giết hay bị giết!

Trận hỗn chiến xảy ra nhanh đến độ hai vợ chồng người chủ quán chưa kịp hoàn hồn. Thành linh, như vừa mới thu lại được hồn phách đã bay xa, người chồng vùng chạy. Anh ta vừa chạy vừa la: “Giết người! Giết người! Bớ xóm phường. Bớ các quan! Giết người. Cứu với! Cứu cho với!” Và theo phản ứng dây chuyền, người vợ vụt chạy theo chồng, miệng la gào tiếp cứu. Tiếng gào trong đêm hãi hùng đến độ làm cho Phạm Xảo vốn dạn dày với gươm giáo cũng bị lay động. Nhưng tia lóe sáng bỗng vụt đến. Đây không phải là chiến trường, nơi chỉ có sức mạnh làm chủ tử và kẻ thắng trận vừa là chân lý, vừa là quan tòa, vừa là bị cáo. Nơi đây là kinh đô của một vương triều vừa thắng trận. Chính nghĩa thường ở phía thắng trận vì phía thắng trận còn có lưỡi gươm và mạng sống. Phạm Xảo thắng nhưng chỉ thắng bầy chồn trong rừng thú dữ. Những cái án từng xẻo, voi dày, ngựa xẻo, chém đầu ba họ... từ trong thâm sâu ký ức loé lên, dội vào bản năng sinh tồn, tạo thành một động lực khủng khiếp “giết hay bị giết” đẩy Phạm Xảo chạy như bay vào đêm tối.

Tiếng kêu cứu dồn dập của hai vợ chồng chủ quán sắp vọng đến khu dân cư đông đúc cuối đường. Phạm Xảo đuổi kịp và vùng gươm chém chết cả hai vợ chồng. Đó là người đàn ông vô can và người đàn bà vô tội, nhưng cái tội của họ là chỉ vì trốn sống giữa cõi đời ô trọc này. Chứng nhân vụ xung đột đầm máu chỉ có màn đêm và mưa bụi... hay đã lọt qua tai vách mạch rừng. Không ai hay. Những dòng sông đã bị lưỡi gươm chém tiệt hay còn cựa quậy đâu đây. Không ai biết.

Ông lão ngừng kể và nín thở nhìn Trí Hải, kẻ vẫn yên lặng ngồi nghe điềm nhiên như một cái bóng mờ hồ hắt ra từ núi đá. Sự tĩnh lặng kéo dài làm ông lão ngộp thở. Từ trong suy nghĩ của ông, nếu nhân gian biết được rằng Phạm Xảo còn sống, chắc là phản ứng tức thời của người đời sẽ nghiêng trời, lệch đất... Ông lão giải thích thêm:

- Sau biến cố đó, tôi bươn bả đi tìm Thầy—thầy võ, thầy văn, thầy đạo, thầy đời—để hỏi kể về một con đường sống còn trước mắt. Đường nào sẽ tránh được sự hủy diệt bản thân và tru di tam tộc cho một kẻ bầy tôi

nhà Nguyễn Gia Long nhưng vẫn trân trọng nhà Tây Sơn và ngưỡng mộ hào quang lấp liệch của Nguyễn Huệ. Tôi không đồng tình nuôi lòng thù hận phe chiến bại dù sau cuộc binh đao tôi bị mất hết gia đình, vợ con và khả năng giới tính của người đàn ông. Những vết tích chiến tranh nên đun vào khối lửa của quá khứ để thiêu hủy hận thù. Tôi đã lội ngược dòng chảy ào ào đổ xuống, không chịu nương theo dòng để góp phần cuốn phăng mọi vết tích của dòng họ và triều đại nhà Nguyễn Tây Sơn. Không chịu nhắm mắt về hòa theo xu thế mới là tự đánh mất mình trong mắt người chủ cũ và bây tôi mới. Về thú tôi với triều đình để cầu mong một sự ân xá chăng? Lên rừng, vào Nam, ra Bắc dấy loạn chống lại triều đình hay sống mai danh ẩn tích chăng? Chẳng có sự lựa chọn nào vẹn toàn. Sự chọn lựa nào cũng đầy hầm bẫy chết người.

Khi đến ngôi chùa cổ một thời nương náu, tôi kể hết chuyện vừa xảy ra cho vị sư, tuổi đời và tuổi đạo đã xanh cao như rêu đá, người đã nuôi dạy tôi suốt thời nhỏ dại. Sau khi nghe câu chuyện, sư lặng lẽ nhìn tôi thương cảm nhưng chẳng nói một tiếng nào. Tôi ngồi suốt ba đêm ngày bên Thầy không ăn một miếng, không uống một giọt. Sự cô đơn tuyệt đối làm cho đầu óc tôi sáng ra. Trạng thái tĩnh lặng tuyệt vời có vẻ như không cần tiêu hao một chút sức lực bản thân. Cả châu thân tôi không đông cứng mà ngừng lại. Tôi không ăn mà cũng không đói. Có ai lấy một chút sức của tôi đâu mà cần đồ ăn tiếp trợ. Quá khứ vẫy vùng của một chiến tướng đã khép lại. Hiện tại hay tương lai chỉ còn là những khái niệm rỗng không đối với một người không còn chỗ dựa, mất chỗ ngồi, hồng chân đứng. Sự nghiệp và hành lý của tôi lúc này có lẽ chỉ là một tên gọi băng quơ, một đám mây trong những đám mây níu nhau vào không gian tan loãng.

Đêm trước khi tôi dự định rời ngôi chùa cổ để tiếp tục bước tiếp những bước đời không định hướng, tôi đến đánh lễ và xin Thầy một ân huệ, một lời khuyên để sống trong bước đường cùng. Thầy vẫn ngồi trầm ngâm không đáp lời cầu khẩn của tôi. Tôi quỳ không biết bao lâu trước mặt Thầy trong chánh điện của ngôi chùa cổ. Rồi Thầy từ từ đứng dậy lặng lẽ nhìn vào mắt tôi đắm đắm. Tôi bỗng cảm thấy lạnh run và không chịu nổi cái ớn lạnh từ đỉnh đầu xuống tận gót chân, tôi từ từ ngã xuống dưới chân Thầy. Thầy tôi mang ngôi tượng Phật bằng gỗ lâu đời, chẻ ra làm đôi. Một nửa đốt vào lò sưởi ấm cho thân thể tôi đang lạnh giá, nửa còn lại trao cho tôi. Để mặc tôi ngồi trên và ngơ ngàng như phỗng đá với nửa ngôi tượng Phật bên mình, Thầy lặng lẽ bước vào phòng riêng và cài cửa lại.

Tôi ngồi lại thêm ở hiên chùa ba hôm nữa. Đêm hương trầm quen thuộc đánh thức tất cả những mảnh tình cảm và sự xung động đã ngủ yên dường như mất

dấu trong tôi. Nhìn ngôi tượng bằng gỗ huyền tối cổ mà Thầy tôi rất trân quý chỉ còn một nửa. Nửa miệng chưa mất nét mỉm cười và một mắt còn lại như muốn nhấp nháy nói cười bằng ánh sáng. Nửa nét nhìn đời đầy an lạc và yêu thương của bức tượng vỡ khiến tôi cảm thấy nhức nhối và tiếc thương một sự đổ vỡ tan nát chỉ vì ta. Đêm tiếp theo, tôi cảm thấy một chút an tĩnh giữa khi lòng mình là một bãi chiến mênh mông...

Đời tôi cũng bị bửa đôi như bức tượng. Tuy chỉ còn một nửa, thế nhưng nét cười và ánh mắt mênh mông thương đời vẫn không phai. Đêm cuối cùng bỗng dưng tôi cảm thấy an lạc tuyệt vời khi tôi ôm lấy bức tượng vỡ mà nước mắt ào ra. Tôi run run hôn lên bàn chân trần của bức tượng. Tôi đã yêu bức tượng vỡ hơn cả khi bức tượng còn nguyên. Phút đó tôi khám phá ra rằng, khi một tình cảm đã an định trong tận chiều sâu của tâm thức thì sự yêu thương nằm đằng sau hình tượng. Một thể giới nhỏ vỡ òa trong tôi. Tôi đã yêu thương đến quên lòng những khuôn mặt thương tích đầy máu me của những người bạn chiến đấu quanh mình trong suốt những năm dài từ Xiêm La về Thuận Hóa. Tôi yêu thương mẹ già với dáng còm cõi và khuôn mặt nhăn nheo qua bao năm tần tảo nuôi con. Tôi yêu quý người vợ quê mùa sau bao gian nan đợi chồng mà nhan sắc đã sớm tàn phai.

Phải chăng đây là một thông điệp tâm linh mà Thầy tôi dặn dò trao gởi: *“Này con! Chú tướng quân học trò nhỏ bé. Hãy vứt bỏ lớp vỏ bên ngoài. Hãy bỏ đôi lòng cung nghinh tướng như kim cương nguyên khối, nhưng sự thật thì chẳng có khối nào nguyên vẹn mãi mãi giữa cuộc đời này. Hãy nắm bắt cho được tình cảm chính trực quang minh ẩn tàng sau hình tướng. Vứt bỏ những giá trị vật chất quy ước khi cần. Sống là một cố gắng tận cùng nhìn cho rõ cái bản lai diện mục của người, của ta rồi cất bước!”*

Tôi mon men đến phòng Thầy từ biệt. Cửa mở toang nhưng cái chìa khóa trong lòng tôi đã rơi mất. Chân tôi bước nhưng lòng tôi không mở được. Nhìn trong gương tu kính, tôi ngóai cổ lại vì chợt nhìn thấy một ông già tóc bạc... hiện ra sau tôi hay trong tôi? Không, chẳng có ai. Chính là ta. Sau mấy đêm suy tư, tóc mình bạc trắng. Không lẽ ta là Ngũ Tử Tư?!

Đốt nửa bức tượng còn lại để được hít thở mùi hương quyến luyến và chỉ có đốt đi nửa con mắt ấy, nửa cái miệng cười nhân ái ấy, tôi mới giữ được mãi một bức tượng tuyệt vời, liền lặn trong tâm ảnh của mình. Khi những đóm than cuối cùng của nửa bức tượng biến thành tro trắng, tôi bốc một nhúm tro mịn màng thoa lên lòng bàn tay, áp lên má. Một phiến mặt trời nhỏ loé sáng trong tôi. Thật huyền diệu, bức tượng cũ hiện ra rõ ràng

và liền lặn trong tâm thức của tôi. Đập vỡ một hình tượng tạm bợ bên ngoài để đưa nó vào bên trong. Để có tình tự lâu dài, đừng dựng tượng tình yêu thành hôn nhân với ước mong suốt đời chiêm bái nó. Để có cái đẹp không tàn phai, có khi ta phải chối bỏ hay hủy diệt nó.

Bức tượng Phật gỗ huyền tối cổ đó không còn nữa, nhưng hào quang của nó theo tôi suốt một đời.

Chờ đến lúc đêm về, khi trăng lên không còn vương đầu ngọn dừa cao ngất đầu làng, tôi mới khăn gói ra đi một cách rất lữ hành lãng mạn. Tại sao giữa lúc đang đối diện với hai đầu sông chết, tôi vẫn còn khe hở của tâm hồn để sống một chút xa xỉ của mẫu đời lang bạt? Có lẽ chút kiêu bạt từ máu cha và chút nghệ sĩ từ lòng mẹ đã tạo ra tôi và thôi thúc tôi làm như thế. Nhưng đi đâu bây giờ? Tôi có tự do tuyệt đối trong phút này vì tôi chẳng còn ai. Con người thì sợ hãi tránh xa vì mặc cảm phạm tội. Một con chó, một con mèo cũng không còn để níu kéo. Cái tự do của một con diều đứt dây lại là một sự nô lệ mới giữa cuộc đời này. Có đủ đuôi, đủ cánh; có gió lộng, có trời xanh nhưng sợi dây đã đứt. Mất đi sợi dây níu kéo, cũng có nghĩa là mất đi cảm giác thuộc về. Khi tôi sợ hãi hay làm mất lạ với thế giới này chính là khi tôi bị hiện thực của thế giới này từ khước.

Tôi đã trải qua những ngày sống bấp bênh bằng cuộc đời vay mượn nên đã bị cuộc đời thật chối bỏ. Cái ước mơ tầm thường và nhỏ bé nhất là có được một mái ấm gia đình nho nhỏ sao bây giờ lại trở thành quá vĩ đại và xa xôi ngoài tầm tay với đến thế. Tôi lại tha thiết đi tìm những điều nhỏ bé nhưng thật thiết thân mà trước đây mình không màng tới. Tôi đi về lại căn nhà cũ. Khung cảnh đã đổi khác vì lăng kính trong mắt nhìn riêng tôi không còn nằm yên ở chỗ cũ. Tôi càng yêu con người, yêu cuộc sống thì càng bị cuộc sống ghê lạnh. Không, tôi sẽ bám vào đó như một lẽ sống cho dù phải sống cạnh sự ruồng rẫy xa lạ, phải sống bên cái chết cận kề. Thay vì trốn chạy, tôi đã đối diện với thực tế quanh hiu quanh mình.

Nhờ cái lệnh bài tùy thân xuất nhập phi thời, tôi mới vào được Đại Nội sau khi bỗng dưng tôi trở thành một ông già tóc bạc xa lạ với mọi người. Một Nguyễn Ánh chủ tướng ngày trước bây giờ là ông vua quyền thế sống sau hàng hàng, lớp lớp những bức tường thành cao ngất của quan quân, nghi lễ, cung đình. Vua Gia Long vẫn coi tôi là gia thần cận tướng nên ra vào nơi nghiêm cấm không qua những lễ nghi rườm rà đến là người, chóng mặt, thế mà cũng phải mất bao nhiêu ngày chờ chực mới được nhà vua cho vào yết kiến ở cung an dưỡng. Mới thấy Phạm Xảo, nhà vua đã xua tay miễn lễ tung hô quý lạy mà đập tay xuống bàn trà, cả cười:

- Trẫm biết trước ngươi sẽ vác bộ mặt thâm nảo và cái đầu bạc này về đây!

Tôi cảm thấy kinh hoàng như đông cứng người lại. Tôi quỳ xuống trước mặt vua định tâu bày mọi việc nhưng nhà vua đã khoát tay:

- Khỏi! Ta đã biết hết mọi việc. Lấy được thiên hạ và tóm thâu giang sơn về một mối đâu phải là chuyện may rủi. Nếu ta chỉ có hai mắt và hai tai để nhìn và nghe ngóng, phó mặc cho số phận rủi may đưa đẩy thì làm sao ta có được ngày hôm nay.

- ...?!

Không đợi cho tôi tâu trình thêm một chữ, Vua ra ngay phán quyết:

- Tên vô quan bị người giết cũng đáng tội chết lắm. Ta không cần hấn hay bắt cứ ai xen vào để biện minh hay lên án việc làm của ta cả. Lịch sử có lúc cũng chỉ là con chuột mù đi tìm bầy ruồi qua tiếng vo ve của chúng mà thôi. Đáng lẽ khi người hỏi hấn: “Có biết Nguyễn Huệ là ai không?”, hấn phải trả lời cho rạch ròi rằng: “Nguyễn Huệ có thể là anh hùng thiên hạ, nhưng nhà Tây Sơn cũng là kẻ đã tàn sát dòng họ Nguyễn nhà ta cho tiết dòng tiết giống, từ trẻ đến già. Chỉ có Nguyễn Ánh ta may còn sống sót sau bao nhiêu lần thoát được mề lưới tử thần của Tây Sơn giăng ra trong đường tơ kẽ tóc. Không ân mà chỉ có oán giữa ta và Tây Sơn. Oán thù trùng trùng như núi. Sự đối đầu quyết tử giữa ta và Nguyễn Huệ đang đẳng đẳng suốt 20 năm. Ta biết ta là ai. Ta chẳng phải cần đóng vai Quan Vân Trường cỡi ngựa xích thố theo phò Lữ Bị để không chém người dưới ngựa. Hai kẻ tử thù có cách tru diệt nhau truyền đời, dìm nhau đến tận đáy huyết, hủy diệt nhau không nhân nhượng mà người ngoài khó lòng hiểu được...”

Sau câu nói này, nhà vua đuổi tả hữu lui ra và quát mắt nhìn Phạm Xảo, nói như đọc án lệnh:

- Còn nhà ngươi, hậu vệ tướng quân Phạm Xảo cũng bị xử chém đầu vì can tội nuôi lòng tôn sùng kẻ tử thù của ta, có cơ tạo phản chống lại triều đình...

Nhưng bỗng nhà vua hạ giọng, bảo Phạm Xảo tiến lại gần, nói thì thào vào tai: “Ta cho ngươi mắc nợ một cái đầu vì ta biết ngươi là kẻ trung thành hiếm có. Nếu nuôi lòng phản ta, ngươi đã có bao nhiêu cơ hội bỏ ta về với Tây Sơn hay hại ta trong từng miếng ăn giấc ngủ suốt hai mươi năm vào sinh ra tử bên ta. Ngươi đã một lòng theo ta cho đến ngày đại thắng. Xưa kia là chủ tướng, bây giờ là vua tôi. Nếu có cơ hội lấy công chuộc tội để giúp cho đất nước bình trị, khiến vương triều của ta mỗi ngày một vững chắc, ngươi có chịu giúp ta không?”

Phạm Xảo thấy rõ con đường sống đã hiện ra, nên sẵn sàng bám lấy. Nhà vua ban lệnh: “Như nhà ngươi đã rõ. Ta mới thống nhất được đất nước, nhưng chưa thu phục hết lòng người. Phe hoàng tử Cảnh trong triều, phe Lê Văn Duyệt trong Nam, phe Nguyễn Văn Thành ngoài

Bắc... vẫn còn là những mối lo trước mắt và lâu dài cho ta. Người hãy giúp ta nghe ngóng và theo dõi để kịp thời ngăn chặn các mầm loạn. Nơi có thể nghe được nhiều tin tức nhất là dinh của hoàng thân Trí Hải. Ta không may may nghi ngờ tấm lòng của Trí Hải. Trước sau Trí Hải chỉ là người nghệ sĩ, không tham vọng quyền thế, không âm mưu phản trắc. Bởi thế, Trí Hải không có kẻ thù và dinh cơ của Trí Hải là nơi thăm viếng, đàm đạo của nhiều nhân vật cả nước về kinh. Ta muốn người đóng vai người hầu cận Trí Hải. Một người hầu cận trung thành tận tụy và đúng nghĩa. Cầm điếu càng tốt, ngu dốt càng hay. Nhưng không được phút nào quên ta, cũng như không quên món nợ cái đầu nhà người treo lơ lửng sau lưng. Trí Hải chưa hề biết mặt người nhưng có thể có nhiều người khác biết. Tuy rằng sau vụ đánh cờ giết người tại quán, đáng về người đã đòi khác nhưng để cho an toàn thì ít nhất cũng phải ở ẩn trong dinh Trí Hải ba năm không được lộ mặt ra ngoài. Nếu sau này, người chết trước ta, ta sẽ lấy nghi lễ đại thần đối đãi. Nếu ta chết trước người, người hãy xoa tay uống rượu ngày chôn cất Nguyễn Ánh này để mừng là chúng ta đã giữ trọn lời hứa với nhau. Ta biết người sắp nói gì. Khỏi! Chúng ta đã nói với nhau quá nhiều trong bao nhiêu năm dài chiến trận. Người lên đường. Bảo trọng!”

Trước khi tôi có thể nói thêm một lời tạ từ, nhà vua đã phất tay áo đi vào trong.

Từ đó, tôi lo sửa tóc, cạo râu, thay đổi y trang, tập dần kiêu đi lẫn mò, còng lưng cúi mặt như ông già xề bóng. Tập ít nói, biết im lặng hay biết cầm càn tốt. Tôi về thái ấp này là giang sơn của một ông hoàng sống đời ẩn dật ngay giữa kinh thành. Có lẽ thấy tôi cũng lạnh lùng và cầm lặng giống chủ, nên người tai mắt trong thái ấp đẩy tôi vào làm lão bộc cho hoàng thân để hai cái bóng cô quạnh tìm nhau.

Ba năm đầu là ba năm thử thách. Từ một cận tướng của triều đình, chỉ vì không muốn đánh mất chính mình

mà phải gây ra cảnh thâm sát, phải trốn vào bóng tối. Tôi phải trả một giá quá đắt khi chọn lựa trung thành với chính mình, không xu phụ quyền thế, nói theo tiếng nói của lương tâm mình. Tôi muốn quên mình là ai để sống trọn vẹn cho vai trò người lão bộc. Nhưng càng ở thế bị đè nén và chối bỏ, cái bản ngã càng phản kháng dữ dội. Cái ngã như một con cáo tinh ma bị nhốt trong hang. Bít kín đường này, nó vùng vẫy trở ra nhiều lỗ hổng khác để chui qua. Cũng may là cả hoàng thân và tôi đều sống im lặng, không đòi hỏi, không thắc mắc từ ngày này qua ngày khác, nên mỗi cái “ta” riêng tư vẫn nằm im trong chôn thâm sâu của mình, không tương quan, không bộc lộ, không va chạm.

Hoàng thân, cho dầu ra đi hay ở lại, tôi vẫn mang ơn ngài vạn bội. Càng sống gần Hoàng thân về sau này, tôi càng lấy cái tâm làm đầu. Tôi để lòng tự nhủ lòng rằng, ví thử Hoàng thân có làm điều gì vi phạm nằm trong lời ủy thác theo dõi của vua, tôi sẽ lấy mạng sống của mình mà ngăn đón. Quyết sống xứng đáng với niềm tin cậy của mọi người nhưng không bao giờ hại ai. Cũng may, Hoàng thân là người có cái tâm trong sáng như sao Khuê nên tôi chẳng bao giờ phải ở trong một tình thế khó xử nào cả.

Trí Hải lắng nghe chuyện kể về đời mình của Phạm Xảo không động tĩnh, bây giờ mới lên tiếng:

- Lão tướng Phạm Xảo, nếu đúng lễ nghi thì tôi phải gọi ông lão như thế. Nhưng khi đã lấy cái tâm, cái tình để sống với nhau rồi thì đâu cần chấp nhặt những chuyện hình thức như thế phải không? Nghe chuyện đời của Phạm huynh tôi xúc động và khâm phục cái tiết tháo làm tướng và nhân cách làm người của huynh nhưng chẳng ngạc nhiên vì tôi đã quá quen với đời sống cung đình. Cung đình là đấu trường vĩ đại cuối cùng trước khi con người hóa kiếp nên chuyện gì cũng có thể xảy ra, từ chuyện nhân sinh tâm phào đến những biến cố nghiêm trọng nhất. Đọc sử Tàu, tiếp cận với giới quý tộc bao quanh đời sống điện Versailles bên Tây thời phò hoàng tử Cảnh, gần gũi với cung đình xứ mình... ở đâu cũng đầy đầy những điều khác lạ với đời thường mà người ta gọi là “thâm cung bí sử”. Cảm ơn Phạm huynh đã chia sẻ và tấm lòng tín nghĩa của huynh thật đáng trân trọng. Tôi kính huynh như người anh cả và thương huynh như người ruột thịt, nhưng biết giúp huynh hay khuyên huynh điều gì bây giờ?

Nét vui mừng thể hiện lên khuôn mặt quốc thước nhưng đã pha loãng với thời gian của người lão tướng. Ông ra vườn sau mang thêm củi đun vào lò sưởi. Ông lão tiếp tục chuyện trò:

- Được hoàng thân đối đãi và an ủi như thế là tôi



mãn nguyện lắm rồi. Tôi đã già, chẳng còn tham vọng gì cả mà chỉ muốn yên thân. Nếu tôi vẫn muốn xin được sống tiếp tục một cuộc đời thảnh thơi bên cạnh hoàng thân sau khi tôi đã tự thú mình là ai thì tôn ý của hoàng thân ra sao?

Trí Hải nhìn thẳng người đối diện rồi nhìn băng quơ vào bếp lửa đang cháy bập bùng, trả lời:

- Huynh và tôi cũng như bếp lửa này. Lửa nóng bao nhiêu rồi cũng sẽ tắt như con người sống già sẽ chết. Tất cả chỉ là tạm bợ nên xưa nay tôi chẳng coi gì quan trọng ngoài cái giao tình chân thật với nhau. Có huynh là có thêm một cây củi trong bếp lửa đời mình. Bếp lửa đời sẽ sáng hơn và ấm hơn, thích lắm chứ.

Đêm như một tấm màn mỏng của bóng tối. Gặp người tri kỷ, đêm dài qua nhẹ như sương. Tiếng gà gáy sáng từ trong xóm lại cất lên. Một đời vua Nguyễn đi qua nhưng tiếng gà vẫn thế. Tiếng gà cũng nhắc nhở hương trà buổi sớm mai. Phạm Xảo vốn đã quen với quán tính lâu ngày, sau tiếng gà vừa dứt, ông đứng dậy nhóm lửa pha trà.

Trí Hải ngạc nhiên đầy thú vị với bộ khay trà cổ nhưng chưa bao giờ được bày ra. Một cái ấm cổ có hình một con ngựa, một bên có con khỉ đứng nhìn tổ ong. Trí Hải nhìn say sưa cái ấm cổ và buột miệng:

- Mã thượng phong hầu?! (Con ngựa ở trên con ong và con khỉ).

Phạm Xảo đắc ý, trả lời:

- Khen cho con mắt tinh đời! Đúng vậy, hoàng thân ạ. Đây là một ấm trà tử sa Nghi Hưng tôi cổ. "Mã thượng phong hầu" là một câu chỉ để gọi tên ba con vật trên ấm trà, nhưng đây là một lời chúc ngắn gọn mà cao sang, đầy khí thế của con nhà tướng ngày xưa.

- Tử sa? Tôi chỉ biết Nghi Hưng là một huyện thuộc tỉnh Giang Tô, gần Thượng Hải. Ở đó có một thứ đất sét rất mịn, chứa nhiều thạch anh và nhiều chất thiên nhiên đặc biệt khác nên được dùng làm ấm trà không tráng men nổi tiếng vào bậc nhất trong nghệ thuật chế tạo ấm trà của Trung Hoa. Nhưng tử sa là gì?

- Tử sa là cát tím. Ấm trà làm tại Nghi Hưng có ba màu chính là màu vàng sậm (màu gan gà), màu đỏ sậm (màu da chu) và màu nâu thẫm gần đen (tử sa). Ấm trà chúng ta đang dùng đây thuộc loại song ấm, dùng cho hai người uống. Lục Vũ trong sách Trà Kinh và cô nhân viết về trà đã ca tụng ấm tử sa Nghi Hưng có nhiều ưu điểm như: giữ được hương và vị trà gốc, bình trà dùng lâu chỉ chế nước không cũng ra mùi trà, không bị nứt vì thời tiết quá nóng hay quá lạnh, chế nước nóng bao nhiêu khi cầm ấm trà cũng không bị phỏng tay, bình

dùng càng lâu càng lên nước bóng lộn rất đẹp. Và, đặc biệt hơn tất cả là cao trà tụ hội ngày một dày quanh thành ấm bên trong.

Trí Hải vui thích một cách tươi mát:

- Hay lắm, huynh ạ. Nhưng lâu nay huynh dấu trà cụ và ấm trà này ở đâu?

Phạm Xảo cười thích thú:

- Bí mật, bí mật! Sự nghiệp một đời làm tướng chỉ còn cái bình rượu sứ vôi đã đoạn tuyệt và cái ấm trà nhếch nhác này thôi. Lịch sử bình rượu sứ vôi thì hoàng thân đã biết. Còn cái ấm trà Nghi Hưng này là "chiến lợi phẩm" duy nhất còn lại sau trận Rạch Gầm. Trên đường tháo quân đang bị truy đuổi rất gấp, chủ tướng Nguyễn Ánh và cận tướng Phạm Xảo phải lánh vào chòi canh trong một đêm trăng. Thèm một hơi thuốc, khao khát một hương vị trà nhưng chẳng kiếm đâu ra. Chính lúc đó, cái ấm trà tử sa Nghi Hưng này đã cho một bình trà nóng thoang thoảng hương vị trà thơm mà không cần tới một cọng trà.

- Tuyệt quá! Gian khổ có khi là một bài thơ không lời.

- Hay nói ngược lại, bài thơ không lời hay nhất thường đến từ những phút giây gian khổ nhất. Chính sự gian khổ thành anh hùng ca đã giúp nhân vật lịch sử kiên trì Nguyễn Ánh thắng được nhân vật lịch sử anh hùng Nguyễn Huệ.

- Như thế có nghĩa là chỉ có nhân vật Nguyễn Ánh mới chịu đựng nhiều gian khổ trong cuộc tương tranh thôi sao?

- Quang Trung và Gia Long đều thấm đòn gian khổ. Nhưng trong gian khổ, nhiều tướng tài của Quang Trung trở thành nghịch tướng trong khi tướng giỏi của Gia Long vẫn một dạ trung thành.

- Như tướng quân Phạm Xảo?

- Tôi chỉ là một kẻ trung thành với chính mình.

- Thế nghĩa là sao?

- Tôi không sống và hành xử theo nếp sống bày, đàn. Tôi chiến đấu cho ngọn triều Nguyễn Ánh vì chỉ đơn giản là "ăn cây nào rào cây ấy". Nhưng cái chí của tôi chỉ thuộc về lẽ phải trong tâm niệm làm một người ngay thẳng như lời thầy tôi dạy lúc lên đường. Tôi cảm phục sự can trường của nhân vật Nguyễn Ánh, nhưng cũng tôn sùng sự dũng liệt của nhân vật Nguyễn Huệ. Vì trung thành với chính mình nên cuối đời tôi vẫn là tôi. Hai bàn tay trắng nhưng đây ấp một vũ trụ của niềm vui. Niềm vui của lòng son sắt không bao giờ phản bội chính mình. Và, tôi nghĩ rằng, đây cũng chính là đạo lý của con nhà tướng trong thiên hạ xưa nay.

- A, hay quá! Không ngờ bao năm qua tôi sống bên đây Trường Sơn trùng điệp mà cứ ngỡ mình sống bên hòn non bộ. Vậy thì hôm nay huynh mang ấm trà "để

vương" này ra dùng là có ý gì?

Phạm Xảo nhắm mắt, nắm hai bàn tay mình vào nhau, ép lên ngực, nói một cách trang trọng:

- Đề mừng cho một lời hứa đã giữ trọn. Và cũng để nghênh đón một nhân vật đối ẩm thứ nhì sau ngày nhân vật đối ẩm thứ nhất không còn nữa.

- Không dám khách sáo nhưng thật là vạn hạnh. Thế hôm nay huynh sẽ chiêu đãi với loại trà gì vậy?

- Vẫn là trà Thạch Hãn.

- Trà Thạch Hãn? Tôi chưa nghe bao giờ.

- Thạch Hãn là mồ hôi của đá. Tuy không dùng đến, nhưng ẩm trà tử sa Nghi Hưng này vẫn được ninh trong một loại trà thơm mỗi tháng hai lần để lớp cao trà trong ấm mỗi ngày một thuần vị và dày hơn. Khi gặp ngày đại hỷ, đại cát như hôm nay thì đem ra dùng. Tinh hoa của trà đã thấm vào trong vách ấm và lớp cao trà trong ấm ví như những giọt mồ hôi của đá sẽ cung cấp một vị trà độc đáo gọi là Thạch Hãn Trà.

Tuy đã quen với mọi hình thức ăn uống cao lương mỹ vị, cực kỳ xa hoa trong nếp sống cung đình, Trí Hải vẫn chưa bao giờ biết được cái hương vị của "Thạch Hãn Trà" như thế nào. Trí Hải thu hết sức chú ý và mở rộng cảm nhận khi ẩm trà đầu tiên đặt trước mặt hai người.

Mùi thơm nhẹ nhàng như từ một cõi mơ hồ thoảng đến làm Trí Hải cảm thấy những luồng suy nghĩ trong đầu mình dừng lại. Lòng dâng lên niềm vui và cảm giác bình an thoáng hiện. Im lặng. Theo dấu ra hiệu của Phạm Xảo, cả hai người cùng nâng chén trà. Trí Hải đột ngột dừng lại vì Phạm Xảo chỉ đưa chén trà lên môi nhưng miệng vẫn ngậm kín. Phạm Xảo chỉ chạm thành tách trà vào môi và từ từ đặt chén trà về lại vào khay. Trí Hải làm theo. Cảm nhận luồng hơi ấm từ chén trà trong tay truyền vào môi. Phạm Xảo nói gọn lỏn:

- Ấm.

- Ấm miệng?

- Cửa khẩu đóng kín. Đang ngủ. Thức nó dậy bằng hơi ấm.

Chén trà vẫn còn bốc khói lại được đưa lên miệng. Phạm Xảo nâng lên gần mũi, hít một hơi dài. Trí Hải làm theo. Hương trà thơm lâng lâng chạy vào đôi cánh mũi. Trí Hải cảm nhận như trí óc mình được đánh thức. Đôi mắt long lanh dõi tìm đốm sương trong bóng tối. Phạm Xảo lại nói gọn lỏn:

- Thức.

- Thức gì?

- Cửa khứ giác đóng kín. Đang ngủ. Thức nó dậy bằng hương trà.

Chén trà lại được đưa xuống. Nửa chừng lại cầm lên. Phạm Xảo lên tiếng lần thứ ba, cũng cộc lốc và dứt khoát như lệnh ra quân:

- Uống.

- Uống như bình thường?

- Xin mời.

Nhấp chung trà vào miệng, Trí Hải có thể theo dõi được dòng trà thơm nóng đầu tiên chạy vào thân thể mình. Mùi trà hoang dại phảng phất một loài hoa mơ hồ không tên tuổi. Tuần trà thứ hai, Trí Hải bắt đầu nhận ra vị trà. Vị chất nồng nàn đầu lưỡi nhẹ dần và biến thành vị ngọt êm ả trong cổ họng. Tuần trà thứ ba, Trí Hải cảm thấy cả người nhẹ lâng lâng. Hơi trà như chất men chạy vào mạch sống. Cả hai lim dim nhìn vào sự lắng đọng trong chính mình...

Đến tuần trà thứ ba, mới nhấp nửa chén, Phạm Xảo bỗng nhẹ nhàng đưa hai tay bọc lấy chén trà, đầu hơi cúi xuống trong dáng vẻ cung nghinh, rồi từ từ khoát tay:

- Mãn trà.

Trí Hải đắm mình trong một cơn say trà ngây ngây thần trí. Nghệ thuật là con điều tri thức và tâm thức. Nó nâng cái tầm thường thành bình thường, bình thường thành lạ thường và lạ thường thành phi thường. Phạm Xảo xếp trà cụ vào ngăn nắp cũ và nói thêm:

- Uống trà là một cảm hứng nghệ thuật. Say trà là một cảm giác đạt đạo. Có mấy ai trong đời đạt đạo được một lần.

Tiếng gà gáy lại. Có chút đùa vui vừa nhóm lên trong tòa nhà hiu quạnh của hoàng thân chủ quản Thái ấp. Phạm Xảo vui vì đã giữ tròn lời hứa và được sống thật, sống ra ngoài lớp vỏ của một loài ốc mượn hồn. Trí Hải vui vì tin rằng mình sẽ thấy được mình với những con người rất thật đang có mặt ở chung quanh.

Trí Hải đắm mình trong một cơn say trà ngây ngây thần trí. Nghệ thuật là con điều tri thức và tâm thức. Nó nâng cái tầm thường thành bình thường, bình thường thành lạ thường và lạ thường thành phi thường. Phạm Xảo xếp trà cụ vào ngăn nắp cũ và nói thêm:

- Uống trà là một cảm hứng nghệ thuật. Say trà là một cảm giác đạt đạo. Có mấy ai trong đời đạt đạo được một lần.

Tiếng gà gáy lại. Có chút đùa vui vừa nhóm lên trong tòa nhà hiu quạnh của hoàng thân chủ quản Thái ấp. Phạm Xảo vui vì đã giữ tròn lời hứa và được sống thật, sống ra ngoài lớp vỏ của một loài ốc mượn hồn. Trí Hải vui vì tin rằng mình sẽ thấy được mình với những con người rất thật đang có mặt ở chung quanh.

(còn tiếp)

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

(trích từ Phapluan.net, Vietbao.net, Thuvienhoasen.org, Phatviet.net, Phapvan.ca...)

Danh Tăng Ghosananda, Thánh Gandhi Cam Bốt viên tịch tại Hoa Kỳ

(Hạt Cát dịch)

Reuters -Wednesday, March 14, 2007; 3:51 PM

BOSTON (Reuters) - Đại trưởng Lão Ghosananda, một danh tăng Phật giáo và là một nhân tuyến được đề nghị lãnh giải Nobel Hòa Bình, được biết đến như là một vị thánh Gandhi của người Cam Bốt, đã viên tịch với tuổi 80 tại Massachusetts, một phát ngôn viên của bệnh viện cho biết như trên hôm thứ Tư 13 tháng 03 vừa qua.

Ngài viên tịch hôm thứ Hai tại bệnh viện Cooley Dickinson ở Northampton, khoảng 100 miles về hướng Tây thành phố Boston, nữ phát ngôn viên của bệnh viện, Cô Christina Trincherro nói như trên, cô từ chối cung cấp chi tiết về tuổi tác và nguyên nhân cái chết của Ngài.

Ngài Ghosananda giữ một vai trò quan trọng trong việc phục hưng Phật Giáo ở Cam Bốt trong sự vực dậy từ thể chế sát máu Khmer Đỏ trong thập niên 1970. Hơn một triệu người Cam Bốt bị giết hại dưới thể chế của Khòr Me Đỏ.

Trong thập niên 1990, Ngài Ghosananda dẫn đầu cuộc vận động cho việc hòa giải quốc gia tại Cam Bốt sau khi cuộc chiến lại bùng nổ giữa phiên quân Khòr Me Đỏ và chính phủ quốc gia. Ngài đã được đề cử giải Nobel Hòa Bình năm 1994 cho nỗ lực của Ngài.

Nữ tu Tích Lan được Liên Hiệp Quốc vinh danh

Người vượt truyền thống quê hương đang điều hành một ni viện ở Florida

Như Quang lược dịch từ bài viết đăng trong báo St. Petersburg Times, ngày 4 tháng 3, năm 2007.

Pinellas Park, Florida (Hoa Kỳ)- Một phụ nữ nhỏ nhắn, đầu cạo nhẵn, đắp y vàng, mang dép, đang thận trọng lựa rau quả từ quầy thực phẩm. Đó là một gương mặt quen thuộc không cần cô quay đầu lại. Nổi bật giữa đám đông không phải là điều bất thường đối với ni sư ba mươi bảy tuổi, Sudarshana Peliyagoda.

Ở Tích Lan, vào năm mười sáu tuổi cô đã đi ngược lại ý muốn của thân mẫu để trở thành một tu nữ Phật giáo. Cô tiếp tục vượt truyền thống của quê hương để đoạt ngôi vị tỷ khuru, ngôi vị chỉ giành cho chư tăng. Cô đào tạo một số đệ tử và ngày nay cô là ni sư Tích Lan duy nhất đang điều hành ngôi tự viện của cô ở Hoa Kỳ.

Tuần này người nữ tu dũng cảm sẽ được vinh danh ở Thái Lan trong một cuộc hội nghị dành cho những nữ Phật tử nổi bật. Cô cũng được mời thuyết trình vào năm tới ở một buổi họp quốc tế tại Đức.

Cô làm việc song hành giữa hai thế giới đời và đạo.

Ở Tích Lan, đồng bào của cô sẽ rất ngạc nhiên khi thấy cô lái xe. Cô cũng mượn nợ ngân hàng để mua nhà và trả góp hàng tháng nhờ việc làm trợ tá. Khi làm việc, cô không đắp y mà mặc một chiếc áo dài kiểu Đại Hàn và quần dài vì thuận tiện cho công việc.



Thí phát

Cô lớn lên trong một gia đình trung lưu với hai người chị và một cậu em trai. Cha mẹ cô làm chủ một ngôi khách sạn và một cửa hàng thực phẩm. Cô khát khao được theo chân cô ruột của mình là một tu nữ Phật giáo.

“Tôi không hề biết gì về cuộc sống này nhưng tôi muốn trở thành một tu nữ.” Cha cô cố gắng cản ngăn cô.

Khi ông tử nạn vì bị cướp, sự mong mỏi của cô trở nên mãnh liệt hơn. Năm mười hai tuổi, cô nài nỉ mẹ cho phép cô được vào chùa với người cô.

“Con cần phải học hành,” mẹ cô nói. Vâng lời mẹ, cô học xong trung học. Một năm sau đó cô bắt đầu thí phát. Trong dịp này, mái tóc dài ngang eo của cô đã được cắt đi. Cô đã xuống tóc và trao lại mái tóc của mình cho thân mẫu của cô vì bà rất buồn phiền, không đến dự lễ.

Sau đó cô tiếp tục học xong cử nhân và hai bằng thạc sĩ, dạy học ở một trường nữ trung học và học thêm hai năm Phật học ở một tự viện Ấn Độ. Vào năm 1966 cô được thọ cụ túc giới với pháp vị Tỳ khưu ni.

Đến Hoa Kỳ

Cô đến Hoa Kỳ vào năm 2003, là người may mắn được nhận nhập cảnh Hoa Kỳ qua chương trình xỏ số của liên bang. “Tôi chưa từng thấy một quốc gia Tây phương. Tôi muốn đi thử.”

Cô bắt đầu bằng việc chăm sóc những người già yếu ở St. Petersburg. Cô học lái xe và hội nhập với nền văn hóa Hoa kỳ. Gần đây cô học Anh văn ở trường đại học St. Petersburg. Có rất nhiều điều cô cần phải học. Cô không biết nấu nướng vì theo tục lệ thực phẩm ở chùa được cúng dường bởi Phật tử.

“Ngay cả cắt củ hành tôi cũng không biết.” Cô cười và nói thêm tôi phải gọi điện thoại viễn liên cho mẹ tôi nhiều lần để nhờ bà chỉ dẫn.

Van Wallace và Nancy, vợ ông biết ni sư Sudarshana qua một vị tăng người Tích Lan ở Clearwater. Ông Wallace nói bây giờ ni sư Sudarshana là một người đầu bếp giỏi. Cô ấy xuất sắc trong mọi lãnh vực, với lòng từ mẫn, sự chuyên cần và động cơ thúc đẩy trong cuộc sống. Cô là một người rất thông minh.

Tháng năm vừa qua ni sư đã tạo dựng một ngôi tự viện và trung tâm thiền Samadhi Buddhist Meditation Center. Đây không phải là một công trình nguy nga, đồ sộ mà chỉ là một căn nhà ba phòng ở khu Pinellas Park House, không khác biệt gì với những căn nhà khác ngoại trừ lá cờ Phật giáo treo trước cửa nhà.

Một số người có thể nhìn ra cây Bồ Đề, loại cây mà Đức Phật đã ngồi và thành đạo, trồng trong một chậu nhỏ trong sân. Bên trong là bàn thờ với tượng Phật cao khoảng 6 tấc và các loại hoa quả cúng dường cùng bình cà phê và nước ở phòng tiếp khách. Những ngọn nến cắm trên các chân nến hình hoa sen được thắp lên. Gần đó là một cuộn chỉ màu vàng là chỉ chúc phúc mà ni sư thường đem theo mỗi khi đến bệnh viện thăm viếng và dùng để cầu nguyện cho những người mộ đạo. Sau đó cô cột những sợi chỉ này vào cổ tay họ.

Cô vừa mới thành lập một nhóm nhỏ các Phật tử đa

số là người Hoa kỳ. Tối thứ sáu cô dạy họ hành thiền, tụng kinh và thường xuyên mời những vị lãnh đạo Phật tử thuyết trình.

Cô mơ sẽ có được một chỗ rộng rãi hơn với nhiều ni sư Tích Lan. Cô cũng ước ao có được học vị tiến sĩ và có thể sẽ trở về Tích Lan giảng dạy. Trong lúc này cô phải làm việc để quân bình những trách nhiệm của đời và đạo. Buổi sáng của cô bắt đầu từ lúc sáu giờ với một giờ đồng hồ tụng kinh và hành thiền. Cô ít khi xem truyền hình, chỉ thích đọc sách báo. Cô có một máy vi tính.

Trong xe, tiếng tụng kinh của chư tăng Đài Loan là người bạn đường êm dịu của cô. Cô cũng chưng bày một tượng Phật và treo một xâu chuỗi trên chiếc kính chiếu hậu.

Cô có an lạc với sự chọn lựa cô đã làm nhiều năm về trước hay không? “Tôi rất hoan hỷ,” cô mỉm cười. Và mẹ tôi cũng thế.

Phật Giáo tại Hong Kong ngày nay

(Minh Châu lược dịch)

Hong Kong, China - Thiền viện Su Bong được thành lập trên tầng lầu thứ năm của một cơ sở thương mại tại vịnh Causeway. Khoảng hơn 40 người đang ngồi thiền tọa. Người ta nhận thấy, qua cách ăn mặc, Phật tử thuộc mọi giới từ học sinh sinh viên đến các giám đốc chủ nhiệm đều đến đây để thực tập thiền.

Ni Sư Jing Yin, giám đốc Trung Tâm Nghiên cứu Phật giáo tại Đại Học Hong Kong, nói: "Thêm nhiều người có học thức và thuộc mọi ngành nghề trong xã hội tỏ ra quan tâm đến đạo Phật, vì đã có các lớp Phật học được giảng dạy tại cả hai trường Đại Học Hong Kong và Đại Học Trung quốc, và ngày nay người ta dễ đến với đạo Phật hơn".

Sự chú ý của báo chí truyền thông cũng là một nguyên nhân đáng kể cho con số người theo đạo. Các danh tài như Eric Tsang Chi-wai, Connie Chan Po-chu và Jacky Cheung Hok-yau là những người có niềm tin kiên cố.

Chính phủ cũng đặt nặng về phương diện giáo dục, Ni Sư Jing Yin nói. Trung Tâm Nghiên cứu Phật giáo có những đề án nghiên cứu được chính phủ tài trợ để tổ chức các buổi học Phật pháp cơ bản tại các trường học.

Con số người theo đạo gia tăng đáng kể nhất là giới trẻ. Hội Thiếu Niên Phật Tử đã tăng cường con số từ vài trăm cho tới hơn 4000 em trong vòng 20 năm qua, với thành viên trẻ nhất chỉ mới 16 tuổi.

Số tu viện xuất hiện trong các cơ sở thương mại đã tăng lên trong những năm gần đây. Theo Hội Phật giáo Hong Kong, có khoảng 400 tu viện Phật giáo được tìm

thấy trong vùng, hầu hết đều thuộc trường phái Đại Thừa, đặc biệt là Thiên và Tịnh Độ.

Tu viện có tiếng là Ni viện Chi Nin ở Diamond Hill. Tu viện Po Lin trên đảo Lantau, với pho tượng Phật ngồi bằng đồng lớn nhất thế giới năm vừa qua đã có 1 triệu 3 du khách đến thăm viếng.

Cũng theo Hội Phật giáo, số Phật tử tại Hong Kong đã tăng lên gấp ba lần trong vòng 5-6 năm qua, ước chừng khoảng một triệu tín đồ, trong đó có số tín đồ Cơ Đốc giáo cải đạo.

Khi trình bày về sự phát triển của đạo Phật trong xã hội hiện đại, Ni Sư Jing Yin nói: "Đạo Phật giống như một siêu thị. Người ta đến siêu thị để tìm cái người ta muốn. Người già thì tìm câu giải đáp về sự sống và cái chết... Đạo Phật có thể trở nên phổ cập hơn khi mà mọi người nhận ra sự thực dụng của nó."

Ca sĩ Belinda Carlisle và Phật Giáo

ANI, March 7 2007

(Hạt Cát dịch)



WASHINGTON, USA - Ca sĩ, người mẫu, diễn viên Belinda Carlisle, và là người thành lập ban nhạc The Go-Go's thành công bậc nhất nổi tiếng hồi đầu thập niên 80 ở Hoa Kỳ đã từ bỏ nếp sống ăn chơi sa đọa để làm một Phật tử thuần thành.

Cô đã quy ngưỡng Phật giáo năm năm trước và bây giờ thì đang làm chủ một nếp sống lành mạnh hơn, quân bình một đời sống hoang đàng được biết đến trong thập niên 80.

Trong buổi trao đổi với phóng viên tờ báo Úc Đại Lợi Sydney Morning Herald, Carlisle nói "Tôi không còn hút thuốc, cũng không còn uống rượu và ma túy nữa. Tôi đã thấu hiểu thâm sâu vào Phật pháp nhiều lắm rồi".

"Tôi phát giác trở thành tuổi 40 là một con đường thực sự đúng lúc cho tôi, phát giác lắm khi tôi tự hỏi mình là ai, tôi từ đâu tới, tôi đang làm gì. Tôi thắc mắc về hạnh phúc và bắt đầu đọc rất nhiều đầu sách được viết

bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma và từ từ quy ngưỡng Phật Giáo", Contactmusic trích dẫn thêm lời của cô.

Sinh ra trong một gia đình Ki Tô Giáo nhưng cô nhìn nhận rằng chưa bao giờ cô có một mối liên hệ gắn bó như cô đã làm với Phật giáo.

Cô nói "Tôi lớn lên trong một gia đình đạo dòng Ki Tô giáo và bị ép buộc phải đến nhà thờ mỗi Chủ Nhật nhưng tôn giáo này chưa bao giờ gắn bó với tôi. Tôi chỉ biết là cảm thấy có một điều gì khác nhưng chưa bao giờ tìm thấy được, nhưng bây giờ thì tôi chắc chắn là tôi đã có".

Anh Quốc: hoạt động của các cơ quan từ thiện Phật giáo

(Minh Châu dịch)

Birmingham, Anh Quốc - Những thuận và nghịch duyên trong việc điều hành một cơ quan từ thiện tôn giáo sẽ là đề tài chính yếu được bàn luận giữa Ủy ban từ thiện và các hội từ thiện Phật giáo vào ngày mai, trong một cuộc hội thảo khởi đầu tại Birmingham. Đây là cuộc hội thảo đầu tiên về vấn đề này với cộng đồng từ thiện Phật giáo, và cũng là một phần của chiến dịch toàn quốc rộng lớn hơn, được điều hành bởi cơ quan có trách nhiệm khai mở kiến thức về những vấn đề mà các hội từ thiện đang gặp phải.

Các hội đoàn tôn giáo là một trong những nguyên tố phát triển nhanh nhất trong thành phần tình nguyện. Cứ mỗi bảy cơ quan từ thiện tại Anh quốc và Wales có một cơ quan thuộc tôn giáo và tổng cộng ngân khoản của 22,000 tổ chức tôn giáo là 5.12 tỷ pound - cho thấy sự đóng góp đáng kể của họ đối với xã hội.

Ở khắp nơi trên toàn quốc có khoảng 245 cơ quan từ thiện Phật giáo. Tổng số ngân khoản của các hội từ thiện Phật giáo có đăng ký có trên 27.5 triệu pound.

Ông Kenneth Dibble, Giám đốc Dịch vụ từ thiện và luật pháp tại Ủy ban từ thiện cho biết: "Con số và sự khác biệt của các hội từ thiện tôn giáo phản ánh tính đa dạng của nước Anh ngày nay. Các hội từ thiện thường nảy sinh từ tín ngưỡng và rất nhiều các hội đã duy trì nền tảng cho việc xây dựng niềm tin và ngân quỹ của xã hội..."

Với hơn 30 hội từ thiện Phật giáo chỉ tại Birmingham và phía Tây miền trung du đã có tổng số ngân khoản gần 2 triệu pound, rõ ràng là cộng đồng này giữ một vai trò then chốt trong sự tồn vong của thành phố. Birmingham là một vùng rất quan trọng đối với chúng tôi về phương diện ảnh hưởng mạnh mẽ của cộng đồng Phật giáo và chúng tôi mong chờ được nghe ý kiến của dân chúng địa phương trong cuộc hội thảo'.

Chung quanh vấn đề thành lập Đại Học Quốc Tế Nalanda

(Minh Châu dịch)

Ngày 27 tháng 3, 2007

Patna, India - Tổng trưởng tỉnh bang Bihar Nitish Kumar đã loan báo cho *rediff.com* tại Patna vào ngày thứ Ba rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma hứa sẽ hoàn toàn hỗ trợ cho việc hình thành trường đại học tại Nalanda.

Ông nói “Người đoạt giải Nobel Amartya Sen và ngài Meghnad Desai đã bằng lòng tham gia vào nhóm các nhà thông thái trên thế giới để hỗ trợ và cổ vũ cho việc thành lập một trường đại học quốc tế”.

Vị lãnh đạo tâm linh Tây Tạng Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tặng cho trường một số các nghệ phẩm Phật giáo Tây Tạng.

Chính phủ tỉnh bang cũng sẽ liên kết các chuyên gia từ Tân Gia Ba và Nhật trong công trình này. Nhật và Tân Gia Ba tỏ ý muốn đầu tư 100 triệu mỹ kim vào trường đại học.

Hội Đồng Lập Pháp tỉnh Bang Bihar đã phê chuẩn toàn bộ dự luật Đại Học Nalanda, 2007, vào ngày thứ Hai. Ông Nitish Kumar cho rằng dự luật đã được phê chuẩn như là một cơ hội lớn. Dự luật ghi rằng trường đại học quốc tế sẽ cố gắng tạo nên một thế giới không có chiến tranh, khủng bố và bạo lực.

Ông Nitish Kumar nói thêm “Dự luật này không chỉ dành riêng cho Bihar hoặc ngay cả Ấn Độ. Dự luật sẽ có chức năng làm rõ nét một nơi như là trung tâm cho sự phục hưng của phương Đông. Tôi cảm nhận sâu xa rằng trường đại học sẽ trở thành một nơi tham khảo cho những mối quan hệ quốc tế và là một trung tâm cho nền hoà bình và sự giải quyết các vấn đề tranh chấp”.

Một học giả được thế giới tôn vinh sẽ là hiệu trưởng danh dự của trường đại học quốc tế trong đề án, trường sẽ hoàn toàn nội trú như đại học Nalanda ngày xưa. Trường sẽ có 7 ngành khác nhau và 46 thành viên giáo sư ngoại quốc. Năm đầu tiên trường sẽ nhận 1,137 sinh viên gồm sinh viên từ Ấn Độ và sinh viên du học. Đến năm thứ 5 số sinh viên sẽ tăng lên đến 4,530. Sang thời kỳ thứ hai số sinh viên ghi danh sẽ lên đến 5,812. Tỷ lệ sinh viên và giáo sư sẽ là 1:10. Tổng số diện tích xây dựng của trường sẽ là 180,515 km² trên mảnh đất khuôn viên trường rộng 500 mẫu tây.

Hành hương đi bộ vì hoà bình

By Ramón Rentería, El Paso Times, March 28, 07

(Hạt Cát dịch)

El Paso, Texas (USA) - Một thiền sư Phật Giáo người Mỹ, hai cựu chiến binh Việt Nam và hai phụ nữ

đã đi diễn hành hàng một trên xa lộ Texas Highway 20 giống như binh sĩ, đi qua những vườn cây hồ đào, những cánh đồng đang được cày xới, bỏ lại sau lưng những đô thị phố phường.

Họ đang ở nửa đường giữa Fort Hancock và Tornillo trong ngày tạm dừng bước nghỉ ngơi ngày hôm nay 28 tháng 03, 2007, trong chuyến đi bộ hành hương từ Brownsville, Texas đến West Coast - Bờ Biển Miền Tây với hành trang chỉ có vồn vện gậy chống và balô sau lưng.

"Đi bộ là một hình thức tu tập cho tôi và cho những ai tham gia cùng tôi", ông Claude AnShin Thomas, một cựu chiến binh Việt Nam hiện đã trở thành một thiền sư Phật Giáo, người hướng dẫn chuyến đi bộ hành hương đến vùng biên giới US-Mễ Tây Cơ, cách Brownsville 830 miles, bắt đầu hôm 01 tháng 03, nói như trên.

Thomas, 59, một nhân vật chủ trương bất bạo động quốc tế, tác giả của quyển sách "Tại Địa Ngục Môn - Hành trình của một chiến sĩ từ Chiến Tranh đến Hoà Bình", và là một thiền sư khát sĩ, đã thực hiện chuyến hành hương đi bộ với các bạn đồng hành Wiedke KenShin Andersen, 37, Gabriella Mura, 45, Mike DeMaio, 58, and Bill Butler, 62. Ông dự trù sẽ đến El Paso vào ngày thứ Năm. Họ sẽ gặp gỡ Giám Mục Ki Tô Giáo Armando X. Ochoa, Thị Trưởng John Cook và Hội Đồng Thành Phố vào ngày thứ Sáu. Một buổi diễn thuyết đã được sắp xếp sẽ thực hiện ở trung tâm Unitarian Universalist Community tại Central El Paso.

Cho đến nay, Thomas và các đồng hành của ông đã trải qua 28 ngày đi bộ trên những con đường vắng vẻ của Texas. Chuyến đi bộ dự trù sẽ chấm dứt vào ngày 01 tháng 06 tại National City, Calif.

Ông nói "Tôi là một khát sĩ tôn giáo. Tôi tận hết sức mình để mang lại sự chấm dứt chiến tranh trong cuộc đời của tôi, tận lực mang lại sự chấm dứt thống khổ".

Trong cuốn sách của ông, ông đã nói về việc trở về từ Việt Nam như thế nào, đã vỡ mộng như nhiều cựu chiến binh khác trong thời đại đó ra sao, và đã trở nên nghiện ngập rượu chè, ma túy, căng thẳng tinh thần hậu chấn thương và vô gia cư trước khi khám phá và quy ngưỡng đời sống đơn giản của một tu sĩ thiền tông Phật Giáo ra sao.

"Như là một kết quả của việc phục vụ của tôi, cuộc đời tôi và sự hiểu biết đã cho tôi biết rằng bạo động không bao giờ, không bao giờ là một giải pháp và chiến tranh không phải là một phương pháp hiệu quả để giải tỏa xung đột bao giờ cả." Ông Thomas nói như thế.

Vì vậy, ông đã đi đến những nơi đã, đang xảy ra thống khổ, giải bày với quần chúng dọc theo tuyến đường ông đi qua và làm tắt cả những gì ông có thể làm để xoá tan sự hiểu lầm giữa con người với nhau.

Ông và nhóm đồng hành nhỏ thường bị chặn lại và bị cật vắn hằng ngày bởi US Biên Cảnh, hoặc các tổ chức an ninh, tư pháp quốc gia khác. Gần đây họ đã qua đêm tại Valentine, Texas, một trong rất nhiều điểm tạm dừng nghỉ ngơi sau khi trải qua 15 đến 18 miles đi bộ mỗi ngày.

Bảo tàng viện xác nhận quyền kinh xưa nhất thế giới của Đại Hàn

(Minh Châu dịch)

Ngày 29 tháng 3. 2007

Bảo tàng viện Quốc gia Đại Hàn đã xác nhận rằng một quyển kinh Phật giáo cổ ghi dấu thời đại Shilla thống nhất vào đầu thế kỷ thứ 8 và có lẽ là quyển kinh mộc bản xưa nhất thế giới. Quyển kinh Mugujonggwang Taedaranigyong (hay Kinh Tịnh Độ Đà La Ni), theo tư liệu được ghi lại trong cuộc trùng tu Điện Seoka trong khuôn viên Chùa Bulguksa, “đã được đem vào điện sau thời gian trùng tu”, trong thời đại Koryo vào năm 1024. Cả tư liệu trùng tu và quyển kinh đều được tìm thấy trong điện, nhưng câu văn trên hiện mới được dịch ra, làm sôi động thêm cuộc tranh cãi về tuổi tác của quyển kinh.

Đầu tiên, người ta đã tin rằng điện Seoka chưa bao giờ được trùng tu kể từ khi được xây cất vào giữa thế kỷ thứ 8. Sự khám phá ra tư liệu trên đương nhiên dẫn đến kết luận rằng một số di vật trong ngôi đền ghi dấu thời đại Koryo.

Tuy nhiên Bảo tàng viện Quốc gia lại cho rằng quyển kinh có lẽ được hình thành trong thời đại Shilla thống nhất, bởi lẽ trong quyển kinh có các chữ bằng tiếng Hoa chỉ được dùng giữa các năm 690-704, thời mà nữ hoàng Võ Tắc Thiên trị vì đất nước Trung Hoa, và những nét chữ này là kiểu viết đặc biệt chỉ có trong thời đại Shilla.

Dựa trên các sự kiện này, bảo tàng viện đã kết luận rằng sự thật hiển nhiên đã bác bỏ thuyết cho rằng quyển kinh có từ thời Koryo. Có thể nói một cách hợp lý hơn là quyển kinh đã được đem vào điện từ thời Shilla thống nhất và được đem trở vào trong thời đại Koryo sau khi ngôi điện được trùng tu.

Pakistan: Chính phủ cho phép tổ chức đón mừng Lễ Phật Đản

By Hina Farooq, Daily Times, April 3, 2007 (Hạt Cát dịch)

LAHORE, Pakistan - Để đẩy mạnh hoà hợp tôn giáo, chính phủ Pakistan đã chuẩn bị tổ chức lễ hội đón

mừng Phật Đản vào ngày 24 tháng Năm Tây lịch tới đây, những nguồn tin chính thức đã được gửi tới tờ Daily Times hôm thứ Hai.

Chính phủ đã bắt đầu chương trình phục hồi hơn 30 khu vực thắng tích Phật Giáo theo tinh thần Đạo Luật 1985. Dự án phục hồi chủ đề "Từ Taxila đến Swat" sẽ bao gồm các viện bảo tàng Phật Giáo quan trọng, mộ địa, đền tháp và tu viện. Rất nhiều khu vực đang tiến hành khai quật bởi các nhà khảo cổ.

Dự án Taxila của Bộ Khảo Cổ Liên Bang đã được phân bổ cho việc phục hồi. Bộ Khảo Cổ Liên Bang cũng sẽ chịu trách nhiệm việc đẩy mạnh kỹ nghệ du lịch cho những khu vực này. Swat đến Taxila bao gồm các khu vực ở Peshawar, Mardan và Thung Lũng Swat.

Các nguồn tin chính thức nói chính phủ muốn nâng cao các khu thắng tích Phật Giáo ở Pakistan giống như những khu quan trọng của Ấn Giáo và đạo Sikhs. Phật tử đã đệ đạt thỉnh nguyện thư đến chính phủ để xin phục hồi các khu thắng tích và xin được tổ chức lễ hội Phật Đản vào tháng Năm. Các nguồn tin nói đơn xin phép đã được Tổng Thống General Pervez Musharraf chấp thuận không phải chỉ phục hồi các khu thắng tích mà còn vấn đề an ninh và phạm vi của du khách.

Vị Tăng Trưởng Đại Hàn Jeon Woon Deok gần đây đã viếng thăm Pakistan. Phật tử từ Đại hàn, Nhật Bản, Trung Quốc đã nhanh chóng yểm trợ cho việc phục hồi các khu thắng tích. Viên quản lý viện Bảo tàng Taxila Muhammad Inamullah nói với tờ *Daily Times* rằng tổng số ngân khoản được chính phủ liên bang cho phép lên đến 200 triệu đồng Rupees.

LỄ HỘI QUAN ÂM - Lời cầu nguyện cho muôn loài khắp mười phương ba cõi

Diệu Trân ghi

(PTCR lược trích – xem đầy đủ xin vào www.phapvan.ca)

Lễ Hội Quan Âm lần thứ sáu, được tổ chức tại Trung Tâm Phật Giáo - Chùa Việt Nam, thành phố Houston, Texas vào hai ngày Thứ Sáu và Thứ Bảy, ngày 30 và 31 tháng 3 năm 2007.

Từ 4 giờ chiều thứ sáu thì ban trật tự đã phải làm việc bận rộn hơn, đã cần sự tiếp tay của cảnh sát địa phương để điều động xe cộ vào, ra. Chư Tôn Đức khắp nơi đang được rước về, màu y vàng xen lẫn màu áo lam, rộn ràng cả một khu phố.

Lễ Hội Quan Âm năm nay được sự chứng minh của ba vị Hòa Thượng:

- Đại lão H.T Thích Tâm Châu, Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trên thế giới.

- Đại lão H.T Thích Hộ Giác, Phó viện trưởng Viện

Hóa Đạo kiêm Chủ tịch Hội đồng điều hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ.

- Đại lão H.T Thích Chơn Điền, viện Chủ Chùa Quan Âm, Texas, cùng với hơn 160 Chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ khắp nơi. Xa từ Đài Loan, Đài Bắc như quý Thầy Thích Nhuận Toàn, Thích Thiện Nhẫn. Từ Miền Điện như Venerable Nagasena. Từ Canada có T.T. Thích Tâm Hòa, viện chủ trung tâm Phật Giáo - chùa Pháp Vân, TT. Thích Minh Tuệ đến từ Việt Nam. Các tiểu bang tại nội địa Hoa Kỳ thì hầu như không tiểu bang nào không có đại diện tới dự lễ. Từ Florida có quý Thượng Tọa Thích Nhật Trí chùa Pháp Vũ, Đại Đức Thích Chân Văn, quý sư-cô Thích nữ Liễu Hà, Thích nữ Tịnh Thanh, chùa Báo Ân. Từ California có Đại Đức Thích Giải Minh chùa Nhật Quang Sacramento, ĐĐ Thích Thiện Duyên, chùa Kim Quang, Thích Pháp Chơn, viện chủ trung tâm tu học Liễu Quán, Thích Nhựt Châu, chùa Việt Nam LA, Thích Quảng Bảo, Tu viện Kim Sơn, ĐĐ. Thích Giải Ngộ, Thích Pháp Lạc chùa Từ Quang Dallas, Thích Nghiêm Thiện, chùa Phổ Đà, Thích Nhuận Hành, chùa An Tường, Thích Tín Mãn và Thích Thiện Ngộ, chùa Vạn Hạnh, quý Ni Sư Thích nữ Như Thiện, Thích nữ Cảnh Liên, Thích nữ Diệu Nguyên; chư vị đến từ Việt Nam: Thích nữ Phước Quang, Thích nữ Quảng Thành, Thích nữ Tâm Từ, Thích nữ Diệu Liên, Thích nữ Tịnh Hảo, Thích nữ Thanh Châu, Thích nữ Huệ Phát, v.v... Các phái đoàn về tham dự cũng vô cùng đông đảo như từ California có phái đoàn Tổng Hội Cư-sỹ Phật tử, chùa Vạn Hạnh. Từ Canada có phái đoàn Phật tử chùa Thuyền Tôn, Chùa Hoa Nghiêm, Chùa Pháp Vân. Từ Florida có phái đoàn Phật tử chùa Báo Ân, Chùa Pháp Vũ, chùa Bồ Đề, chùa Diệu Đế. Từ Louisiana có phái đoàn Phật tử chùa Tam Bảo, chùa Tịnh Độ, chùa Từ Bi. Và rất nhiều phái đoàn từ các tiểu bang Kansas, Arkansas, Georgia, Oklahoma, New York, Boston, Chicago, Seattle, Oklahoma, Oregon, Nevada, Kentucky, Iowa, Indiana, Washington DC, Virginia, Tennessee, Alabama, v.v... tất cả đều như muôn sông đang chảy về biển, mà kẻ viết bài không thể nhớ hết, xin quý ngài niệm tình tha thứ.

6:30 chiều thứ Sáu 30 tháng ba năm 2007, Phật tử đã vân tập trước sân, đứng dọc hai bên bờ gạch từ Chánh điện ra tới hồ Hương Thủy. Tôi không thể ước lượng số người đang có mặt. Chỉ thấy diện tích mênh mông của chùa Việt Nam không còn một chỗ trống, nhưng người vẫn tới, xe vẫn vào! 6:45 ba hồi chuông trống Bát Nhã âm vang, cung thỉnh Chư Tôn Đức Tăng Ni đến trước tiền đường. Mọi xô xao đều ngưng bật. Chỉ phút giây, tiền đường trống trải đã bát ngát màu y vàng rực, khác chi phẩm Tùng Địa Dũng Xuất trong kinh Pháp Hoa.

Theo đúng chương trình, 7:00 khai chuông cầu nguyện. Nguyện tiếng chuông này vang pháp giới, khắp nơi u tối mọi loài nghe, tiếng chuông vang động mời gọi muôn người, muôn loài cùng bước về nương tựa nơi trái tim từ bi của Mẹ Hiền Quan Âm.

Trước sự chứng minh và gia bị của Tam Bảo mười phương và sự hiện diện của Chư Tôn Đức Tăng Già cùng đông đảo hàng Phật tử khắp nơi, Đại lão Hòa thượng Thích Chơn Điền đã tuyên đọc Pháp-từ, khai mạc Lễ Hội Quan Âm, ngày hành hương và cầu nguyện lần thứ sáu của lễ Hội. Đoàn lân của GĐPT Huyện Quang tung bừng nhưng cũng vô cùng cung kính chào mừng Chư Tôn Đức.

Khi TT Thích Nguyên Đạt trưởng Ban Tổ chức lên máy vi âm hướng dẫn cách thức hành hương Tam Bộ Nhất Bái thì gió tám hướng mười phương nổi lên ào ạt khiến những ngọn dừa như múa hát, những giây hoa đèn đong đưa như vũ điệu hoa đăng. Khung cảnh uy nghiêm, cùng với sự trợ lực của gió đã vô cùng linh động. Hơn 160 vật y vàng chậm rãi từng bước trong tiếng niệm “Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát” hướng dẫn hàng ngàn tà áo lam theo sau trong trật tự và trang nghiêm tuyệt đối. Từng bước chậm, mỗi bước đủ một tiếng niệm để sau mỗi ba bước là tiếng chuông điểm cho đoàn hành hương đều quỹ xuống, lay một lay.

Cực kỳ hoành tráng.

Cực kỳ trang nghiêm.

Cực kỳ rực rỡ.

Mỗi ba bước, sau tiếng chuông, úp mặt xuống nền gạch âm, tôi cảm nhận hồng ân Chư Phật đang rải Hoa-Tử cho đàn con còn chìm ngập trầm luân. Trời không mưa mà nước mắt cứ tuôn rơi, trái tim thổn thức òa theo từng tiếng Nam Mô.

Đoàn hành hương theo tinh thần hạnh nguyện của Chư Phật đã dâng trọn vẹn thân, tâm, ý trong từng bước chân, từng quỹ lay, từ chánh điện ra tới hồ Hương Thủy. Hàng trăm hoa đèn được thắp lên để chuẩn bị cho Hội Hoa Đăng, thả đèn xuống hồ Hương Thủy cùng với lời nguyện: “*Hoa này là Hoa Từ Bi. Đèn này là Đèn Trí Tuệ, chúng con xin quỳ dâng lên Mẹ hiền Quan Thế Âm lời cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc*”. Chư Tôn Đức Tăng Ni thiển hành quanh hồ, chờ đoàn Phật tử đông đảo phía sau tề tựu đủ thì giồng nhạc niệm Quan Thế Âm nhẹ nhàng ngân lên, bắt đầu lễ thả hoa đăng.

Thoáng chốc, mặt hồ lung linh rực rỡ hàng trăm đóa sen tỏa sáng. Từ cầu Hương Thủy, nữ Phật tử Hà Thanh cất tiếng xưng tán Nhàn Dương Cứu Khổ, nam Phật tử Gia Huy thành kính thổn thức: “*Mẹ là Phật, đại nguyện hóa thân. Mẹ là Hoa, hoa đẹp tuyệt trần. Mẹ là nước, nước nguồn vô tận. Cuộc đời Mẹ chỉ biết hiến dâng.*”

Cùng với tiếng hát, hoa đèn cứ từ từ thả xuống, lời nguyện chí thiết dâng lên. Trên cao, Mẹ Quan Âm mỉm cười nhìn xuống, nhành dương liễu như lay động trên búp tay từ ái, xoa dịu bao tai ương sóng gió của trần gian khô lụi ...

Đêm Hội Hoa Đăng và hành hương Tam Bộ Nhất Bái kết thúc trong rực rỡ hoa đèn hòa vào âm thanh trầm hùng của chiêng trống Bát Nhã cung tiền Chư Tôn Giáo Phẩm Tăng Ni trở về Phật-điện.

Lúc này không khí các gian hàng mới tập nập. Mọi người hoan hỷ nếm các món chay tuyệt hảo được xào nấu tại chỗ, từ đại diện các chùa, ghé thăm các kệ sách với những tác phẩm dịch thuật công phu của Chư Tôn Đức, những tập san từng có mặt nhiều năm trong mục đích hoằng pháp, chia sẻ kinh nghiệm tu tập như TS Pháp Luân, TS Nghiên Cứu Phật Học được Phật tử hoan hỷ đón nhận. Lời hỏi han, chào đón xen lẫn tiếng dặn dò: “Mai dậy sớm dự lễ Đạo Tràng Linh Hiền Ngàn Mắt Ngàn Tay nhé! 7 giờ sáng là bắt đầu rồi đó!”

Trên đường về khách sạn, gió cuộn cuộn, ào ạt hơn, trắng đi vắng và mây đen thật thấp! Chúng tôi đi ngủ trong hồi hộp và cùng bị sấm chớp long trời lở đất đánh thức dậy lúc 5 giờ sáng. Ai nấy vội vã sửa soạn rồi cùng tập họp tại phòng khách ở tầng dưới. Qua khung cửa kính, không phải trời chỉ đang mưa mà đây chính thực là giông, là bão, là phong ba, nước tuôn như thác, gió rập ngàn cây, sấm chớp nổ vang lóe sáng đông tây nam bắc! Chúng tôi, không ai còn lòng dạ đâu mà dùng điểm tâm dù khách sạn đã chu đáo nhiều món. Mưa bão hung hãn như thế này, chỉ ra khỏi cửa khách sạn để lên xe cũng không nổi, nói chi đến được chùa và hành lễ, dù theo chương trình thì Đạo Tràng Linh Hiền Ngàn Mắt Ngàn Tay được cử hành vào đúng 7 giờ sáng..

5:30 rồi 6:00, hình như giông bão đang cứ theo kim đồng hồ nhích dần mà tạnh dần. Đây là sự tình cờ của trời đất ư? Không! Tôi không tin thế! Sự tình cờ không thể nhịp nhàng tiếp nối khít khao như thế. Với trời đó, mây đó thì giông bão đã phải ập xuống từ hôm qua. Nhưng Mẹ Quan Âm đã khoan thai ngăn lại để đàn con Mẹ hoàn tất hành hương Tam Bộ Nhất Bái và thả Hoa Đăng cầu nguyện. Mẹ nhìn con bằng ngàn mắt, Mẹ giữ bão bằng ngàn tay cho đến sáng sớm nay. Nhưng rồi trời đã quang, mưa đã tạnh trước giờ các con của Mẹ về chùa dự lễ. Thì ra, mưa gió này chính là lời dạy trong phẩm Phổ Môn:

“Lòng Bi như sấm động

Ý Từ tựa đường mây

Cam Lộ mưa pháp dội

Đoạn tắt lửa nào phiền”

“Nguồn nước Từ Bi vô lượng vô biên đang tràn qua mọi nẻo mà đến với mọi người, mọi loài. Từ những

người thương yêu hay ghét bỏ. Từ những người trong tâm con đến những người cách xa con. Từ những loài lớn đến loài nhỏ. Từ những loài con thấy đến những loài con không thấy. Từ phương Đông phương Tây đến phương Nam phương Bắc, tất cả đều là anh em ruột thịt. Chúng sanh đau khổ là chúng con đau khổ. Chúng sanh an vui là chúng con an vui. Nguyện không ai còn làm hại ai. Nguyện không loài nào còn ác tâm với loài nào. Xin cho tất cả được sống trong an toàn, hạnh phúc. Xin cho tất cả được thoát khỏi bệnh tật, lo âu, phiền não.”

Ba tiếng chuông ngân vang sau phần Thiền Quán Từ Bi nối tiếp tiếng hát vút cao giọng nữ Phật tử Ngọc Hạ, vinh danh Mẹ hiền Quan Âm ngàn mắt ngàn tay

“Mắt người nhỏ lệ, nhỏ lệ thương đời.

Ngàn mắt ngó xuống cõi lòng vô chung”



Tôi cảm nhận luồng từ-quang của Mẹ rất gần, rất hiện thực, như ngay đây, ngay chánh điện này, nơi hơn 160 Chư Tôn Đức Tăng Ni đang đồng cất tiếng trầm hùng tụng Thủ Lăng Nghiêm rồi hướng dẫn hàng ngàn Phật tử tụng 3 biến Chú Đại Bi trước khi phẩm Phổ Môn được phát tới từng người để tất cả được bình đẳng cất tiếng:

“Tịnh Thánh Quán Thế Âm

Là nơi về nương tựa

Giữa nạn khổ chết chóc

Chứa tất cả công đức

Mắt Từ nhìn chúng sanh

Biển Phước lớn vô cùng

Nên con xin dành lễ

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Lục tự đại minh chơn ngôn

Án Ma Ni Bát Di Hồng”

Lời xướng tụng Tam Quy và hồi hướng của Chư Tôn Đức còn ngân trong tiếng chuông mầu nhiệm thì giọng hát nam Phật tử Gia Huy vút lên bài Kinh Pháp Hoa:

“Đêm tụng kinh Pháp Hoa

Thấy vang động tinh hà

Địa cầu vừa tỉnh thức

Lòng đất bỗng đơm hoa

Đêm tụng kinh Pháp Hoa

Bảo Tháp hiện chói lòa

Đất trời Bồ Tát hiện

Tay Phật trong tay ta

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ...”

Tiếng Nam Mô ngân vang trong từng cõi lòng hướng về Chư Phật, kết thúc chương trình Đạo Tràng Linh Hiện Ngàn Mắt Ngàn Tay, hoàn mãn tốt đẹp trong sự che chở kỳ diệu của Mẹ Quan Âm giữa đất trời gió mưa toát!

Mưa đã tạnh. Gió đã ngừng vì sau khi thọ trai là chương trình sinh hoạt dân gian ngoài trời với các tiết mục: Thi quốc phục thiếu nhi, tuyên Phò Mã và Công Chúa, Thả Thơ, Thư Pháp, biểu diễn múa lân, v.v... Tay Mẹ lại giang rộng, ngăn gió mưa nên không một chương trình nào bị trở ngại. Muôn lòng vững tin sự gia bị của Mẹ trong lễ chính thức 6 giờ chiều nay.

Quả như thế. Từ 5 giờ chiều thứ bảy 31 tháng ba, Phật tử đã vân tập về, tràn ngập khuôn viên chùa, tưởng như người người phải đứng sát bên nhau, chờ cung nghinh Chư Tôn Đức cử hành Lễ Hội chính thức. Tới thời điểm, ba hồi chuông trống Bát Nhã lại ngân vang. Bước ra tiền đường là Tam Chứng Minh Sư, theo sau là Chư Tôn Đức Tăng Ni. Khi quý Ngài an tọa, đại vũ khúc “Chuyển Pháp Luân” do GDPT Huyền Quang cúng dường để chào mừng Lễ Hội chính thức. Điệu vũ chuyển từ bài thơ Pháp Âm Bồ Tát của thi sỹ Phật tử Tuệ Kiên. Lời thơ thiết tha quyện vào giọng nhạc trầm hùng diễn đạt qua những giải lụa màu uyển chuyển từ bao thanh nữ:

“Đây lời chuyển Pháp âm xa

Cất cao lên, người nghệ sỹ

Cùng điệu nhạc ru lời ca

Dù tâm thức vượt Ta-bà

Vượt giòng sinh tử bao la

Chùm che khắp giải ngân hà

...

Đường Quan Âm, đường Thế Chí

Pháp Âm diệu dụng phi thường

Đường Chân Như ngời ánh sáng

Từ Bi Chư Phật mười phương

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát”

Đoàn lân theo tiếng trống rộn ràng dẫn đầu, tiến về lễ đài rực rỡ hoa đèn trên hồ Hương Thủy. Đoàn dâng hoa trong lễ hội này không phải là thanh thiếu niên Phật tử mà là đủ cả tứ chúng: tăng, ni, thiện nam và tín nữ.

Thật là một hình ảnh trang trọng chưa từng thấy! Từng bước, quý ngài tiến lên lễ đài, rực rỡ dưới ánh nền lung linh, tàn lộng muôn màu. Hàng Phật tử cung nghinh hai bên, chấp tay, cúi đầu cung kính. Đông đảo như thế mà những phút cần trang nghiêm thì rất mực trang nghiêm, rất mực trật tự. Quý Chư Tôn Đức Tăng an vị trên lễ đài, quý Ni nghiêm túc đứng vòng quanh hồ. Muôn con mắt đều ngược lên Tôn Tượng Mẹ Hiền Quan Âm khi lời cầu nguyện dâng lên.

Mây xám lặng lẽ trôi. Và kìa! Vàng trắng non dịu dàng hiện ra, soi tỏ lễ dâng hoa thập phần tráng lệ trước đài sen Tôn Tượng. Và rồi, giữa hồ, ngọn lửa thiêng được đốt bùng lên! Lửa Từ Bi vút cao như thách đố gió mưa đe dọa. Và giọng hát mạnh mẽ của Phật tử Gia Huy lại vút lên:

“Trong đêm tối bao la,

Người ơi! Người ơi!

Một ngọn lửa thiêng bùng lên chiếu sáng

Như mặt trời ...

Nam Mô Đức Phật Di Đà

Lửa Từ Bi đã xóa nhòa khổ đau”

Khi vừa xong lễ cầu nguyện chính thức thì trời mới bắt đầu mưa nhẹ, thật nhẹ, phơi phơi như mưa xuân. Ôi! Thật màu nhiệm biết bao! Hàng ngàn bong bóng được thả tung bay cùng với pháo bông rực rỡ đầy trời. Bóng bay cao, bay cao như vũ khúc uốn lượn cùng mây trong khi tiếng chuông trống Bát Nhã rộn rã cung tiễn Chư Tôn Đức giáo phẩm về lại tiền đường dự chương trình văn nghệ đặc sắc tại sân khấu lộ thiên được dàn dựng công phu từ công sức, tim óc của bao người con Phật thành kính cúng dường.

Tôi không thể không chia sẻ niềm xúc động sâu xa khi biết rằng đại Tôn Tượng Mẹ Hiền Quan Âm cao 72 feet, lồng lộng giữa trời mây bao la kia được hoàn thành từ đôi tay nhỏ bé của một nữ điêu khắc gia Mai Chi, nay là sư-cô Viên Thuận, hiện an trú tu tập tại ni viện Viên Thông, Houston. Trước khi xuất gia, sư-cô là một nhà điêu khắc từng đạt những thành công sáng giá. Nhận lời thực hiện đại tôn tượng Mẹ Quan Âm, cô nghĩ, chắc cũng như đã từng tạc tượng bao bậc vĩ nhân khác. Nhưng công trình càng gần hoàn tất, cô càng như nghe thấy âm thanh nào thôi thúc mỗi lúc mỗi mãnh liệt. Thôi thúc gì, cô không rõ. Nhưng ngay khi những đường nét cuối cùng trên tôn tượng được hoàn chỉnh thì điệu âm đó vỡ òa ra! Đó là sự dâng hiến trọn vẹn thân tâm cho Đạo Pháp. Cô lập tức xuất gia, nhận pháp danh Viên Thuận từ Sư-cô Thích nữ Thanh Lương, trụ trì ni-viện Viên Thông. Đại lễ khánh thành đại tôn tượng Mẹ Hiền Quan Âm năm 2001, tức là cô đã xuất gia được sáu năm! Thật là công đức vô lượng vô biên. Từ khi tình cờ được biết, gặp sư-cô, tôi cứ ngân ngơ nhìn đôi bàn tay nhỏ bé đó,

cố gắng cũng không tưởng tượng nổi là những búp măng mềm mại kia đã tạo nên tôn tượng hùng vĩ, không chỉ ở kích thước mà vì trọn vẹn Tâm Đạo đặt vào nên bất cứ ai, quỳ dưới chân Mẹ đều cảm nhận được ánh từ-quang bát ngát không gian.

Hàng Phật tử chúng con xin cúi đầu ghi ơn công đức Chư Tôn Đức Tăng Ni khắp nơi, xin cảm tạ muôn tấm lòng đã âm thầm đóng góp bấy lâu để Lễ Hội Quan Âm, ngày Hành Hương và Cầu Nguyên năm thứ sáu được hoàn mãn trong tuyệt đối tốt đẹp.

NAM MÔ ĐẠI BI QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT
(Nhu-Thị-Am, ngày đầu tháng tư 2007)

Đại Trai Đàn Chấn Tế tại Chùa Diệu Đế, Huế



Sáng ngày 2-4-2007, tại Quốc tự Diệu Đế, THPG Thừa Thiên - Huế đã kết hợp với Tăng thân Làng Mai tổ chức khai đại trai đàn chấn tế bình đẳng. Chứng minh, niêm hương bạch Phật khai đại trai đàn có chư tôn HT Thích Khả Tấn; Thiền sư Thích Nhất Hạnh; HT Thích Đức Phương; HT Thích Giác Quang; cùng chư tôn đức trong Thường trực BTS, các Tổ đình, Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Đạo tràng, Đoàn, Chúng Phật tử và Tăng thân Làng Mai.

Đại trai đàn bình đẳng chấn tế được tổ chức trong 3 ngày từ ngày 2 đến ngày 4-4-2007 (nhằm ngày Rằm đến 17-2 Đinh Hợi) do nhị vị HT Thích Huệ Ân chùa Phổ Quang và TT Thích Thanh Liên, chùa Từ Hoá làm sám chủ và các Thượng toạ am tường về nghi lễ truyền thống của Phật giáo Huế đảm trách ban Kinh sư.

Chương trình đại trai đàn bình đẳng chấn tế lần này tại Huế mang nhiều đặc sắc truyền thống, ngoài những nghi lễ như hưng tác, cáo giảng sơn, khai chung cổ, thượng phan ngũ sắc, khai kinh, đàn tràng giải oan bạt

độ chiều ngày 3-4-2007, đại lễ chấn tế âm linh cô hồn chiều ngày 4-4-2007 tất cả đều được chư tôn Sám chủ và Ban Kinh sư “làm hết nghi cổ truyền của Huế”.

Bên cạnh Đại trai đàn còn có những chương trình đặc sắc khác như múa lục cúng hoa đăng, phóng sanh đăng trên sông Hương gồm 31 chiếc thuyền hoa (tối 3-4-2007) song song đó là các thời khoá tụng kinh cầu nguyện của Tăng, Ni Học viện PGVN tại Huế; trường Trung cấp Phật học TT Huế và Tăng thân Làng Mai sẽ diễn ra liên tục trong 3 ngày tổ chức trai đàn.

Cùng thời gian đó, Thiền sư Nhất Hạnh sẽ có các thời pháp thoại giải minh về ý nghĩa của trai đàn chấn tế giải oan và tặng khoảng 3 ngàn phần quà, học bổng cho người nghèo tại các vùng lân cận... Ước tính có khoảng 5 ngàn người tham dự, dâng hương cầu nguyện trong 3 ngày diễn ra khoá lễ.

(chuyenphapluan.com)

Suy Tư Về Lãnh Đạo

Connie Pham

(Việt Báo Thứ Năm, 3/1/2007, 12:02:00 AM)

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã ảnh hưởng thế nào đến sự suy nghĩ của giới trẻ tại Hoa Kỳ?

Tác giả bài viết là sinh viên Văn chương và Lịch sử tại California State University of Long Beach (CSULB). Đại học này có một trung tâm phát triển sinh viên thành người lãnh đạo sự cải tiến xã hội, gọi là Lois J. Swanson Leadership Resource Center (LRC), do tên của cố Giáo sư Lois J. Swanson. Bài viết dưới đây là một phần tiểu luận của Connie Pham tại cuộc thi của Trung tâm LRC vào tháng Ba năm 2006 và được giải thưởng Lois J. Swanson. Đề tài là "Reflective Leadership" - Lãnh đạo có Suy tư. Tác giả giải thích rằng mình đi vào ngành giáo dục vì muốn góp phần giải phóng con người. Mà sở dĩ như vậy vì đã học được từ tấm gương lãnh đạo của đức Đạt Lai Lạt Ma. Phần trích dẫn dưới đây viết về tấm gương đó. Bản dịch Việt ngữ có phần phụ giúp của Việt Báo.

Người Mạnh Thì Tự Lãnh Đạo: Lãnh Đạo Có Suy Tư

"Một số trong chúng ta là lãnh đạo bẩm sinh; một số thì trở thành lãnh đạo; còn một số phải lãnh cái nghiệp ấy". Phải vận lời của Shakespeare thì một sinh viên Văn khoa Anh ngữ như em mới hiểu được mối quan hệ của mình với đề tài lãnh đạo. Khi lớn lên, em chưa hẳn thấy mình là một người lãnh đạo, nhưng càng suy nghĩ về những gì là cần thiết để là lãnh đạo, thành tấm gương cho người, em càng thấy mình phải trở thành lãnh đạo, có khi vì chẳng còn cách gì khác.

Những bậc lãnh đạo có suy tư phải có tâm trí rộng mở và chấp nhận nhiều cách luận giải khác biệt. Họ phải

mạnh mà không cứng, linh động mà không nhu nhược. Lãnh đạo giỏi là người tự tin mà không tự mãn và nhiệt thành nhưng không quá chấp vào thành quả.

Vấn đề không chỉ là phải có khả năng giao tiếp với người. Bậc lãnh đạo có suy tư phải quan tâm đến phẩm cách thâm kín của từng người, đến giá trị riêng của từng lời nói. Hay nhất là khi họ nhắc cho ta biết tiềm năng của ta tự cứu mình và cứu người. Lòng tốt của họ dễ cảm hóa người khác, và chỉ sự hiện hữu hay gương sáng của họ cũng làm chúng ta đứng đắn hơn.

Một bậc lãnh đạo kỳ diệu đã ảnh hưởng đến em và tâm tư của em chính là đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng. Từ một nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị có khả năng, sức mạnh của Ngài là sự kết hợp gắn bó giữa hai vai trò ấy. Ngài là một lãnh tụ chính trị thực tiễn rất am hiểu tầm quan trọng của thương thuyết. Ngài chung thủy với con đường trung đạo triệt để. Ngài không đứng ở giữa vì là người thụ động, trung lập hay thiếu quyết đoán mà vì hiểu rằng nền dân chủ đòi hỏi sự hòa nhập và thương thảo. Trong trường hợp cá biệt này thì "thương thuyết không phải là chịu thua hay đành nhận điều gì kém mà là đạt tới một khía cạnh khác của sự tối hảo", theo lời nói của một học giả đặc biệt.



Connie Phạm và bạn tại một cuộc biểu tình cho hòa bình

Như một tấm gương kiên trì về bất bạo động, đức Đạt Lai Lạt Ma đã là biểu tượng bền bỉ của sự đề kháng Tây Tạng chống lại ách đàn áp Trung Quốc. Trên chính trường quốc tế, một đấu trường thiên về bạo lực hơn là hoà bình, thế nguyện bất bạo động của Ngài là đỉnh cao không vượt nổi. Từ khi Trung Quốc xâm lăng Tây Tạng năm 1959, đã có một triệu hai trăm ngàn người Tây Tạng bị giết và hàng ngàn người bị phiêu dạt hoặc đẩy vào chôn lưu vong. Sự tàn bạo và chà đạp những quyền làm người căn bản của chính phủ Trung Quốc cấu thành tội ác là tiêu diệt văn hoá. Ngày nay, xứ Tây Tạng vẫn quần quai dưới sự chiếm đóng, nhưng đức Đạt Lai Lạt Ma biết

rằng không thể thắng trong cuộc đấu tranh này bằng bạo lực. Chỉ có thể thắng bằng sức mạnh tinh thần mà thôi.

Thật ra, với đức Đạt Lai Lạt Ma thì bất bạo động không chỉ là một chiến lược chính trị hay một khái niệm triết lý trừu tượng. Đó là một sự diễn tả can trường nhất của chính nền văn hoá Tây Tạng, tự cốt tủy vốn đã hướng tới lòng vị tha và từ bi như được khắc ghi trong đức tin Phật giáo. Nếu cuộc đấu tranh Tây Tạng lại dùng bạo lực thì nó có thể bị coi là thất bại. Cách duy nhất để bảo vệ một nền văn hoá hiếu hoà là thực hành tinh thần hoà hiếu.

Ngài đã được vinh danh với Giải Nobel Hòa Bình 1989, vô số bằng cấp danh dự và cả Huân chương Congressional Medal of Honor của Quốc Hội Hoa Kỳ.

Nhưng, điều làm cho nhân vật này trở thành siêu đẳng chính là sự miệt mài theo đuổi chủ trương cao cả của mình.

Nỗ lực của Ngài là kết hợp các dân tộc trên thế giới vào việc giải quyết những bất công xã hội đã được đón nhận tốt đẹp. Ngài đã gặp gỡ những nhà lãnh đạo tôn giáo và là người đề xướng đối thoại giữa các tôn giáo. Hội Nghị Tâm linh và Khoa học của Ngài đã quy tụ các bậc đại trí về tín ngưỡng và khoa học để cùng chia sẻ những lý giải khác nhau về bản thể. Ngài đã tiếp xúc với giới lãnh đạo doanh trường để cùng chú ý tới việc đưa đạo lý vào kinh doanh. Trong chuyến công du mới đây tại Washington D.C. đức Đạt Lai Lạt Ma yêu cầu được thăm học sinh trong các trường công lập ở nội thành và còn giúp tiền cho trường học. Qua ngân ấy nỗ lực, phát triển ý thức về xã hội là trọng tâm vận động của Ngài.

Ngay trong cộng đồng Tây Tạng của Ngài, đức Đạt Lai Lạt Ma đã tận lực xây dựng tinh thần đoàn kết trong khi vẫn muốn mọi quan điểm khác đều được nói lên và tôn trọng. Ngài là người đề cao dân chủ, như đã thấy trong cơ cấu của chính phủ lưu vong Tây Tạng. Dân Tây Tạng tị nạn tại Ấn Độ đã cố thành lập và điều hành chính quyền riêng của họ. Dù gặp trở ngại, cộng đồng Tây Tạng hải ngoại tiếp tục ủng hộ quyền cai trị dân chủ khi bầu lên thành viên của Nội các và Quốc hội Tây Tạng. Phần mình, đức Đạt Lai Lạt Ma đã khẳng định, rằng Ngài sẽ hoan hỉ từ bỏ quyền lực chính trị một khi vấn đề Tây Tạng được giải quyết.

Đã từ lâu, đức Đạt Lai Lạt Ma từng nhấn mạnh đến chủ nghĩa hòa đồng giữa các hệ phái ngay trong cộng đồng Phật giáo Tây Tạng khi Ngài ủng hộ nỗ lực tiếp xúc giữa bốn tông phái cho mục tiêu nghiên cứu và suy nghiệm. Xa hơn thế, Ngài còn đề nghị tinh thần bình đẳng về tính phái. Đức Đạt Lai Lạt Ma tích cực hỗ trợ nỗ lực san bằng khoảng cách giáo dục giữa chư tăng và chư ni Tây Tạng, thí dụ như giúp tài trợ các cơ hội gia tăng học bổng và vị trí lãnh đạo cho phụ nữ. Dù gánh vác

trọng trách bảo tồn những tập quán ngàn năm, Ngài vẫn chứng tỏ là một nhà lãnh đạo có khả năng dung hòa với thế giới mới.

Trong những lý giải và yêu cầu của đức Đạt Lai Lạt Ma, em ưa thích nhất lời khuyên của Ngài về cách sử dụng trí khôn của con người. Ngài khiến ta liên tưởng đến lời Phật dạy khi đòi hỏi ta phải thử nghiệm kỹ trước khi chấp nhận các ý kiến của Ngài. "Đừng cả tin vào lời tôi nói", Ngài nhắc lại nhiều lần khi nói với công chúng, "Nhưng phải cố gắng tối đa để thử nghiệm các ý kiến đó. Chỉ khi nào thấy là hoàn toàn đáng tin thì mới chấp nhận." Lời khuyên ấy hàm chứa sự kính trọng sâu xa dành cho từng cá nhân. Thông điệp của Ngài vì vậy là một cách gia tăng chân lực vì khuyến khích con người nuôi dưỡng lòng tự tin.

Nhờ tiếp xúc rồi tham dự vào công cuộc đấu tranh của Tây Tạng mà em bước vào thế giới tuyệt diệu của vận động chính trị và xã hội. Trong năm năm, em trở thành một sinh viên đã giành không biết bao nhiêu thời giờ, trong và ngoài khuôn viên Đại học CSULB, cho các hoạt động ấy. Rồi cũng từ những hoạt động này, em cảm nghiệm ra một cách sâu sắc, rằng giáo dục là liều thuốc công hiệu nhất chống lại sự đàn áp; trí tuệ là chìa khoá giải phóng con người.

Strong People Lead Themselves: A Reflective Essay

"Some of us are born leaders; some of us become leaders; and some of us have leadership thrust upon us." Tweaking the word of Shakespeare is really the only way as an English major that I could understand my current relationship to leadership. Growing up I never quite saw myself as a leader, but the more I ponder about what is involved in leadership and role-modeling, the more I realize I have become one in my own way, if only by default.

Reflective leaders are open-minded and willing to entertain multiple interpretations. They are strong without being forceful, and flexible without being spineless. Good leaders are confident without being self-righteous and passionate without being attached to results.

It is not enough merely to possess good interpersonal skills. Reflective leaders need to be sensitive to the inherent dignity of each individual and the inherent worth in every voice. At their best, reflective leaders remind us of our potential - to save ourselves and each other. Their goodness is contagious, and through their mere presence and examples, we are empowered.

One amazing reflective leader who has most influenced me and my thinking is none other than His Holiness the Dalai Lama of Tibet. A capable religious

and political leader, his strength derives from his seamless combination of both roles. He is a practical political leader who understands the importance of negotiation. His Holiness abides within a radical middle. He does not hold the center because he is passive, neutral, or undecided, but because he understands that democracy requires inclusiveness and negotiation. In this specific case, "negotiation is not 'giving in' or settling for less, but reaching for a more complex version of best," in the words of a particular scholar.

A steadfast exemplar of nonviolence, his holiness has long been the symbol of Tibetan resistance to Chinese oppression. In international politics an arena known more for its tendency towards violence than its proclivity towards peace, his holiness unwavering commitment to nonviolence is unmatched. Since the 1959 Chinese communist invasion of Tibet, over 1.2 million Tibetans have been killed and thousands displaced and forced into exile. The atrocities of the Chinese government and its denial of basic human rights amount to cultural genocide. Today, Tibet continues to suffer under the occupation, but His Holiness knows that this is not a struggle that can be won through violence. It must be won by sheer moral force alone.

Indeed to the Dalai Lama, nonviolence is not merely a political strategy or philosophical abstraction. It is fact the most courageous expression of Tibetan culture itself, which has in its essence, a dedication to altruism and compassion as outlined in the Buddhist faith. To the extent that the Tibetan struggle would utilize violence. It would be seen as self - defeating. The only way to preserve a culture of peace is to actively practice it.

His Holiness' accolades include the 1989 Nobel Peace Prize, countless honorary degrees, and a pending U.S. congressional Medal of honor.

But perhaps what makes him so extraordinary is his unequivocal commitment to his vision.

His Holiness' attempts to unite diverse populations in order to address various social justice concerns have been well-received. He has participated in myriad encounters with prominent religious leaders and is an outspoken proponent of interfaith dialogue. His Mind Science Conferences have drawn the scientific and faith communities together to share interpretation of reality. Meetings with corporate leaders have centered on promoting an ethical dimension into the world of business. On his last visit to Washington D.C., His Holiness made it a point to visit with inner-city public school children and even donated to their school. Developing a social conscience has been the main focus

of all these projects.

Within his own community, he has worked hard to maintain unity while pushing for diverse voices to be heard and validated. His Holiness is a strong advocate of democracy, as the structure of his own government-in-exile indicates. Even as refugees, Tibetans in India have managed to establish and maintain their and maintain their own government. Despite the hardships, the Tibetan diaspora continues to support democratic governance by electing members of Tibetan Cabinet and Parliament. On his part, His Holiness has stated that he would gladly relinquish political power once the Tibetan situation settled.

He has long stressed non-sectarianism within the Tibetan Buddhist world itself, supporting efforts that would bring the four Tibetan Buddhist schools together for academic research and inquiry. Furthermore, he has been a strong proponent of gender equality. His Holiness has long supported efforts that would close the education gap between Tibetan monks and nuns, for example, helping to fund programs that provide more scholarship and leadership opportunities for women. Although his responsibilities include upholding centuries-old traditions, His Holiness has proven to be a capable leader willing to adapt to the modern world.

Of all his caveats and entreaties, my favorite advice from the Dalai Lama concerns the use of human intelligence. He echoes the Buddha's words when he urges people to test his ideas before accepting them. "Do not merely believe what I say" he says again and again in his public speeches. "But test the ideas to the best of your ability. Only when you have become fully convinced should you believe them." Implicit in this heeding is a profound respect for the individual. His is a message of empowerment. One that encourages people to cultivate trust in themselves.

It was largely due to my own exposure to and consequently involvement in the Tibetan struggle that I was introduced to the wonderful world of social and political activism. For five years, I logged in countless hours as a student organizer both on and off the CSULB campus. It was through activism that I became convinced that education was the best antidote to oppression; wisdom was the key to human liberation.

Phái Đoàn Hoàng Pháp Âu Châu Làm Lễ Chúc Nguyện và Thuyết Pháp Tại Chùa Quang Thiện (Thiện Ý Võ Phương Khuê tường thuật)

Khi cuộc sống nơi xứ người vừa tạm ổn, khi giảm được những giây phút chạy đua với kim đồng hồ và trôi

lăn trong guồng máy làm việc ở Mỹ thì tinh thần tu học và hướng về văn hóa nòi giống được quật dậy như một trận cuồng phong trong lòng người Phật tử Việt xa xứ. Nhằm đáp ứng tinh thần đó, nhiều ngôi chùa và trung tâm tu học đã được xây dựng khắp nơi có dấu chân của người Việt đi đến. Đi chùa thắp hương lạy Phật, học hỏi và thực tập đạo lý sống an lạc giữa bận rộn và cuồng nộ là sinh hoạt của người Phật tử Việt nam tiếp nối truyền thống của ông cha thuở nào. Năm nay phái đoàn Hoàng Pháp Âu Châu hơn mười lăm vị tôn đức tăng ni từ nhiều châu lục khác nhau, không quản ngại mệt nhọc, đường dài, đi giảng dạy và hướng dẫn các khóa tu tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ và Canada với ước nguyện hoằng pháp lợi tha và gọi lại những đặc thù về văn hóa Việt nam.

Hôm nay Chủ nhật, ngày 01 tháng tư năm 2007, vườn chùa Quang Thiện tấp nập Phật tử tới lui từ sáng sớm. Bầu trời thật trong và nắng thật êm ả một sáng mùa Xuân, nhìn đâu cũng thấy màu xanh của cây tùng và những nụ hoa bắt đầu nở. Tiếng cười vang của em bé từ góc này sang góc khác và hồn non bộ Quan Âm, nước đổ đều đặn từ trên cao. Một quang cảnh an lành đã sẵn sàng để cung đón một phái đoàn mang lại sự bình an. Sau năm ngày giảng dạy tại Long Beach và Westminster, phái đoàn Hoàng Pháp Âu Châu nhận lời mời của thầy trụ trì về chùa Quang Thiện thành phố Ontario, California, để làm lễ chúc nguyện và thuyết pháp. Phái đoàn gồm có: Hòa Thượng Thích Kiến Tánh, Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Hạnh Tuân, Thượng Tọa Thích Đồng Mẫn, Đại Đức Thích Như Tịnh, Đại Đức Thích Giác Trí, Đại Đức Thích Viên Giác, Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Sư Cô Thích Nữ Minh Huệ, Sư Cô Thích Nữ Hạnh Trì.

Bắt đầu khóa lễ là kinh hành niệm Phật. Đoàn chư tăng và Phật tử đi thiền hành xung quanh vườn tùng của chùa như một làn gió mới dưới tiết trời mùa xuân nắng ấm. Mỗi tiếng niệm "Nam Mô A..." là một bước chân, "Di Đà Phật" là một bước nữa. Cứ như thế, đoàn thiền hành bước từng bước thông thả tự tại, lắng lòng để xác định rằng mình đang sống và được sống trong từng hơi thở về và đi. Tiếng niệm Phật và bước đi an lành ngập tràn vườn chùa và đọng sâu vào từng thớ thịt của ngọn cỏ, cành cây. Khi đoàn bắt đầu bước vào chánh điện, ba hồi chuông trống Bát nhã vang rền đánh lên để cung đón. Lúc ấy, Thượng tọa trụ trì Thích Minh Dung đã quỳ tại chánh điện để lạy dưới chân từng vị tôn đức như khi Phật còn tại thế để tỏ lòng trọng đạo kính tăng trong Phật giáo.

Trong lễ chúc nguyện, Hòa Thượng Thích Kiến Tánh, trên tay một cành hoa và chén tịnh thủy, đi đến từng người một, từ các cụ già, thanh niên, thanh nữ, đến

những em bé, tất cả đều được Hòa Thượng sái tịnh và chú nguyện cho. Cành hoa đẹp, thật đẹp trên tay của Hòa thượng, mà hoa này sớm nở tối tàn như sự nở tàn trong cuộc sống, nhưng nước đây sẽ làm chúng con thức tỉnh kiếp sống vô thường để sống được an lành giữa những mảnh đời được mất, thịnh suy.

Bài Pháp của Thượng Tọa Thích Như Điển được giới thiệu qua tiếng đàn và lời ca thanh thoát của Đại Đức Thích Viên Giác. “Mai Về Đâu?” tựa đề bài hát mà cũng là câu hỏi thốn thức tận đáy lòng của mọi người. Phải rồi, mai về đâu? Chúng ta sẽ về đâu khi nằm xuống? Phật giáo Việt nam ở hải ngoại sẽ về đâu? Văn hóa, truyền thống Việt Nam sẽ về đâu? Để trả lời cho câu hỏi về đâu, Thượng Tọa Như Điển nhắc nhở sự tối cần thiết của học tập và thực hành giáo pháp. Giáo pháp cần phải “học”, khi học rồi thì phải “hành”. Chúng ta phải thực tập những bài học lớn nào mà dân tộc đã trao tặng chúng ta qua hơn bốn ngàn năm lịch sử. Chúng ta có gì làm tặng phẩm cho thế hệ con em. Thế hệ mai sau học được gì nơi cách hành xử của chúng ta hôm nay. Hãy thực tập giáo pháp qua cuộc sống hằng ngày và lòng tự trọng của một dân tộc nhiều ngàn năm.

Cuối buổi lễ là lễ cúng dường trai tăng tại nhà Hải Triều Âm thoáng mát để tỏ lòng tri ân phái đoàn Hoàng pháp năm nay. Còn quý Phật tử thì quây quần nhau trong bữa cơm chay dưới những tàn cây của vườn chùa. Chẳng ai mời gọi ai, nhưng mọi người cùng đến để cùng gặp và nhìn nhau rằng, mình có chung cùng một tiếng gọi của người nguyện sống cuộc đời có tín tâm nơi đức Phật.

Cầu nguyện đoàn hoàng pháp của chư tôn đức luôn là ánh sáng đưa đường dẫn lối cho người Phật tử Việt nam xa xứ trong lòng đầy thốn thức với câu hỏi “mai về đâu?”



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI
TẠI CANADA

TỔNG VỤ HOÀNG PHÁP

420 Traders Blvd. E. Mississauga, On. L4Z 1W7
CANADA. TEL. 905 712-8809 Fax. (905) 712-8836

Số: 001/TVHP/TB PL. 2550 Mississauga ngày 28/3/2007

THÔNG BÁO

Kính gửi: - Chư Tôn Đức Tăng Ni, các Tu Viện, Tự Viện thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada, cùng toàn thể quý thiện nam tín nữ Phật tử xa gần.

Trích yếu V/v: - Tổ Chức Khóa Tu học Phật Pháp Mùa Xuân năm 2007.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thừa hành quyết định của toàn thể chư Tôn Đức Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada trong phiên họp thường niên của Giáo Hội qua hệ thống điện thoại viễn liên vào ngày 25/12/2006 vừa qua, nhằm để tạo thuận duyên tu học cho cộng đồng Phật tử thuộc khu vực miền Đông Canada; Tổng Vụ Hoàng Pháp của Giáo Hội sẽ luân phiên tổ chức khóa tu học Phật pháp hằng năm tại các thành phố như: Toronto, Montreal và Ottawa. Năm nay, khóa tu học sẽ được tổ chức tại Toronto trong khu rừng của Hướng Đạo Canada có đầy đủ tiện nghi phòng ốc.

Thời gian: 15, 16 và 17/6/2007 (từ 7:00 chiều

Thứ Sáu cho đến 5:00 chiều Chủ Nhật)

Địa điểm: Rừng Woodland Trails 14919 Kennedy Rd, Stouffville, ON, Canada

Số lượng : 120 người

Lệ phí tham dự: \$50/người

Thời hạn chót nhận ghi danh: ngày 30/5/2007

Để Ban Tổ Chức khóa tu tiện việc sắp xếp nơi ăn chốn ở cho học viên, kính mong chư tôn đức hoan hỷ phổ biến thông báo này đến quý Phật tử tại địa phương được rõ và vui lòng gửi danh sách Phật tử học viên muốn tham dự về văn phòng Ban Tổ Chức càng sớm càng tốt. (Địa chỉ và số điện thoại liên lạc như trên).

Kính nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ chư tôn đức phước trí nhị nghiêm, Phật sự viên thành; kính chúc quý Phật tử đạo tâm kiên cố và gia quyến vô lượng cát tường.

Kính thông báo

Tỳ Kheo Thích Tâm Hòa
Tổng Vụ trưởng Hoàng Pháp

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU CHÙA KHÁNH ANH

Phật lịch 2550, Bagneux ngày 18/01/2007

Kính gởi Chư Tôn Đức Trưởng Lão,
Kính gởi Chư Tôn Đức Lãnh đạo các Giáo hội,
Kính gởi Chư Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thể theo thư cung thỉnh họp mặt Tăng đoàn nhằm kết hợp sinh hoạt Tăng sự các Châu và quốc gia tại hải ngoại, nhân ngày giỗ tổ Liễu Quán tổ chức vào mừng 7 tháng 01 năm 2007 vừa qua, chư tôn đức đại diện nhiều thể hệ Tăng sĩ Việt Nam tại châu Âu, Hoa Kỳ và Canada đã tựu về miền Nam California, Hoa Kỳ, để thảo luận, trao đổi, trình bày về kinh nghiệm hành đạo, hoằng pháp và những ưu tư thao thức đối với sinh hoạt hiện tại cũng như tương lai của Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại.

Mặc dầu chỉ là cuộc họp mặt sơ bộ và giới hạn, sự hiện diện cũng như nhiệt tâm chia sẻ các vấn đề Tăng Sự của chư tôn đức tham dự đã mang lại những thành quả sơ khởi đáng khích lệ. Sau đây xin lược trình những điểm quan yếu đã được hội nghị thông qua.

- *Thời gian:* Từ 2 giờ 40 đến 5 giờ 40, chiều thứ Bảy, ngày 6 tháng 1 năm 2007 và chiều Chủ nhật 7/1/2007.
- *Địa điểm:* Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California-Hoa Kỳ.
- *Thành phần tham dự* gồm 25 tôn đức, trong đó 13 vị ở Hoa Kỳ, 5 vị ở châu Âu và 7 vị ở Canada:
 - *Hoa Kỳ:* HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Trí Chơn, HT. Thích Nguyên Lai, HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Hành Đạo, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên An, TT. Thích Nguyên Trí, TT. Thích Nguyên Siêu, TT. Thích Minh Dung, TT. Thích Tâm Vân, ĐĐ. Thích Minh Chí và ĐĐ. Thích Quảng Đạo;
 - *Châu Âu:* HT. Thích Minh Tâm (Pháp), HT. Thích Tánh Thiệt (Pháp), TT. Thích Thông Trí (Hòa Lan), TT. Thích An Chí (Na Uy) và ĐĐ. Thích Hạnh Tấn (Đức);
 - *Canada:* TT. Thích Bốn Đạt, TT. Thích Trường Phước, TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Nhật Quán, ĐĐ. Thích Nguyên Thảo và ĐĐ. Thích Pháp Ấn.

Qua phần trình bày và chia sẻ hiện trạng sinh hoạt của Tăng sự các châu, các nước, ý kiến và các ưu tư của chư tôn thiên đức từ bậc trưởng lão xuống đến hàng tăng sĩ trẻ, qui tập vào các vấn đề then chốt, mở hướng và dẫn đến những quyết định như sau:

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ SINH HOẠT PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI:

- Do hoàn cảnh ly hương, phải hành đạo và tu học trên một địa bàn trải rộng khắp các châu và quốc gia, Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam thiếu sự liên lạc thường xuyên và chặt chẽ với nhau, ngay cả đối với những đơn vị và nhân sự cùng chung hệ phái, giáo hội;
- Ngoài sự cách trở về địa dư, bối cảnh chính trị xã hội của đất nước, những dị biệt về quan điểm, đường hướng, hành xử, tông môn và giáo hội, thể hệ trước và sau năm 1975, càng lúc càng dẫn đến tình trạng phân vùng và ly cách giữa những tổ chức Phật giáo và thành phần tăng sĩ khắp nơi;
- Tình trạng phân vùng và ly cách này về nên bức tranh rời rạc, suy yếu, thiếu sinh khí; không vận dụng được sức mạnh đạo đức vô hành cũng như tiềm lực Tăng tài đáng kể của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại;
- Những dị biệt giữa cá thể với cá thể, tổ chức với tổ chức, trong sinh hoạt Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại, trên thực tế cũng như trên mặt lý thuyết, khó lòng tiến đến sự hiệp nhất, đồng bộ; nhưng đứng về mặt bản thể của Tăng, sự hòa hợp cảm thông và chia sẻ nhau về lý tưởng xuất trần, sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh, sự nghiệp tiếp dẫn hậu lai, cùng các vấn đề của Tăng sự, là điều có thể chung lòng chung sức thực hiện. Do nhận định chung như thế, toàn thể cử tọa đồng tâm quyết định thành lập một tổ chức, lấy Tăng thể làm nền tảng, lấy Tăng sự làm sinh hoạt chung, lấy đạo tình tăng lữ làm dây liên lạc nối kết.

TÔN CHỈ & MỤC ĐÍCH:

- Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại cần tiến đến một sinh hoạt Tăng đoàn mở rộng, hòa hợp và nhịp nhàng, không phân biệt hệ phái, tông môn, giáo hội, hỗ trợ nhau thực hiện các sinh hoạt Tăng sự nhằm hoằng dương Phật đạo, phổ độ chúng sinh. Sự tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại nên đặt nền tảng nơi bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn, vì Tăng đoàn là gốc rễ cho mọi sinh hoạt tổ chức cành-nhánh của Phật giáo khắp nơi và mọi thời đại.

DANH XUNG & THÀNH PHẦN NHÂN SỰ:

- Từ nền tảng của bản thể Tăng già, quyết định thành lập tổ chức lấy tên là “**Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại**” (viết tắt là TNVNHN), nhằm qui tụ và kết hợp sinh hoạt Tăng Ni Việt Nam liên châu, liên quốc gia;

- Toàn thể Tăng Ni Việt Nam sinh hoạt và hành đạo tại hải ngoại, không phân biệt hệ phái, tông môn và giáo hội, đều có thể là thành viên của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại;
- Cung thỉnh chư tôn Hòa thượng trưởng lão đại diện các châu lục và quốc gia vào một hội đồng chứng minh tối cao để làm chỗ dựa tinh thần cho mọi sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại;
- Vị đảm nhận điều hợp Tăng sự Liên châu được gọi là “Trưởng Ban Điều Hợp TSNVHNH”. Trong thời gian khởi sự lâm thời, đại hội đã cung thỉnh HT. Thích Minh Tâm phụ trách;
- Mỗi châu và quốc gia (Hoa Kỳ và Canada) cũng sẽ thành lập một Ban Điều Hợp TSNVHNH thuộc châu lục và quốc gia ấy, do chính các thành viên tại trụ xứ ấy đảm nhận; các vị Trưởng Ban Điều Hợp TSNVHNH của châu lục và quốc gia sẽ là Phó Trưởng Ban Điều Hợp TSNVHNH Liên châu;
- Bổ túc sau cuộc họp: HT Trưởng Ban Điều Hợp TSNVHNH Liên châu đã tiếp xúc và cung thỉnh HT Thích Chơn Thành đảm nhận Trưởng Ban Điều Hợp TSNVHNH tại vùng Nam California Hoa Kỳ (nơi hiện có nhiều tăng ni Việt nam sinh hoạt), Chư HT Thích Hành Đạo, HT Thích Minh Mẫn, HT Thích Nguyên Trí, Chư TT Thích Nguyên Siêu, TT Thích Quảng Thanh được cung thỉnh là những Ủy viên điều hợp TSNV hải ngoại tại vùng này trong những sinh hoạt theo truyền thống Tăng đoàn Việt nam. Ban Điều Hợp TSNVHNH tại các châu hay các quốc gia khác sẽ được cung thỉnh và thông báo sau.

DỰ ÁN TĂNG SỰ:

Gồm những dự án cần thực hiện trong tương lai:

- 1/- Tổ chức an cư kiết hạ tại mỗi quốc gia, mỗi châu lục (hiện đã có) cần phát huy rộng rãi hơn. Sẽ nghiên cứu hướng đến “*an cư liên châu*” nghĩa là an cư trong phạm vi quốc gia hay châu lục được mở rộng (mỗi năm ở một nơi khác nhau) để có sự tham gia chư vị lãnh đạo Tăng đoàn từ các châu khác đến. Và trong mỗi kỳ “*an cư liên châu*” một vấn đề Tăng Sự ở hải ngoại sẽ được đem ra nghiên cứu bàn thảo chi tiết hơn.
- 2/- Bố tát tụng giới hàng tháng hay tùy theo lịch trình sinh hoạt của từng vùng.
- 3/- Tổ chức Giới Đàn, đề nghị danh sách tấn phong.
- 4/- Tổ chức các khóa học huấn luyện và bồi dưỡng giảng sư, trụ trì tại các châu lục hay liên châu.
- 5/- Tổ chức “*Ngày Về Nguồn*”, mỗi năm một lần, là ngày hiệp kỵ chư Tổ, để Tăng Ni nhiều thế hệ thuộc các giáo hội, tông môn, pháp phái, có cơ hội ngồi lại với nhau trong thâm tình pháp lữ, cùng phụng kính bái sám, trao đổi kinh nghiệm tu tập và hành đạo, trình bày và chia sẻ những Tăng sự cần thiết;
 - “*Ngày Về Nguồn*” sẽ được luân phiên tổ chức tại các châu và quốc gia, với chương trình chính thức ít nhất là 3 ngày cho việc gặp gỡ và trao đổi đạo tình và Tăng sự;
 - “*Ngày Về Nguồn*” đầu tiên, dự trù vào 3 ngày 21, 22 và 23 tháng 9, năm 2007, được toàn thể cử tọa đồng tâm biểu quyết tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Vân ở Toronto, Canada, do Thượng Tọa Thích Tâm Hòa trụ trì.
- 6/- Nghiên cứu, tiến hành thành lập Phật học viện để đào tạo Tăng tài chung cho liên châu...

Kính bạch chư tôn thiền đức,

Trong “*Huân Từ An Cư Phật lịch 2548*,” Đức Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, đã huấn thị Tăng Ni trong và ngoài nước nhân mùa an cư kiết hạ với lời lẽ thiết tha, cảm động như sau: “*Tăng chúng nay hiệp mai lìa, một phần cũng là quy luật của tồn tại. Nhưng bản thể thanh tịnh và hòa hiệp tạo thành tồn tại của Tăng mà đức Phật thiết lập thì không hề dao động, không hề biến đổi. Khi duyên hội, các pháp tự thành. Nhưng duyên hội không hoàn toàn ngẫu nhiên mà không có cộng đồng giao hưởng bởi tâm tư hay ước vọng của chúng sinh. Cho nên, trong mùa an cư năm nay, tôi thành tâm cầu nguyện uy lực Tam bảo gia trì hộ niệm cho bốn chúng đệ tử hội đủ thiện duyên, bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bồn ba thế tục, chuyên tu giới định huệ, hướng tâm nguyện đến sự tồn tại chói sáng của Tăng già từ bản thể thanh tịnh và hòa hiệp. Có như thế, Phật pháp mới là nguồn suối an lạc, Tăng-già là tiêu chí cho một xã hội đạo đức và trật tự. Bốn chúng đệ tử Phật như thế cùng góp công đức kiến tạo thế giới hòa bình, cho dân tộc an lạc và tăng tiến.*”

Qua huấn từ mà bậc cao tăng soi sáng ở trên, có thể khẳng định rằng sự hình thành của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại hoàn toàn phù hợp với ý chỉ, mục đích và hướng đi cao vời của các sứ giả Như Lai. Sự ra đời của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại không những không làm trở ngại cho sinh hoạt độc lập của các tổ chức giáo hội và tông phái hiện hành, trái lại còn là trợ duyên xúc tác và hỗ trợ tất cả các tăng sự của các tổ chức Phật giáo khắp năm châu.

Trong tinh thần và ý hướng đó, toàn thể hội nghị thiết tha kêu gọi sự tham gia, góp ý xây dựng và đồng tâm hiệp trợ của toàn thể chư tôn đức Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại để ngôi nhà chung của Phật giáo được tồn tại và phát triển vững mạnh trên xứ người, thừa tiếp mạng mạch của chư lịch đại Tổ Sư, đáp ứng kỳ vọng thời đại của Phật giáo đồ trên toàn thế giới.

Kính thông báo,

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại

14 Av Henri Barbusse. 92220 Bagneux (FRANCE) Tél: 01 46 55 84 44. Fax: 01 47 35 59 08.

TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI TẠI CANADA
BAN TỔ CHỨC NGÀY VỀ NGUỒN
TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO CHÙA PHÁP VÂN

THƯ MỜI
THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN
– NGÀY TƯỞNG NGỘ CỦA TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Kính gửi Chư Tôn Đức Trưởng Lão,
Kính gửi Chư Tôn Đức Lãnh đạo các Giáo hội,
Kính gửi Chư Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn thiên đức,

“Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp! Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu!”

Đó là ý kính, là lời tán thán, là sự biểu lộ niềm hoan hỷ khích lệ, và cũng là nền tảng cho sinh hoạt Tăng-già từ ngàn xưa đến ngàn sau. Bao lâu Phật Pháp còn tồn tại, nền tảng ấy vẫn còn giá trị để ứng dụng, hầu làm vững chắc Tăng đoàn; mà cũng có thể nói rằng, bao lâu Tăng đoàn còn vững chắc, Phật Pháp còn tồn tại.

Hơn 30 năm qua, Tăng Ni Việt Nam do hoàn cảnh đất nước, đã phải sống và hành đạo rải rác khắp nơi trên thế giới, ít có cơ hội nào để ngồi lại với nhau; khi có cơ hội thì chỉ là những nhóm nhỏ hoặc của giáo hội này, hoặc của tông môn kia; tập trung đông đảo hơn thì lại gặp những trở ngại trong sự dị biệt về quan điểm, đường hướng, sắc thái sinh hoạt địa phương hoặc tổ chức mình tham gia. Những đại hội, những đại lễ, thường chỉ là thời gian và địa điểm để tập hợp những người trong cùng một tổ chức, chia sẻ với nhau về danh xưng, hình thái sinh hoạt, quan điểm và lập trường đối với việc thiệp thế. Sự chọn lựa của cá nhân cũng như những xác minh về đường hướng của các tổ chức (bên này, bên kia, hoặc ở giữa, hoặc bên nào cũng có, hoặc bên nào cũng không...) trên căn bản, chỉ là những dị biệt về bề mặt, có tính cách giai đoạn, nhất thời, đặt nặng về lý tính. Trong khi đó, chỗ dung thông của người tăng sĩ thì lại ở nơi mặt tâm nguyện sâu xa, nơi đó, là hoài bão, là sự nghiệp, là sứ mệnh cao cả thiêng liêng của những kẻ xuất trần. *“Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương: tâm hình dị tục, thiếu long thánh chủng...”*

Sự nghiệp duy nhất của người con Phật là trí tuệ giác ngộ; sứ mệnh ngàn đời của tăng sĩ Phật giáo là hoằng pháp lợi sinh. Là những trưởng tử của Như Lai, chúng ta vẫn thường tâm niệm về sự nghiệp và sứ mệnh ấy để tự nhắc mình cũng như để sách tấn kẻ hậu học trong sự tiến thủ đạo nghiệp. Thế nên, nếu chỉ nhìn nhau ở những dị biệt nhất thời, tăng sĩ Phật giáo sẽ ngày càng chia cách nhau, thậm chí trở thành đối nghịch với nhau. Đó là điểm đáng buồn mà bao lâu nay, chúng ta không nói được nên lời. Đôi khi cảm thương và nghĩ về nhau, muốn được gặp nhau để hàn huyên, chia sẻ kinh nghiệm tu tập và hành đạo, nhưng rồi những hàng rào của quan điểm, chính kiến cứ bủa vây, đẩy lùi chúng ta ra khỏi những hội ngộ thân tình cần thiết.

Bỏ nước ra đi, chọn đời sống ly hương, đã là điều đáng buồn, lại bồi thêm những dị biệt quan điểm này nọ để rồi có khi thầy-trò, huynh-đệ không nhìn mặt nhau thì điều ấy không còn là nỗi buồn nữa, mà là niềm đau ở tận tâm can và bản nguyện. Nghĩ sâu về điểm này, chúng ta cần bình tâm nhìn lại vấn đề. Đi vào cuộc đời khổ đau điên đảo này, hàng sứ giả Như Lai chúng ta đã không ngừng chuyển hóa các nghiệp xấu và nghịch cảnh trở thành đạo bạn và thuốc hay để tiến tu và giữ gìn đạo nghiệp. Như vậy, nhìn theo sở hạnh của bồ-tát thì đời sống ly hương cũng chẳng có gì đáng gọi là bất hạnh, mà giả như đó là bất hạnh thì cũng chỉ là bất hạnh nhỏ trong phạm vi sinh hoạt văn hóa và tình tự dân tộc; nhưng nhìn một cách tích cực hơn thì sự trải rộng nhân sự và tự viện khắp thế giới lại là điều thuận lợi cho việc hoằng truyền chánh pháp của đức Thế Tôn nói chung, và đối với Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Nhân loại đã tiến vào thế kỷ 21, thế kỷ của thông tin điện tử và tin học. Người ta đang quan tâm về những vấn nạn của trái đất, của đời sống nhân loại trên toàn cầu. Bây giờ không còn là lúc chúng ta ngồi than vãn thờ dài hoặc chán nản buông xuôi, cũng không còn là lúc để phân loại lý lịch, thẩm tra về quan điểm, chính kiến. Hơn 30 năm qua, chúng ta đã mất mát, thiệt thòi quá nhiều rồi. Mà mất mát và thiệt thòi to lớn nhất của tăng sĩ Phật giáo Việt Nam thời đại chính là chia cách, không thể ngồi lại được với nhau.

Đó là lý do cần phải có **“Ngày Về Nguồn”**.

“Ngày Về Nguồn” là ngày mà tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại có thể tìm đến với nhau trong một không gian thiền vị, ẩm cúng đạo tình của những kẻ xuất thế ly gia, buông bỏ tất cả mọi dị biệt về giáo hội, tông môn, pháp phái, để cùng sinh hoạt phúng kinh bái sám và thiền tọa; gặp gỡ để hàn huyên, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm tu tập, hoằng pháp; nhắc nhớ những kỷ niệm hành điệu gian khổ mà trong sáng để vun đắp đạo tình Phật gia.

“Ngày Về Nguồn” là ngày sum vầy hòa hợp của Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại, lấy Tăng đoàn làm nền tảng, lấy sự nghiệp và sứ mệnh của trưởng tử Như Lai làm trụ cột, từ đó gầy dựng và trùng hưng ngôi nhà Phật giáo Việt Nam cho thế kỷ mới.

“Ngày Về Nguồn”, theo tinh thần Thông báo ngày 18/01/2007 của Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, sẽ được luân phiên tổ chức tại các châu lục và quốc gia, mỗi năm một lần, ít nhất là 3 ngày, vừa là ngày “trở về” với nhau của Tăng Ni Việt Nam, mà cũng là ngày hiệp kỵ chư lịch đại Tổ sư đã hành đạo và truyền trì chánh pháp.

Cũng theo tinh thần Thông báo nói trên, “Ngày Về Nguồn” lần đầu tiên sẽ được ủy quyền cho chúng con, Tỳ kheo Thích Tâm Hòa và Tăng chúng Chùa Pháp Vân, đứng ra tổ chức vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 9 năm 2007 (nhằm ngày 11, 12 và 13 tháng 8 Đính Hợi) tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Pháp Vân, địa chỉ: 420 Traders Blvd. East, Mississauga, Ontario – L4Z 1W7 Canada. Tel.: (905) 712-8809.

Kính bạch chư tôn thiên đức,

Được niềm tin cậy và ủy thác của đại tăng để tổ chức “Ngày Về Nguồn”, chúng con vô cùng xúc động và hân diện đảm nhận. Tuy nhiên, mọi thắng duyên cho “Ngày Về Nguồn” ấy đều do “đức chúng như hải” mà thành tựu. Đức của chúng chính là tăng thể, là tinh thần hòa hợp của tăng-già. Do vậy, cũng trong tinh thần đó, chúng con xin thành kính đánh lễ chư tôn thiên đức, ngưỡng mong quý ngài vì sự hưng long và trường tồn của chánh pháp, vì đạo tình pháp lữ chốn thiền môn, thu xếp mọi phật-sự tại địa phương để về đây, có mặt bên nhau trong “Ngày Về Nguồn.”

Ban Tổ Chức “Ngày Về Nguồn” sẽ đài thọ về phòng ốc, ẩm thực và đưa đón chư tôn thiên đức trong khoảng thời gian tổ chức. Xin quý ngài, nếu đã có quyết định tham dự “Ngày Về Nguồn”, có thể lấy vé trước (trễ nhất là cuối tháng 8 năm 2007), sau đó ghi danh và thông báo chuyến bay, số người tham dự (trong phái đoàn), ngày giờ đến và đi, để Ban Tổ Chức tiện việc thu xếp. Các cá nhân cư sĩ hoặc phái đoàn cư sĩ tháp tùng chư tôn đức Tăng Ni (nếu có) xin tự túc về phòng ốc, còn về ẩm thực, đưa đón và lấy giùm phòng tại khách sạn thì Ban Tổ Chức có thể lo liệu được.

Về chương trình sinh hoạt trong 3 ngày “về nguồn”, chúng con sẽ thỉnh ý Hòa thượng Thích Minh Tâm, Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, và phối hợp với ý kiến của chư tôn đức điều hợp các châu, các quốc gia để đi đến tổng kết. Chương trình dự kiến sẽ được phác thảo và gửi đến chư tôn đức trong những ngày sắp tới để được lắng nghe thêm góp ý giá trị và thích hợp của quý ngài. Tựu trung, sinh hoạt của 3 ngày ấy đều tập trung vào đạo tình tăng lữ và lấy tinh thần hòa hợp tăng làm chuẩn mực.

Thành kính đánh lễ chư tôn thiên đức, kính chúc quý ngài thân tâm thường lạc, và mong được tương phùng hội ngộ vào “Ngày Về Nguồn” sắp tới.

Nam mô Thường trú Tam Bảo tác đại chứng minh.

Kính thông báo,

Tỳ kheo Thích Tâm Hòa

Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn năm 2007

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC THỰC HIỆN BỘ

VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI SƯU KHẢO

Kính bạch chư tôn đức tăng ni,

Kính thưa chư vị thức giả, văn thi sĩ,

Từ trên ba thập niên qua, cộng đồng tăng, ni và Phật tử Việt Nam tại hải ngoại, dù sống xa quê hương, vẫn không quên nguồn cội văn hóa truyền thống của mình khi tiếp xúc với các môi trường văn hóa mới ở những xã hội và đất nước mới. Đó chính là nguồn mạch cho dòng chủ lưu văn học Phật Giáo Việt Nam không những tiếp tục lưu lộ, mà còn mang thêm sắc thái linh hoạt và phong phú. Những thành quả văn học quý báu như vậy cần phải được trân trọng bảo tồn và phát huy.

Phát xuất từ tâm niệm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy văn học Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại, Ban Biên Tập bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo (VHPGVNHNK) đã được thành lập và qua hai thông báo 1 & 2 kêu gọi sự tham gia của chư tôn đức tăng ni, chư vị thức giả và văn thi sĩ, đến nay, đã đạt được một thành quả rất khả quan và khích lệ với trên 260 tác giả, dịch giả đã từng đóng góp cho nền văn học Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại.

Sở dĩ Ban Biên Tập có được thành quả quý báu đó là vì nhờ sự hỗ trợ tích cực của chư tôn đức tăng, ni và văn thi sĩ ở khắp nơi trên thế giới nhiệt tình cung cấp tài liệu, gửi thư, email khuyến khích, đóng góp ý kiến xây dựng và giới thiệu bằng hữu tham gia; nhờ quý cơ quan truyền thông báo chí đã hoan hỷ phổ biến các thông tin liên quan đến công trình này; nhờ sách vở, báo chí và trang nhà điện toán toàn cầu đã chuyên tải các tài liệu liên quan đến văn học Phật Giáo Việt Nam để chúng tôi có thể tham khảo, sưu tập. Nhân đây, Ban Biên Tập xin kính lời thành tâm cảm ơn chư tôn đức tăng, ni, quý văn thi sĩ, các cơ quan truyền thông báo chí, các trang nhà điện toán toàn cầu, v.v... đã trực tiếp hay gián tiếp hỗ trợ cho công trình này.

Đặc biệt, mọi thông tin có tính cách riêng tư như email, địa chỉ, tiểu sử, tài liệu, v.v... mà quý vị đã cung cấp cho Ban Biên Tập, chúng tôi sẽ chỉ sử dụng vào một mục đích duy nhất là thực hiện bộ VHPGVNHNK mà thôi.

Lịch trình thực hiện bộ VHPGVNHNK sắp tới như sau: Thời hạn cuối để nhận tài liệu và đúc kết là ngày 01 tháng 06 năm 2007. Ban Biên Tập dự kiến bộ VHPGVNHNK này sẽ được ấn hành vào cuối năm 2007.

Nhân đây Ban Biên Tập xin công bố danh sách tác giả, dịch giả, văn thi sĩ mà chúng tôi đã sưu tập được để chính thức đưa vào bộ VHPGVNHNK, tính đến nay:

Ái Cầm, Thích Bảo Lạc, Bình An Sơn, Bùi Kha, Bùi Ngọc Đường, Cao Huy Thuần, Cao My Nhân, Cao Ngọc Phượng, Cao Tiêu, Chánh Hạnh, Thích Chánh Kiến, Thích Chánh Lạc, Chánh Lý Kiều Thế Đức, Chân Hạnh, Chân Huyền, Thích Chân Lý, Chân Nguyên-Đỗ Quốc Bảo, Thích Nữ Chân Nguyên, Chân Pháp Nguyễn Hữu Hiệu, Thích Nữ Chân Phước, Thích Nữ Chân Thiện, Thích Chân Tuệ, Thích Chân Văn, Chiêu Hoàng, Thích Chơn Thành, Diệu Anh Trịnh Quỳnh Trâm, Diệu Hạnh Giao Trinh, Diệu Linh, Diệu Nga, Diệu Trân-Linh Linh Ngọc, Doãn Quốc Sỹ, Du Tử Lê, Duy Lam, Thích Duy Lực, Duy Nghiệp-Bùi Duy Thuyết, Duyên Hà-Lê Phục Thủy, Dương Huệ Anh, Dương Vĩnh Hùng, Đào Viên, Đình Sĩ Trang, Đoàn Viết Hoạt, Đỗ Hữu Tài, Đỗ Quý Toàn, Thích Đồng Trí, Thích Đức Niệm, Thích Giác Đăng, Thích Giác Hạnh Lê Bích Sơn, Thích Giác Hoàng, Thích Giác Lượng, Thích Giác Nguyên, Thích Giác Nhiên, Thích Giải Hiền, Thích Nữ Giới Hương, Thích Hạnh Bình, Hạnh Cơ, Thích Hạnh Nguyên, Thích Hạnh Tấn, Thích Hạnh Tuấn, Thích Hằng Đạt, Thích Hằng Trường, Hiền Vy, Hoàng Hà Thanh, Hoàng Liên Tâm, Hoàng Linh Đỗ Mậu, Hoàng Nguyên Nhuận, Hoàng Quốc Bảo, Hoàng Văn Chí, Hoàng Xuân Hãn, Hồ Hương Lộc, Hồ Trường An, Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Hồng Như, Thích Hộ Giác, Huy Trâm, Thích Huyền Tôn, Thích Huyền Vi, Huỳnh Hữu Ủy, Huỳnh Kim Quang, Huỳnh Trung Chánh, Tỳ Kheo Indacanda Trương Đình Dũng, Thích Khánh Hỷ, Không Tuệ, Kiêm Đạt, Thích Kim Triệu, Kiệt Tấn, Lại Như Bằng, Lam Nguyên, Lâm Bích Nhi, Lâm Như Tạng, Lê Công Đa, Lê Giang Trần, Lê Mộng Nguyên, Lê Thái Ất, Lê Trọng Văn, Liên Hoa Lê Bảo Kỳ, Linh Thoại Ngọc Nguyễn, Linh Thụy, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Lưu Văn Vịnh, Lý Đại Nguyên, Lý Khôi Việt, Lý Thừa Nghiệp, Mạc Phương Đình, Mai Ca, Mai Thảo, Mạc Giang, Thích Mãn Giác, Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, Thích Minh Dung, Minh Dũng Phú Toàn Cương, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Giác Nguyễn Học Tài, Thích Minh Hiếu, Minh Tâm, Thích Nữ Minh Tâm, Minh Thiện-Diệu Xuân, Minh Thiện Trịnh Chính, Thích Minh Thông, Nghiêm Xuân Cường, Nghiêm Xuân Hồng, Ngọc Bích Diệu Liên, Ngọc Hoài Phương, Ngô Mạnh Thu, Ngô Nguyên Dũng, Ngô Văn Quy, Ngô Thiện Tăng Kiến Hoa, Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Thích Nguyên Hạnh, Nguyên Khang, Nguyên Phong, Thích Nguyên Siêu, Thích Nguyên Tạng, Tàng Mộng Tử, Thích Nguyên Văn, Nguyễn Duy Nhiên, Nguyễn Điều, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Đức Can,

Nguyễn Hữu Kiệt, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Phong Liên Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Thủy Phương, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Trần Ai, Nguyễn Tư Phương, Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Văn Hóa, Nhã Ca, Thích Nhất Chân, Thích Nhất Hạnh, Nhật Minh Liên Hoa, Nhiên An, Thích Nhuận Hùng, Thích Như Điển, Như Hạnh, Như Hùng, Phạm Công Thiện, Phạm Huê, Phạm Kim Khánh, Phạm Quốc Bảo, Phạm Thắng, Phạm Trọng Luật, Phạm Xuân Đài, Phan Bá Thục Dương, Phan Lạc Tiếp, Phan Mạnh Lương, Phan Ni Tấn, Thích Pháp Chánh, Thích Pháp Luân, Thích Phổ Huân, Phổ Nguyệt Huỳnh Tấn Ban, Phúc Trung, Thích Phụng Sơn, Thích Phước Nhơn, Phương Dung, Quán Như Phạm Văn Minh, Quảng Chơn Bùi Châu Thiên Hương, Quảng Diệu, Thích Quảng Thanh, Quỳnh My, Susanta Nguyễn, Tạ Văn Tài, Thích Tâm Châu, Tâm Diệu, Thích Tâm Hòa, Tâm Lạc Trần Quý Anh, Tâm Minh Ngô Tăng Giao, Tâm Minh Vương Thúc Nga, Thích Tâm Quang, Tâm Thái, Thích Tâm Thiện, Tâm Tràn Ngô Trọng Anh, Thái Kim Lan, Thái Tú Hạp, Thái Văn Kiềm, Thích Thắng Hoan, Thích Thanh Cát, Thanh Liên, Thanh Sơn, Thi Vũ Võ Văn Ái, Thích Thiên Ân, Thiện Anh Lạc, Thích Thiện Châu, Thích Thiện Hữu, Thiện Hỷ, Thích Thiện Nghi, Thiện Nhựt, Thiện Phúc, Thích Thiện Thanh, Thích Thiện Trì, Thiện Xuân Inna Malkhanova, Thoại Hoa, Thúc Trúc, Thủy Lâm Synh, Thích Thuyền Ân, Thích Tín Nghĩa, Tịnh Thủy, Thích Tịnh Từ, Trần Chung Ngọc, Trần Doãn Nho, Trần Đức Phi Bằng, Trần Hồng Châu, Trần Kiêm Đoàn, Trần Ngọc Ninh, Trần Nguyên Trung, Trần Quang Long, Trần Quang Thuận, Trần Quốc Bình, Trần Tiễn Huyến, Trần Trúc Lâm, Trần Trung Đạo, Trần Văn Kha, Trần Văn Khê, Trần Văn Lê, Trần Viết Đại Hưng, Thích Trí Chơn, Thích Trí Hoàng, Thích Trí Siêu, Triều Hoa Đại, Trịnh Nguyên Phước, Trịnh Xuân Thuận, Thích Trung Quán, Trường Đình, Tuệ Minh, Tuệ Nga, Túy Hồng, Từ Hoa, Từ Khoa, Từ Thám, Vân Nguyên, Vi Khuê, Viên Linh, Thích Viên Lý, Vĩnh Hảo, Võ Đình, Võ Phiến, Võ Tá Hân, Võ Huệ Nguyên...

Danh sách ở trên chắc chắn còn thiếu sót, rất mong chư tôn đức tăng, ni và quý văn thi hữu dành thời gian bổ khuyết và góp ý để tuyển tập được hoàn chỉnh: không thiếu những vị đã từng đóng góp cho văn học Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, và không lầm lẫn về những vị chưa từng sinh hoạt ngoài nước.

Những tài liệu mà Ban Biên Tập cần cho bộ VHPGVNHNSK gồm:

1. Một tấm hình 4 x 6 của tác giả, dịch giả,
2. Tiểu sử tác giả, dịch giả,
3. Danh mục các tác phẩm, dịch phẩm và những bài viết, bài thơ đã đăng trên các báo chí hoặc trang nhà điện toán toàn cầu Phật Giáo Việt Nam,
4. Hai (2) bài văn, hoặc năm (5) bài thơ,
5. Xin quý vị cung cấp cho, hoặc giới thiệu cho các thông tin về các báo chí, tạp chí, tập san và websites Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại từ trước đến nay.

Xin liên lạc về địa chỉ:

Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suru Khao

4333 30th Street

San Diego, CA 92104 - U.S.A.

Điện thoại: **(619) 283-7655**

Hoặc các địa chỉ Email sau đây:

- tnguyensieu@yahoo.com (Thích Nguyên Siêu)
- quangkimhuynh@juno.com (Huỳnh Kim Quang)
- vinhhao@vinhhao.net (Vĩnh Hảo)

Chân thành tri ân và kính chúc chư vị thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo,

Chủ Biên

Thích Nguyên Siêu

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (____), \$25 (____), \$50 (____), \$100 (____), \$200 (____).

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (____), Nửa năm (____), Một năm (____), Hai năm (____), Ba năm (____)

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán)

* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm: \$75 (____) | Hai năm: \$120 (____).

* *Tại Canada:* Một năm: \$90 (____) | Hai năm: \$160 (____). *(first class)*

* *Âu, Úc, Á:* Một năm: \$140 (____) | Hai năm: \$270 (____). *(first class)*

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$_____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 – USA

Email: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net

Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:

HAO VINH

Account #: 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 – USA